NHÂN HẠNH VÃNG SANH

Lý Giải Thọ Trì Danh Hiệu Phật A Di Đà
Cho Người Cư Sĩ Trong Thời Mạt Pháp

Phật lịch 2567

Trí Khiêm, biên soạn 2023

Hình ảnh, sưu tầm trên internet.

Nhất Tâm Đảnh Lễ

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật. Nam Mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật. Nam Mô Thập Phương Tam Thế Nhất Thiết Chư Phật. Nam Mô Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Nam Mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát. Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát. Nam Mô Đại Lực Đại Thế Chí Bồ Tát. Nam Mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát. Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát. Nam Mô Hộ Pháp Chư Tôn Bồ Tát.

MỤC LỤC

Nhất Tâm Đảnh Lễ 3

Tây Phương Tam Thánh 5

Vườn Cấp Cô Độc Rừng Thệ Đa 6

Lời Giới Thiệu 7

– Phần 1: Duyên Khởi 13

- Nguyện Ước 17

– Phần 2: Lý Giải Thọ Trì Danh Hiệu Phật 19

- Phần Tự 23
- Phần Chánh Tông 42
- Phần Lưu Thông 142

– Phần 3: Tóm Lược Yếu Chỉ Hành Trì 173

– Phần 4: Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ 185

– Phần 5: 48 Lời Nguyện Của Phật A Di Đà 201

– Phần 6: Đối Chiếu Bản Dịch Hán Việt 211

– Phần 7: Phát Nguyện Hồi Hướng 241

- Hồi Hướng Tam Bảo 242
- Quy Mạng Lễ 243
- Tịnh Tín 245
- Đức Hộ Pháp Vi Đà Bồ Tát 247
- Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang 248

Tây Phương Tam Thánh
Phật A Di Đà, Bồ Tát Quán Thế Âm,
Bồ Tát Đại Thế Chí

Vườn Cấp Cô Độc Rừng Thệ Đa
(Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên)
Nơi Đức Phật Thích Ca đã thuyết giảng Kinh A Di Đà

- *Chí tâm xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà, mỗi mỗi niệm tiêu trừ được trọng tội trong 80 ức kiếp sanh tử.*

Kinh Quán Vô Lượng Thọ

Lời Giới Thiệu
Sách "Nhân Hạnh Vãng Sanh"
của Trí Khiêm

Kể từ ngày 22 tháng 2 năm 1972 khi tôi xa quê Mẹ Việt Nam đến hôm nay ngày 14 tháng 4 năm 2023 là 51 năm và gần hai tháng như thế. Một thời gian khá lâu hơn nửa thế kỷ và hơn nửa đời người có mặt tại Nhật Bản và Đức Quốc cũng như các quốc gia khác tại Âu, Á, Mỹ, Úc, Phi châu. Tôi đã bay qua 5 đại lục như vậy không biết bao nhiêu lần, chắc cũng trên mấy triệu cây số đường bay của 79 nước trên thế giới nầy. Có nghĩa là một phần ba thế giới mà tôi đã đến, đã đi và đã lưu trú tại đó trong ít hay nhiều ngày tháng trong 75 năm (sinh 1949) của trần thế và năm thứ 60 (1964) kể từ khi xuất gia học đạo và hành đạo cho đến bây giờ. Nếu bảo rằng một tam thiên đại thiên thế giới của Phật Giáo thường hay nói trong kinh điển là một tỷ thế giới lớn nhỏ khác nhau, thì tôi đã có duyên với một phần rất nhỏ trong một tỷ thế giới ấy ở cõi Kham Nhẫn nầy. Không biết như vậy đã đủ thời gian để nhận định một vài sự việc trên cõi đời nầy chăng?

Người Việt Nam chúng ta ra đi trước hay sau năm 1975 đến các quốc gia Á, Âu, Mỹ, Úc, Phi Châu đều có nhiều lý do khác nhau như: du học, ngoại giao, tỵ nạn chính trị, kết hôn, đoàn tụ gia đình, con nuôi, nhân đạo v.v… tất cả và trên hết chúng ta đều có xuất phát từ quê Mẹ Việt Nam và suốt trong một thời gian dài của lịch sử mấy ngàn năm đó đã có rất nhiều chuyến hành trình mang lại vẻ vang cho nòi giống Việt. Họ là những kinh tế gia, chính trị gia, thể thao gia, tôn giáo gia, bình luận gia, khoa học gia v.v… tất cả chừng ấy phạm trù đã nối kết thành một con người Việt Nam vĩ đại ở Hải Ngoại dưới cái nhìn của người ngoại quốc, trong đó có tôi là một nhân chứng.

Về những phạm trù như kinh tế, giáo dục, khoa học, thể thao, chính trị v.v… hôm nay tôi không đề cập đến, mà chỉ muốn giới thiệu về lãnh vực Tôn Giáo; trong đó Phật Giáo đóng một vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của những người Phật Tử đang sống xa quê hương xứ sở và họ đã, đang cũng như sẽ hành trì các pháp môn như: Thiền, Niệm Phật, trì chú, bố thí, xây dựng, nghệ thuật v.v… trong đó có Đạo Hữu Trí Khiêm; người đang dạy học tại Anh Quốc trong 17 năm nay đã âm thầm soạn ra quyển sách "Nhân Hạnh Vãng Sanh" nầy là một thí dụ điển hình.

Khi nghiên cứu về Phật Pháp, ai trong chúng ta cũng đều chấp nhận rằng: các bộ Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tạp A Hàm, Tăng Nhất A Hàm và bộ Bản Duyên (Bản Sanh) của Đại Thừa Phật Giáo tương ưng với những bộ Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Tương Ưng Bộ Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh và Tiểu Bộ Kinh của Phật Giáo Nam Truyền. Khi nghiên cứu về các Đại Tạng chúng ta thấy đa phần các học giả Phật Giáo ngày nay đều lấy bộ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (Taisho Shinshu Daizokyo) làm bản gốc và 4 bộ A Hàm cùng bộ Bản Duyên in thành 4 tập, cho đến kinh văn thứ 219 là chấm dứt. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh do Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh chủ trương cho dịch ra toàn bộ A Hàm nầy thành 17 quyển và kinh văn cuối của A Hàm cũng thuộc kinh văn thứ 219.

Có nhiều học giả muốn chứng minh cho biết rằng: Trong 4 tập A Hàm và Bản Sanh đó, có khi nào Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cho Đại Chúng biết về Đức Phật A Di Đà không? Thì đây là câu trả lời. Quý Vị hãy lật quyển Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh tập thứ 10, bộ Bản Duyên thứ nhất, kinh văn số 154 - Phật Nói Kinh Sinh, quyển thứ 5, phần kinh thứ 55: Đức Phật Thuyết Giảng Về Kinh Thí Dụ từ trang 471 đến trang 474, chúng ta sẽ

thấy sự liên hệ giữa Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Đức Phật A Di Đà. Cũng trong tập thứ 10 nầy, kinh văn số 157, thuộc Kinh Bi Hoa quyển thứ 3 trang 794 Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có giới thiệu về cõi An Lạc và Đức Phật Vô Lượng Thọ (Bản chữ Hán thuộc quyển thứ 3, Bổn Duyên bộ thượng, thứ tự kinh văn số 154, Phật Nói Kinh Sinh gồm 5 quyển và thuộc về kinh thứ 55).

Kế tiếp quyển thứ 16 của Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh thuộc Bản Duyên bộ thứ 7, kinh văn số 206, thuộc Kinh Cựu Tạp Thí Dụ, quyển hạ, phần kinh thứ 60 trang 388 & 389 có so sánh về cảnh giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.

Nếu chúng ta rõ biết rằng ba kinh: A Di Đà, Vô Lượng Thọ và Quán Vô Lượng Thọ là ba bộ kinh căn bản của Tịnh Độ Tông do chính kim khẩu của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng thuyết và truyền đến Ngài Long Thọ ở thế kỷ thứ nhất, thứ hai và Ngài Thế Thân (316-396) là hai vị Đệ Nhất và Đệ Nhị Tổ Sư Tịnh Độ Tông người Ấn Độ, rồi truyền qua Trung Hoa cho Ngài Đàm Loan, Đạo Xước, Thiện Đạo. Đến Nhật Bản thì có Ngài Nguyên Tín, Nguyên Không (Pháp Nhiên) và Ngài Thân Loan. Tất cả những vị Tổ nầy đều lấy 3 kinh căn bản trên để lập Tông, lập Giáo và lập Hạnh.

Riêng Việt Nam chúng ta thì Ngài Đàm Hoằng (?-455) người có thể là đầu tiên tu theo Kinh Vô Lượng Thọ và Kinh Quán Vô Lượng Thọ ở chùa Tiên Sơn trên núi Tiên Du, Giao Chỉ. Cho đến thế kỷ thứ 19, 20 có Hòa Thượng Thiền Tâm, Hòa Thượng Trí Tịnh, Hòa Thượng Tâm Thanh v.v…

Nay có Đạo Hữu Trí Khiêm ở Anh Quốc đã dày công tra cứu, phiên dịch, chú nghĩa những bản kinh Tịnh Độ căn bản như lâu nay chúng ta vẫn thường hay hành trì; nhưng có điều Đạo Hữu

cũng rất khiêm nhường cho rằng: Đây là lời lý giải thọ trì danh hiệu Phật A Di Đà cho người Cư Sĩ tại gia trong thời mạt pháp. Nói và viết là như vậy; nhưng khi xem toàn bộ 248 trang của bảy phần như: 1) Duyên khởi; 2) Lý giải thọ trì danh hiệu Phật; 3) Tóm lược yếu chỉ hành trì; 4) Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ; 5) 48 lời nguyện của Đức Phật A Di Đà; 6) Đối chiếu bản dịch Hán Việt; và phần 7 là Phát nguyện hồi hướng. Sau khi xếp sách lại tôi nghĩ rằng bản văn nầy có lợi lạc cho tất cả giới xuất gia nữa; chứ không phải chỉ cho người tại gia.

Theo lịch sử truyền thừa kinh điển thì những kinh nào được dịch từ trước năm 645 (khi Ngài Huyền Trang sau 16 năm du hành và tu học tại Ấn Độ, gồm: 2 năm đi, 2 năm về và 12 năm tu học tại đó) gọi là cựu dịch, và kể từ năm 645 trở về sau, những kinh sách nào dịch từ Phạn ngữ sang Hán ngữ được gọi là tân dịch. Ví dụ trước năm 645 dịch là A Tố Lạc; nhưng sau năm 645 dịch là A Tu La; Thệ Đa có nghĩa là Kỳ Đà; Thất La Phiệt là Thành Xá Vệ; Bí Sô Tăng (Ni) là Tỳ Kheo Tăng (Ni); mạng mạng là cộng mạng v.v… do vậy khi đi vào lối giải thích của Tác Giả, bản văn nầy qua phần "Lý Giải Thọ Trì Danh Hiệu Phật" chúng ta sẽ thấy Tác Giả dùng loại phiên dịch xưa; nhưng cũng đã có chú âm ngày nay. Do vậy độc giả dễ nắm bắt phần phiên âm nầy.

Tác Giả cũng đã giải thích từng đoạn kinh văn theo sở tu, sở học của mình, và để cho mọi người dễ hiểu Tác Giả còn tóm lược qua đồ hình nhằm giúp người đọc có một khái niệm dễ dàng và cũng rất dễ nhớ là mình đã đọc qua đoạn kinh nào rồi. Điều đặc biệt mà lâu nay chúng ta chỉ nghe là Tín, Nguyện, Hạnh; nhưng nay thì Tác Giả thêm vào phần Tri nữa; nên trở thành 4 điều kiện căn bản để được vãng sanh; chứ không phải là 3 như lâu nay chúng ta thường hay nghe, biết đến. Ngoài ra 5 chữ Nhất mà Tác Giả đã dùng đó đây trong quyển sách nầy cũng rất đặc biệt. Đó

là: Nhất hạnh, Nhất danh, Nhất tâm, Nhất hướng, Nhất niệm cũng là một tư tưởng hay và cần thiết cho những ai đã một lòng muốn cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.

Đến hết trang 171 là hết phần giải thích về Kinh A Di Đà và từ trang 175 đến trang 183 là phần tóm lược yếu chỉ hành trì qua Kinh Niệm Phật Ba La Mật. Từ trang 187 đến trang 200 là Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ (phần nầy giống như Kinh Tiểu Bổn A Di Đà). Từ trang 203 đến trang 210 là 48 lời nguyện của Đức Phật A Di Đà. Phần thứ 6 tương đối đặc biệt là phần đối chiếu Hán Việt của Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ, và cuối cùng phần 7 từ trang 242 đến trang 243 và 245 là Phát nguyện hồi hướng, Quy mạng lễ và Tịnh Tín.

Đây là một công trình nghiên cứu tuyệt vời, chi tiết, rõ ràng, làm mới thêm và làm cho rõ ràng hơn đối với những người muốn thực hành Pháp Môn Tịnh Độ trong thời gian đầu của 10.000 năm mạt pháp mà người Cư Sĩ cũng như Tu Sĩ Phật Giáo chúng ta nên hành trì. Mặc dầu Tác Giả cũng cho biết rằng hay thực tập Thiền Minh Sát Tuệ (Vipassana); nhưng Pháp Môn Niệm Phật đối với Tác Giả là việc thọ trì rất tâm đắc, mong cầu giải thoát sanh tử của mình và cầu được vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc của Đức Từ Phụ A Di Đà.

Hôm nay sắc trời mùa Xuân của Âu Châu thanh bình, an lạc với hoa nở chim hót quanh vườn chùa, tôi xin trang trọng giới thiệu Tác Phẩm nầy đến với quý độc giả khắp nơi để nếu được thì xem qua và thực hành thì sẽ được muôn điều lợi lạc, khi câu Phật hiệu Nam Mô A Di Đà luôn ở bên cạnh chúng ta ngày đêm, kể cả khi đi, đứng, nằm, ngồi.

Viết xong vào lúc 12 giờ trưa ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại Phương Trượng Đường của Tổ Đình Viên Giác Hannover, Đức Quốc.

Thích Như Điển

Phần 1

Duyên Khởi

- *Người niệm Phật chỉ buộc tâm và ý vào danh hiệu Phật, chăm chú lắng nghe, mỗi câu rõ ràng, mỗi niệm phân minh. Quên cả thân, quên cả cảnh, quên cả cái ý thức tự biết Ta đang niệm Phật.*

Kinh Niệm Phật Ba La Mật

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam Mô A Di Đà Phật

Nhân có chút ít may mắn, tôi tìm đến với đạo và nghiên cứu nhiều về thiền Tứ Niệm Xứ, tìm học về Tịnh Độ.

Nghiệm thấy sự thù thắng và mầu nhiệm của pháp môn Niệm Phật, nên viết lời lý giải thọ trì danh hiệu A Di Đà, chủ yếu làm phương án tu học cho bản thân nương vào, soi sáng niềm tin cho chính mình để vững bước theo đường đạo.

Đây là việc tìm học, chắc chắn có nhiều sơ sót về biện giải và chú nghĩa. Rất mong chư Tăng Ni, Thiện Tri Thức, từ bi thương cảm mà góp ý đưa vào chánh lý.

Tỷ như bản lý giải nầy có vài lợi ích nhỏ, dẫu duy nhất một người hữu duyên học hiểu, tin nhận, phát nguyện, chấp trì. Thì nếu có công đức gì, xin chân thành hồi hướng về Cực Lạc và Tam Bảo ở các cõi, cho cha mẹ 7 đời của mình và của người, cho anh em chúng sanh trong 7 kiếp, cho tất cả muôn loài hữu thể và vô thể, tất cả đều sẽ được sanh về cõi rất sáng của Niết Bàn Tịnh Độ.

Nguyện xin giữ mãi niềm tin Cực Lạc và danh hiệu Phật A Di Đà trong tim, trong tâm, vì mình, vì người, vì tất cả mọi loài, cùng nương nhờ sự hộ trì nhiếp thọ của tất cả chư Phật mười phương, trọn kiếp đời nầy và 10.000 năm nhiễu nhương mạt pháp ngày sau. Con xin quy mạng lễ, chân thiết phát nguyện sanh về miền an dưỡng Cực Lạc Tây Phương. Nam Mô Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật.

Trí Khiêm

Trước khi sinh ra, chúng ta đã từ đâu đến,

và sau khi chết, chúng ta sẽ về đâu

?

Nguyện Ước

Con xin quy giới nương về Tịnh Độ
Chấp trì danh hiệu Phật A Di Đà
Dẫu cho chướng duyên chập chùng giăng bủa
Dẫu cho não phiền sầu ưu tiếc nuối
Dẫu cho khốn nghèo nhọc nhằn năm tháng
Vẫn A Di Đà buộc trên ý niệm
Vẫn A Di Đà vượt phá vô minh
Vẫn A Di Đà giữ vững niềm tin
Cực Lạc Tây Phương, con nguyện sanh về

Nam Mô A Di Đà Phật
Nam Mô A Di Đà Phật
Nam Mô A Di Đà Phật

Con xin quy giới nương về Tịnh Độ
Chấp trì danh hiệu Phật A Di Đà
Dẫu cho vô thường ốm đau tật bệnh
Dẫu cho hơi thở tàn suy hấp hối
Dẫu cho xác thân chiều nay xả bỏ

Vẫn A Di Đà buộc trên ý niệm

Vẫn A Di Đà vượt phá vô minh

Vẫn A Di Đà giữ vững niềm tin

Cực Lạc Tây Phương, con nguyện sanh về

Nam Mô A Di Đà Phật

Nam Mô A Di Đà Phật

Nam Mô A Di Đà Phật

□□□□

Phần 2

Lý Giải Thọ Trì Danh Hiệu Phật

- *Danh hiệu Phật như hóa thân Phật bất tư nghì, vì luôn hiện thân Phật ngay nơi thân và tâm của người xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật.*

Kinh Niệm Phật Ba La Mật

LÝ GIẢI THỌ TRÌ DANH HIỆU PHẬT

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam Mô A Di Đà Phật

Kinh tiểu bổn A Di Đà, còn được biết đến là *"Kinh khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật hộ niệm"*, tức là *"Kinh pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ"*, ý lời rất sâu xa diệu nghĩa, do Đức Phật Thích Ca giảng nói tại vườn Cấp Cô Độc trong rừng Thệ Đa (còn gọi là Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên), khai thị về pháp môn Niệm Phật. Đại bổn Kinh A Di Đà là Vô Lượng Thọ Kinh, với 48 lời nguyện của Đức Phật A Di Đà.

Bản tiểu bổn, Phật thuyết A Di Đà Kinh, đời Hậu Tần (383-416), Ngài Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập (Kumarajiva 344-413) phụng chiếu của vua Dao Hưng, dịch từ Phạn ngữ ra Hán văn vào năm 402 tại chùa Thảo Đường ở xứ Trung Quốc thời đó. Pháp Sư Cưu Ma La Thập, tức là Ngài Đồng Thọ, gốc người xứ Thiên Trúc (Ấn Độ), sinh tại Quy Từ (nay gọi là Tân Cương), là vị Pháp Sư đã phiên dịch trên 380 quyển kinh Phật từ tiếng Phạn ra tiếng Hán. Đồng Thọ, có nghĩa là vị đồng tử tuy còn nhỏ tuổi mà trí tuệ rất thâm sâu. Ngài Cưu Ma La Thập thị tịch năm 413, thọ 69 tuổi.

Đời Đường (618-906), Ngài Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang phụng mệnh vua Đường Thái Tông, sang Thiên Trúc (Ấn Độ), đi qua hơn 110 quốc gia, vượt trên 25.000 cây số, hành trình trên 16 năm, thỉnh được 657 bộ kinh tiếng Phạn. Ngài dịch quyển Kinh A Di Đà sang tiếng Hán vào năm 650 tại chùa Đại Từ Ân

(Trung Quốc). Pháp Sư Huyền Trang (Xuanzang 602-664), tục danh là Trần Huy, người Lạc Châu (nay là tỉnh Hà Nam), thường được biết đến với tên gọi là Đường Tăng, hoặc Đường Tam Tạng, là một vị cao tăng có trí tuệ siêu đẳng và học thức vô cùng uyên bác. Ngài được nhiều người biết đến qua bộ phim Tây Du Ký. Pháp Sư Huyền Trang xuất gia lúc 13 tuổi, thị tịch năm 664 tại chùa Ngọc Hoa, hưởng thọ 62 tuổi. Bức tượng Ngài Huyền Trang bằng đồng đen đã được dựng lên ở phía trước tháp Đại Nhạn (còn gọi là tháp Đại Yến) thuộc thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây. Lời lý giải thọ trì danh hiệu Phật A Di Đà cho người Cư sĩ ở đây được biên soạn dựa trên bản dịch chữ Hán của Ngài Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang.

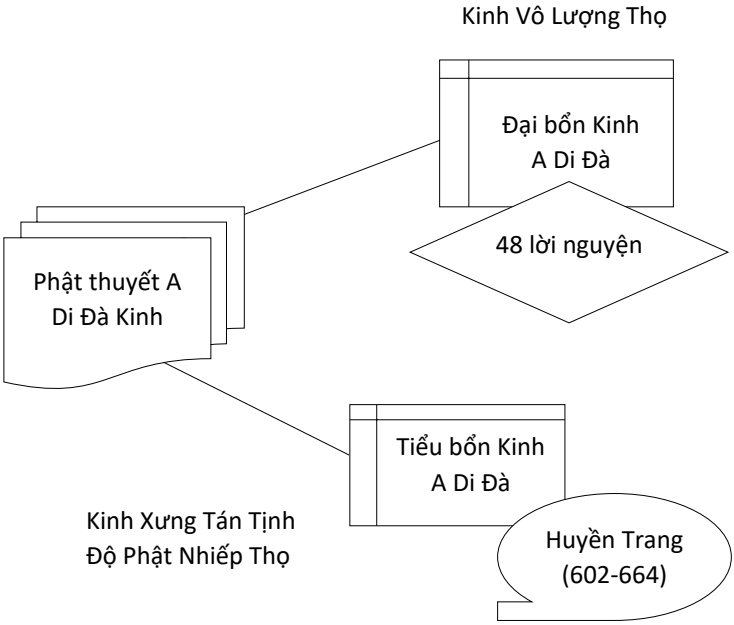

Phật thuyết A Di Đà Kinh

Tiểu bổn Kinh A Di Đà và Đại bổn Kinh A Di Đà

PHẦN TỰ

Phật nói về thế giới Cực Lạc ở phương Tây.

Lời mở đầu của bản kinh như sau:

CÂU HỘI TẠI VƯỜN CẤP CÔ ĐỘC RỪNG THỆ ĐA

KINH: *Tôi nghe như vầy. Một thuở nọ, Đức Bạc Già Phạm ở vườn Cấp Cô Độc trong rừng Thệ Đa nơi thành Thất La Phiệt, cùng với chúng đại Bí sô một ngàn hai trăm năm mươi vị tụ hội. Tất cả là bậc Thanh Văn tôn túc, là bậc đại A La Hán mà mọi người đều biết. Tên các vị là Tôn giả Xá Lợi Tử, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, A Nê Luật Đà. Các vị đại Thanh Văn như thế làm Thượng Thủ.*

Lý Giải:

Tôi nghe như vầy (Như thị ngã văn) là chính Ngài A Nan Đà đã nghe và thuật lại đúng y như vậy những lời của Đức Bạc Già Phạm nói (Bhagavat, tức là Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật - Người đã chiến thắng sự chế ngự của bản ngã).

A Nan Đà, gọi tắt là A Nan, có nghĩa là Khánh Hỷ, con của vua Hộc Phạn. A Nan là thị giả (người hầu cận) của Đức Phật Thích Ca lúc còn tại thế. Ngài là người đa văn đệ nhất trong hàng Thanh Văn đại đệ tử của Phật, có biệt tài về chữ nghĩa và trí nhớ siêu phàm. Tất cả kinh Phật đều là do Ngài A Nan ghi nhớ và thuật lại.

Thệ Đa còn phiên âm là Kỳ Đà. Vườn Cấp Cô Độc trong rừng Thệ Đa, tức là vườn Cấp Cô Độc trong rừng Kỳ Đà. Trưởng giả Cấp Cô Độc (người giúp đỡ kẻ cô thân nghèo khốn) là ông Tu Đạt Đa, rất giàu có và nhân hậu, đã dùng vàng trải trên mặt đất để mua mảnh vườn của Thái tử Thệ Đa, làm Tịnh Xá cho Phật

và Tăng chúng. Thái tử Thệ Đa là con của vua Ba Tư Nặc. Những rừng cây trong vườn Cấp Cô Độc là của Thái tử Thệ Đa cúng dường cho Đức Phật. Vì thế, khu vườn nầy còn được gọi là Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên (cây của ông Kỳ Đà và vườn của ông Cấp Cô Độc), còn gọi là Kỳ Viên Tịnh Xá Jetavana.

Thất La Phiệt, tức là Xá Vệ (tiếng Phạn: Sravasti, tiếng Pali: Savatthi), là kinh đô nước Kosala của vua Ba Tư Nặc ở xứ Ấn Độ thời đó, nằm ở giữa của 3 nơi giáp quanh là sông Hằng, dãy núi tuyết Hy Mã Lạp Sơn (biên giới Nepal) và vườn Lâm Tỳ Ni (gần thành Ca Tỳ La Vệ, nơi Phật đản sanh).

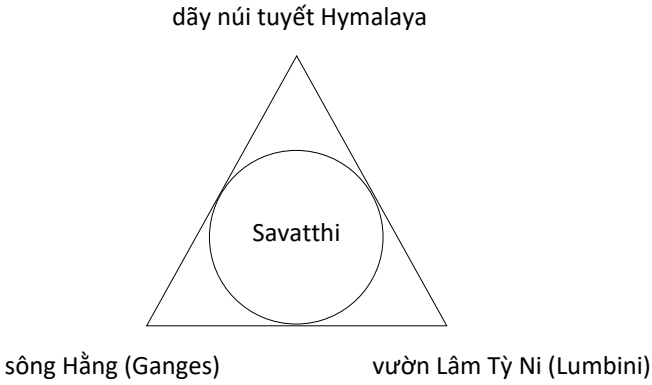

Savatthi (Sravasti)
kinh đô nước Kosala của vua Ba Tư Nặc

Bí sô, tức là Tỳ Kheo (có 3 nghĩa: Khất sĩ, Phá ác, Bố ma) là các vị thầy tu xuất gia, thọ 250 giới cụ túc của Phật (người nữ xuất gia, gọi là Tỳ Kheo ni hoặc Bí sô ni). Giới cụ túc, có nghĩa là giới luật đầy đủ, mẫu mực, của một người xuất gia để bước lên bậc cao thượng. Khất sĩ là người tìm cầu pháp giải thoát của Phật và sống bằng lòng nhân hậu của thí chủ cúng dường. Phá ác là

phá trừ mọi phiền não và ngã chấp. Bố ma là khiến các loài quỷ ma phải khiếp sợ.

Các vị đại Bí sô đến dự pháp hội đều là những bậc đã chứng đắc quả vị A La Hán. A La Hán (có 3 nghĩa: Ứng cúng, Sát tặc, Vô sanh) là người đã đạt được sự giải thoát và đoạn dứt tất cả mọi phiền não. A La Hán là quả vị cao nhất trong bốn quả Thanh Văn, là bậc Thánh, đã chứng đắc Viên Mãn Tuệ, còn gọi là Bất Sinh. Ứng cúng là xứng đáng được mọi người cúng dường. Sát tặc là diệt trừ tất cả giặc phiền não. Vô sanh là không còn trong vòng sanh tử.

Những vị đại Bí sô có đạo hạnh cao, xuất gia lâu năm, lớn tuổi, có tài biện luận và lý giải, được mọi người tôn quý và kính ngưỡng, gọi là Trưởng lão (người lớn tuổi) hoặc Tôn giả (người xứng đáng được tôn kính).

Các Ngài Xá Lợi Tử, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, A Nê Luật Đà đều là những vị Trưởng lão mà mọi người quen biết và tôn kính. Các Ngài là những đại Thanh Văn rất thường đi theo và gần gũi Đức Phật.

Những vị đại Thanh Văn như thế đã đến tham dự pháp hội và nhiều vị đại đệ tử khác cũng cùng đến câu hội, tất cả là 1.250 vị. Câu hội là cùng đến tụ hội ở một nơi để tham dự pháp lễ.

Trong số 1.250 vị đại Bí sô đến câu hội (1.000 vị là các đệ tử của 3 anh em Ngài Ca Diếp, 200 vị là các đệ tử của 2 Ngài Xá Lợi Tử và Mục Kiền Liên, 50 vị là các đệ tử của Ngài Da Xá Tử) có 4 vị đại Trưởng lão đã được nêu tên, làm chứng tín cho lời thuật lại của Ngài A Nan trong bản Kinh A Di Đà:

- Xá Lợi Tử (tức là Xá Lợi Phất), còn gọi là Thu Lộ Tử (con của bà Thu Lộ). Ngài Xá Lợi Tử là người có trí tuệ cao siêu

đệ nhất trong hàng Thanh Văn đại đệ tử của Phật, có tài diễn thuyết và nghị luận.

- Ma Ha Mục Kiền Liên (Đại Mục Kiền Liên, con của bà Thanh Đề) là bạn thân của Ngài Xá Lợi Tử, là người có thần thông đệ nhất trong hàng Thanh Văn đại đệ tử của Phật.
- Ma Ha Ca Diếp (Đại Ca Diếp), có nghĩa là Ấm Quang (vì thân sắc của Ngài luôn tỏa ra ánh sáng chói ngời), là người tu khổ hạnh đệ nhất (hạnh đầu đà) trong hàng Thanh Văn đại đệ tử của Phật và là người đã được Phật Thích Ca trao cho y bát (áo cà sa và bình bát đựng thức ăn).
- A Nê Luật Đà, tức là Ngài A Nậu Lầu Đà (còn gọi là A Na Luật) là người khất sĩ mù (vì tinh tấn tu tập suốt 7 ngày đêm không ngủ nghỉ). Sau khi chứng đạo, Ngài là người có Thiên nhãn thông đệ nhất trong số các hàng Thanh Văn đại đệ tử của Phật.

KINH: *Lại cùng với vô số các vị đại Bồ Tát tụ hội, tất cả đều an trú nơi quả vị Bất Thoái Chuyển, công đức vô lượng trang nghiêm. Tên các vị là Bồ Tát Diệu Cát Tường, Bồ Tát Vô Năng Thắng, Bồ Tát Thường Tinh Tấn, Bồ Tát Bất Hưu Tức. Các vị đại Bồ Tát như thế làm Thượng Thủ. Lại có Đế Thích, Đại Phạm Thiên Vương chủ tể của thế giới Kham Nhẫn, Tứ Thiên Vương hộ trì thế gian, các vị Thượng Thủ như vậy. Cùng với trăm ngàn ức vô số các Thiên tử và vô lượng chư Thiên, Người, A Tố Lạc ở thế gian, vì muốn nghe pháp nên cùng đến tham dự pháp hội.*

Lý Giải:

Trong số chư vị Bồ Tát đến câu hội có 4 vị đại Bồ Tát đã được nêu tên, làm chứng tín cho lời thuật lại của Ngài A Nan trong bản Kinh A Di Đà. Đó là các Ngài Bồ Tát Diệu Cát Tường, Bồ

Tát Vô Năng Thắng, Bồ Tát Thường Tinh Tấn, Bồ Tát Bất Hưu Tức. Những vị đại Bồ Tát như thế đã đến tham dự pháp hội và nhiều vị đại Bồ Tát khác cũng cùng đến câu hội.

- Bồ Tát Diệu Cát Tường, tức là Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, là người đứng đầu trong hàng Bồ Tát của Phật, là vị đại Bồ Tát có trí tuệ bất khả tư nghì, nên được đại chúng tôn xưng là bậc Diệu Đức. Thời Phật còn tại thế, Ngài đang tu hành hướng về Phật quả viên mãn và sẽ thành Phật sau Đức Thế Tôn, vì vậy Ngài được gọi là Pháp Vương Tử (con của vua pháp). Tiền thân, Ngài là người con thứ 3 của vua Vô Tránh Niệm (tức là Đức Phật A Di Đà trước khi xuất gia).
- Bồ Tát Vô Năng Thắng, còn gọi là A Dật Đa Bồ Tát, tức là Đức Di Lặc Bồ Tát (tiếng Hán là Từ Thị), là vị đại Bồ Tát thuộc hàng Nhất Sanh Sở Hệ của Phật, phát tín tâm nơi pháp môn Tịnh Độ. Ngài hiện đang thuyết pháp ở cung Trời Đâu Suất, tương lai hạ sanh vào thế giới ta bà và sẽ thành Phật tại hội Long Hoa. Tiền thân, Đức Di Lặc là đệ tử của Ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử.
- Bồ Tát Thường Tinh Tấn là vị đại Bồ Tát thường luôn kiên trì tu tập hạnh tự lợi và lợi tha, giáo hóa và cứu độ chúng sanh không bao giờ chán mỏi.
- Bồ Tát Bất Hưu Tức, tức là Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, là vị đại Bồ Tát phát nguyện tu tập rất tinh tấn, đã trải qua bao nhiêu số kiếp mà vẫn không ngừng nghỉ tu tập.

Nhất Sanh Sở Hệ, còn gọi là Nhất Sanh Bổ Xứ, là giai vị tối cao của Bồ Tát chỉ còn một đời nữa là thành Phật, có nghĩa là một đời hiện tại, khi được vãng sanh cõi Cực Lạc, tinh tấn tu trì, sẽ chứng đắc đạo quả và thành Phật.

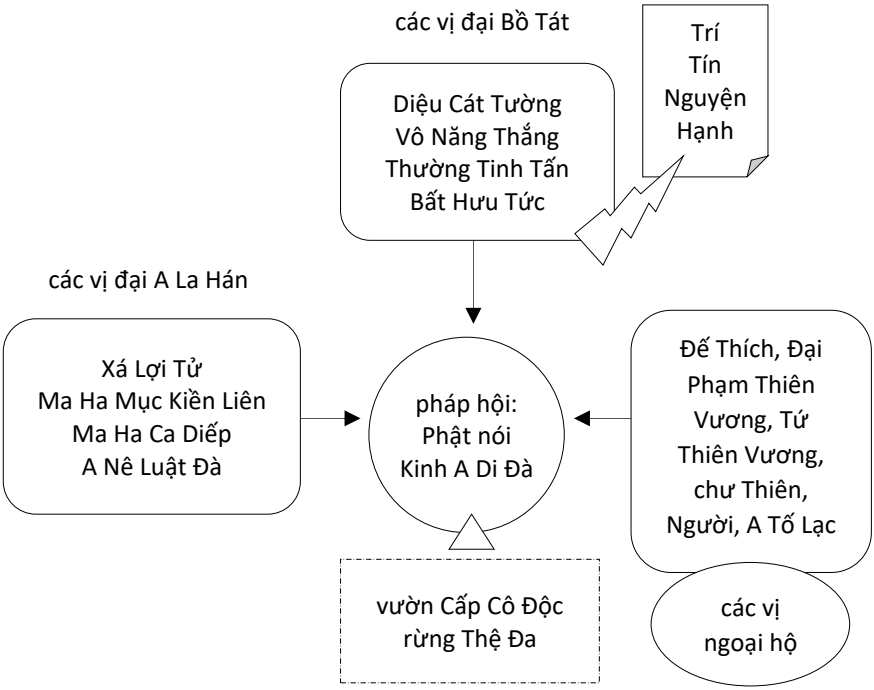

Phật nói Kinh A Di Đà
tất cả đại chúng cùng đến tham dự pháp hội

Bốn vị Bồ Tát Ma Ha Tát là những bậc mô phạm, đầy đủ các công đức trí tuệ, tín tâm và nguyện hạnh, đại diện cho chánh pháp đại thừa của Phật, biểu trưng cho 4 Thánh Đức: Trí Tín Nguyện Hạnh.

- Bồ Tát Diệu Cát Tường, biểu trưng cho Trí.
- Bồ Tát Vô Năng Thắng, biểu trưng cho Tín.
- Bồ Tát Bất Hưu Tức, biểu trưng cho Nguyện.
- Bồ Tát Thường Tinh Tấn, biểu trưng cho Hạnh.

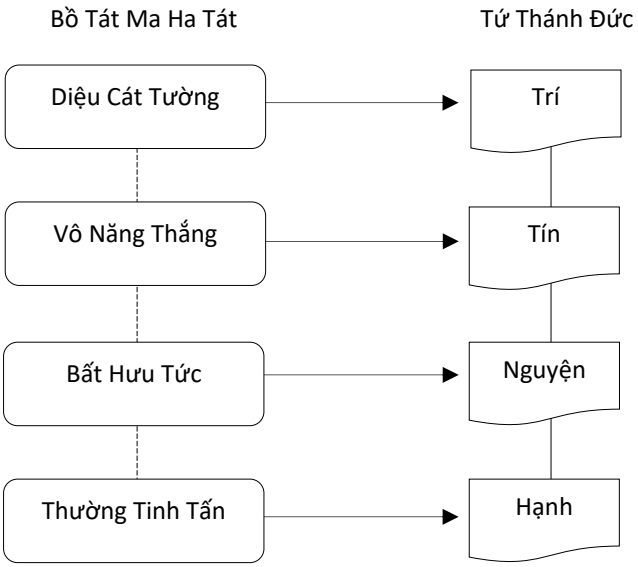

bốn vị đại Bồ Tát
biểu trưng cho 4 Thánh Đức: Trí Tín Nguyện Hạnh

Lại có Ngài Đế Thích (còn gọi là Thích Đề Hoàn Nhân), là vị vua ở cung Trời Đao Lợi trên đỉnh núi Tu Di, chủ tể của 33 cõi Thiên, cùng với Đại Phạm Thiên Vương chủ tể của thế giới Kham Nhẫn (tức là thế giới ta bà mà chúng ta đang sinh sống), và vô lượng vô số các vị Thần, chư Thiên, các loài Rồng, các vị A Tố Lạc (còn gọi là A Tu La), các vị Trưởng giả, các vị Cư sĩ cùng gia đình quyến thuộc, tất cả đại chúng đều đến tham dự pháp hội.

Tu Di, còn gọi là Tu Mê Lô (Sumeru), ngọn núi lớn nhất thế giới (Tu Di Sơn Vương), cao 84.000 do tuần, bằng 4 chất báu sáng ngời là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, ở trung tâm điểm của vũ trụ, là trú xứ của chư Thiên. Trên đỉnh núi là cõi Đao Lợi của vua Đế

Thích, ở giữa lưng chừng núi là 4 cõi Trời của Tứ Thiên Vương (mỗi vị ở mỗi phương: Đông, Nam, Tây, Bắc), các cõi nầy nương theo ánh sáng của mặt trời. Từ đỉnh núi lên cao hơn nữa là 28 cõi Trời khác nương theo mây, có ánh sáng riêng ở mỗi cõi. Tổng cộng tất cả là 33 cõi. Theo các sách Phật học tự điển, do tuần (tiếng Phạn: Yojana), số dặm của Ấn Độ, có rất nhiều hạng: 40 dặm, 60 dặm, 80 dặm.

THẾ NÀO LÀ TRI TÍN NGUYỆN HẠNH?

Tri Tín Nguyện Hạnh được xem là 4 món lương thảo, còn gọi là Tứ Tư Lương: *"hiểu sâu, tin chắc, nguyện thiết, hành chuyên"*, rất cần thiết cho người niệm Phật để dựa theo đó làm phương hướng tu hành trong thời mạt pháp 10.000 năm. Mỗi món đều cần nhau, nương vào nhau, không thể thiếu bất cứ một món nào. Nếu không hiểu sâu thì tin sẽ không chắc. Nếu tin không chắc thì nguyện sẽ không thiết tha. Nguyện không thiết tha, vì niềm tin không chắc, thì làm sao có thể hành cho chuyên. Vì vậy mà nói, tất cả đều là những lương thảo rất cần thiết, làm hành trang 6 thời cho người tìm học và tu trì theo pháp môn Niệm Phật Tam Muội (2 chữ lương thảo, có nghĩa là thóc gạo cho người và cỏ rơm cho ngựa).

- Tri là hiểu sâu. Tìm học để thấu suốt diệu nghĩa của chánh pháp. Khi hiểu sâu thì TRI (cái biết, cái hiểu của Tri Thức) sẽ chuyển thành TRÍ, tức là Văn Huệ và Tư Huệ, là trí tuệ đạt được do sự lắng nghe, tìm học, suy luận, trực nghiệm về những nghĩa lý nhiệm mầu trong kinh điển. Nếu không có nhiều thời gian để nghiên cứu về Phật pháp, thì chỉ cần học hiểu cho rốt ráo mọi nghĩa lý sâu kín của bản Kinh A Di Đà, rồi theo đó mà thọ trì, thì cũng là đầy đủ. Nếu có thời gian, nên thường đọc Kinh A Di Đà, mỗi ngày một lần, mỗi lần đọc sẽ hiểu thêm một chút sâu xa hơn, cho niềm tin được

vững chắc, để thọ trì đúng pháp, cảm ứng sự diệu mầu thâm ảo trong lời Phật dạy (tức là Tu Huệ).

- Tín là tin chắc. Tin vào lời của Phật Thích Ca, tin vào lý nhân quả, tin vào luật luân hồi và nghiệp báo, tin thật có thế giới Cực Lạc ở phương Tây, tin có cõi Tịnh Độ ở trong tâm mình, tin vào 48 lời nguyện của Đức Phật A Di Đà, tin vào tha lực hộ trì của tất cả chư Phật mười phương, tự tin chính mình cũng có khả năng thành Phật.
- Nguyện là nguyện thiết. Tha thiết cầu vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc, tu tạo công đức và đạo hạnh để sớm đạt thành Phật quả, giải thoát chính mình và cứu độ chúng sanh.
- Hạnh là hành chuyên, trên cả 2 mặt Tịnh nghiệp (chánh hạnh) và Thiện nghiệp (trợ hạnh). Có nghĩa là tinh tấn trì niệm danh hiệu A Di Đà để chuyên nhất tâm tưởng. Dùng câu Phật hiệu A Di Đà để diệt trừ mọi tà ý si mê, sân niệm, đắm tham sanh khởi. Tâm tưởng ngày đêm hướng về các cõi lành và các điều lành, hồi hướng công đức về Cực Lạc và thế giới chúng sanh muôn loài. Nỗ lực gieo trồng những nghiệp lành, nắm giữ các thiện pháp, tránh làm những điều ác, thực hành các hạnh từ bi, bố thí, nhẫn nhục và tha thứ. Thường xuyên sám hối tu sửa tâm tánh, không hại người và vật, không báo thù người, nghiêm giữ giới luật.

Bốn món Tư Lương (Tri Tín Nguyện Hạnh) là hành trang tu đạo trong thời mạt pháp 10.000 năm mà người niệm Phật phải nắm chặt lấy, đó là nhân của 4 Thánh Đức (Trí Tín Nguyện Hạnh). Hãy giúp đỡ và hỗ trợ lẫn nhau, cùng tiến tu đến quả vị cứu cánh Niết Bàn ngay trong kiếp nầy.

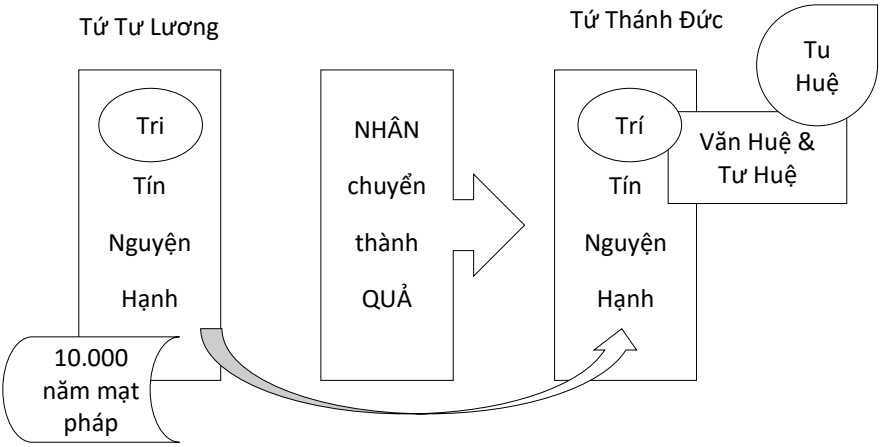

Tư Lương & Thánh Đức
hành trang tu đạo của người niệm Phật 10.000 năm mạt pháp

Chúng ta hãy cùng nhau cố gắng, ráng làm cho xong trong một đời. Hãy tinh tấn tu trì, với niềm tin thật vững chắc. Tin ở khả năng tự lực của chính mình, tin ở sức mạnh hộ trì nhiếp thọ của chư Phật mười phương. Người niệm Phật phải thiết tha một lòng hướng nguyện sanh về cõi nước Phật A Di Đà. Đức Thế Tôn dạy, niềm tin ở chánh pháp là cửa vào của pháp môn Niệm Phật Tam Muội, người niệm Phật nhất định sẽ thành Phật.

Người tu trì theo pháp môn Niệm Phật phải phát tâm Bồ Đề Vô Thượng, tu tập Giới Niệm Định Huệ, ngày đêm 6 thời thành kính thọ trì danh hiệu Phật A Di Đà. Phát tâm Bồ Đề Vô Thượng là tìm cầu giải thoát để thành Phật, tu tập theo hạnh của Phật và chư đại Bồ Tát, độ mình độ người.

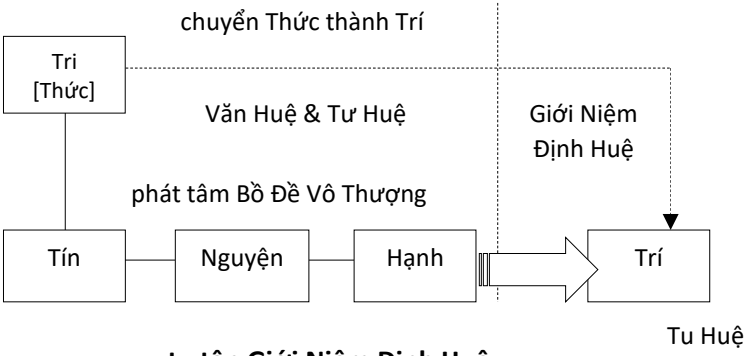

tu tập Giới Niệm Định Huệ
người niệm Phật phải phát tâm Bồ Đề Vô Thượng

THẾ NÀO LÀ NHÂN QUẢ?

Nhân Quả là nguyên nhân và kết quả. Hễ gieo nhân nào thì gặp quả đó. Nếu không có nhân thì không có quả. Trồng nhân tốt thì được quả tốt. Trồng nhân xấu thì bị quả xấu. Làm việc thiện thì được quả thiện. Làm việc ác thì bị quả ác. Sự chuyển tiếp từ Nhân để trở thành Quả là do bởi các trợ duyên. Nhân và Quả tiếp nối với nhau và tương quan vào nhau, trong nhân có quả, trong quả có nhân, có nhân mới thì sẽ có quả mới, có quả mới thì sẽ có nhân mới. Đó là chân lý bất biến của vũ trụ vạn thể.

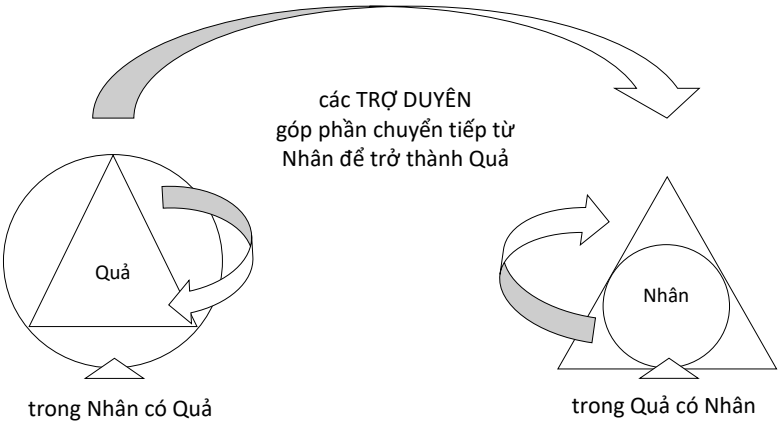

định luật Nhân Quả
chi phối trên vạn thể trong vũ trụ

THẾ NÀO LÀ LUÂN HỒI?

Luân Hồi là bánh xe quay vòng và liên tục, tác động trên mọi người và mọi loài, dựa trên lý Nhân Quả mà chuyển tiếp, từ Nhân thành ra Quả, từ Quả thành ra Nhân, du hành liên tục qua 6 cõi: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, A Tố Lạc, Người, Trời (gọi là Lục Đạo).

Ngạ quỷ là loài quỷ đói vì cổ họng chỉ nhỏ bằng ống kim nên không thể ăn được nhiều. A Tố Lạc còn gọi là A Tu La, là loại thần Phi Thiên, tánh khí rất nóng nảy và hung bạo, sống ở cõi Người và cõi Trời.

Theo định luật Luân Hồi, khi chết đi không có nghĩa là đã đoạn diệt mất hẳn tất cả (đó là lối chấp đoạn), cũng không có nghĩa là linh hồn vẫn thường còn để đầu thai trở lại làm người (đó là lối chấp thường), mà là chúng nhận chịu sự chi phối trên lý Nhân

Quả và luật Nghiệp Báo để chuyển tiếp đến một trong 6 cõi luân hồi (Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, A Tố Lạc, Người, Trời).

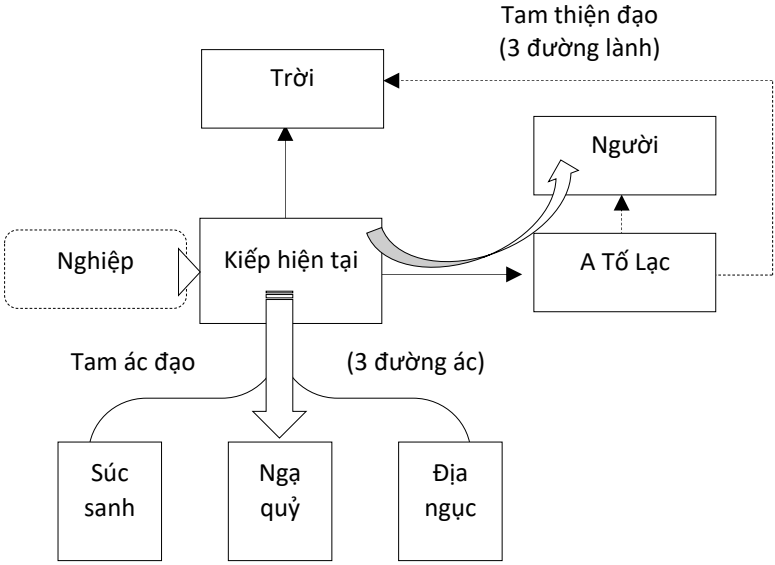

Lục Đạo
6 cõi luân hồi sanh tử ta bà

Nếu khi sống, mình gieo nhân tốt, nghiệp tốt, thì khi chết sẽ được chuyển đến cảnh giới tốt, thân tốt. Nếu khi sống, mình gieo nhân xấu, nghiệp xấu, thì khi chết sẽ bị chuyển đến cảnh giới xấu, thân xấu. Đó là định luật chuyển tiếp quay vòng của tất cả vạn vật nhân sinh nơi cõi thế gian ta bà.

Muốn thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi trong 6 cõi và đạt đến cảnh giới an vui vĩnh hằng thì bản thân phải tu đạo giải thoát, phải gieo nhân giải thoát, phải hành theo các pháp lành, ngay trong kiếp sống hiện tại nầy.

Con đường đưa đến sự giải thoát nhiệm mầu mà Đức Phật Thích Ca đã trao dạy suốt 25 thế kỷ qua, là pháp môn Niệm Phật Tam Muội, tức là thọ trì danh hiệu Phật để chuyên nhất tâm tưởng, tu tạo công đức tín tâm và đạo hạnh, phát nguyện sanh về cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.

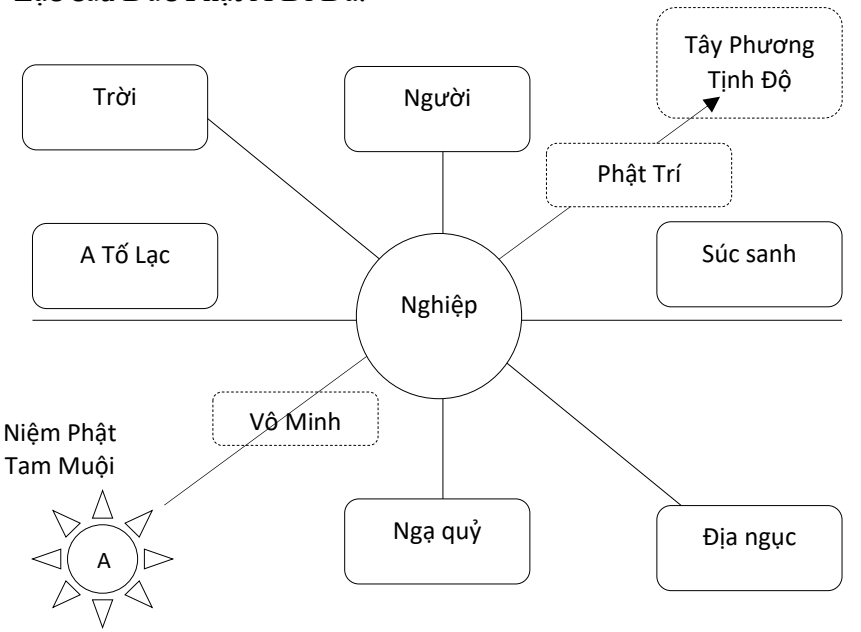

Lục Đạo luân hồi sanh tử
và pháp môn Niệm Phật Tam Muội diệt trừ Vô Minh

THẾ NÀO LÀ NGHIỆP BÁO?

Nghiệp là hành động có tác ý, nghĩa là có ý muốn làm như vậy. Những hành động có sự chỉ đạo của tâm thức thì sẽ tạo Nghiệp. Những hành động vô ý mà làm thì không tạo Nghiệp. Nghiệp được tạo ra từ những biểu hiện qua hành động (gọi là thân nghiệp), qua lời nói (gọi là khẩu nghiệp), qua ý nghĩ (gọi là ý nghiệp).

Những ác nghiệp tạo ra trong ý mà nếu được ngăn lại, sám hối, tẩy trừ, đoạn diệt, thì tâm sẽ trở lại trong sạch và không gây tạo ra Nghiệp. Nhưng nếu tà ý đó được thể hiện qua lời nói, hành động, thì sẽ tạo ra Nghiệp. Một hành động xấu thì tạo ra một thân nghiệp xấu. Một lời nói ác thì tạo ra một khẩu nghiệp ác. Một ý tưởng tà bậy thì tạo ra một ý nghiệp xấu. Nghiệp tốt thì sẽ thành Quả tốt. Nghiệp xấu thì sẽ thành Quả xấu. Đó gọi là Nghiệp Báo, dựa trên định luật Nhân Quả.

Sự báo ứng của Nghiệp (gọi là Nghiệp Báo) sẽ ngay trong kiếp sống hiện tại nầy (gọi là Hiện nghiệp), hoặc có thể sẽ là ở kiếp sau, hoặc những kiếp mai sau nào đó, tùy theo cái sức của Nghiệp đó nặng hoặc nhẹ, tùy theo cái phước đã được tích lũy từ nhiều kiếp trước của người đã gây ra Nghiệp, mà việc trả Nghiệp sẽ đến nhanh hoặc chậm (gọi là Hậu nghiệp).

Có 2 thứ Nghiệp Báo:

- Biệt nghiệp: Nghiệp do riêng mình tạo ra và chỉ riêng mình sẽ nhận lấy nghiệp báo ấy.
- Cộng nghiệp (còn gọi là Đồng nghiệp): Nghiệp do mình tạo ra và người khác cũng có ít nhiều nghiệp duyên trong đó, hoặc do người khác tạo ra và mình cũng gây tạo những nghiệp tương tự như vậy, thì mình và nhiều người sẽ cùng chịu ảnh hưởng chung của nghiệp báo ấy.

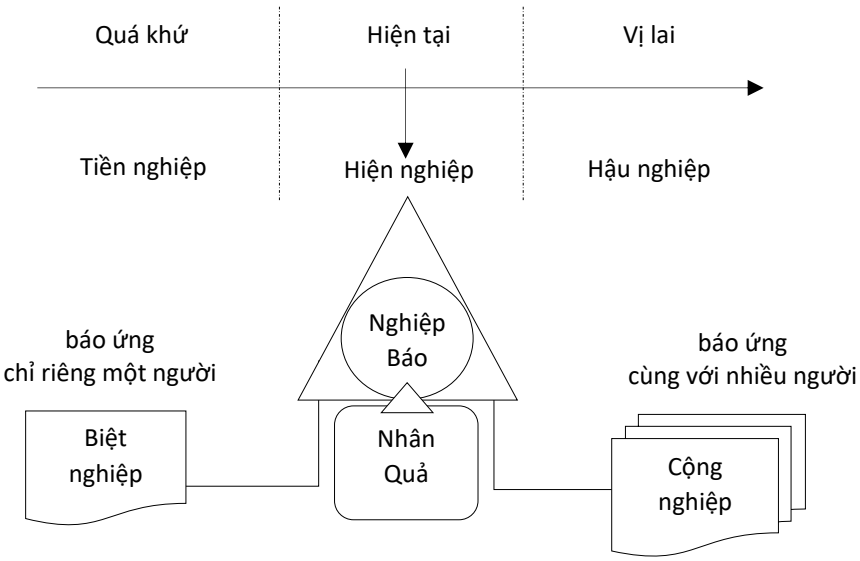

Nghiệp & Nghiệp Báo
biểu hiện của Nghiệp qua 3 thời: quá khứ, hiện tại, vị lai,
và sự báo ứng của Nghiệp trên định luật Nhân Quả

KINH: *Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Ngài Xá Lợi Tử. Ông có biết không? Ở phương Tây, cách thế giới nầy trên trăm ngàn ức vô số cõi Phật có một thế giới Phật tên là Cực Lạc. Trong thế giới ấy có Đức Thế Tôn hiệu là Vô Lượng Thọ Như Lai, Vô Lượng Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, mười tôn hiệu viên mãn, hiện đang trụ trì yên ổn ở cõi ấy, vì các hữu tình mà thuyết giảng pháp sâu xa vi diệu, khiến cho mọi người đều được lợi ích an lạc thù thắng.*

Lý Giải:

Từ đây, tức là vườn Cấp Cô Độc trong rừng Thệ Đa nơi thành Thất La Phiệt (Xá Vệ) hướng về phía Tây, cách xa nơi nầy trên

trăm ngàn ức vô số cõi Phật có thế giới tên là Cực Lạc (y báo) của Đức Phật hiệu là A Di Đà (chánh báo), Ngài hiện đang thuyết pháp cho đại chúng trong cõi nước của Ngài. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: *"Ở ta bà thế giới cõi của Thích Ca Mâu Ni Phật đây một kiếp, thì nơi Cực Lạc thế giới, cõi A Di Đà Phật, là một ngày một đêm."* Một tiểu kiếp của con người ở thế giới ta bà tương đương 16 triệu năm sinh tử. Vì thế, Đức Thế Tôn nói Phật A Di Đà hiện bây giờ đang nói pháp.

Các loài hữu tình trên cõi thế gian ta bà, tức là các loài chúng sanh, bao gồm 4 loại là loài sanh thai, loài sanh trứng, loài sanh nơi chỗ ẩm ướt và loài hóa sanh. Trong bốn loại hữu tình, theo thứ tự từ cao xuống thấp, có 7 nẻo là Trời, Tiên, Người, A Tố Lạc (A Tu La), Quỷ thần, Bàng sanh, Địa ngục. Bàng sanh là các loài chúng sanh có xương sống nằm ngang, tổng cộng có 3 loại: loài bay trên trời, loài ở mặt đất, loài sống dưới nước, như gà vịt trâu bò chó mèo chim cá tôm cua... Loài người, khi đi đứng hoặc ngồi, thì xương sống thẳng đứng.

Theo Hán Việt tự điển, 1 vạn là 10.000, 1 ức là 10 vạn, tức là 10 x 10.000 = 100.000 tính theo số mục của thời xưa. Trăm ngàn ức là 10 tỷ (100 x 1.000 x 100.000 = 10.000.000.000).

Mười tôn hiệu của một Đức Phật (Thập Hiệu) bao gồm:

- Như Lai (Người đến từ cõi Chân Như).
- Ứng Cúng (Người đáng được cúng dường và tôn kính).
- Chánh Biến Tri (Người hiểu biết đúng tất cả các pháp).
- Minh Hạnh Túc (Người có đủ trí huệ và đức hạnh).
- Thiện Thệ (Người khéo đi qua cõi thế gian).
- Thế Gian Giải (Người thấu hiểu thế gian).
- Vô Thượng Sĩ (Đấng tối cao không ai vượt qua).

- Điều Ngự Trượng Phu (Người đã chế ngự được bản ngã và nhân loại).
- Thiên Nhân Sư (Bậc thầy của cõi Người và cõi Trời).
- Phật Thế Tôn (Bậc giác ngộ được thế gian tôn kính).

THẾ NÀO LÀ CHÁNH BÁO?

Chánh báo là quả báo chánh, là thân tâm của con người, do những nghiệp duyên từ nhiều kiếp trước mà cảm ứng và sanh ra như vậy. Ở đây, chánh báo là nói về Phật A Di Đà và các hàng đệ tử Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát trong cõi nước của Ngài.

THẾ NÀO LÀ Y BÁO?

Y báo là quả báo phụ, theo liền với chánh báo, là tất cả những gì nương theo thân mạng và đời sống của con người, như nhà cửa, ao hồ, đất đai, tiền bạc… Ở đây, y báo là nói về cõi nước Cực Lạc ở phương Tây.

Trước mặt, hướng về phía mặt trời mọc là phương Đông. Sau lưng, hướng về phía mặt trời lặn là phương Tây. Bên tay trái là phương Bắc, bên tay phải là phương Nam. Thế giới mà chúng ta đang sinh sống đây là một tiểu thế giới, tương đương với một thái dương hệ (nơi có ánh sáng mặt trời). Cõi Cực Lạc ở về phương Tây của thành Thất La Phiệt (Xá Vệ), cách xa thế giới ta bà trên trăm ngàn ức vô số cõi Phật.

- Ta bà (tiếng Phạn) có nghĩa là Kham Nhẫn, tức là thế giới trần gian ngập đầy những khổ đau trầm luân và ác chướng mà con người phải cố gắng cam lòng nhận chịu.

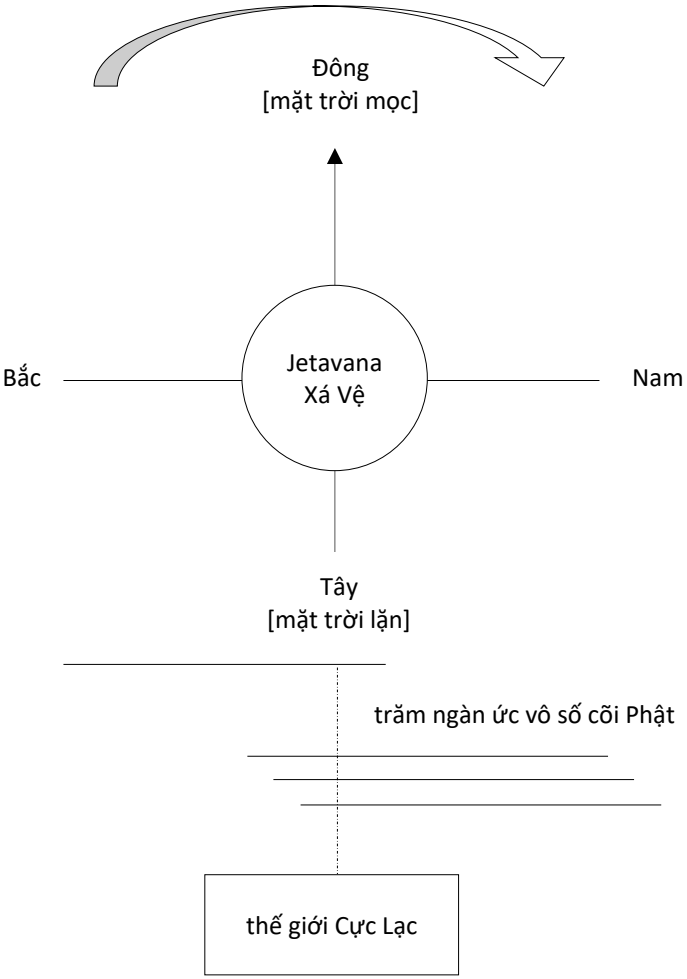

Tây Phương Tịnh Độ
phương vị cõi nước Tịnh Độ của Phật A Di Đà

PHẦN CHÁNH TÔNG

Cõi nước Cực Lạc và Đức Phật A Di Đà.
Nhân hạnh để được vãng sanh.

Y BÁO VÔ CÙNG TRANG NGHIÊM

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, vì nhân duyên gì mà thế giới Phật ấy có tên là Cực Lạc?*

Lý Giải:

Đây là một trong những câu hỏi mà Đức Phật đã hỏi Ngài Xá Lợi Tử về thế giới Cực Lạc trong pháp hội giảng nói Kinh A Di Đà. Phật hỏi Ngài Xá Lợi Tử vì Ngài là người có trí tuệ bậc nhất trong hàng Thanh Văn đại đệ tử của Phật, có đầy đủ trí huệ để có thể hiểu và có thể tin về những sự mầu nhiệm ở thế giới Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.

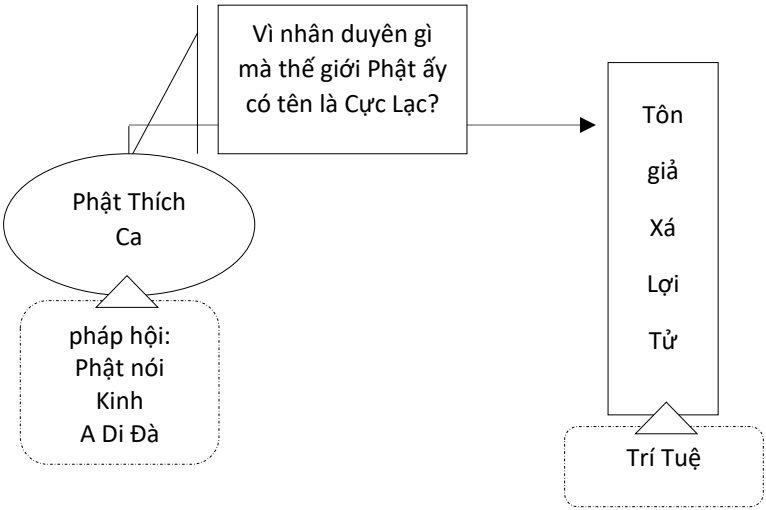

Phật hỏi Ngài Tôn giả Xá Lợi Tử
pháp hội giảng nói Kinh A Di Đà

KINH: *Xá Lợi Tử, vì các hữu tình nơi thế giới ấy thân tâm không có những buồn lo khổ não, mà chỉ có vô lượng hỷ lạc thanh tịnh, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*

Lý Giải:

Thế giới Cực Lạc là thế giới công đức của Phật A Di Đà ở phương Tây, cách xa nơi nầy trên trăm ngàn ức vô số cõi Phật, là cõi sáng rất an vui và không có sự khổ nạn, vì vậy nên gọi là Cực Lạc (cõi rất vui). Cái vui ở cõi Cực Lạc là vui tịch tĩnh, vui điềm nhiên, vui khinh an, vui tự tại, đó không phải là vui đối đãi với buồn khổ theo quan niệm nhị nguyên ở cõi thế gian ta bà.

Nơi chốn Cực Lạc trang nghiêm ấy có đầy đủ tất cả 8 điều vui sướng Niết Bàn (gọi là bát lạc):

- Hóa sanh từ hoa sen tinh khiết, trẻ mãi không già, không bao giờ bị ốm đau, sống lâu vô cùng, tùy ý toại nguyện mọi y thực và có thần thông tới lui khắp các cõi Phật không ngăn ngại, gần gũi các bạn lành, cùng chung chí hướng với người tốt, thân tâm thanh tịnh và an lạc.

Những khổ nạn mà Đức Phật muốn nói đến là 84.000 phiền não trói buộc, làm khổ lụy thân tâm con người ở cõi ta bà nầy. 84.000 sự khổ, chung quy lại, thì có 8 cái khổ chính (gọi là bát khổ), đó là sanh, già, bệnh, chết, mong cầu mà không được như ý, xa cách người mình yêu thương, gần gũi người mình oán ghét, bị ràng buộc và khống chế bởi thân ngũ ấm.

THẾ NÀO LÀ NGŨ ẤM?

Ngũ ấm, còn gọi là ngũ uẩn, là 5 nhóm cấu thành thân xác và tinh thần của con người:

- Sắc: Thân xác.

- Thọ: Cảm giác.
- Tưởng: Sự nhận biết (tri giác).
- Hành: Sự vận hành của tư tưởng (tâm tư).
- Thức: Ý thức phân biệt.

Để đối trị với 84.000 phiền não, Đức Thế Tôn đã thuyết dẫn ra 84.000 pháp môn tu trì, tùy căn cơ của người tín nhận. Theo các sách Phật học luận giải, sở dĩ có con số 84.000 là vì dựa trên 250 giới cấm của người Bí sô, trong 4 oai nghi đi đứng nằm ngồi, qua 3 thời quá khứ, hiện tại, vị lai, với 4 món Độn Sử (tham, sân, si, mạn), tác động qua lời nói và hành động, gây tạo ra 7 tội (sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói thêu dệt, nói lưỡi hai chiều, nói lời hung ác). Tổng cộng tất cả là 84.000 phiền não (250 x 4 x 3 x 4 x 7 = 84.000).

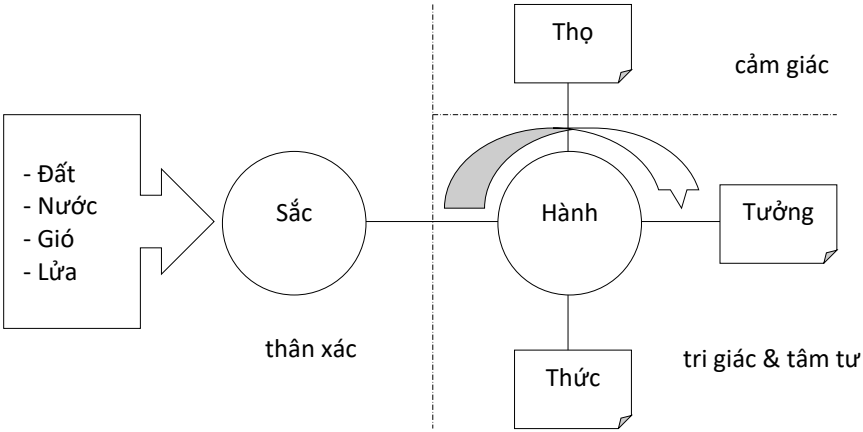

Ngũ ấm & Tứ đại
thân thể, cảm xúc, nhận biết, ý thức phân biệt
và sự vận hành của tư tưởng

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc khắp nơi đều có bảy lớp lan can báu xếp thành từng hàng, bảy lớp cây đa la báu xếp thành từng hàng, cùng với bảy lớp mành lưới báu bao bọc giáp vòng, trang nghiêm bằng bốn thứ báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chưng bày mỹ diệu xen lẫn với nhau. Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*

Lý Giải:

Ở cõi Cực Lạc, có những lan can dậu rào 7 lớp, có những mành lưới giăng 7 tầng, có các hàng cây mọc theo từng hàng 7. Tất cả đều làm bằng 4 món châu báu (tứ bảo) là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Những lớp hàng cây, dậu rào, mành lưới được xếp theo từng hàng 7 của 3 loại, tượng trưng cho con số 21 (7 x 3 = 21), bao vòng khắp mọi nơi, vì vậy nên cõi đó gọi là Cực Lạc. Theo Kinh Vô Lượng Thọ, các dậu rào ở đây là rào vàng, lưới ở đây là lưới báu, cây ở đây là cây ngọc. Có những thân cây bằng vàng, lá pha lê, trái lưu ly, hoa nhánh bạc. Cũng có rất nhiều hàng cây với thân cành lá chỉ thuần một chất báu của vàng, bạc, lưu ly hoặc pha lê.

Cây đa la, còn gọi là tha la. Tiếng Hán là Song Thọ. Là loại cây mọc theo từng hàng đôi, mỗi nhóm 2 cây. Theo truyền thuyết, hoa đa la gắn liền với nhiều sự kiện quan trọng trong cuộc đời của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Hoa đa la biểu trưng cho sự bình yên và tĩnh lặng, nên còn gọi là hoa vô ưu. Cây đa la có trái nặng hơn 4 kg, trong trái có hạt để dùng trồng thành cây. Đóa hoa đa la còn được ví như một loại sen trời bởi hình dáng đẹp và hương thơm ngạt ngào thanh thoát. Rừng đa la ở làng Kusinara là nơi Đức Phật đã nhập diệt Niết Bàn.

Ý NGHĨA CỦA SỐ 7

Số 7 là con số biểu trưng cho cõi chánh đạo của chư Phật, đó là cõi thứ 7 giải thoát khỏi 6 nẻo luân hồi. Số 7 cũng là 7 nhóm trong 37 phẩm trợ đạo. Ở đây, số 7 là để nêu lên 7 thứ Thánh Tài theo lời Phật dạy: Tín, Giới, Tàm, Quý, Văn, Thí, Huệ.

- Phát khởi niềm tin vững mạnh để tiến tu.
- Nghiêm mật giữ gìn giới luật.
- Đối với mình thì luôn sanh tâm biết lỗi, sám hối để chừa bỏ các lỗi lầm.
- Đối với người thì luôn sanh tâm biết hổ thẹn khi lỡ phạm những điều sai trái.
- Nghiên cứu đọc tụng kinh điển, lắng nghe và học hiểu những lời khuyên dẫn đúng đắn của chư Tăng Ni.
- Bố thí cúng dường, hiếu dưỡng mẹ cha, biết ơn thầy cô, giúp đỡ những người nghèo khổ, buông xả những buộc ràng vướng mắc trong tâm thức, bình thản với sự đời, không chấp trước vào các pháp, không chấp giữ ở những gì tốt xấu, vừa ý, nghịch lòng, ngợi khen, mắng rủa, rẻ khinh.
- Tìm đạt đến trí tuệ sáng suốt, nhận biết đúng như thật.

Số 7 thường gắn liền với cuộc đời của Đức Thế Tôn. Theo truyền thuyết, khi vừa được sinh ra, Ngài đi 7 bước, mỗi bước một đóa sen nở dưới chân Ngài. Sau khi đản sanh được 7 ngày, Thánh mẫu Ma Gia, mẹ của Đức Thế Tôn đã từ trần, sanh lên cõi Trời Đao Lợi của vua Đế Thích.

Đức Thế Tôn học đạo, ngồi dưới gốc cây Bồ Đề bên bờ sông Ni Liên Thiền (thuộc chi nhánh sông Hằng), ở miền Bắc Ấn Độ xứ Ma Kiệt Đà, 7 lần của 7 ngày, tức là liên tục 49 ngày suy niệm (7 x 7 = 49), đến tuần lễ thứ 7 thì Ngài đạt được sự giác ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác và thành Phật.

Khi Đức Phật thuyết giảng đại pháp, đã giảng nói Kinh Hoa Nghiêm lần đầu tiên tại Bồ Đề Đạo Tràng ở xứ Ma Kiệt Đà, trải qua 21 ngày liền (3 lần của 7 ngày). Cuộc đời hành đạo của Ngài là 49 năm (7 x 7 = 49). Sau khi nhập diệt, thân xác của Ngài được giữ trong kim quan đúng 7 ngày trước khi làm lễ trà tỳ (hỏa thiêu) ở thành Câu Thi La.

Số 7 cũng là thời gian 7 ngày, khi Đức Phật trở về thành Ca Tỳ La Vệ, nói pháp và cảm hoá toàn bộ dòng họ Thích, gia đình của Ngài, theo về với Phật pháp.

Nếu nói về thời gian, số 7 là 7 ngày của một tuần, tính từ ngày chủ nhật cho đến ngày thứ 7. Bảy ngày đêm là định kỳ mà Phật đã khuyên dẫn trong Kinh A Di Đà, để người tu dựa theo thời hạn đó mà trì niệm danh hiệu Phật cho được nhất tâm, đạt đến cảnh giới Niệm Phật Tam Muội.

Nếu nói về khoa học thì sau mỗi 7 năm, cơ thể con người sẽ hoàn toàn thay đổi với tế bào mới. Số 7 cũng gắn liền với 7 ngày, 21 ngày (7 x 3 = 21), 49 ngày (7 x 7 = 49) khi người chết có thể đầu thai vào cõi khác, hoặc tái sanh trở lại kiếp người, hoặc hóa sanh về ao thất bảo ở cõi Cực Lạc. Sau mỗi 7 ngày và 7 lần như vậy (trong 49 ngày sau khi chết và chưa đầu thai, còn ở giai đoạn thân trung ấm), người chết sẽ phải đối diện trở lại với ký ức sợ hãi về cái chết của mình và sự đau đớn thân xác lúc hấp hối.

Trên khuôn mặt con người cũng có thất khiếu (7 lỗ) là mắt, tai, mũi, miệng. Số 7 cũng gắn liền với Pháp thân, là 7 chỗ đầy đặn và đẹp tốt của 32 tướng đại nhân: 2 lòng bàn tay, 2 lòng bàn chân, 2 vai và yết hầu. Niệm hồng danh chư Phật và trì chú Đà Ra Ni cũng gắn liền với con số 7 trong các bản kinh Phật đã thuyết (niệm 7 lần, 21 lần, 49 lần). Con số 7 còn có rất nhiều ý nghĩa vi diệu cũng như thế.

- Ý nghĩa của 7 lớp dậu rào: 7 lớp dậu rào là biểu thị cho Giới, như những lan can, bao lơn, rào cản... ngăn chặn thân tâm không để bị uế nhiễm bởi sự cám dỗ của ngũ dục là tiền của, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ.
- Ý nghĩa của 7 lớp mành lưới: 7 lớp mành lưới là biểu thị cho Định, cảnh giới tịch tĩnh bao trùm khắp mọi nơi như lưới giăng.
- Ý nghĩa của 7 lớp hàng cây: 7 lớp hàng cây là biểu thị cho Huệ, trí tuệ chiếu soi như những thân cây đa la với những cành lá nẩy chồi vươn lên cao, tìm đến ánh sáng của mặt trời.

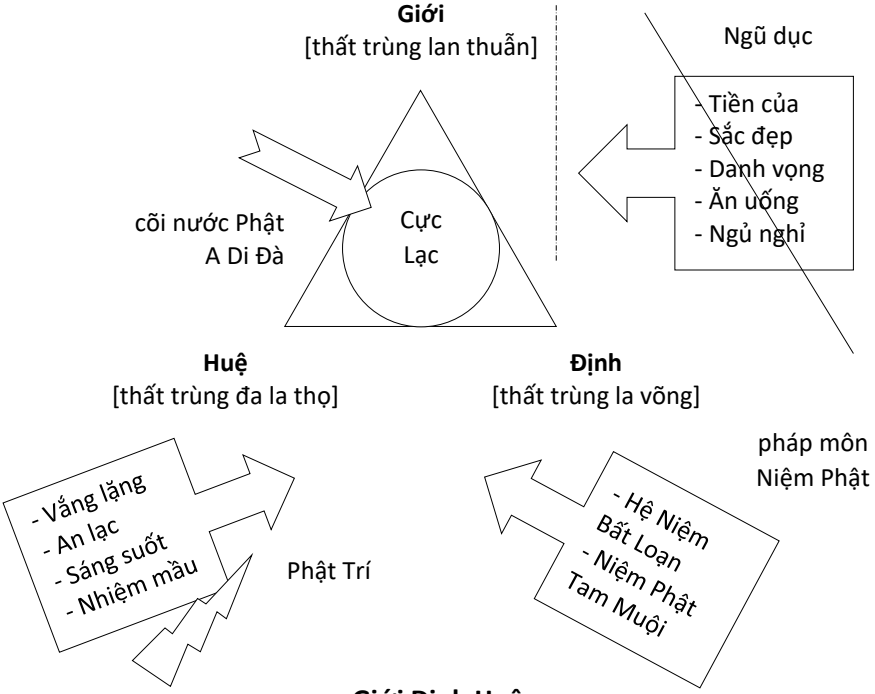

Giới Định Huệ

7 lớp dậu rào, 7 lớp mành lưới, 7 lớp hàng cây

Bốn món châu báu (tứ bảo: vàng, bạc, lưu ly, pha lê) của 7 lớp dậu rào (biểu trưng cho Giới), 7 lớp mành lưới (biểu trưng cho Định), 7 lớp hàng cây (biểu trưng cho Huệ) ở cõi nước Cực Lạc, là biểu thị cho các sắc màu của 4 đức Niết Bàn trang nghiêm và ngời sáng: Thường Lạc Ngã Tịnh.

- Sống lâu (gọi là Chân thường).
- An vui (gọi là Chân lạc).
- Thần thông biến hoá (gọi là Chân ngã).
- Thanh tịnh tịch tĩnh (gọi là Chân tịnh).

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc khắp nơi đều có ao bảy thứ báu, có nước tám công đức tràn đầy trong đó. Vì sao gọi là nước tám công đức? Một là trong sạch, hai là mát mẻ, ba là ngon ngọt, bốn là mềm dịu, năm là tươi nhuận, sáu là an hòa, bảy là uống vào giải trừ đói khát cũng như tiêu trừ mọi tội lỗi, tám là uống vào quyết chắc nuôi dưỡng các căn tứ đại và tăng trưởng các thiện căn thù thắng. Các chúng sanh nhiều phước đức thường thích thọ dụng thứ nước nầy.*

Lý Giải:

Ở cõi Cực Lạc có ao bảy thứ báu, có nước tám công đức, có vô lượng vô số hoa sen với ánh hào quang sáng chói, có các lầu đài, cung điện, tịnh xá bằng bảy món châu báu quý giá và rực rỡ trang nghiêm. Ao bảy thứ báu là ao vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trân châu, mã não, xà cừ. 7 món châu báu của ao thất bảo ở cõi Cực Lạc biểu thị cho sự sáng ngời của 7 phần giác ngộ (tức là Thất Giác Chi).

THẾ NÀO LÀ THẤT GIÁC CHI?

Thất Giác Chi còn gọi là Thất Bồ Đề Phần, bao gồm:

- Quán sát các pháp, biện giải đúng lý nghĩa (Trạch pháp).
- Dũng mãnh tu tập theo chánh pháp (Tinh tấn).
- Vui mừng an trụ nơi chánh pháp (Hỷ).
- Thư thái khinh an trong chánh pháp (Lạc).
- Lìa xa các pháp hư vọng, buông bỏ mọi chấp trước (Xả).
- Nhất tâm an trụ nơi chánh pháp (Định).
- Luôn nhớ tưởng chánh pháp (Niệm).

Trong ao thất bảo (ao bảy chất báu) có đầy dẫy nước 8 công đức rất diệu dụng, gọi là bát công đức thủy. Nước 8 công đức nầy, thể hiện qua 6 trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), tác động vào 6 căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, não), đưa đến sự vui thích như ý qua 6 yếu tố thọ nhận (Lục nhập):

- Yếu tố sắc nhập: Trong sạch.
- Yếu tố thanh nhập: Mềm dịu, an hòa, êm đềm.
- Yếu tố hương nhập: Tươi nhuận, thơm tho.
- Yếu tố vị nhập: Ngon ngọt.
- Yếu tố xúc nhập: Mát mẻ, đượm nhuần.
- Yếu tố pháp nhập: Giải trừ đói khát, trừ diệt mọi tội lỗi, nuôi dưỡng các thân căn, tăng trưởng các thiện căn.

Theo Kinh Quán Vô Lượng Thọ, nước 8 công đức (Như Ý Thủy) tuôn chảy ra từ hạt ngọc Ma Ni của Phật. Mình muốn nước ấy ấm mát, dịu ngọt, nhuần khiết ra sao thì nó sẽ y như vậy trong sự thấy biết và cảm nhận của chính mình. Nước nầy chảy qua những cọng sen, lá sen, phát ra những tiếng pháp Ba La Mật rất là mầu nhiệm.

THẾ NÀO LÀ BÁT CHÁNH ĐẠO?

Theo tinh thần của bản Kinh A Di Đà, nước 8 công đức ở cõi Cực Lạc ý nói là tự tánh thanh tịnh A Di Đà, biểu trưng cho Bát Chánh Đạo (còn gọi là Bát Thánh Đạo Phần, 8 con đường tu hành chân chánh):

- Hiểu biết chân chánh (Chánh kiến).
- Suy nghĩ chân chánh (Chánh tư duy).
- Lời nói chân chánh (Chánh ngữ).
- Hành động chân chánh (Chánh nghiệp).
- Sinh sống chân chánh (Chánh mạng).
- Chuyên cần chân chánh (Chánh tinh tấn).
- Nhớ tưởng chân chánh (Chánh niệm).
- Thu nhiếp tâm chân chánh (Chánh định).

Tám phạm trù trên chia thành 3 nhóm:

- Giới: chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.
- Định: chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.
- Huệ: chánh kiến, chánh tư duy.

Giới là những điều răn cấm của Phật dạy để tránh vướng mắc vào lầm lỗi. Định, thuộc về tâm linh, là giữ tâm cho chuyên nhất, không để bị loạn náo bởi vọng tưởng điên đảo hoặc ngoại cảnh chi phối. Huệ là sự nhận thức sáng suốt, trí tuệ chiếu soi, hướng về chân lý, nhận biết đúng như thật.

Theo các sách Phật học luận giải, Giới Định Huệ được định nghĩa như sau: 3 nghiệp thân khẩu ý (hành động, lời nói, ý nghĩ) xa lìa tất cả tội lỗi, gọi là Giới. Chân tâm xa lìa tất cả vọng niệm, gọi là Định. Chân trí sáng suốt chiếu soi, nhận hiểu rõ tất cả các pháp đúng như thật, gọi là Huệ.

Bát Chánh Đạo, 8 con đường tu hành chân chánh:

- Chánh kiến (hiểu biết chân chánh): Hiểu rõ về 4 chân lý của Tứ Diệu Đế (chân lý về sự khổ), tin hiểu về lý nhân quả, luật luân hồi, nghiệp báo và duyên sanh.
- Chánh tư duy (suy nghĩ chân chánh): Không tham muốn, không sân hận, không khinh mạn, không nghĩ suy làm hại người và vật, biết suy xét vô minh (có nghĩa là tâm thức mê mờ vì bị vọng tưởng che lấp) là nguyên nhân đau khổ, nhận biết những lỗi lầm của mình để sám hối, chừa bỏ.
- Chánh ngữ (lời nói chân chánh): Không nói láo, không nói lưỡi hai chiều (đâm thọc, ly gián), không nói thêu dệt, không nói lời hung ác, không nói chuyện thị phi khiếm nhã.
- Chánh nghiệp (hành động chân chánh): Không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không uống rượu, không trả thù, không phan duyên (lợi dụng), không làm tổn hại đến quyền lợi và hạnh phúc của người khác.
- Chánh mạng (sinh sống chân chánh): Không nuôi sống bằng những nghề bất lương làm nguy hại đến người và vật, không chấp theo ngoại đạo, không mê tín dị đoan.
- Chánh tinh tấn (chuyên cần chân chánh): Nỗ lực làm những điều đúng, dũng mãnh tiến bước trên con đường giải thoát.
- Chánh niệm (nhớ tưởng chân chánh): Luôn nhớ nghĩ đến danh hiệu Phật và các cõi lành, cảm mộ ân đức của tất cả chư Phật, các sư thầy sư cô, cha mẹ và thí chủ (gọi là Tứ trọng ân).
- Chánh định (thu nhiếp tâm chân chánh): Tập trung tư duy và quán sát sự việc đúng theo chánh pháp, không có những mục đích sai lầm, nghịch lý.

Bát Chánh Đạo là 8 pháp môn chính trong 37 phẩm trợ đạo. Người niệm Phật phải dựa vào 8 con đường chân chánh để tu tập Giới Niệm Định Huệ, đạt đến quả vị Thánh Trí vô thượng.

Theo tinh thần của bản Kinh A Di Đà, những lối đi ở bốn bên bờ ao thất bảo là sự hợp thành của 4 chất báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, biểu trưng cho sự thành tựu trang nghiêm công đức Giới Niệm Định Huệ của pháp môn Nhất Hạnh Tam Muội, tức là pháp môn Niệm Phật Ba La Mật.

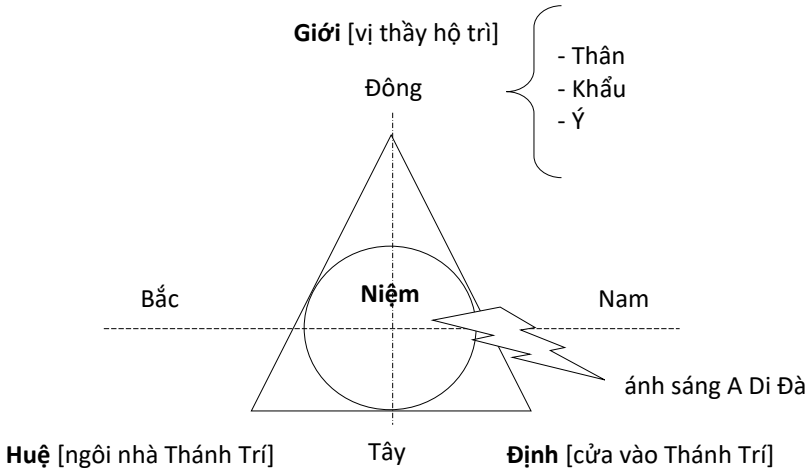

Giới Niệm Định Huệ
giáo nghĩa Niệm Phật Ba La Mật vi diệu đệ nhất

THẾ NÀO LÀ GIỚI NIỆM ĐỊNH HUỆ?

Giới là vị thầy hộ trì cho pháp thân, giữ gìn thân khẩu ý thanh tịnh. Định là cửa vào Thánh Trí, tiến đến cảnh giới nhất niệm, chỉ thuần một niệm tưởng A Di Đà. Huệ là ngôi nhà Kim Cang Thánh Trí, viên ngọc Ma Ni ngời chiếu, dòng suối tâm an lạc tịch tĩnh. Niệm là trái tim ánh sáng huyền nhiệm của hồng danh

A Di Đà Phật không thể nghĩ bàn, là mấu chốt đan kết và tương hợp giữa 3 điểm vô thượng Giới Định Huệ, để trang nghiêm thành tựu 4 công đức Giới Niệm Định Huệ:

- Niệm ở giữa Giới và Định (tức là Giới Niệm Định).
- Niệm ở giữa Định và Huệ (tức là Định Niệm Huệ).
- Niệm ở giữa Huệ và Giới (tức là Huệ Niệm Giới).

Giới Niệm Định Huệ là 4 món Ba La Mật vô cùng vi diệu của người tu trì theo pháp môn Niệm Phật. Người tu học phải giữ giới thanh tịnh, trì niệm danh hiệu Phật để chuyên nhất tâm tưởng, buông xả vạn duyên bên ngoài, diệt trừ mọi phiền não bên trong, đạt đến cảnh giới an lạc của Phật Trí vô thượng.

Nền tảng của Bát Chánh Đạo là Giới, với 3 phạm trù căn bản về đạo đức là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Ngôi nhà Thánh Trí mà người tu học phải nương trú vào đó, để tu tập chánh niệm và để thành tựu chánh định là pháp môn Niệm Phật Tam Muội. Cánh cửa để mở vào Bát Chánh Đạo là Văn Huệ và Tư Huệ, tức là 2 yếu tố chánh kiến và chánh tư duy ở giai đoạn Tri Thức.

Trên bước đường tu học, yếu tố chánh tinh tấn là để trợ lực cho người niệm Phật có ý chí mạnh mẽ và chuyên cần. Khi yếu tố chánh niệm thành tựu, dựa trên pháp môn Niệm Phật A Di Đà, đưa đến sự phát sinh và thành tựu yếu tố Định, tức là chánh định, từ đó mở rộng 2 phạm trù Thánh Trí là chánh kiến và chánh tư duy, tức là sự phát triển của yếu tố Tu Huệ, thấy hiểu và nghĩ suy theo chánh đạo, nhìn thấu rõ thật tướng của vạn pháp thế gian vô thường, giúp ta vượt thắng tất cả mọi phiền não tư duy và đạt đến sự giải thoát Niết Bàn tâm linh. Văn Huệ, Tư Huệ và Tu Huệ, gọi là Tam Huệ.

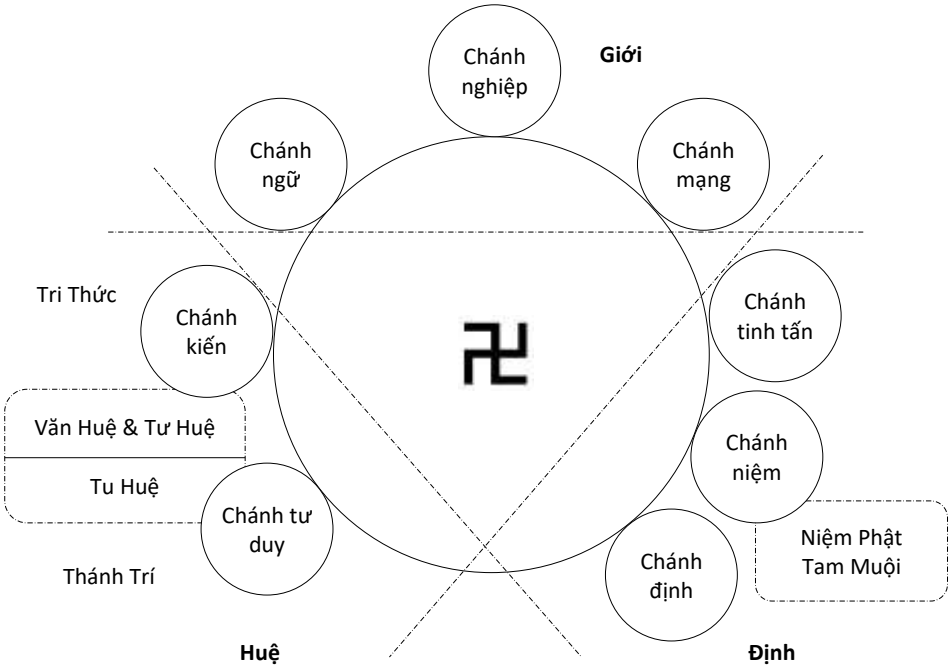

Bát Chánh Đạo

8 con đường tu hành chân chánh của người niệm Phật

KINH: *Dưới đáy ao báu thì trải bằng cát vàng. Bốn phía quanh bờ ao có bốn bậc thềm trang nghiêm bằng bốn thứ báu, rất khả ái ưa thích. Xung quanh ao có các cây báu xếp thành từng hàng, tỏa hương thơm ngào ngạt, trang nghiêm bằng bảy thứ báu, rất khả ái ưa thích. Thế nào là bảy thứ báu? Một là vàng, hai là bạc, ba là lưu ly, bốn là pha lê, năm là trân châu, sáu là mã não, bảy là xà cừ.*

Lý Giải:

Ở dưới đáy các ao thất bảo thì trải thuần bằng cát vàng bóng mịn, gọi là kim sa (cát vàng), màu sắc sáng chói lên cả trên mặt nước và bốn bên bờ ao.

Đáy ao trải dài bằng cát vàng quý báu là biểu trưng cho Bồ Đề Tâm của Đức Phật A Di Đà đã vì chúng sanh mà nguyện thề cứu độ, cũng là biểu trưng cho Bồ Đề Tâm của các hàng Thánh chúng đã chí thành trải lòng mình theo về thế giới Cực Lạc, phát khởi lòng đại bi, tu dưỡng công đức và đạo hạnh, phát nguyện sanh về cõi Niết Bàn Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà.

- Bồ Đề Tâm là tâm tìm cầu giải thoát, hướng về Phật đạo, với ý nguyện lợi tha, muốn giúp đời và cứu người thoát khổ.

Ý nghĩa của 7 thứ báu nơi ao thất bảo: Vàng biểu trưng cho sự nghiêm trang và quý trọng. Bạc biểu trưng cho niềm an lạc và sức khỏe. Lưu ly (đá ngọc xanh) biểu trưng cho sự bình an và yên vui. Pha lê (ngọc nước) biểu trưng cho sự tinh khiết và sáng suốt. Trân châu (ngọc trai đỏ) biểu trưng cho sự cao quý và trí tuệ. Mã não (đá ngọc) biểu trưng cho sự tráng lệ và cứng chắc. Xà cừ (vỏ sò) biểu trưng cho sự tốt lành và phúc hạnh.

KINH: *Trong các ao thường có vô số hoa sen đủ mọi sắc màu, lớn như bánh xe. Hoa xanh thì hiển thị sắc xanh, ánh sáng xanh, hình ảnh xanh. Hoa vàng thì hiển thị sắc vàng, ánh sáng vàng, hình ảnh vàng. Hoa đỏ thì hiển thị sắc đỏ, ánh sáng đỏ, hình ảnh đỏ. Hoa trắng thì hiển thị sắc trắng, ánh sáng trắng, hình ảnh trắng. Bốn loại hoa, bốn hiển thị, bốn ánh sáng, bốn hình ảnh. Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*

Lý Giải:

Trong ao thất bảo có các loài hoa sen lớn như bánh xe, ý nói là các hoa sen nầy to lớn như bánh xe chuyển pháp của Đức Như Lai. Sau khi thành đạo, Đức Phật chuyển pháp luân (thuyết giảng đại pháp) lần đầu tiên về Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo tại vườn Lộc Uyển, thuộc miền Sarnath ở xứ Isipatana.

Các hoa sen nầy có vị hương rất tinh khiết, nhiệm mầu và ngời chiếu ánh hào quang. Hoa màu xanh thì tỏa chiếu ánh sáng xanh, hoa màu vàng thì tỏa chiếu ánh sáng vàng, hoa màu đỏ thì tỏa chiếu ánh sáng đỏ, hoa màu trắng thì tỏa chiếu ánh sáng trắng.

4 màu sắc chính, xanh vàng đỏ trắng, và nhiều sắc màu vi diệu khác nữa của các hoa sen ở ao thất bảo, biểu trưng cho phẩm đức và hạnh nguyện của người chân tu (cũng như những hạt xá lợi, thể hiện qua nhiều màu sắc khác nhau, đó là những việc mầu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn). Người niệm Phật, khi được sanh về cõi Tịnh Độ, tùy ở hạnh nguyện mà được hóa sanh vào một trong các loại sen đó. Khi vãng sanh, tùy theo phước huệ mà hoa sen sẽ nở và tỏa chiếu ánh hào quang, liền sau khi được sanh về, hoặc ngay trong sát na hiện tiền, hoặc sau 1 ngày đêm, hoặc sau 7 ngày, 49 ngày, hoặc sẽ phải sau 49 năm hoặc 49 kiếp.

Có tất cả 9 phẩm cứu cánh (Cửu Phẩm Liên Hoa) để người niệm Phật phát nguyện vãng sanh, chia ra 3 bậc Thượng, Trung, Hạ:

- Muốn sanh về hàng Thượng bối (tức là 3 Thượng phẩm của bậc Bồ Tát Đại Thừa), thì người ấy phải xuất gia, dũng mãnh phát tâm Bồ Đề Vô Thượng, học hiểu chánh pháp, trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà, nghiêm trì giới luật của bậc Khất sĩ, tinh tấn tu tạo nhiều hạnh nghiệp và công đức độ sinh không chán mỏi, nuôi dưỡng niềm tin vững mạnh, ngày đêm thiết tha nguyện sanh về cõi Tây Phương Tịnh Độ.

- Muốn sanh về hàng Trung bối (tức là 3 Trung phẩm của bậc Thanh Văn Tiểu Thừa), thì người ấy phải phát tâm Bồ Đề Vô Thượng, học hiểu chánh pháp, trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà, làm các điều phước thiện, lánh xa mọi điều ác, quy y Tam Bảo, giữ gìn ngũ giới tại gia, hiếu dưỡng cha mẹ, tu tạo nhiều công quả, cúng dường chư Tăng Ni, thờ kính Phật, quý trọng bạn tri thức, không phạm vào thập ác ngũ nghịch, thường xuyên sám hối lạy Phật, hồi hướng công đức về Cực Lạc, nuôi dưỡng niềm tin vững mạnh, ngày đêm thiết tha nguyện sanh về cõi Tây Phương Tịnh Độ.
- Muốn sanh về hàng Hạ bối (tức là 3 Hạ phẩm của bậc Thiện Nhân), thì người ấy phải phát tâm Bồ Đề Vô Thượng, đọc tụng kinh điển, trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà, không phạm vào các trọng tội ngũ nghịch hoặc hủy báng chánh pháp của Phật, nuôi dưỡng niềm tin vững mạnh, ngày đêm thiết tha nguyện sanh về cõi Tây Phương Tịnh Độ.

Các bậc Thượng bối có 3 phẩm là Thượng phẩm thượng, Thượng phẩm trung và Thượng phẩm hạ. Các bậc Trung bối và Hạ bối cũng chia ra 3 bậc Thượng Trung Hạ giống như vậy. Tất cả là 9 phẩm vãng sanh (3 x 3 = 9).

Bậc Thượng phẩm thượng là bậc cao nhất được vãng sanh của các vị đại Bồ Tát. Người được sanh vào hàng Thượng phẩm thượng (tức là bậc Tối thượng phẩm) sẽ được hóa sanh từ hoa sen liền ngay sau khi người ấy chấm dứt hơi thở, được Phật A Di Đà và các hàng Bồ Tát Thánh chúng tiếp dẫn về Cực Lạc.

Những bậc khác (tức là 8 phẩm còn lại), tính từ Thượng phẩm trung cho đến Hạ phẩm hạ, thì khi sanh về phải sau 1 ngày đêm, hoặc sau 7 ngày, 21 ngày, 49 ngày, hoặc sau 7 kiếp, 21 kiếp, 49 kiếp, thì hoa sen hóa sanh mới nở. Khi hoa sen nở, người được hóa sanh có thân sắc ngời sáng (gọi là yến sáng), 32 tướng tốt,

80 vẻ đẹp, ngồi kiết già trong hoa sen, và tùy ở phẩm hạnh, sẽ được 2 vị đại Bồ Tát là Đức Quán Thế Âm và Đức Đại Thế Chí thuyết giảng cho nghe những nghĩa lý diệu mầu của Phật pháp. Trên mỗi cánh sen khi nở có 84.000 đường gân, mỗi hoa sen có 84.000 cánh, tỏa chiếu ra muôn ngàn ánh hào quang, biểu thị cho 84.000 pháp mầu của Đức Thích Ca Như Lai.

4 thứ ánh sáng chiếu tỏa ra từ các hoa sen, xanh vàng đỏ trắng, biểu trưng cho Tứ Vô Lượng Tâm (còn gọi là Tứ Đẳng Tâm, bốn thứ tâm vô cùng rộng lớn):

- Lòng yêu thương, đem niềm vui đến cho người (Từ).
- Lòng thương xót, muốn cứu người thoát khổ (Bi).
- Lòng vui theo khi thấy người thoát khổ (Hỷ).
- Lòng buông xả, tha thứ, khoan dung không cố chấp (Xả).

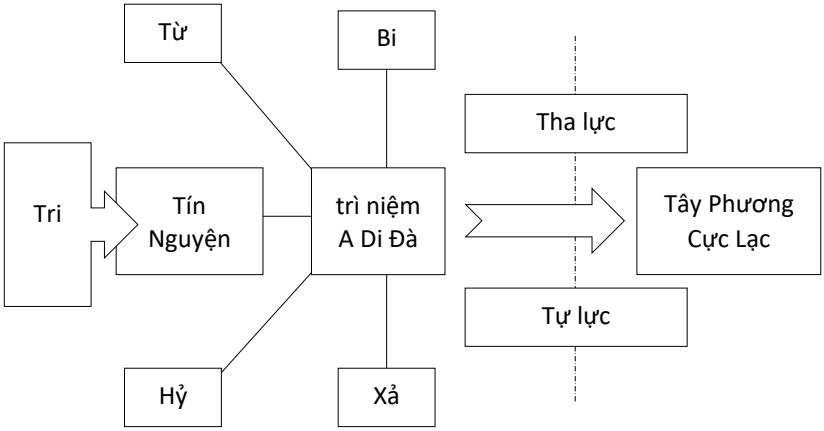

Từ Bi Hỷ Xả

người niệm Phật phải phát khởi 4 thứ tâm vô lượng và tin vào tha lực hộ trì của tất cả chư Phật mười phương

Trên từng mỗi câu niệm A Di Đà, người niệm Phật phải trải rộng tâm Từ của mình đến tất cả mọi chúng sanh bình đẳng, trải tâm Bi đến những kẻ đang đau khổ, trải tâm Hỷ đến những ai đang vui sướng, trải tâm Xả đến những người mình yêu thích hoặc ghét bỏ. Đó là thể hiện các đức tánh liên hoa *"vi diệu hương khiết"* trong câu Phật hiệu A Di Đà.

4 màu sắc hào quang, xanh vàng đỏ trắng, chiếu tỏa từ các hoa sen ở ao thất bảo là biểu trưng cho các cảnh giới ánh sáng chói ngời trong giai đoạn thân trung ấm (Đấy là phần linh thể của con người xuất ra khỏi thân xác lúc hơi thở vừa chấm dứt, ở giai đoạn chuyển tiếp của kiếp nầy và kiếp sau trong thời hạn 49 ngày).

Ánh sáng xanh có 2 loại là ánh sáng màu xanh dương và ánh sáng màu xanh lục. Theo Tử Thư Tây Tạng có tất cả 5 loại ánh sáng chói ngời và 6 loại ánh sáng mờ nhạt trong 7 ngày đầu ở giai đoạn thân trung ấm:

- Ánh sáng xanh dương chói ngời. Đây là luồng ánh sáng cứu độ của Đức Phật Tỳ Lô Giá Na (tức là Đức Đại Nhật Như Lai).
- Ánh sáng trắng chói ngời. Đây là luồng ánh sáng từ bi lực của Đức Phật Kim Cang Tát Đỏa và các vị đại Bồ Tát Địa Tạng, Di Lặc.
- Ánh sáng vàng chói ngời. Đây là luồng ánh sáng bảo hộ của Đức Phật Bảo Sanh và đại Bồ Tát Phổ Hiền.
- Ánh sáng đỏ chói ngời. Đây là luồng ánh sáng diệu hạnh thanh tịnh của Tự Tánh A Di Đà.
- Ánh sáng xanh lục chói ngời. Đây là luồng ánh sáng công năng nhiệm mầu của Trí Tuệ Tự Thân.

Với 5 loại ánh sáng nầy, khi lâm chung, thân trung ấm sẽ phải đối diện (lúc hơi thở đã hoàn toàn dứt hẳn). Cùng với 5 luồng

ánh sáng chói lòa là những vùng ánh sáng mờ nhạt của 6 cõi Lục Đạo cũng sẽ phát xuất trong 7 ngày đầu của thân trung ấm:

- Ánh sáng trắng mờ nhạt của cõi Trời.
- Ánh sáng vàng mờ nhạt của cõi Người.
- Ánh sáng xanh lục mờ nhạt của cõi A Tố Lạc.
- Ánh sáng xanh dương mờ nhạt của cõi Súc sanh.
- Ánh sáng đỏ mờ nhạt của cõi Ngạ quỷ.
- Ánh sáng xám mờ nhạt của cõi Địa ngục.

Lúc lâm chung, người niệm Phật cần phải thật an định trong giờ phút cuối cùng đó, cố gắng trì giữ câu Phật hiệu A Di Đà không buông lơi, để thể nhập chân tánh của mình vào các luồng ánh sáng chói ngời và rực rỡ kia, giải thoát đến cảnh giới tốt đẹp của chư Phật và chư vị Bồ Tát.

Khi đối diện với những luồng ánh sáng chói lòa, chớ nên sợ hãi và trốn lánh, vì đó là những luồng ánh sáng có năng lực cứu độ. Hãy bình tâm nương tựa vào vùng ánh sáng đó và trì niệm danh hiệu Phật để giữ vững tâm. Câu Phật hiệu A Di Đà có công năng phá trừ 6 nẻo sanh tử luân hồi trong Lục Đạo.

Nếu để bị lôi cuốn vào các vùng ánh sáng mờ nhạt, vì bị nghiệp lực lôi kéo, hoặc vì sợ hãi những luồng ánh sáng chói lòa kia, hoặc vì quá tham luyến cõi trần gian ta bà mà mê hận, tiếc nuối, thì sẽ bị đọa lạc vào 6 nẻo luân hồi (Trời, Người, A Tố Lạc, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục).

Vì vậy, trong giờ phút sống, nếu chúng ta không tu tập trì niệm A Di Đà để giữ vững tâm trước những được mất vô thường của cuộc đời, thì khi hấp hối, giờ phút mà sự đau đớn bức xẻ cùng cực trên thân xác và trí lực, chúng ta khó có thể giữ được liên tục 10 niệm A Di Đà vững chắc trong định tỉnh và vô úy. Cho

nên, trong phút giây cuối đời, chúng ta phải cố gắng buông xuống vạn duyên, miên mật chấp trì danh hiệu Phật để giữ chánh niệm, nương nhờ vào tha lực của Đức Phật A Di Đà và chư vị Thánh chúng từ bi gia hộ, khiến cho tâm thức chúng ta không bị tán loạn, điềm nhiên xả bỏ xác thân, sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc của Phật A Di Đà. Những người tạo nhiều ác nghiệp trong lúc sống, khi đối diện với những luồng ánh sáng chói ngời trong giờ phút hấp hối, thân trung ấm sẽ rất sợ hãi và tìm mọi cách để trốn lánh. Vì thế, thần thức rất dễ bị cuốn hút, cám dỗ vào những vùng ánh sáng mờ nhạt của các cõi Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục (tam ác đạo).

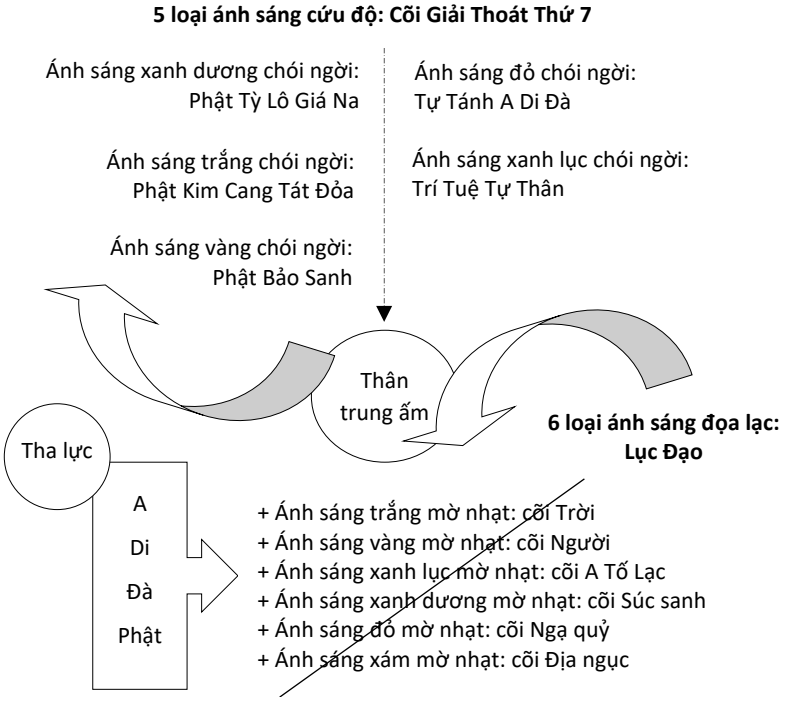

các cõi ánh sáng cứu độ và đọa lạc
trong 7 ngày đầu ở giai đoạn thân trung ấm

Sắc Màu Liên Hoa: Những màu sắc xanh vàng đỏ trắng của hoa sen là 4 màu sắc chính, tỏa chiếu ra 4 màu hào quang chính. Các loài sen ở ao thất bảo thì nhiều vô lượng vô biên chẳng thể nào tính đếm mà có thể biết được. Trong vô số các loại hoa sen đó có muôn ngàn màu sắc khác nhau và các hoa sen ngời chiếu muôn ngàn ánh hào quang rực rỡ. Hoa sen xanh thì tỏa chiếu hào quang xanh, hoa sen vàng thì tỏa chiếu hào quang vàng, hoa sen đỏ thì tỏa chiếu hào quang đỏ, hoa sen trắng thì tỏa chiếu hào quang trắng. Mỗi một loại sen ở ao thất bảo có sắc màu riêng của nó, toả chiếu ánh sáng trên sắc màu riêng của nó, với hào quang công đức trang nghiêm, soi chiếc bóng ngời sáng trên mặt nước ao hồ và ảnh tượng trong tầm nhìn của nhãn căn.

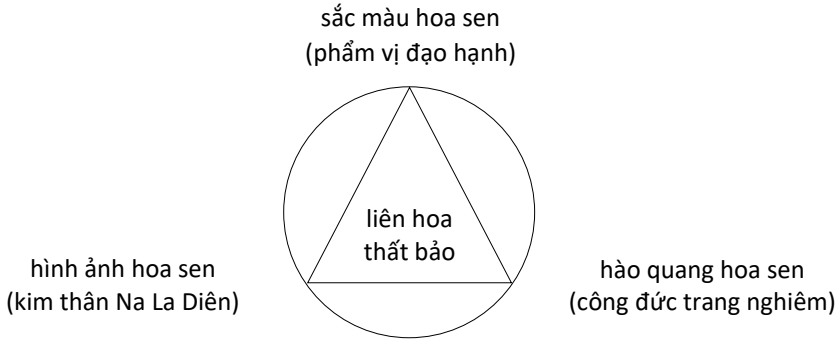

hoa sen trong ao thất bảo
biểu thị các sắc màu, ánh sáng hào quang và hình ảnh của chính nó

Một khi có người ở cõi thế gian nhất tâm chân thành trì niệm danh hiệu A Di Đà, thì sẽ có một nụ sen mới trỗi lên từ ao thất bảo và phát ra ánh sáng hào quang công đức. Đến khi người ấy được vãng sanh thì hoa sen sẽ nở. Tùy ở phẩm đức đã tích tập qua nhiều kiếp trước và trong kiếp nầy, mà được hóa sanh vào hoa sen có màu sắc ứng hợp với ánh sáng đó. Những người sanh

về Cực Lạc, sẽ được hóa sanh thành thân kim cang Na La Diên không bao giờ bị hư hoại. Thân sắc đó rất linh hoạt và có ánh sáng bao quanh (gọi là yến sáng). Thân sắc nầy không giống như thân xác tứ đại nhơ uế ở cõi thế gian ta bà. Vì vậy, người ở cõi Cực Lạc có ánh hào quang rất chói sáng và việc tới lui ngàn dặm ở khắp mười phương các cõi Phật cũng rất mau lẹ và diệu kỳ.

Ở cõi nước Cực Lạc, những khi có mưa hoa, nhạc trời, gió đức, tiếng reo nước báu, tiếng hót chim thiêng, thì mọi người đều tự nhiên nhất tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, yến sáng của người niệm Phật, cùng hòa nhuyễn với tiếng niệm Phật chân thành của chính người ấy lại càng ngời sáng hơn lên.

THẾ NÀO LÀ QUY Y TAM BẢO?

Quy y có nghĩa là trở về nương tựa. Quy y Tam Bảo là trở về nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng. Phật là đấng giác ngộ, trí huệ và từ bi. Pháp là con đường đưa chúng ta đến sự giải thoát. Tăng (Ni) là người đang thực hành pháp giải thoát của Phật, hướng dẫn chúng ta trên bước đường tu đạo.

- Quy y Phật là luôn nhớ tưởng đến Phật, niệm danh hiệu Phật, trở về với Phật tánh sáng suốt của chính mình. Quy y Pháp là luôn nhớ tưởng đến chánh pháp của Phật, thường đọc tụng kinh điển, phát huy các đức hạnh từ bi, nhẫn nhục, bố thí, tha thứ, buông xả. Quy y Tăng là luôn nhớ tưởng, tôn kính chư vị Tăng Ni, học hỏi theo chư vị Tăng Ni, để tìm trở về hòa hợp vào chân tánh thanh tịnh của chính mình.

Theo tinh thần của bản Kinh A Di Đà, quy y Phật là quy y Phật A Di Đà, quy y Pháp là quy y Kinh A Di Đà, quy y Tăng là quy y Đức Quán Thế Âm và Đức Đại Thế Chí. Khi đã quy y Phật, mình là con của Phật, tu theo hạnh của Phật, sẽ không bị đọa vào Địa ngục. Khi đã quy y Pháp, mình tu tập theo chánh pháp, sẽ

không bị đọa làm Ngạ quỷ. Khi đã quy y Tăng, mình tu tập theo sự hướng dẫn và khuyến tấn của chư vị Tăng Ni, sẽ không bị đọa làm Súc sanh.

THẾ NÀO LÀ THẬP ÁC?

Thập ác là 10 điều ác đức:

- Sát sanh.
- Trộm cướp.
- Tà dâm.
- Nói dối (vọng ngữ).
- Nói thêu dệt (xảo ngôn).
- Nói lưỡi hai chiều (lưỡng thiệt, đâm thọc, ly gián).
- Nói lời hung ác (ác khẩu).
- Tham lam.
- Sân hận.
- Si mê tà kiến (thấy hiểu sai lầm, tin mê ngoại đạo).

Tin mê ngoại đạo là tin vào thần tài, xin xăm, bói quẻ, bốc dịch, bấm độn, buộc tôm, đeo niệt, cúng sao, cúng hạn, đốt giấy tiền vàng bạc, giết trâu bò để cúng tế tà thần... Đấy là những việc tin mê mà người niệm Phật nên cố gắng tránh bỏ.

THẾ NÀO LÀ NGŨ NGHỊCH?

Ngũ nghịch là 5 trọng tội ác nghịch, trái với đạo lý:

- Giết cha.
- Giết mẹ.
- Giết các bậc Thánh (A La Hán).
- Nhiễu phá sự hòa hợp của Tăng (Ni) chúng.
- Làm cho thân Phật chảy máu.

Người phạm vào một trong 5 trọng tội ác nghịch trên sẽ bị đọa vào Địa ngục vô gián (còn gọi là Đại ngục A Tỳ). Vô gián, có nghĩa là không có thời gian hạn định hoặc gián đoạn, trong việc thọ nhận ngục hình nghiệp báo.

THẾ NÀO LÀ THÂN TỨ ĐẠI?

Thân xác con người được cấu thành bởi 4 yếu tố chính:

- Yếu tố đất như tóc, răng, da, xương, thịt, tim, gan...
- Yếu tố nước như máu, mủ, đàm, nước miếng, nước tiểu...
- Yếu tố gió như hơi thở vào ra, sự phồng xẹp của bụng...
- Yếu tố lửa như sức nóng trong người...

Những gì hiện hữu ở xác thân hoàn toàn không có tự tánh riêng biệt. Nếu như một mai thân xác bị tan rã, thì đất sẽ về với đất, nước sẽ về với nước, gió sẽ về với gió, lửa sẽ về với lửa. Không có sự mất. Không có sự được. Không có sự thêm. Không có sự bớt. Bất sanh bất diệt, bất tăng bất giảm. Thân xác con người, tất cả chỉ là đất nước gió lửa tạm bợ hòa hợp trong một tổng thể vô thường, theo thời gian rồi cũng hoại tàn, tất cả sẽ trở về với đất nước gió lửa. Đó là định luật chung cho tất cả vạn vật trần gian.

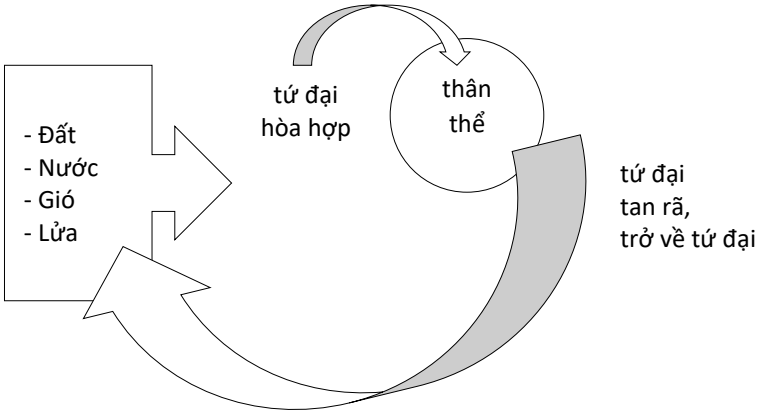

sự trở về của tứ đại
chẳng sinh chẳng diệt, chẳng tăng chẳng giảm

Cõi Cực Lạc có được là vì 48 lời đại nguyện của Ngài Bồ Tát Pháp Tạng (tức là Đức Phật A Di Đà), đã lấy công đức đạo hạnh và trí huệ của chính mình để thành tựu nên sự trang nghiêm như thế, không ngoài mục đích vì thương xót và muốn cứu độ chúng sanh có được một nơi chốn an vui để cùng nhau tu hành, vượt thoát con đường sanh tử luân hồi.

Trong bản Kinh A Di Đà, Đức Phật Thích Ca đã 11 lần nói đến sự thành tựu công đức trang nghiêm ở cõi Tịnh Độ, đó là một nơi chốn vãng sanh rất thiêng liêng và kỳ diệu.

Sự trang nghiêm ở công đức trí huệ đã được dựng lên tại cõi nước Cực Lạc là các dậu rào, các mành lưới, các hàng cây bằng bốn món châu báu, với ao thất bảo, với nước tám công đức, đáy ao trải toàn bằng cát vàng, những lối đi ở bốn bên bờ ao do tứ bảo hợp thành, các lầu các và tịnh xá cũng đều nghiêm sức bằng bảy chất báu vô cùng rực rỡ, có vô số các loại hoa sen hương thơm vi diệu tinh khiết, với hào quang tỏa sáng rất trang nghiêm cẩn kính.

Mỗi một vật thể nơi cõi nước Cực Lạc được đề cập đến trong bản Kinh A Di Đà là sự biểu trưng cho công đức đạo hạnh thành tựu, giáo pháp vô biên nhiệm mầu của Đức Phật A Di Đà, và sự biểu trưng đó được bồi dựng thêm lên bởi các hàng Thánh chúng và những Thiện nhân tu trì theo pháp môn Niệm Phật Tam Muội, đã và đang hồi hướng công đức trang nghiêm về cõi Phật Tây Phương Tịnh Độ.

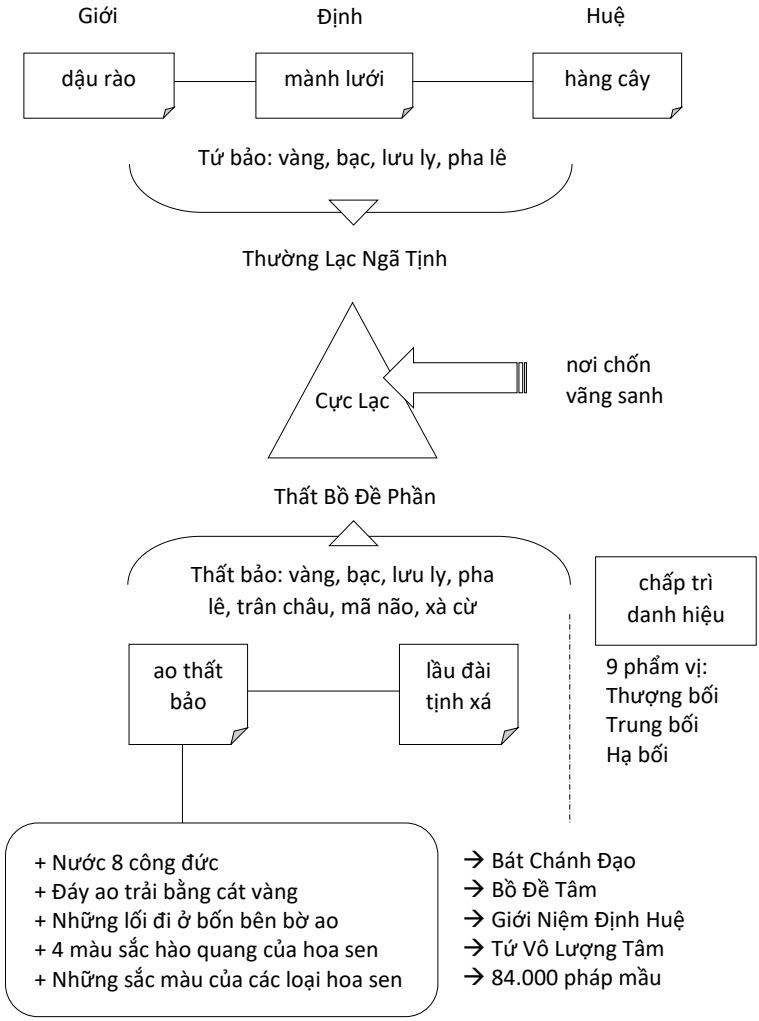

sự thành tựu công đức trang nghiêm ở cõi Cực Lạc

cõi Phật A Di Đà ở phương Tây và ở trong tâm của người trì niệm danh hiệu A Di Đà Phật

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc thường tự nhiên có vô lượng vô biên các thứ nhạc vi diệu, thanh âm hòa nhã, rất khả ái ưa thích. Các hữu tình nghe những thanh âm vi diệu ấy thì các phiền não xấu ác đều được trừ diệt, vô lượng các thiện pháp lần lượt tăng trưởng, mau chóng chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*

Lý Giải:

Ở cõi nước Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà thường có nhạc trời và mưa hoa. Nhạc từ mây trời (thiên nhạc) rất thường trỗi lên nhiều lần trong suốt ngày đêm 6 thời. Những lúc như vậy thì các nhạc cụ tự nhiên hiện ra, bay lơ lửng trên không trung, tự động cùng hòa nhịp với nhau và phát ra muôn ngàn thanh âm huyền diệu. Mọi người nghe những thanh âm ấy, thân tâm cảm thấy rất thanh tịnh và an lạc. Các vị Thần âm nhạc và chư Thiên ở khắp mười phương cũng cùng đến tấu nhạc trên không trung và trong các lầu đài tịnh xá.

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc khắp cả mặt đất đều bằng vàng ròng hợp thành, chạm vào mềm mại, hương thơm tinh khiết, ánh sáng rực rỡ, vô lượng vô biên các thứ báu mỹ diệu xen lẫn với nhau. Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*

Lý Giải:

Mặt đất ở cõi đó đều toàn bằng vàng và chiếu sáng khắp mọi nơi, biểu trưng cho sự chí thành ngời chói Bồ Đề Tâm, của Đức Phật A Di Đà đã vì chúng sanh mà trải lòng từ bi cứu độ, của đại

chúng đã phát trải lòng mình theo về với Phật, không ngừng tu dưỡng đức hạnh tự lợi và lợi tha, cứu mình và giúp người.

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc ngày đêm 6 thời thường có mưa hoa trời vi diệu, tươi sáng, mùi hương thanh khiết, mềm mại, đủ mọi sắc màu. Các hữu tình nhìn thấy thì thân tâm vui thích mà không tham đắm, làm tăng trưởng vô lượng vô biên công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn.*

Lý Giải:

Mỗi ngày đêm 6 lần có hoa từ mây trời tuôn rải xuống như mưa. Theo các sách Phật học tự điển, đây là loại hoa màu trắng, giống hoa sen, nên còn gọi là Bạch Liên Hoa, có mùi hương rất tinh khiết. Loại hoa nầy, cánh nhỏ vừa thì gọi là Mạn Đà La (tiếng Hán là Bạch Hoa), cánh lớn thì gọi là Ma Ha Mạn Đà La (tiếng Hán là Đại Bạch Hoa). Đây là loài hoa Tự Nhiên Ý, tùy người muốn hình dạng, màu sắc, hương thơm ra sao thì chính người ấy sẽ tự cảm nhận và được thấy y như vậy.

Hoa nầy rơi xuống như mưa, khoảng chừng một bữa ăn, thì hoa sẽ tự động tan biến. Đến thời kế tiếp thì hoa lại rơi, như vậy 6 lần theo ngày đêm. Ngửi được mùi hương của hoa nầy làm cho tinh thần rất vui thích, vì vậy nên còn gọi là Thích Ý Hoa. Mưa hoa trời là vì hoa nầy từ mây trời rơi xuống và nhiều như mưa. Ở Cực Lạc thì chỉ có mưa hoa, không có mưa nắng tuyết bão hoặc sấm chớp như ở cõi trần gian, không có lũ lụt, hạn hán, động đất, núi lửa, dịch bệnh, binh đao, thú dữ, không có cái lạnh và cái nóng mà chỉ có sự mát mẻ và gió pháp nhẹ nhàng.

Ở cõi nước Cực Lạc còn có các loại mưa hoa Mạn Thù Sa và Ma Ha Mạn Thù Sa. Theo các sách Phật học tự điển, cả 2 loài hoa

nầy sắc hoa màu đỏ, hương thơm tinh khiết, hình dạng lớn nhỏ khác nhau và mịn mát như tơ lụa.

THẾ NÀO LÀ LỤC THỜI?

Ngày đêm ở cõi Cực Lạc chia làm 6 thời, tính theo giờ của nước Ấn Độ trong thời Phật còn tại thế. Ngày có 3 thời (gọi là sơ nhật, trung nhật, hậu nhật), đêm có 3 thời (gọi là sơ dạ, trung dạ, hậu dạ), mỗi thời là 4 tiếng. Cực Lạc là cõi sáng, không có ngày đêm, đây chỉ là tạm nói ngày đêm theo cái hiểu của thế gian, để dễ phân định ra 6 chuỗi thời gian (6 x 4 = 24) những khi có mưa hoa và nhạc trời.

Theo Kinh Vô Lượng Thọ, ở cõi Cực Lạc không có sáng trưa chiều tối, không có thời gian năm tháng, không có quá khứ, hiện tại, vị lai, không có bốn mùa, không có nắng mưa tuyết bão, không có sông biển, hầm hố, cát sạn. Cõi nước ấy rất sáng, sáng hơn cả mặt trời mặt trăng. Cõi đó sáng là vì ánh hào quang ngời chói của Phật A Di Đà (vô lượng quang) đức tướng to lớn khôn cùng, yến sáng của Thánh chúng (kim thân), cùng với ánh sáng của 4 bảo, 7 báu tỏa ra từ những hàng cây, mành lưới, dậu rào, ao hồ, mặt đất, đáy ao, lầu đài, cung điện, tịnh xá, hoa trời, hoa sen, nhạc cụ, chim thiêng... Ở cõi Cực Lạc không có bất cứ chỗ nào có bóng tối.

Theo tinh thần của bản Kinh A Di Đà, 6 thời của ngày đêm, với mưa hoa, với nhạc trời, là biểu trưng cho Lục Độ Ba La Mật, tức là 6 pháp tu của bậc Bồ Tát để đạt đến bờ bên kia của sự giải thoát, bao gồm:

- Bố thí (hiến tặng).
- Trì giới (nghiêm mật giữ gìn giới luật).
- Nhẫn nhục (nhận chịu những điều trái ý, nghịch lòng).
- Tinh tấn (chuyên cần tu tập không ngừng nghỉ).

- Thiền định (giữ tâm cho chuyên nhất).
- Trí tuệ (nhận thức sáng suốt, đúng như thật).

Bố thí bao gồm các mặt như sau: cứu trợ, hỗ trợ, giúp đỡ dắt dìu, những công việc lao tác, lòng yêu thương, biếu tặng tiền của, hiến máu, hiến tặng nội tạng, cung cấp y thực, khuyên dạy, cắt nghĩa, diễn giảng, hướng dẫn, giúp người bớt sợ hãi, trao gởi ánh mắt hiền lành, nở nụ cười thân ái, giao tiếp với nét mặt tươi vui, quý lễ kính trọng, thân thiện, cử chỉ dịu dàng, lời nói nhã nhặn…

Người tu đạo phải thực hành hạnh Bố Thí trên nhiều khía cạnh như thế. Mỗi một tiếng niệm A Di Đà phải được thể hiện trên nét mặt tươi vui, trong sự an bình thanh thản của tâm hồn, với ánh mắt từ bi của chính mình. Người niệm Phật phải dùng tiếng niệm A Di Đà để quét sạch mọi ý niệm biệt phân, chấp trước vào nhân ngã tướng trong khi thực hành hạnh Bố Thí Ba La Mật.

Về phần giới luật, Bí sô tăng thọ 250 giới, Bí sô ni thọ 348 giới, Bồ Tát xuất gia thọ 58 giới, Bồ Tát tại gia thọ 34 giới, Cư sĩ thọ 5 giới (ngũ giới).

THẾ NÀO LÀ NGŨ GIỚI?

Ngũ giới, còn gọi là ngũ đức, là 5 điều răn cấm của người Cư sĩ tu tại gia. Đây cũng là 5 giới căn bản của người Bí sô xuất gia:

- Không sát sanh.
- Không trộm cướp.
- Không tà dâm.
- Không nói sai sự thật.
- Không uống rượu.

Nếu nói rộng ra, ngũ giới bao gồm những điều răn cấm như sau:

- Không giết người, không sát hại thú vật, cũng không khuyến khích người khác giết, hoặc thuê mướn người, nhờ người giết dùm, không đe dọa khủng bố hoặc báo thù người, không đánh đập người và vật, không làm cho người hoặc các loài sinh vật giết hại lẫn nhau, không khen ngợi người giết, cũng không tàng trữ các loại vũ khí giết người.
- Không trộm cắp, không cướp bóc, không gạt gẫm, không giựt nợ, không cờ bạc hoặc mua bán gian lận.
- Không ngoại tình, không thủ dâm, không hãm hiếp người, cũng không gần gũi vợ chồng thái quá.
- Không nói láo, không nói lưỡi hai chiều, không nói thêu dệt, không nói lời hung ác, không nói chuyện thị phi, không nói lời tạp nhạp vô nghĩa, không nói chuyện phiếm lăng nhăng, không nói bông đùa khiếm nhã.
- Không dùng các chất say (bia, rượu) và các chất nghiện (thuốc lá, cần sa, xì ke, ma túy, thuốc phiện), không mua bán rượu, không tặng rượu, không khen người uống rượu, không khuyến khích hoặc nài ép người khác uống rượu, cũng không mua bán biếu tặng các chất nghiện.

KINH: *Các hữu tình ở cõi đó ngày đêm 6 thời thường cúng dường Phật Vô Lượng Thọ. Vào mỗi sáng sớm, thường mang hoa trời, khoảng chừng một bữa ăn, bay đến vô lượng thế giới ở các phương khác, cúng dường trăm ngàn ức chư Phật. Nơi chỗ của chư Phật, mỗi người đem trăm ngàn ức hoa trời, tung rải hiến cúng chư Phật, rồi trở về thế giới của mình, dạo chơi các cõi trời. Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*

Lý Giải:

Mỗi sáng sớm, các Thánh chúng ở cõi Cực Lạc thường dùng những hoa trời đem đi cúng dường trăm ngàn ức vô số chư Phật ở các phương khác. Sau khi dâng cúng, hoa sẽ tự nhiên bay trong hư không, ngát tỏa hương thơm vô cùng vi diệu và tinh khiết.

Các phương khác (tha phương), ý nói là mười phương. Cúng dường mỗi sáng sớm, là vì sáng sớm lúc tâm tưởng của mọi người rất thanh tịnh và an bình, đó là việc đầu tiên nhất, nhớ tưởng đến chư Phật và chánh pháp của Phật. Mỗi sáng sớm, Thánh chúng gói ghém những hương hoa dâng lên chư Phật bằng tất cả tấm lòng chân thành của chính người ấy.

Cõi Cực Lạc thành tựu sự trang nghiêm như thế là bởi công đức và đạo hạnh của Đức Phật A Di Đà. Sự trang nghiêm ở công đức trí huệ đã được gầy dựng lên tại cõi nước Cực Lạc là mưa Thích Ý Hoa, với nhạc trời tự động hòa xướng mỗi ngày đêm 6 thời, mặt đất đều toàn bằng vàng, tỏa ánh hào quang vô cùng rực rỡ và trang nghiêm.

Nơi cõi rất sáng đó, mọi người có thể đọc được tư tưởng của nhau, có thể giao tiếp và cảm thông với nhau bằng tâm thức (vì có Tha tâm thông). Những khi muốn đi đến một nơi nào, người ấy chỉ cần tập trung tâm trí, một lòng chuyên chú vào ý thức đó, thì chỉ trong sát na đã tới được nơi mình muốn đến (vì có Thần túc thông). Bởi thần thông diệu dụng như vậy, cho nên việc đi cúng dường những hoa trời cho trăm ngàn ức vô số chư Phật ở các phương khác chỉ trong khoảng thời gian một bữa ăn. Sát na là khoảng thời gian rất ngắn, độ chừng 1 phần 60 của một giây (1/60).

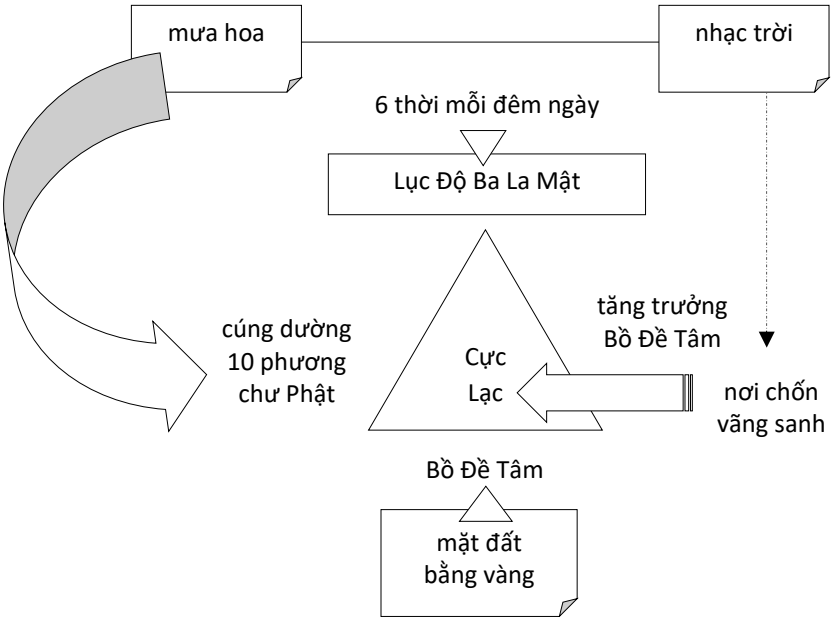

sự thành tựu công đức trang nghiêm ở cõi Cực Lạc
cõi nước Phật A Di Đà ở phương Tây

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc thường có các giống chim đủ mọi sắc màu, xinh đẹp khả ái diệu kỳ, như ngỗng, nhạn, cò, hồng hạc, khổng tước, anh vũ, yết la tần ca, mạng mạng. Các loài chim ấy ngày đêm 6 thời thường tụ họp lại, hót ca những thanh âm hòa nhã. Tùy theo thanh âm của mỗi loài chim, nhằm tuyên dương các diệu pháp, là các pháp thâm sâu Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo, vô lượng các pháp vi diệu như thế. Các chúng sanh ở cõi đó nghe những thanh âm ấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tự thân tu tập vô lượng công đức.*

Lý Giải:

Những loài chim hồng hạc (hạc màu hồng), khổng tước (công), anh vũ (két, còn gọi là anh võ), thu lộ (cò, còn gọi là xá lợi), nhạn, ngỗng (nga), yết la tần ca (tức là chim ca lăng tần già có cánh và tay, còn gọi là diệu âm điểu), mạng mạng (còn gọi là cộng mạng, chim hai đầu)… là những giống chim xinh đẹp lạ thường, có rất nhiều màu sắc khác nhau, tiếng hót êm dịu hòa nhã. Nơi cõi Cực Lạc, mọi người nghe được những tiếng chim ấy đều tăng trưởng vững chắc Bồ Đề Tâm, một lòng tôn kính và nhớ tưởng đến chư Phật, chánh pháp Như Lai và các hàng Thánh chúng. Ở Ấn Độ ngày nay, chim bạch hạc (hạc trắng) đã bị diệt chủng, chỉ còn lại một số ít loài hồng hạc ở xứ Nepal.

THẾ NÀO LÀ LỤC THÔNG?

Theo tinh thần của bản Kinh A Di Đà, những giống chim thiêng được Phật biến hóa ra để nói pháp ở cõi Cực Lạc biểu trưng cho Lục Thông của Bồ Tát. Tất cả những người được sanh về cõi nước Phật A Di Đà có đầy đủ các công đức và đạo hạnh, đều có 6 phép thần thông diệu dụng:

- Mắt thấy xa ngàn dặm (Thiên nhãn thông).
- Tai nghe xa ngàn vạn dặm, hiểu được tiếng nói của mọi loài (Thiên nhĩ thông).
- Biết được tâm tưởng của người khác (Tha tâm thông).
- Biết rõ về nhiều kiếp trước (Túc mạng thông).
- Biến hoá vô cùng tự tại (Thần túc thông).
- Đoạn dứt tất cả phiền não (Lậu tận thông).

Tuy vậy, mục đích tu niệm không phải là để được các phép thần thông. Mục đích chân chánh của việc niệm Phật là để chuyên nhất tâm tưởng. Do vậy, khi chấp trì danh hiệu Phật thì phải chấp

trì với tâm không mong cầu bất cứ điều gì. Đừng quá bám níu để trở thành một cái gì khác lạ, ngay cả quả vị cứu cánh là để đạt đến cảnh giới Nhất Tâm, diệt tận phiền não, tự tại tâm thức, vượt thoát bể khổ trầm luân.

Hãy tinh tấn mà niệm Phật với tâm xả ly tất cả pháp. Hãy buông xuống vạn duyên, cẩn thiết hành trì, đêm ngày hệ niệm, Phật hiệu A Di Đà. Mỗi ngày như mọi ngày, người niệm Phật chỉ biết thành tâm mà niệm Phật, với tâm vô mong cầu. Trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật, Ngài đại Bồ Tát Phổ Hiền đã tuyên thuyết về lý nghĩa của câu Phật hiệu A Di Đà: *"Nam Mô là ly trần, A Di Đà là ly căn, Phật là ly thức"*.

Niệm Phật với tâm xả ly như vậy, xả ly 6 trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), xả ly 6 căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, não), xả ly 6 thức (thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, ý thức), không chấp chặt vào căn trần thức mà sanh tâm loạn tưởng, đấy là niệm Phật đúng như bản ý của lời Phật dạy: *"Trong khi xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật, người niệm Phật phải phát khởi cái tâm thái lìa bỏ tất cả. Lìa bỏ, nghĩa là không trụ tướng mà niệm Phật, không dính mắc mà niệm Phật, không nắm giữ mà niệm Phật, không tương ưng mà niệm Phật, không đối đãi mà niệm Phật, không chống trái mà niệm Phật, không cầu mong mà niệm Phật, không nhiễm duyên mà niệm Phật."*

Người niệm Phật ngày đêm cẩn thiết chấp trì danh hiệu Phật, dẫu cho rằng chỉ còn một hơi thở cuối cùng, người niệm Phật vẫn một lòng trì giữ tiếng niệm A Di Đà trong tâm trí. Niệm Phật tinh tấn và nghiêm mật như vậy, gọi là chân chánh chấp trì danh hiệu Phật.

Các tiếng pháp qua sự diễn xướng 6 thời của các loài chim, là những pháp Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ

Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo, tổng cộng là 37 phẩm trợ đạo (4 + 4 + 4 + 5 + 5 + 7 + 8 = 37).

THẾ NÀO LÀ TỨ NIỆM XỨ?

Tứ Niệm Xứ là 4 lãnh vực quán niệm về thân và tâm trong từng mỗi phút giây thực tại để nuôi giữ chánh niệm:

- Quán thân trên thân: hơi thở, oai nghi, cử động...
- Quán thọ trên thọ: lạc thọ, khổ thọ, xả thọ...
- Quán tâm trên tâm: tham sân si...
- Quán pháp trên pháp: 5 uẩn, 6 giác quan…

Người niệm Phật có thể chấp trì danh hiệu Phật dựa trên hơi thở vào ra để giúp phần chuyên nhất tâm ý trong phút giây hiện tại. Thở vào, niệm A Di. Thở ra, niệm Đà Phật. Hoặc có thể trì niệm câu Phật hiệu trong những lúc đi kinh hành. Chân trái bước tới, niệm A Di. Chân phải bước tới, niệm Đà Phật.

THẾ NÀO LÀ TỨ CHÁNH CẦN?

Tứ Chánh Cần còn gọi là Tứ Chánh Đoạn, là 4 điều chuyên cần hợp với chánh đạo:

- Ngăn ngừa những điều ác chưa phát sinh.
- Trừ diệt những điều ác đã phát sinh.
- Làm sanh khởi những điều lành chưa phát sinh.
- Tăng trưởng những điều lành đã phát sinh.

Người niệm Phật phải nghiêm cẩn tu giữ 4 điều chân chánh của Tứ Chánh Cần trong từng mỗi phút giây, bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào, bất cứ hoàn cảnh nào, trên cả 3 bình diện: ý nghĩ, lời nói, hành động (thân khẩu ý). Đó chính là pháp tu tổng trì của

84.000 giáo pháp Như Lai, để chuyển nghiệp đi lên và giúp phần tăng trưởng công đức đạo hạnh của người tu Phật.

THẾ NÀO LÀ TỨ NHƯ Ý TÚC?

Tứ Như Ý Túc, còn gọi là Tứ Thần Túc, là bốn điều ước nguyện để nương tựa tu tập cho đạt đến kết quả như ý:

- Mong muốn tu các pháp lành cho được như ý.
- Tinh tấn tu tập các pháp lành cho được như ý.
- Chuyên nhất vào các pháp tu cho được như ý.
- Sáng suốt quán sát tu tập cho được như ý.

Với sự mong muốn tìm học tu tập theo chánh pháp Như Lai, với sự tinh tấn nghiêm mật trì giữ câu Phật hiệu A Di Đà, để giúp phần chuyên nhất tâm tưởng, làm sanh khởi 2 yếu tố chánh kiến và chánh tư duy, đạt đến trí tuệ sáng suốt, nhận biết và quán sát sự việc đúng như thật.

THẾ NÀO LÀ NGŨ CĂN?

Ngũ Căn là 5 cội rễ làm căn bản phước huệ để tu trì:

- Tin tưởng vào chánh pháp (Tín căn).
- Dũng mãnh tu tập theo chánh pháp (Tấn căn).
- Nhớ tưởng chánh pháp (Niệm căn).
- Thu nhiếp tâm theo chánh pháp (Định căn).
- Trí tuệ chiếu soi sáng suốt (Huệ căn).

Người niệm Phật phải phát khởi niềm tin thật vững chắc, tin vào lý nhân quả, tin vào luật nghiệp báo, luân hồi và duyên sanh, nghiêm cẩn chuyên cần tu tập theo lời Phật dạy, ngày đêm nhớ tưởng đến chánh pháp của Phật, tâm ý luôn hướng về các điều lành và các cõi lành, 6 thời đêm ngày cố gắng trì giữ câu Phật

hiệu A Di Đà không buông lơi, để chuyên nhất tâm tưởng, phát triển trí huệ, chuyển Thức thành Trí, đạt đến quả vị Thánh trên con đường tìm cầu giải thoát tâm linh.

THẾ NÀO LÀ NGŨ LỰC?

Ngũ Lực là 5 sức mạnh làm tăng trưởng Ngũ Căn, phá trừ tất cả mọi chướng ngại trên bước đường tu đạo:

- Tín lực, phá trừ lòng tin sai lầm.
- Tấn lực, phá trừ sự biếng nhác.
- Niệm lực, phá trừ các tà ý.
- Định lực, phá trừ mọi loạn tưởng.
- Huệ lực, phá trừ sự ngu mê.

Có niềm tin vững chắc, cùng dựa trên sự trợ lực của yếu tố Tinh Tấn, người niệm Phật ngày đêm trì giữ câu Phật hiệu A Di Đà không chán mỏi, không mong cầu, không hoài nghi. Niệm Phật chuyên cần và cẩn mật như thế thì mới có thể làm tăng trưởng 2 yếu tố Định và Huệ, phá vỡ bức tường Vô Minh đã che mờ chân tánh từ bao ngàn kiếp trước.

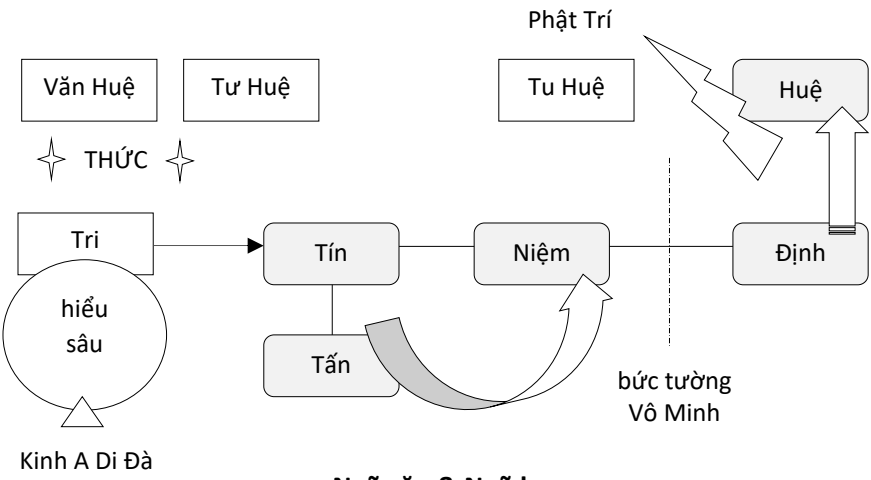

Ngũ căn & Ngũ lực
Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ
5 mắt xích hành trang công đức để tu trì

THẾ NÀO LÀ TÍN LỰC?

Trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật, Phật Thích Ca nói: *"Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào đủ lòng tin, thì chỉ cần chuyên nhất xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, suốt cả sáu thời trong ngày và giữ trọn đời không thay đổi, thì hiện tiền chiêu cảm được y báo và chánh báo của Phật A Di Đà ở cõi Cực Lạc."*

Đức Phật Thích Ca và tất cả chư Phật mười phương đã nhiều lần khuyến tín, khuyên dẫn, xưng dương, tán thán, với lời chân thật, về sự phải nên TIN vào bản Kinh A Di Đà, vào pháp môn Niệm Phật, vào công đức trí huệ thành tựu của Phật A Di Đà. Chúng ta phải có lòng TIN vững và chắc như thế, thì mới có thể tu trì tinh tấn và có cứu cánh Niết Bàn để hướng tâm mà phát nguyện sanh về.

TÍN là nền tảng, là cửa vào của pháp tu Nhất Hạnh Tam Muội. Niềm tin có kiên cố và vững chắc là ở sự nương vào ánh sáng trí tuệ của TRI, tức là 2 yếu tố Văn Huệ và Tư Huệ ở giai đoạn Tri Thức, đọc tụng kinh điển, học hiểu chánh pháp, nắm giữ được cương lĩnh của đạo, thấu suốt được nghĩa lý của kinh, nghiêm cẩn tu trì đúng theo bản ý của lời Phật dạy.

TRI là để hiểu sâu, thấu hiểu được lời Phật dạy, tinh tấn tu trì, đạt đến trí tuệ tâm linh, thì gọi là TRÍ (tức là Tu Huệ). TÍN dựa vào 2 yếu tố TRI và TRÍ, thì niềm tin sẽ càng thêm vững mạnh và bền chắc, làm tăng trưởng 3 yếu tố NIỆM ĐỊNH HUỆ.

4 pháp chính trong 37 phẩm trợ đạo mà các giống chim diễn xướng qua 6 thời ở cõi Cực Lạc, bao gồm các pháp Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo, đó là 4 mắt xích phối hợp thành một chuỗi qua 3 nhóm chung là Tấn Niệm Định.

Sự đan kết vào nhau giữa 3 yếu tố Tấn Niệm Định, làm thành một khối KIM CANG của giáo nghĩa trợ đạo Ba La Mật tối thượng. Đó là các pháp trợ đạo vô cùng vi diệu mà người niệm Phật phải nương dựa vào những lý nghĩa đó để phát khởi tín tâm, nghiêm cẩn tu trì, đạt đến cảnh giới Nhất Hạnh Tam Muội, vượt đến bờ bên kia của sự giải thoát.

Giáo nghĩa trợ đạo nầy, theo phương cách hành trì Mặc Niệm, hoặc Kim Cang Trì, giúp cho người tu học có nền tảng vững chắc để nương theo đó mà tu dưỡng công đức trí huệ và đạo hạnh. Người niệm Phật phải khẩn thành nghiêm kính và thiết tha trì niệm danh hiệu A Di Đà, để nuôi dưỡng chánh niệm trong từng mỗi phút giây thực tại, bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào.

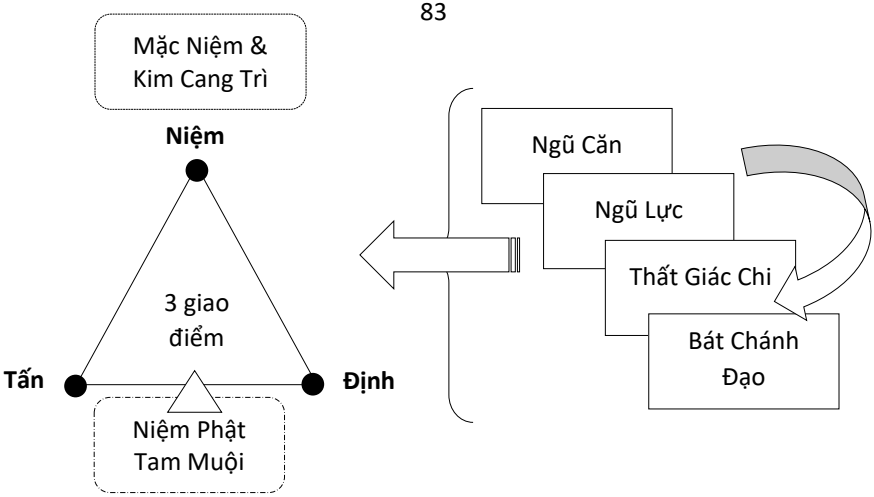

Tấn Niệm Định
người niệm Phật buộc tâm và ý vào danh hiệu Phật,
để chuyên nhất tâm tưởng và trì giữ định lực

THẾ NÀO LÀ MẶC NIỆM?

Thọ trì danh hiệu theo pháp Mặc Niệm là niệm trong tâm, không động môi, không phát ra tiếng bên ngoài. Những khi nghỉ ngơi, hoặc đang ngồi chờ đợi một ai đó, hoặc đứng đợi xe, hoặc ngồi trên xe, hoặc đang uống trà… người niệm Phật có thể nhẹ nhàng thầm niệm câu Phật hiệu A Di Đà trong tâm tưởng để quen dần với pháp Mặc Niệm.

Trên bước đầu tu tập, người niệm Phật nên thường ngồi yên tịnh một mình, cố gắng giữ tâm cho tĩnh lặng, lắng lòng mà niệm Phật. Điều quan trọng của pháp Trì Danh Niệm Phật theo cách Mặc Niệm là phải lắng nghe tiếng niệm trong tâm cho phân minh rõ ràng, buộc ý niệm trên câu Phật hiệu chẳng buông lơi, chẳng mong cầu. Niệm từng chữ, ý thức chánh niệm trên từng chữ. Đừng niệm quá nhanh vì dễ bị niệm dối. Đừng chạy theo số lượng nhiều mà niệm tán loạn.

Như thế, mỗi khi trì niệm, chuyên chú tất cả tâm ý vào danh hiệu Phật và dùng tâm để lắng nghe từng mỗi tiếng niệm trong tâm. Danh hiệu A Di Đà Phật có công năng vô cùng diệu dụng và tối thắng, qua công phu trì niệm tinh tấn và nghiêm mật của người tu trì, được đúc thành một khối KIM CANG TỨ CÚ KỆ vô cùng vững chắc, có lực dụng thanh lọc thân tâm và diệt trừ muôn ngàn tội báo trong nhiều kiếp quá khứ. Điểm mật yếu ở đây, theo lời Phật dạy, là sự nghiêm cẩn chân thành của người niệm Phật, cùng với sự tinh tấn trì giữ tâm ý chuyên nhất trên câu Phật hiệu (hệ niệm). Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Phật nói: *"Chí tâm xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà, mỗi mỗi niệm tiêu trừ được trọng tội trong 80 ức kiếp sanh tử."*

Mỗi khi hành trì, chợt nhận biết là mình quên niệm, thì chớ bực bội với bản thân, cũng đừng đổ lỗi cho bất cứ một ai. Hãy nhẹ nhàng trở về với câu Phật hiệu và tiếp tục trì niệm. Với pháp Mặc Niệm (niệm trong tâm), một khi đã tu tập thuần thành, người niệm Phật có thể miên mật áp dụng phương thức nầy trong đời sống sinh hoạt hàng ngày, trong bất cứ oai nghi nào, bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào.

THẾ NÀO LÀ KIM CANG TRÌ?

Kim Cang Trì là niệm thầm, chỉ khẽ động môi, không phát ra tiếng bên ngoài. Niệm chậm rãi và rõ ràng từng chữ một. Mỗi một câu niệm, người niệm Phật phải dồn hết tâm trí để lắng nghe từng mỗi tiếng niệm trong tâm. Người niệm Phật phải dựa vào phương pháp chú tâm như thế để nuôi giữ chánh niệm và chuyên nhất tâm tưởng.

THẾ NÀO LÀ KIM CANG TỨ CÚ KỆ?

Đó là lưỡi gươm sắc bén làm bằng ngọc báu của trí tuệ, có thể chặt đứt mọi phiền não, tà kiến, tham sân si mạn nghi (tham lam,

sân hận, ngu mê, ngạo mạn, nghi ngờ). Tứ Cú Kệ là tinh túy cốt tủy của Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật: *"vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng"*. Sự chấp trước vào nhân ngã tướng là những trở ngại rất lớn trên bước đường tu đạo mà người niệm Phật thường hay bị mắc phải.

THẾ NÀO LÀ NGÃ TƯỚNG?

Nghĩ rằng mình có cái tốt, cái giỏi hơn người, cái thiện lành hơn người, nên sanh tâm kiêu ngạo chính mình. Trừ diệt được cái chấp về ngã tướng thì gọi là vô ngã tướng.

THẾ NÀO LÀ NHÂN TƯỚNG?

Nghĩ rằng mình giữ giới, ăn chay, niệm Phật để được sanh về Cực Lạc, nên khinh rẻ những người chẳng giữ giới, chẳng ăn chay, chẳng niệm Phật. Trừ diệt được cái chấp về nhân tướng thì gọi là vô nhân tướng.

THẾ NÀO LÀ CHÚNG SANH TƯỚNG?

Nghĩ rằng mình tu đạo Bồ Tát, nhàm chán cõi ta bà ô trược nầy, muốn sanh về các cõi huyền nhiệm của chư Phật, mà ruồng bỏ chán ghét chúng sanh. Trừ diệt được cái chấp về chúng sanh tướng thì gọi là vô chúng sanh tướng.

THẾ NÀO LÀ THỌ GIẢ TƯỚNG?

Nghĩ rằng mình vì muốn tạo nhận nhiều công đức để nuôi dưỡng cái đạo hạnh cho riêng mình mà ráng làm điều lành. Trừ diệt được cái chấp về thọ giả tướng thì gọi là vô thọ giả tướng.

Đức Thế Tôn dạy rằng, muốn trừ diệt những chấp tướng, thì phải an trụ tâm vào chỗ không chỗ trụ và quán chiếu tất cả mọi vật, mọi việc trên thế gian nầy chỉ là cơn gió huyễn mộng. Trong

Kinh Kim Cang, Phật nói: *"Tất cả những gì có hình tướng, như chiêm bao huyễn ảo, như bọt nước bóng mờ, như sương mù cũng như ánh chớp, phải nên quán sát là như vậy."*

Trong thời mạt pháp 10.000 năm, muốn tu hành để trừ diệt những chấp chặt về ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, thì không có pháp môn nào thù thắng hơn pháp Trì Danh Niệm Phật. Phải an trụ tâm trên danh hiệu Phật (hệ niệm), dùng tiếng niệm Phật để dứt trừ những chấp trước về nhân ngã tướng (bất loạn). Khi trì niệm, người niệm Phật phải dùng tiếng niệm A Di Đà, nhẹ nhàng độ thoát *"tất cả mọi vọng niệm về chúng sanh"* vào chỗ vô sanh. Đó gọi là chân chánh niệm Phật theo tinh thần lý nghĩa của lời Phật dạy.

Khi niệm Phật đến một trình độ nào đó, người niệm Phật sẽ thấy và hiểu một cách rất sâu xa, về tất cả mọi sự vật chung quanh đúng như bản chất thật sự của chúng. Tất cả mọi hữu thể là sự kết hợp của vạn duyên, và sự kết hợp cứ như vậy mà chuyển biến không ngừng. Mọi vật thể không có thực thể riêng biệt. Tất cả mọi sự vật sanh khởi, tăng trưởng, suy yếu, tàn hoại đều có những khởi duyên và hoại duyên theo cùng với. Bởi bản chất vô thường của chúng là như vậy, nên tất cả những gì có hình tướng trên cõi thế gian nầy giống như chiêm bao, huyễn ảo, bọt nước, bóng mờ, sương mù, ánh chớp. Hòa thượng Hải Hiền (1900-2013) đã nhiều lần khuyên dạy: *"Chăm chỉ niệm Phật, thành Phật là thật, còn lại đều là giả."*

Theo tinh thần của bản Kinh A Di Đà, 2 pháp chính làm nền tảng trợ lực cho pháp môn Niệm Phật là Ngũ Căn và Ngũ Lực, kết hợp với nhau như gốc rễ và thân cành lá, qua 5 nhóm chung là Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ. Trong đó, Tín là quan trọng nhất vì là cái nhân khởi đầu trong pháp tu Niệm Phật, và Huệ là cái quả của rốt ráo sau cùng. Có Tín vững chắc thì mới có Nguyện thiết

tha, có Hành tinh chuyên, có Định của Hệ Niệm Bất Loạn, có sự viên mãn sáng suốt của Huệ.

Dựa trên 2 phạm trù là chánh kiến và chánh tư duy của Bát Chánh Đạo (tức là sự hiểu biết chân chánh và sự suy nghĩ chân chánh) cùng với yếu tố Trạch pháp của Thất Giác Chi (tức là sự quán sát các pháp, biện giải đúng lý nghĩa). Tất cả 3 trọng điểm nầy đan kết vào nhau, hỗ trợ với nhau, từ đấy phát triển sự thấy, sự hiểu, sự tư duy thâm sâu trên giáo nghĩa vi diệu của bản Kinh A Di Đà, giúp ta nhìn thấu suốt mọi nghĩa lý huyền ẩn nhiệm mầu của danh hiệu A Di Đà Phật.

Đấy là những điểm tương quan, hợp phối với nhau trên lãnh vực Tri Thức, đưa đến sự thành tựu của cái thấy biết có trí huệ (gọi là Văn Huệ và Tư Huệ), có nghĩa là trí huệ đạt được từ sự suy tư hiểu biết qua tri thức và sự lắng nghe, học hiểu qua nghĩa lý văn tự. Đồng thời, cùng với sự tinh tấn trì niệm danh hiệu Phật ngày đêm 6 thời, một cách chí thành và nghiêm mật, đưa đến sự thành tựu Hệ Niệm Bất Loạn, phát triển trí tuệ sáng suốt (gọi là Tu Huệ), tức là trí huệ đạt được do sự tu hành miên mật, chuyên nhất chấp trì danh hiệu Phật.

Các pháp Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo, là 4 pháp chính mà các giống chim kỳ diệu cùng nhau diễn xướng qua mỗi ngày đêm 6 thời. Những pháp nhiệm mầu như thế và nhiều pháp nhiệm mầu khác nữa, bao gồm Tứ Vô Lượng Tâm, Lục Độ Ba La Mật, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Tứ Niệm Xứ, Tứ Diệu Đế, Thập Thiện Nghiệp, Tứ Nhiếp Pháp.

Ý NGHĨA CỦA DANH HIỆU A DI ĐÀ PHẬT

A Di Đà Phật là sáng chói vô biên, sống lâu vô cùng, diệu hạnh vô ngần, công đức vô lượng, trí tuệ vô tận. A Di Đà Phật là Vô

Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Vô ngã tướng, Vô nhân tướng, Vô chúng sanh tướng, Vô thọ giả tướng.

A là tất cả mười phương tam thế chư Phật trong 3 thời quá khứ, hiện tại, vị lai. Di là tất cả chư vị Bồ Tát và Thánh chúng trong các cõi giới. Đà là tất cả 84.000 kinh giáo của Đức Như Lai. Phật là tỉnh giác, sáng suốt, trí huệ, nhẫn nhục, từ bi.

Nam Mô (tiếng Phạn là Namah, tiếng Pali là Namo) có nghĩa là quy y, quy mạng, quy lễ, quy ngưỡng, kính bái, kính lễ, phụng thờ, trở về nương tựa. A Di Đà Phật là danh hiệu của Phật A Di Đà. Nam Mô A Di Đà Phật là quy y Phật A Di Đà, là trở về nương tựa vào Đức Phật A Di Đà.

Trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật, Ngài đại Bồ Tát Phổ Hiền đã tuyên thuyết: *"Nam Mô là giới luật, A Di Đà là thiền định, Phật là trí tuệ. Nam Mô là ly trần, A Di Đà là ly căn, Phật là ly thức."* Như vậy, Nam Mô A Di Đà Phật là Giới Định Huệ, là xả ly tất cả Căn Trần Thức không chấp chặt vướng mắc.

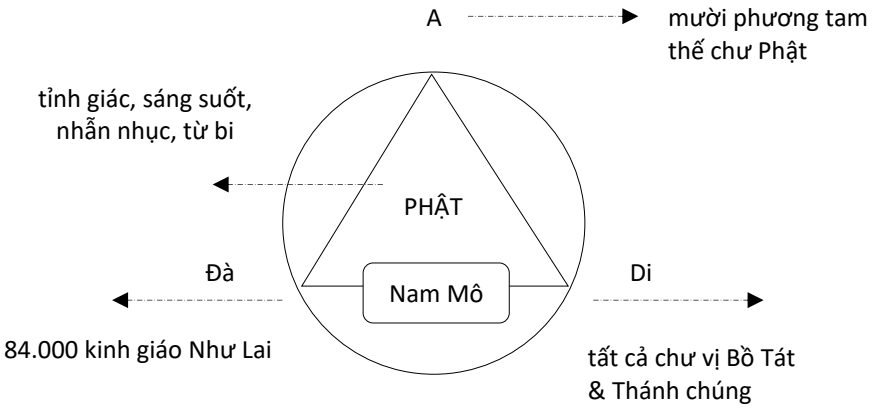

ý nghĩa huyền diệu của danh hiệu A Di Đà Phật

A là tất cả mười phương tam thế chư Phật

THẾ NÀO LÀ TỨ NHIẾP PHÁP?

Tứ Nhiếp Pháp là 4 phương pháp để nhiếp thọ chúng sanh theo về với chánh đạo:

- Bố thí để đưa dẫn người đến với chánh đạo.
- Nói lời dịu dàng để giúp người an trụ nơi chánh đạo.
- Làm lợi ích cho người để cùng nhau an trụ nơi chánh đạo.
- Làm việc chung với người để cùng hướng về chánh đạo.

Người niệm Phật, bước vào đời, phải nên lấy bố thí và dịu ngữ làm bước hành trì, để dẫn đưa mình và người cùng đến gần hơn với chánh pháp của Phật, làm những điều lợi ích cho người, cùng làm việc chung với người, cùng giúp đỡ hỗ trợ cho nhau, để cùng hướng về an trụ nơi chánh pháp của Đức Phật.

THẾ NÀO LÀ TỨ DIỆU ĐẾ?

Tứ Diệu Đế còn gọi là Tứ Thánh Đế, là 4 chân lý mầu nhiệm trên cuộc đời:

- Đời người là khổ với 84.000 phiền não (Khổ đế).
- Nguyên nhân của khổ là 108 ái dục (Tập đế).
- Cứu cánh sau khi diệt khổ là Niết Bàn (Diệt đế).
- Con đường để diệt khổ là 37 phẩm trợ đạo (Đạo đế).

Tất cả những gì trên thế gian nầy đều vô thường. Mọi sự việc luôn biến dịch đổi dời. Không một hình tướng nào, một tưởng suy nào nằm nguyên một trạng thái. Đó là chân lý vô thường của tất cả vạn vật trần gian. Mọi sự, mọi việc trên cuộc đời nầy đều trải qua những giai đoạn sanh khởi, biến thể, tăng trưởng, suy giảm, tàn phai, và bởi tâm chúng ta cố mãi bám níu vào sự chiếm hữu, mong cầu tất cả vẫn luôn thường hằng, vì vậy nên mới có

sự khổ. Đó là lý nghĩa của sự vô thường không chắc chắn trên cõi thế gian ta bà.

Nguyên nhân của khổ là lòng luyến ái, tham lụy, mê đắm, nuối tiếc, ích kỷ, sân hận, kiêu mạn, tà kiến, ngu mê, chấp ngã. Trong đó, gốc rễ căn bản của khổ là Vô Minh, tức là tâm thức mê mờ vì bị vọng tưởng che lấp.

Cứu cánh sau khi diệt khổ là Niết Bàn. Cảnh giới của không sanh không diệt, đã dập tắt ngọn lửa của dục vọng, thể nhập vào ánh sáng của chân tánh, đạt đến sự thanh tịnh an vui và tự tại điềm nhiên viên mãn.

Có 2 loại Niết Bàn:

- Hữu dư Niết Bàn: Người chứng đắc tuy đã trừ diệt được phiền não nhưng vẫn chưa hoàn toàn viên mãn, vì còn ở thân ngũ uẩn. Đây là quả vị của chư Phật vừa chứng đạo, các bậc A La Hán trong Tứ Quả Thanh Văn còn tại thế.
- Vô dư Niết Bàn: Người chứng đắc đã hoàn toàn giải thoát khỏi sanh tử, đã đoạn dứt tất cả mọi phiền não và ngã chấp, không còn thân ngũ uẩn. Đây là quả vị của chư Phật và các bậc A La Hán đã nhập diệt.

Con đường để chấm dứt sự khổ là 37 phẩm trợ đạo. 37 phẩm trợ đạo bao gồm các pháp: Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo, Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc (5+5+7+8+4+4+4 = 37).

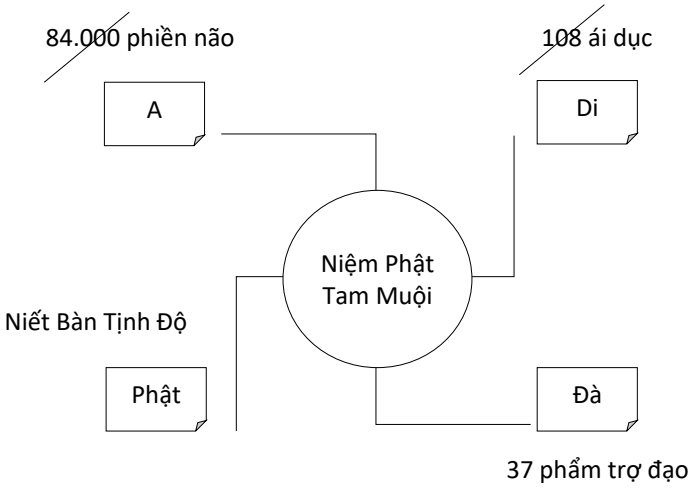

Tứ Diệu Đế

4 chân lý mầu nhiệm: Khổ, Tập, Diệt, Đạo

Pháp môn Niệm Phật Ba La Mật có công năng phá trừ 84.000 phiền não, hủy diệt 108 ái dục, làm nền tảng vững chắc cho 37 phẩm trợ đạo. Đó là con thuyền Bát Nhã đưa người niệm Phật đến cảnh giới Niết Bàn Tịnh Độ ở trong Tâm của người tu niệm, và có diệu lực thần thông vượt qua trăm ngàn ức vô số cõi Phật, thẳng tới Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.

Theo các sách Phật học luận giải, 108 loại ái dục, tính theo sáu căn là mắt tai mũi lưỡi thân não, mỗi căn bị trói buộc bởi 6 món phiền não căn bản là tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, qua 3 thời quá khứ, hiện tại, vị lai, tất cả là 108 loại (6 x 6 x 3 = 108).

THẾ NÀO LÀ TỨ QUẢ THANH VĂN?

Thanh Văn là hàng đệ tử Tiểu thừa đã chứng đắc đạo quả, đã đoạn dứt phiền não và ngã chấp. Có 4 bậc Thanh Văn, gọi là Tứ Quả Thanh Văn:

- Tu Đà Hoàn (còn gọi là quả vị Dự lưu): Người nầy đã thể nhập vào dòng Thánh nhưng vẫn phải sanh tử 7 lần nữa ở cõi ta bà vì còn bị chi phối rất nhiều bởi các phiền não của Tư hoặc.
- Tư Đà Hàm (còn gọi là quả vị Nhất lai): Người nầy chỉ còn sanh tử một lần nữa ở cõi ta bà vì đã trừ diệt được Kiến hoặc và ít nhiều phiền não của Tư hoặc.
- A Na Hàm (còn gọi là quả vị Bất lai): Người nầy chẳng còn trở lại thế giới ta bà nữa vì đã trừ diệt tất cả mọi phiền não của Kiến hoặc và Tư hoặc ở cõi Dục.
- A La Hán (còn gọi là quả vị Vô sinh): Người nầy đã chứng đạo viên mãn, đã liễu thoát sanh tử, đã trừ diệt tất cả mọi phiền não của Kiến hoặc và Tư hoặc trong Tam giới.

THẾ NÀO LÀ TAM GIỚI?

Đó là 3 cõi: Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới, tức là Lục Đạo.

- Cõi Dục: Cảnh giới của dục vọng, đó là các cõi Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, A Tố Lạc, Người, và những cõi Trời Tứ Thiên Vương, Đao Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại.
- Cõi Sắc: Cảnh giới phúc hạnh của Thiền, có sắc thể, được kiến lập trong hư không của các bậc Phạm Thiên (tức là các vị Trời đã dứt trừ mọi tham dục).
- Cõi Vô Sắc: Cảnh giới vi diệu của Thiền, không có sắc thể, đó là cõi Tâm Thức được xây dựng trong hư không, các vị ở cõi nầy có thọ mạng lâu dài nhất trong 3 cõi.

Theo tinh thần của bản Kinh A Di Đà, Niết Bàn Cực Lạc của Phật A Di Đà là cõi sáng vĩnh hằng, miền an dưỡng thiêng liêng và kỳ diệu, nơi chốn của công đức trí huệ và đạo hạnh, ở ngoài Tam giới, cách xa thế giới ta bà trên trăm ngàn ức vô số cõi Phật.

Nếu nói về lý (thực tướng), Cực Lạc là cảnh giới thanh tịnh nhiệm mầu ở trong tâm của người niệm Phật, đó là Tự Tánh A Di Đà Vô Lượng Quang Vô Lượng Thọ. Khi người niệm Phật đạt được cảnh giới Niệm Phật Tam Muội, thì Niết Bàn Cực Lạc ở ngay trên thế giới ta bà nầy.

THẾ NÀO LÀ KIẾN HOẶC?

Kiến hoặc là 10 món phiền não do sự chấp trước vào thân và cảnh mà khởi sinh ra ý thức phân biệt sai lầm.

Đấy là những phiền não gắn liền với ý thức và chỉ phát khởi trên phương diện ý thức. Đó là tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến, tà kiến:

- Ý niệm tham muốn.
- Ý niệm giận dữ.
- Ý niệm ngu mê, lầm lạc.
- Nghĩ mình hơn người nên khinh người.
- Không có lòng tin vào chánh pháp.
- Chấp thân nầy là Ta.
- Cái nhìn cực đoan, phiến diện.
- Chấp giữ lấy sự hiểu biết sai lầm của mình.
- Làm theo lời răn cấm của ngoại đạo.
- Mê tín dị đoan.

Năm món cuối thuộc về thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến, tà kiến, còn gọi là Ngũ Lợi Sử (5 món phiền não chấp trước).

THẾ NÀO LÀ TƯ HOẶC?

Tư hoặc là 4 món phiền não ăn sâu vào gốc rễ tâm tánh của con người qua muôn ngàn kiếp trước. Đó là tham sân si mạn (tham

đắm, giận dữ, si mê, kiêu mạn) do sự mê đắm chấp ngã mà có, còn gọi là Tứ Độn Sử (4 món phiền não gốc rễ).

Đấy là những phiền não gắn liền với ý thức và biểu hiện qua lời nói và hành động trong đời sống hàng ngày, là những phiền não cốt tủy, sâu dầy, rất khó trừ diệt cho hết sạch.

Người tu đạo phải dùng tiếng niệm Phật A Di Đà để ngăn chặn và quét sạch những phiền não của 10 món Kiến hoặc và 4 món Tư hoặc.

THẾ NÀO LÀ THẬP THIỆN NGHIỆP?

Thập Thiện Nghiệp là 10 nghiệp lành để tu phước:

- Không sát hại mà phóng sanh.
- Không trộm cướp mà bố thí.
- Không tà dâm mà hành động đoan chánh.
- Không nói dối mà nói lời chân thật.
- Không nói thêu dệt mà nói đúng lý.
- Không nói lưỡi hai chiều mà nói điều hòa thuận.
- Không nói lời hung ác mà nói lời nhã nhặn.
- Không tham lam mà có lòng xả thí.
- Không sân hận mà có lòng từ ái.
- Không si mê tà kiến mà nhận hiểu sáng suốt.

Theo Kinh Vô Lượng Thọ, những chúng sanh muốn sanh về Cực Lạc, ngoài việc trì niệm danh hiệu A Di Đà Phật và chân thành phát nguyện sanh về cõi nước Tịnh Độ, người niệm Phật phải nghiêm cẩn tu giữ 10 nghiệp lành trong tâm ý, lời nói, cử chỉ và hành động, để giúp phần tăng trưởng phước hạnh và công đức trí huệ trên bước đường tìm cầu sự giải thoát. Đó là phương pháp tu trì đúng đắn theo pháp môn Niệm Phật, để chuyển nghiệp đi lên, trên cả 2 mặt Lý và Sự, đó là Tịnh nghiệp (chánh hạnh) và

Thiện nghiệp (trợ hạnh). Về Tịnh nghiệp, người tu đạo phải dùng tiếng niệm A Di Đà để nuôi dưỡng chánh niệm, ngăn ngừa và trừ diệt tất cả những sân niệm dục tưởng sanh khởi trong từng mỗi phút giây trong cuộc sống.

KINH: *Nầy Xá Lợi Tử, ý ông nghĩ sao? Các giống chim ở cõi đó có phải là loài bàng sanh ác thú không? Ông chớ nghĩ như thế. Vì sao vậy? Vì cõi Phật thanh tịnh đó không có ba đường ác, cũng không nghe nói đến tên của ba đường ác, huống gì thật có những nghiệp tội chiêu cảm mà trở thành các loài bàng sanh ấy. Nên biết, các loài chim ấy là do Phật Vô Lượng Thọ biến hóa ra để cho chúng tuyên xướng vô lượng pháp âm, làm cho các hữu tình được lợi ích an lạc. Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*

Lý Giải:

Những giống chim thiêng ở cõi Cực Lạc chẳng phải do tội báo từ nhiều kiếp trước mà sinh ra, đó chỉ là do Đức Phật A Di Đà đã làm phép biến hóa ra như vậy, để cho chúng diễn nói các pháp nhiệm mầu, vì ý nguyện của Ngài là muốn cho lý nghĩa pháp mầu luôn chan hòa và thấm nhuần thân tâm của tất cả mọi người trong cõi nước của Ngài.

Bởi vậy, nhờ ở những tiếng pháp như thế, của chim thiêng, của gió ngũ âm, của mành lưới báu, của hàng cây ngọc, của nước công đức, của mưa hoa, của nhạc trời, mà tâm Bồ Đề của hàng Thánh chúng ngày càng tăng trưởng thêm lên và không bao giờ bị lui sụt trên bước đường tu đạo. Đó cũng là ý nghĩa của Bất Thoái Chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ở cõi nước Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.

Theo tinh thần của bản Kinh A Di Đà, nơi cõi Niết Bàn Tịnh Độ ở phương Tây không có bất cứ một danh từ ác đạo nào có thể biết đến. Bởi vì các danh từ ác đạo còn chưa có, chưa được nói đến, thì làm gì có 3 đường ác của thế giới Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh ở cõi nước đó.

Đây là một trong những câu hỏi mà Đức Phật đã hỏi Ngài Xá Lợi Tử về thế giới Cực Lạc trong pháp hội giảng nói Kinh A Di Đà. Phật hỏi Ngài Xá Lợi Tử vì Ngài là người có trí tuệ bậc nhất trong hàng Thanh Văn đại đệ tử của Phật, có đầy đủ trí huệ để có thể hiểu và có thể tin về những sự mầu nhiệm ở thế giới Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc thường có gió dịu mát thổi qua các hàng cây báu và các mành lưới báu, phát ra những thanh âm vi diệu, ví như trăm ngàn ức các loại nhạc trời cùng lúc hòa chung, vang lên những âm thanh tuyệt vời, rất khả ái thưởng ngoạn. Như thế, cõi Phật đó thường có gió dịu mát thổi qua các hàng cây báu và các mành lưới báu, phát ra những thanh âm vi diệu, thuyết giảng các pháp. Các chúng sanh ở cõi đó nghe những thanh âm ấy đều phát tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, là những tác ý vô lượng công đức. Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*

Lý Giải:

Nơi cõi nước Cực Lạc, ngày đêm 6 thời, có gió dịu mát nhẹ thổi qua 7 lớp hàng cây báu và 7 lớp mành lưới báu, phát ra những thanh âm diệu kỳ của tiếng nhạc ngũ âm, là những cung bậc hợp phối của tiếng sắt, tiếng cây, tiếng nước, tiếng lửa, tiếng đất (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ), như trăm ngàn thứ nhạc cùng lúc hòa

chung, âm điệu thánh thót huyền diệu chẳng thể nghĩ bàn, diễn nói các pháp Ba La Mật vô cùng mầu nhiệm *"vô thường, khổ, vô ngã"* (Tam Pháp Ấn). Mọi người nghe được những thanh âm ấy, tất cả đều cảm thấy rất an lạc và thanh tịnh, một lòng phát tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

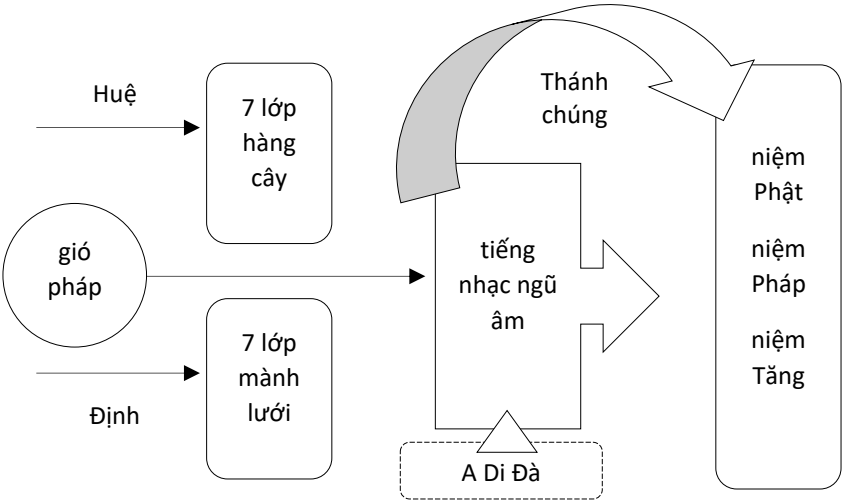

gió pháp và nhạc ngũ âm nơi cõi Cực Lạc
Thánh chúng một lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc có vô lượng vô biên những thứ chẳng thể nghĩ bàn như thế, thật là hiếm có. Giả sử, trải qua trăm ngàn ức vô số kiếp, dùng vô lượng trăm ngàn ức cái lưỡi, trên mỗi cái lưỡi phát ra vô lượng thanh âm để tán thán công đức ấy cũng chẳng thể nào tán thán cùng tận được, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*

Lý Giải:

Phật Thích Ca 11 lần nói đến công đức của sự thành tựu trang nghiêm nơi cõi nước Cực Lạc, vì Đức Phật A Di Đà có được cái quả tốt đẹp ngày hôm nay là bởi cái nhân tốt đẹp của công đức tinh tấn tu hành đã gieo trồng từ nhiều kiếp trước. Sự trang nghiêm công đức trí huệ đã được dựng lên tại cõi Cực Lạc là các giống chim biến hóa, màu sắc xinh đẹp diệu kỳ, hót ca diễn xướng các tiếng pháp vô cùng mầu nhiệm, cùng với gió ngũ âm dịu mát nhẹ thổi các hàng cây báu và các mành lưới báu, phát ra những thanh âm huyền diệu, mọi người nghe được những thanh âm ấy đều phát tâm quy ngưỡng về Tam Bảo, Phật Pháp Tăng.

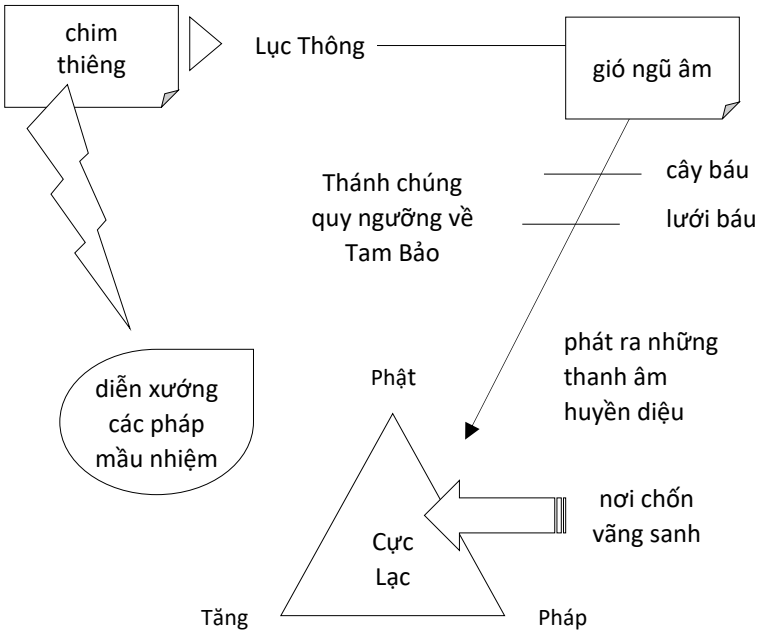

sự thành tựu công đức trang nghiêm ở cõi Cực Lạc
cõi nước Phật A Di Đà ở phương Tây và ở trong tâm
của người trì niệm danh hiệu A Di Đà Phật

CHÁNH BÁO VÔ CÙNG THÙ THẮNG

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc, vì nhân duyên gì mà Đức Phật ấy có tên là Vô Lượng Thọ? Xá Lợi Tử, do Đức Như Lai và các hữu tình ở cõi đó có thọ mạng vô lượng vô số đại kiếp. Do bởi nhân duyên ấy, cho nên Đức Như Lai ở cõi đó được gọi là Vô Lượng Thọ. Xá Lợi Tử, Đức Phật Vô Lượng Thọ chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đến nay đã được mười đại kiếp.*

Lý Giải:

Đây là một trong những câu hỏi mà Đức Phật đã hỏi Ngài Xá Lợi Tử về thế giới Cực Lạc trong pháp hội giảng nói Kinh A Di Đà. Phật hỏi Ngài Xá Lợi Tử vì Ngài là người có trí tuệ bậc nhất trong hàng Thanh Văn đại đệ tử của Phật, có đầy đủ trí huệ để có thể hiểu và có thể tin về những sự mầu nhiệm ở thế giới Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.

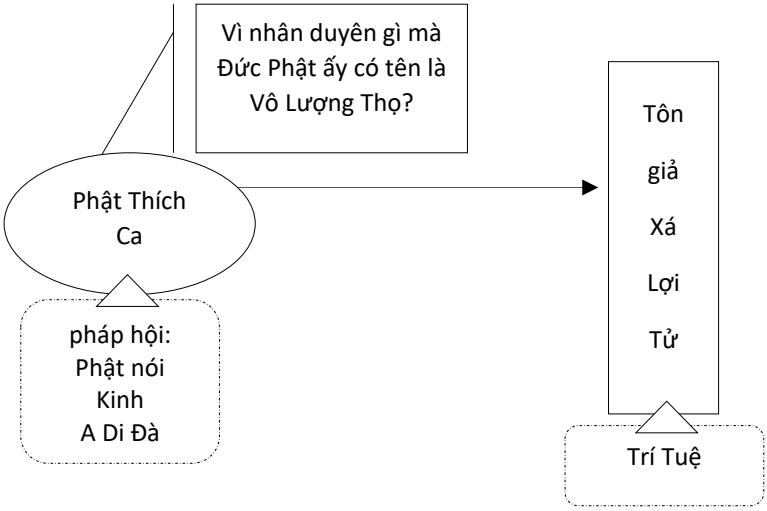

Phật hỏi Ngài Tôn giả Xá Lợi Tử
pháp hội giảng nói Kinh A Di Đà

Đức A Di Đà thành Phật cho đến nay đã trải qua 10 đại kiếp, tức là đã trên 13 tỷ năm của thế giới ta bà.

Theo các sách Phật học luận giải, 10 đại kiếp (gọi là thập đại kiếp) là khoảng thời gian rất lâu dài. Một kiếp lớn có 4 kiếp trung. Một kiếp trung có 20 kiếp nhỏ. Một kiếp nhỏ có 16.800.000 năm. Một kiếp trung có 336.000.000 năm. Một kiếp lớn có 1.344.000.000 năm. Như vậy, 10 tiểu kiếp là 168 triệu năm, 10 trung kiếp là trên 3 tỷ năm, 10 đại kiếp là trên 13 tỷ năm của thế giới ta bà.

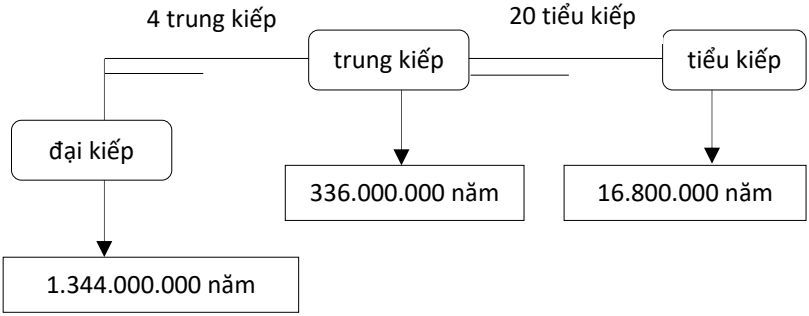

10 tiểu kiếp = 16.800.000 x 10 = 168.000.000 năm (168 triệu)
10 trung kiếp = 16.800.000 x 20 x 10 = 3.360.000.000 năm (3 tỷ)
10 đại kiếp = 16.800.000 x 4 x 20 x 10 = 13.440.000.000 năm (13 tỷ)

thập đại kiếp
10 đại kiếp là trên 13 tỷ năm

KINH: *Xá Lợi Tử, vì nhân duyên gì mà Đức Phật ấy có tên là Vô Lượng Quang? Xá Lợi Tử, do Đức Như Lai ở cõi đó thường phóng ra vô lượng vô biên ánh sáng vi diệu, chiếu soi tất cả các cõi Phật mười phương, thực hiện các Phật sự không bị chướng ngại. Do bởi nhân duyên ấy, cho nên Đức Như Lai ở cõi đó được gọi là Vô Lượng Quang. Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*

Lý Giải:

Đây là một trong những câu hỏi mà Đức Phật đã hỏi Ngài Xá Lợi Tử về thế giới Cực Lạc trong pháp hội giảng nói Kinh A Di Đà. Phật hỏi Ngài Xá Lợi Tử vì Ngài là người có trí tuệ bậc nhất trong hàng Thanh Văn đại đệ tử của Phật, có đầy đủ trí huệ để có thể hiểu và có thể tin về những sự mầu nhiệm ở thế giới Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.

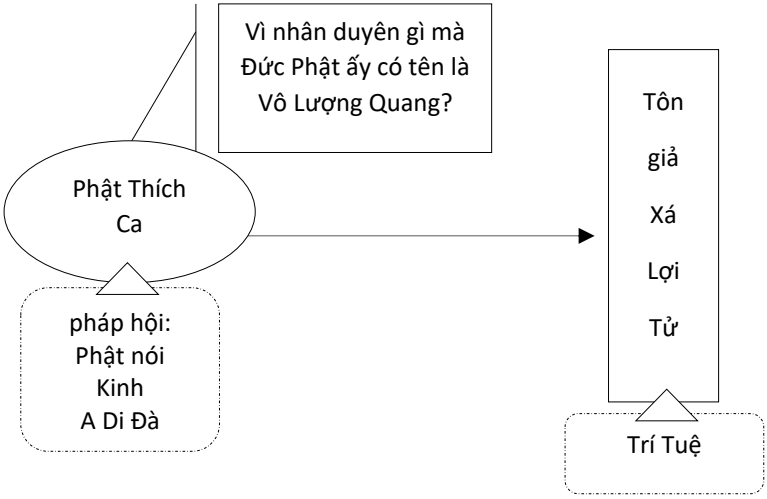

Phật hỏi Ngài Tôn giả Xá Lợi Tử
pháp hội giảng nói Kinh A Di Đà

Đức Phật A Di Đà (tiếng Phạn là Amita) là vị giáo chủ của thế giới Tây Phương Cực Lạc, là người đã phát thệ 48 lời đại nguyện để cứu độ chúng sanh. Phật A Di Đà có hào quang sáng chói vô cùng nên gọi là Vô Lượng Quang (tiếng Phạn là Amitabha), và Ngài sống lâu vô lượng vô số kiếp nên gọi là Vô Lượng Thọ (tiếng Phạn là Amitayus). Những người được sanh về cõi nước Cực Lạc của Ngài cũng đều có thọ mạng rất lâu dài, vì vậy Đức Phật đó có tên hiệu là A Di Đà. Trước khi thành Phật, Đức A Di Đà là Bồ Tát Pháp Tạng, đã từng theo tu học với Đức Như Lai Thế Gian Tự Tại Vương. Trong đời quá khứ, Ngài là vua Vô Tránh Niệm của nước San Đề.

Theo các sách Phật học tự điển, A tăng kỳ (tiếng Phạn là Asamkhya), gọi tắt là Tăng kỳ, có nghĩa là vô số. A tăng kỳ là con số một với 47 con số không, tức là lũy thừa bậc 47 của 10 (10^{47}).

Ánh sáng của Đức Phật A Di Đà chiếu soi không ngăn ngại đến tất cả mọi hữu thể và vô thể ở khắp mười phương thế giới. Mười phương (thập phương) là Đông, Nam, Tây, Bắc, Dưới, Trên, Đông Nam, Tây Nam, Tây Bắc, Đông Bắc, bao quanh núi Tu Di. Cõi Diêm Phù Đề là cõi thế gian ta bà ô trược mà chúng ta đang sinh sống đây, nằm ở phía Nam của núi Tu Di.

Những người thành tâm chân chánh tu hành đều có thể nhận được ánh hào quang hộ trì của Phật A Di Đà. Với sự cảm ứng nhiệm mầu như thế, người tu chứng Niệm Phật Tam Muội sẽ khai mở tâm thức và thể nhập vào ánh hào quang của Phật A Di Đà. Đấy là chỗ ứng hợp không ngăn ngại, không có chỗ nào bị chướng ngăn (vì vậy nên nói là thực hiện các Phật sự vô sở chướng ngại), cũng giống như sự giao tiếp 3 điểm của một vòng tròn trên hình tam giác, biểu trưng cho 3 giao điểm của hào quang cảm ứng A Di Đà:

- Yến sáng của Phật A Di Đà phóng quang hộ trì.
- Ánh sáng kỳ diệu của danh hiệu A Di Đà Phật.
- Công đức trí huệ của người trì niệm danh hiệu A Di Đà.

hào quang pháp thân Phật A Di Đà

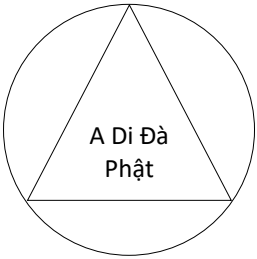

hào quang công đức trí huệ người trì niệm A Di Đà

hào quang danh hiệu Phật A Di Đà

vô sở chướng ngại
thực hiện các Phật sự không bị chướng ngăn

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ thường có vô lượng Thanh Văn đệ tử, tất cả đều là bậc đại A La Hán, đầy đủ các công đức vi diệu, số lượng vô biên chẳng thể nào tính kể. Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc. Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ thường có vô lượng Bồ Tát đệ tử, tất cả đều là bậc Nhất Sanh Sở Hệ, đầy đủ các công đức vi diệu, số lượng vô biên chẳng thể nào tính kể. Giả sử, trải qua vô lượng vô số kiếp để tán thán công đức ấy cũng chẳng thể nào tán thán cùng tận được. Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*

Lý Giải:

Đức Phật A Di Đà có vô số hàng Thanh Văn đệ tử và chúng Bồ Tát ở cõi nước của Ngài, nhiều vô số không thể nào tính đếm mà có thể biết được, dù cho bậc A La Hán có Thiên nhãn thông cũng chẳng thể nào tính đếm mà biết được số lượng, vì vậy nên Đức Thế Tôn nói là nhiều vô số vô lượng vô biên.

Bồ Tát (còn gọi là Bồ Đề Tát Đỏa) là hàng đệ tử đại thừa của Phật, đã chứng đắc đạo quả, có đức hạnh từ bi rộng lớn, luôn thực hành hạnh độ tha, tùy phương tiện mà giáo hóa chúng sanh, giúp đời và cứu người thoát khổ. Chúng Bồ Tát là biểu trưng cho Trung Đạo, ở giữa 2 đường nhị biên là các bậc Thanh Văn tiểu thừa của Phật và các hàng ngoại hộ Thiên, Thần, Rồng, A Tố Lạc, Cư sĩ, Trưởng giả.

Lần nữa, Đức Phật đề cập đến sự thành tựu trang nghiêm công đức ở cõi Cực Lạc. Người dân ở cõi đó đều có thọ mạng rất lâu dài, 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, thân sắc chói sáng hào quang và không bao giờ bị hư hoại, vì vậy nên gọi là thân kim cang Na La Diên. Na La Diên là vị Bồ Tát ở cõi Trời, có thân xác cứng chắc và kiên cố như chất báu kim cang.

Cõi nước Cực Lạc là nơi tụ hội của các bậc Thượng thiện nhân, Đại sĩ, A La Hán, Thanh Văn, Bồ Tát và các vị Thánh thuộc hàng đệ tử Nhất Sanh Sở Hệ của chư Phật.

Thế giới Cực Lạc có được sự thành tựu trang nghiêm như thế là bởi công đức của Phật A Di Đà. Đã qua nhiều kiếp, cái nhân tốt hôm qua mà Đức Phật A Di Đà đã gieo thành cái quả ngày hôm nay, là vùng đất an lành, là ao hồ ngọc báu, cho chúng sanh có nơi để phát nguyện sanh về. Chúng ta được vãng sanh về đó, cái mà mình có thể mang theo được là Công Đức Trí Huệ của chính mình đã tích tập từ nhiều kiếp trước và trong kiếp nầy.

Vì vậy, thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà có thể được quán tưởng là một thế giới rất nhiệm mầu, an vui, thành tựu bởi Công Đức Trí Huệ, một cõi sáng vĩnh hằng để mọi người cùng nhau đem về đó công đức, hồi hướng về đó công đức, tu tạo thêm công đức, góp dựng thêm công đức, và gìn giữ mãi công đức trang nghiêm Cực Lạc như thế.

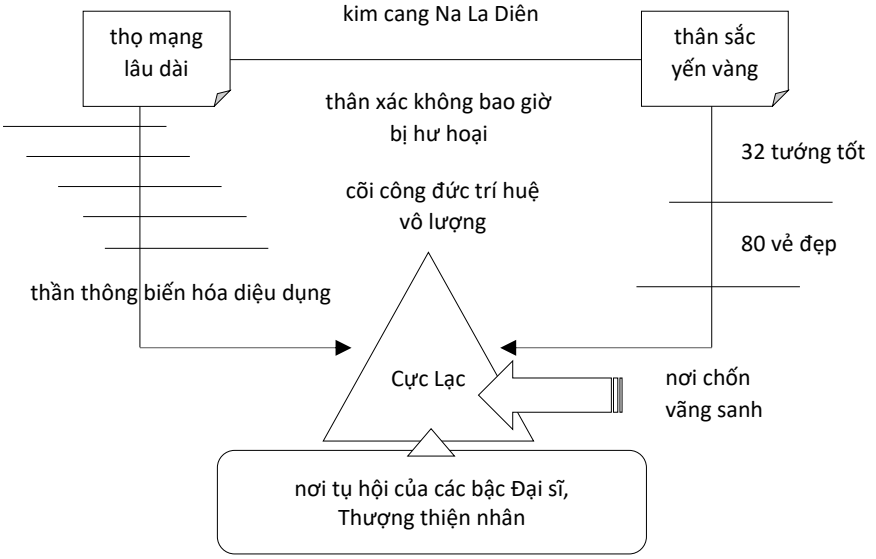

sự thành tựu công đức trang nghiêm ở cõi Cực Lạc
cõi Phật A Di Đà ở phương Tây và ở trong tâm
của người trì niệm danh hiệu A Di Đà Phật

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, nếu có hữu tình nào sanh về cõi đó, thì đều là bậc Bất Thoái Chuyển, quyết chắc không bị sa đọa vào các nẻo hiểm nguy ác thú, các chốn biên địa man dã hạ tiện, mà thường du hành đến các quốc độ thanh tịnh, hạnh nguyện thù thắng, niệm niệm tăng tiến, nhất định sẽ chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*

Lý Giải:

Những Thánh chúng, nếu được sanh về cõi Tịnh Độ Cực Lạc, thì đều là bậc Bất Thoái Chuyển, sẽ chẳng bao giờ bị sa đọa vào các nẻo ác thú hiểm nguy, hoặc những nơi chốn man dã, mà chỉ thường du hành đến các nước Phật thanh tịnh trang nghiêm. Ngày mỗi tăng trưởng đạo hạnh diệu đức, ngày đêm 6 thời tinh tấn tu trì hướng về Phật quả. Nhất định tương lai sẽ chứng đắc quả vị A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Bất Thoái Chuyển, còn gọi là A Bệ Bạt Trí (tiếng Phạn), có nghĩa là chẳng bao giờ bị lui chuyển, ngừng bước hoặc chán mỏi trên con đường tiến tu đến quả vị Phật.

Có 4 bậc Bất Thoái:

- Không còn thoái đọa trong đường sanh tử (Vị bất thoái).
- Nơi hạnh tự lợi, lợi tha không còn lui sụt (Hạnh bất thoái).
- Không còn một niệm nào thoái chuyển (Niệm bất thoái).
- Chẳng lùi bước nơi đạo giải thoát (Cứu cánh bất thoái).

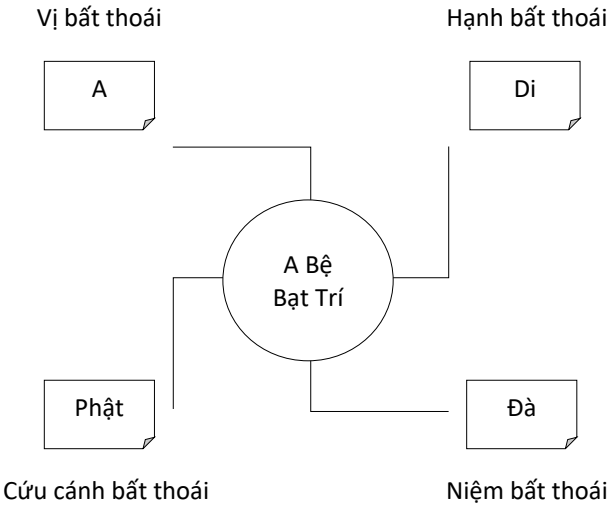

quả vị Bất Thoái Chuyển
chẳng bao giờ lùi bước trên con đường tu đạo

Trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật, Đức Như Lai đã xác quyết:

"Nên biết rằng, được vãng sanh Cực Lạc thì không bao giờ trở lại địa vị phàm phu với thân xác ngũ uẩn nữa. Do đó, mới gọi là Bất Thoái Chuyển. Từ đó về sau, dần dần thành tựu mười thứ trí lực, mười tám pháp bất cộng, năm nhãn, sáu thông, vô lượng Đà Ra Ni, vô số tam muội, thần thông du hý, biện tài vô ngại... đầy đủ bấy nhiêu công đức vô lậu của bậc đại Bồ Tát, cho đến khi đắc quả Phật. Bởi vậy mà Ta, Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn, hôm nay trân trọng xác quyết rằng:"

"Vãng sanh đồng ý nghĩa với thành Phật
vì vãng sanh tức là thành Phật"

"Muốn vãng sanh Cực Lạc thì chỉ cần xưng niệm danh hiệu Phật là đủ. Vì danh hiệu chính là biểu tướng của pháp thân, cho nên niệm danh hiệu Phật tức là niệm pháp thân Phật vậy. Và người niệm Phật khỏi phải kiêm thêm bất cứ môn tu nào nữa, vì ngay nơi danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật luôn luôn chứa đựng vô lượng vô biên công đức, vô lượng vô biên diệu dụng, vô lượng vô biên quang minh, tướng hảo, uy lực... không thể nghĩ bàn."

Theo tinh thần của bản kinh Niệm Phật Ba La Mật, ở thời kỳ mạt pháp cuối cùng, khi các kinh điển của Như Lai dần dần bị ẩn mất, thì chỉ còn lại pháp Niệm Phật A Di Đà, là phương tiện tối hậu duy nhất để có thể cứu độ tất cả mọi chúng sanh nơi cõi thế gian ta bà.

Trong số các Thánh chúng được sanh về cõi nước Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà có những vị thuộc hàng đệ tử Nhất Sanh Sở Hệ của chư Phật. Số ấy rất đông, chẳng thể nào tính đếm mà có thể biết được số lượng, bởi vậy nên chỉ có thể nói là vô lượng vô biên a tăng kỳ, có nghĩa là nhiều vô số.

Đức Phật tương lai hạ sanh trong đời mạt pháp là Ngài Di Lặc Bồ Tát (tức là Ngài A Dật Đa Vô Năng Thắng), hiện ở cung Trời Đâu Suất trên đỉnh núi Tu Di, là vị đại Bồ Tát thuộc hàng đệ tử Nhất Sanh Sở Hệ của chư Phật.

Bồ Tát Quán Thế Âm và Bồ Tát Đại Thế Chí là 2 vị đại Bồ Tát Nhất Sanh Sở Hệ. Tiền thân, 2 Ngài là anh em và là 2 người con lớn của vua Vô Tránh Niệm (tức là Đức giáo chủ A Di Đà Phật trước khi xuất gia). Người con thứ 3 của vua Vô Tránh Niệm là Bồ Tát Diệu Cát Tường, tức là Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Đức Di Lặc là đệ tử của Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Phật A Di Đà, Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Đại Thế Chí được tôn xưng là Tây Phương Tam Thánh.

THẾ NÀO LÀ MƯỜI TRÍ LỰC?

Mười trí lực còn gọi là Thập Thần Lực, bao gồm:

- Biết rõ sự đúng sai.
- Biết nhân quả của chúng sanh trong ba đời.
- Biết các pháp tu hành của chúng sanh.
- Biết tâm tánh của mọi loài chúng sanh.
- Biết sự nhận hiểu của thế gian và xuất thế gian.
- Biết hết các cảnh giới trong mười phương pháp giới.
- Biết các pháp mà chúng sanh tu tập để được giải thoát.
- Biết mọi việc của chúng sanh trong vô số thế giới không bị ngăn ngại.
- Biết về nhiều kiếp quá khứ của chúng sanh.
- Biết cách đoạn dứt mọi tập khí, làm cho các thói quen đều đoạn tuyệt.

THẾ NÀO LÀ MƯỜI TÁM PHÁP BẤT CỘNG?

Mười tám pháp bất cộng là 18 pháp diệu dụng chỉ riêng có ở nơi các Đức Phật, không cùng chung một cộng đồng với các bậc Thanh Văn Bồ Tát, bao gồm:

- Thân không lầm lỗi.
- Miệng không lầm lỗi.
- Ý không lầm lỗi.
- Không có ý tưởng riêng khác.
- Không lúc nào tâm không an trú ở định.
- Chiếu tri các pháp rồi mới xả bỏ các pháp.
- Nguyện dục không bao giờ bị suy giảm (hóa độ chúng sanh không chán mỏi).
- Tinh tấn không suy giảm.

- Niệm không suy giảm (không thoái chuyển).
- Tuệ không suy giảm.
- Giải thoát không suy giảm (rời xa tất cả mọi chấp trước).
- Giải thoát tri kiến không suy giảm (với tri kiến rõ ràng không ngăn ngại).
- Biết đời quá khứ không vướng mắc, không chướng ngại.
- Biết đời vị lai không vướng mắc, không chướng ngại.
- Biết đời hiện tại không vướng mắc, không chướng ngại.
- Thân nghiệp hành động theo trí tuệ.
- Khẩu nghiệp hành động theo trí tuệ.
- Ý nghiệp hành động theo trí tuệ.

THẾ NÀO LÀ NĂM NHÃN?

Năm nhãn còn gọi là ngũ nhãn, bao gồm:

- Nhục nhãn (Mắt thường).
- Thiên nhãn (Mắt trời).
- Pháp nhãn (Mắt pháp).
- Huệ nhãn (Mắt trí tuệ).
- Phật nhãn (Mắt Phật).

THẾ NÀO LÀ ĐÀ RA NI?

Đà Ra Ni có nghĩa là tổng trì, năng trì. Ý nói về những pháp môn tu tập có thể duy trì các thiện pháp không để bị thất tán và có công năng đoạn diệt các ác pháp không để cho sanh khởi. Cũng có thể hiểu, đó là sức mạnh trí tuệ có thể tóm thu và gìn giữ vô lượng Phật pháp không để bị lãng quên hoặc vuột mất.

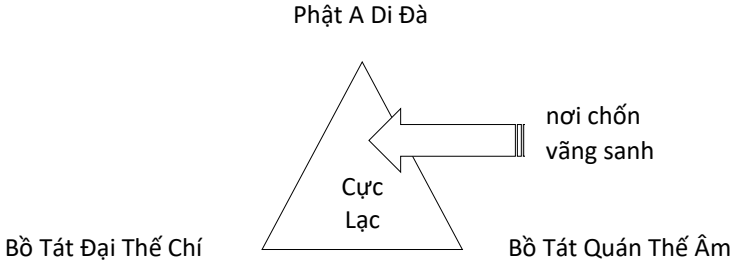

quy y Tam Thánh
quy y Đức Phật A Di Đà, quy y Đức Quán Thế Âm Bồ Tát,
quy y Đức Đại Thế Chí Bồ Tát

PHẢI NÊN PHÁT NGUYỆN VÃNG SANH

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, nếu có hữu tình nào nghe được Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây và cõi nước thanh tịnh của Ngài với vô lượng công đức trang nghiêm, thì người đó phải nên phát nguyện sanh về cõi Phật ấy. Vì sao vậy? Vì nếu sanh về cõi ấy, sẽ được vô lượng công đức trang nghiêm như vậy, cùng với các bậc Đại sĩ tụ hội một nơi, thọ dụng đầy đủ công đức trang nghiêm nơi cõi Phật thanh tịnh, vui hưởng pháp đại thừa, không còn bị thoái chuyển, vô lượng hạnh nguyện, niệm niệm tăng tiến, mau chóng chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề.*

Lý Giải:

Vì vậy, khi đã nghe được điều nầy, đã hiểu được điều nầy, đã tin vào lời Phật nói, thì hãy mau sớm tu hành, nắm giữ lấy danh hiệu Phật mà thọ trì. Người tu theo pháp Niệm Phật phải chân thành phát nguyện, cầu sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà, để được gần gũi với các bậc Đại sĩ, Thượng thiện nhân.

Thượng thiện nhân, Đại sĩ, là các bậc thiện lành đệ nhất, đạo hạnh cao thâm, đó là các vị đại A La Hán, các vị đại Bồ Tát thuộc hàng đệ tử Nhất Sanh Sở Hệ của chư Phật.

Pháp môn Niệm Phật là pháp môn đại thừa của Phật. Đại thừa, tiếng Phạn là Mahayana, cỗ xe lớn, chuyên chở được nhiều người cùng theo. Theo lý nghĩa của bản Kinh A Di Đà, pháp môn Niệm Phật là con đường cứu vớt lớn, có thể cứu độ được nhiều người, với bất cứ những ai học hiểu, tin nhận, phát nguyện và hành trì đúng như lời Phật dạy. Theo các sách Phật học luận giải, đại thừa và tiểu thừa có thể hiểu theo ý nghĩa tự độ và độ tha. Tự độ tức là độ cho chính mình, tu tập tìm cầu giải thoát cho chính mình. Độ tha tức là độ cho người, tùy duyên đến với người và khuyến khích giúp đỡ người trên con đường tu học Phật pháp. Các vị đại Bồ Tát, đại A La Hán, là những bậc đạo hạnh cao thâm, luôn nỗ lực hành trì theo pháp đại thừa của Phật, giúp mình và giúp người trên bước đường tâm linh tìm cầu giải thoát.

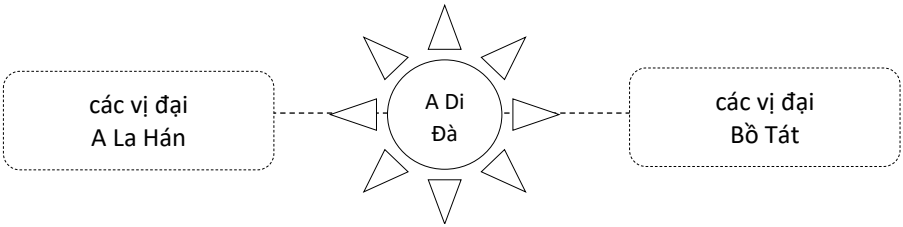

các bậc Đại sĩ, Thượng thiện nhân
hàng đệ tử Nhất Sanh Sở Hệ của chư Phật

Trung thừa là hàng Bích Chi Phật, tự tu tự độ, gồm có Độc Giác và Duyên Giác. Các vị Độc Giác ra đời không gặp Phật, tự ngộ được pháp Vô Thường của vạn vật thế gian mà tu chứng đạo quả. Các bậc Duyên Giác thì tu theo pháp Thập Nhị Nhân Duyên của Phật mà được giải thoát.

THẾ NÀO LÀ VÔ THƯỜNG?

Mọi sự vật luôn biến động, đổi thay, không có gì thường còn mãi, nên nói là Vô Thường. Trong Kinh Bát Đại Nhân Giác, Đức Phật thuyết giảng về 8 điều giác ngộ của các vị Bồ Tát, của các bậc Đại sĩ, mà điều giác ngộ đầu tiên và tâm yếu nhất là trực nghiệm về sự vô thường của cuộc đời nầy, sự mong manh của đất nước xứ sở. Mọi sự việc, mọi sự vật trên cõi thế gian ta bà nầy luôn biến động đổi thay trong từng mỗi sát na dị diệt (*"Thế gian vô thường, quốc độ nguy thúy, sanh diệt biến dị, hư ngụy vô chủ"*).

THẾ NÀO LÀ THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN?

Thập Nhị Nhân Duyên là vòng quay tiến trình của Sanh Tử. Tất cả là 12 yếu tố lệ thuộc vào nhau, tác động với nhau. Có nghĩa là sự phát sinh của trạng thái nầy tùy thuộc vào sự sanh khởi của trạng thái trước đó.

- Nguyên nhân làm chuyển động sự Sanh Tử của con người là Vô Minh, tức là sự ngu mê vì bị vọng tưởng che lấp, không nhận biết chân lý của khổ, nguồn gốc của khổ, cứu cánh sau khi diệt khổ và con đường dẫn đến sự chấm dứt khổ.
- Tùy thuộc nơi Vô Minh mà yếu tố Hành phát khởi (tức là tất cả những hành động có tác ý, đã muốn làm như vậy trong kiếp quá khứ, gây tạo ra những Nghiệp Báo tốt hoặc xấu). Nghiệp là yếu tố dẫn đưa chúng ta đi tái sanh.
- Tùy thuộc nơi Hành mà phát khởi yếu tố kế tiếp là Thức, tức là sự tái sanh nối liền giữa kiếp quá khứ với kiếp hiện tại.
- Tùy thuộc nơi Thức mà phát khởi yếu tố kế tiếp là Danh Sắc. Danh bao gồm 3 uẩn là suy tưởng, tâm tư và cảm xúc. Sắc là bào thai và giống tính, tức là tổng thể các nhóm hòa hợp tạm bợ làm thành thân xác con người, nam hoặc nữ.

- Kế tiếp là sự phát triển của Lục Căn (6 giác quan là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, não). Tùy thuộc nơi sự tác động giữa Lục Căn (6 giác quan) với Lục Trần (6 đối tượng của giác quan là hình sắc, âm thanh, hương thơm, mùi vị, chạm xúc, ý niệm) và Lục Thức (sự nhận biết phân biệt của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, não) mà yếu tố Xúc sanh khởi (tức là sự giao hợp chạm biết giữa 3 yếu tố Căn Trần Thức).
- Tùy thuộc nơi Xúc mà sanh khởi yếu tố Thọ (cảm giác nhận thọ, hoặc dễ chịu, hoặc khó chịu, hoặc trung tính không khó chịu cũng không dễ chịu).
- Tùy thuộc nơi Thọ, yếu tố Ái phát sanh (tức là lòng yêu thích và tham muốn, có tất cả 108 loại ái dục).
- Tùy thuộc nơi Ái, yếu tố Thủ sanh khởi (sự bám lấy, chấp giữ những gì về Tôi, của Tôi).
- Từ đó, yếu tố Hữu phát sanh (sự trở thành của những hành động có tác ý, tạo ra Nghiệp trong hiện tại, làm bước chuyển tiếp của Nghiệp Báo cho cảnh giới ở vị lai).
- Tùy thuộc vào yếu tố Hữu mà phát khởi yếu tố Sanh (cơ thể tâm vật lý).
- Tùy thuộc nơi yếu tố Sanh mà phát khởi yếu tố Lão Tử (già và chết).

Đó là tiến trình quay vòng liên tục của 12 nhân duyên không bao giờ chấm dứt. Muốn cắt đứt sự Sanh Tử của Thập Nhị Nhân Duyên thì phải từ nơi Vô Minh mà trừ diệt. Pháp môn thù thắng và diệu dụng nhất để thoát khỏi vòng Sanh Tử, vượt phá Vô Minh, là pháp môn Niệm Phật Tam Muội. Trong thời mạt pháp 10.000 năm, chúng ta chỉ có thể nhờ vào pháp môn Niệm Phật mới có đủ công năng để dứt trừ gốc rễ của Vô Minh. Vì vậy, danh hiệu A Di Đà Phật là phương tiện rốt ráo, mầu nhiệm vô biên chẳng thể nghĩ bàn, để phá trừ Vô Minh và vượt thoát vòng Sanh Tử luân hồi.

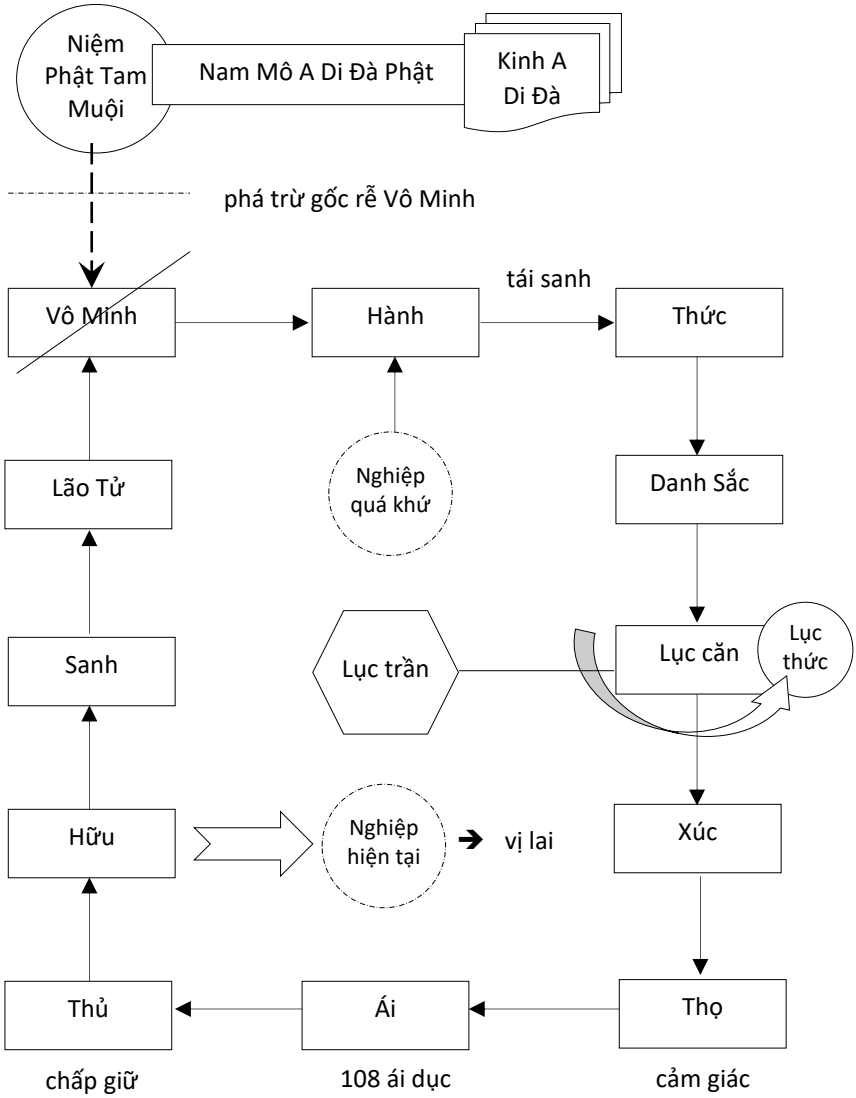

12 yếu tố nhân duyên

tiến trình quay vòng của sanh tử luân hồi trong 6 cõi
và pháp môn Niệm Phật phá trừ gốc rễ Vô Minh

KINH: *Xá Lợi Tử, các loài hữu tình được sanh về cõi Phật ấy đều đã thành tựu vô lượng vô biên công đức, chứ chẳng phải có chút ít căn lành mà được sanh về cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ.*

Lý Giải:

Chẳng thể vì chút ít phước lành đã tích tập từ nhiều kiếp trước và một chút ít công đức đã tu tạo trong kiếp nầy, mà có thể được sanh về cõi nước Cực Lạc. Theo tinh thần của bản Kinh A Di Đà, muốn được sanh về Cực Lạc thì phải nghiêm cẩn tu trì Lục Niệm, nuôi dưỡng tín tâm và thiết tha nguyện về.

- Lục Niệm là 6 pháp tưởng niệm của người tu trì theo pháp môn Niệm Phật. Một là tinh tấn trì niệm danh hiệu A Di Đà để chuyên nhất tâm tưởng và nuôi dưỡng chánh niệm. Hai là luôn tưởng nhớ đến chánh pháp của Phật. Ba là luôn tưởng niệm đến các hàng Thánh chúng, chư đại Bồ Tát. Bốn là giữ gìn giới thể nghiêm mật. Năm là thực hành các hạnh bố thí và nhẫn nhục. Sáu là thường luôn tưởng niệm đến các điều lành và các cõi lành.

Cùng với việc tinh tấn tu trì Lục Niệm, người niệm Phật phải thiết tha và thành tâm phát nguyện để được sanh về cõi Tịnh Độ. Đồng thời, người tu trì theo pháp môn Niệm Phật phải phát khởi niềm tin thật dũng mãnh, học hiểu lời Phật dạy, phát tâm Bồ Đề Vô Thượng, tu tập theo hạnh của Phật và chư đại Bồ Tát, như vậy mới tương ứng với bản nguyện bi trí của Phật A Di Đà.

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, nếu có người con trai lành, hoặc người con gái lành, với lòng tin thanh tịnh, được nghe danh hiệu vô lượng vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật Vô Lượng Thọ và thế giới Cực Lạc công đức trang nghiêm. Nghe rồi tư duy, hoặc một ngày đêm, hoặc hai ngày đêm, hoặc ba ngày đêm, hoặc bốn ngày đêm, hoặc năm ngày đêm, hoặc sáu ngày đêm, hoặc bảy ngày đêm, hệ niệm bất loạn. Thì người con trai lành đó, hoặc người con gái lành đó, lúc lâm chung, được Phật Vô Lượng Thọ cùng với vô lượng Thanh Văn Bồ Tát đệ tử vây quanh trước sau, đến trước mặt người đó, từ bi gia hộ, khiến tâm thức người đó không bị tán loạn, xả bỏ xác thân, theo Đức Phật và Thánh chúng, sanh về cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ.*

Lý Giải:

Thiện nam tử, thiện nữ nhân, là những người con trai lành, những người con gái lành, hiền đức và nhân hậu. Nếu có ai, trong số những thiện nam tử và những thiện nữ nhân đó, một khi được nghe nói đến Phật A Di Đà, nghe rồi tư duy. Tư duy ở đây có nghĩa là học hiểu, suy niệm, trạch pháp, lý giải những lời Phật dạy trong bản Kinh A Di Đà, để từ đấy phát khởi niềm tin về pháp môn Niệm Phật. Nghe rồi tư duy, đấy cũng là lý nghĩa của TRI trong Tứ Tư Lương (Tri Tín Nguyện Hạnh), 4 hành trang của người niệm Phật trên bước đường tu tập trong thời mạt pháp. Theo tinh thần của bản Kinh A Di Đà, 2 chữ Tư Duy ở đây cũng có nghĩa là chánh tư duy (sự nghĩ suy chân chánh) trong Bát Chánh Đạo (8 con đường tu hành chân chánh).

Khi người niệm Phật có lòng tin thanh tịnh (tức là tịnh tín), tin một cách thiết tha, chân thành, nghiêm cẩn, vì mình, vì người, vì tất cả chúng sanh mọi loài, chí tâm thọ trì danh hiệu Phật, từ 1

ngày đêm cho đến 7 ngày đêm, buộc ý niệm vào câu Phật hiệu A Di Đà không buông lơi, một lòng chuyên nhất chẳng xen tạp, chẳng mong cầu, chẳng để cho tâm bị loạn náo, thì người đó lúc lâm chung, được Phật A Di Đà cùng với vô lượng Thanh Văn Bồ Tát đệ tử vây quanh, cùng nhau đến trước mặt người đó, từ bi gia hộ, khiến tâm thức người đó không bị điên đảo, điềm nhiên xả bỏ xác thân, theo sự tiếp dẫn của Phật A Di Đà và hàng Thánh chúng, sanh về cõi Tây Phương Tịnh Độ của Phật A Di Đà.

Đời bây giờ là thời kỳ mạt pháp, nhiều phiền não nhiễm ô và dịch bệnh, đầy dẫy những đấu tranh hiểm ác, bạo lực, chiếm đoạt, tham vọng, ích kỷ, ngu mê, hận thù, ganh ghét… và kiếp đời như thế sẽ phải kéo dài cho đến 10.000 năm. Nếu chúng ta hôm nay không nhờ vào pháp Niệm Phật, không nương dựa vào tha lực của các Đức Phật, thì chẳng còn cách nào khác để có thể tự cứu mình và giúp người, chẳng thể nào vượt thoát khỏi vòng khổ đau luân hồi triền miên.

Trong 84.000 pháp môn của Đức Phật, thì pháp môn Chấp Trì Danh Hiệu Phật là thù thắng hơn hết, là vua của tất cả các pháp. Chúng sanh trong cõi ta bà mạt pháp chỉ có thể nương nhờ vào môn tu nầy mà được độ thoát.

THẾ NÀO LÀ CHẤP TRÌ DANH HIỆU PHẬT?

Chấp trì danh hiệu Phật là luôn nhớ tưởng và xưng niệm danh hiệu Phật một cách nghiêm mật và cẩn thiết, với tất cả sự thành kính và từ ái, không xen tạp, không hoài nghi, không giải đãi, không lo ngại, không mong cầu.

Có rất nhiều phương pháp trì niệm danh hiệu Phật, tùy căn cơ và hợp ứng của người thọ trì. Ở đây, lấy diệu dụng trên 2 phương cách: Kim Cang Trì và Mặc Niệm, vì dễ dàng thu nhiếp tâm và thích hợp cho mọi giới trong mọi hoàn cảnh.

Trì niệm theo pháp Kim Cang Trì là niệm thầm, chỉ khẽ động môi, không phát ra tiếng. Trì niệm theo pháp Mặc Niệm là niệm trong tâm, không động môi, không phát ra tiếng bên ngoài. Tu tập theo 2 phương cách nầy thì có thể niệm được nhiều, niệm liên tục và niệm chắc. Niệm trong khi đang làm việc, lúc nghỉ ngơi, khi đang đứng, đang đi, đang ngồi hoặc đang nằm.

Điều quan trọng của pháp Kim Cang Trì và Mặc Niệm là phải lắng nghe tiếng niệm cho rõ ràng, dùng tâm lắng xuống để nghe tiếng niệm trong tâm, nghe cho phân minh từng chữ một. Khi trì niệm, phải chú tâm vào từng mỗi tiếng niệm trong tâm.

Tùy ở sự hợp ứng và duyên lành tín tâm của người tu trì theo pháp môn Niệm Phật, hoặc niệm 4 chữ, hoặc niệm 6 chữ. Người niệm Phật có thể niệm Nam Mô A Di Đà Phật, hoặc Nam Mô A Mi Đà Phật, hoặc A Di Đà Phật, hoặc A Mi Đà Phật. Hoặc niệm 4 chữ Amitabha (danh hiệu Phật A Di Đà theo tiếng Phạn, có nghĩa là Vô Lượng Quang, theo phương cách trì niệm của chùa Thừa Thiên ở Đài Loan), hoặc niệm 4 chữ Amitayus (danh hiệu Phật A Di Đà theo tiếng Phạn, có nghĩa là Vô Lượng Thọ). Hoặc niệm Amituofo theo cách phát âm của người Trung Quốc. Hoặc niệm Namo Amida Butsu theo cách của người Nhật. Hoặc niệm Namu Amita Bul theo cách của người Đại Hàn. Đức Phật A Di Đà (Amitabha Buddha) cùng với tất cả chư Phật ở khắp mười phương thế giới và các hàng Bồ Tát Thánh chúng ở cõi Tây Phương Cực Lạc đều có Thiên nhĩ thông, có thể nghe xa ngàn vạn dặm và có thể hiểu được tiếng nói của mọi loài. Yếu chỉ trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà là ở lòng tín tâm chân thành và lòng thiết tha phát nguyện vãng sanh của người tu trì.

Ở đây, nương theo duyên tịnh tín của riêng người viết, xin được hướng tâm trì niệm theo phương cách 4 chữ A Di Đà Phật. Người niệm Phật niệm từng chữ thì phải chắc từng chữ. Niệm chữ A,

tâm nghe rõ ràng chữ A. Niệm chữ Di, tâm nghe rõ ràng chữ Di. Niệm chữ Đà, tâm nghe rõ ràng chữ Đà. Niệm chữ Phật, tâm nghe rõ ràng chữ Phật, và cứ như vậy mà nghiêm mật trì giữ 4 chữ A Di Đà Phật trong tâm trí. Từng mỗi chữ, mỗi câu, phải dùng tâm để lắng nghe tiếng niệm trong tâm (tức là *"Phản Văn Văn Tự Tánh"* theo tinh thần lý nghĩa của Kinh Thủ Lăng Nghiêm). Người niệm Phật phải dựa theo phương cách chú tâm và lắng nghe như thế, để phát khởi chánh niệm và chuyên nhất tâm tưởng. Cố gắng trì giữ liên tục 24 giờ 7 ngày không buông lơi, không giải đãi, không hoài nghi. Chí thành hệ niệm như vậy thì mới có thể đúc thành một khối KIM CANG vững và chắc.

Bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu, khi chợt nhớ đến niệm Phật thì niệm ngay. Đừng quá bám níu vào ngoại cảnh mà khắc hứa, chờ hẹn. Ngay cả những khi ăn, uống, tắm, gội, đánh răng, súc miệng, rửa mặt, lau mặt, rửa tay, rửa chân, tiểu tiện, đại tiện... Người niệm Phật phải luôn cố gắng duy trì tiếng niệm A Di Đà trong tâm tưởng để việc hành trì không bị gián đoạn.

Mỗi khi vọng tưởng khởi dậy, chớ bực bội chính mình, mà chỉ cần nhẹ nhàng đưa tâm trí trở về với câu Phật hiệu. Đừng quá bám níu vào vọng tưởng, đừng chạy đuổi theo những nghĩ suy, cũng đừng trách cứ thất vọng bản thân. Hãy cứ một lòng thành kính mà niệm Phật, thì mọi vọng niệm sẽ tự nó tự diệt. Hãy nghiêm kính chân thật mà hành trì như thế, trong mọi thời lúc, ở mọi nơi chốn, trong bất cứ oai nghi nào. Những khi kinh hành, lạy Phật, tọa thiền, ngọa thiền, sám hối, làm việc, thư giãn, ngủ nghỉ... Hãy cố gắng luôn giữ chánh niệm bằng cách nghiêm mật trì giữ câu Phật hiệu A Di Đà trong tâm trí. Ở những nơi không được thuận duyên, hoàn cảnh trái nghịch bức xúc, người niệm Phật vẫn cần thiết Mặc Niệm hành trì trong thầm lặng.

Trên bước đầu hành trì tu tập, tâm chúng ta còn rất nhiều loạn náo, từng mỗi phút giây đầy dẫy những điên đảo nghĩ tưởng. Vì vậy, những khi tâm trí loạn động, người niệm Phật nên dùng cách Kim Cang Trì (niệm thầm, chỉ khẽ động môi) để đối trị vọng tưởng và trì giữ định lực. Khi tâm đã tương đối chuyên nhất, loạn tưởng đã lặng dừng, thì tiến tu theo pháp Mặc Niệm (niệm trong tâm, không phát ra tiếng) để hòa nhập tâm thể của tự tánh tự niệm vào ánh sáng dòng tâm A Di Đà. Những khi tâm trí hơi chút ngơ nghễnh, ngật ngà, hoặc buồn ngủ, thì nên áp dụng pháp Kim Cang Trì. Mặc Niệm và Kim Cang Trì là những phương tiện rốt ráo để đạt đến nhất tâm. Trong 48 pháp Niệm Phật, Mặc Niệm là pháp vô tướng Duy Tâm Thức.

Trên bước đầu sơ cơ, người niệm Phật có thể chấp trì danh hiệu A Di Đà theo phương thức Tam Niệm Ký Số (ghi nhớ 3 câu niệm), có nghĩa là trì giữ 3 câu Phật hiệu dựa trên 3 con số. Niệm câu 1, biết là câu 1. Niệm câu 2, biết là câu 2. Niệm câu 3, biết là câu 3. Và cứ như thế mà cố gắng buộc chặt ý niệm trên 3 câu Phật hiệu A Di Đà không buông lơi. Đấy cũng là tương ưng với tinh thần lý nghĩa Tam Bảo trong bản Kinh A Di Đà, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Người niệm Phật phải nghiêm cẩn trì niệm danh hiệu A Di Đà với tất cả lòng thiết tha và nghiêm kính. Mỗi từng chữ niệm, mỗi từng câu niệm, phải trải lòng Từ Bi Hỷ Xả của mình theo với tiếng niệm, để ánh sáng Phật hiệu trong tâm mình luôn chiếu soi và lan tỏa ra ngoài một cách Ba La Mật, tìm đến xoa dịu những khổ đau của tất cả chúng sanh muôn loài, đó là niệm A Di Đà Phật có Phật A Di Đà trong tâm. Niệm Phật đến một trình độ nào đó mà mọi người chung quanh có thể cảm nhận được sự bình an trong ánh mắt Từ Bi của chính mình.

Lời khai thị của Ngài Cư sĩ Lý Bỉnh Nam (1889-1986): *"Dù hết sức bận rộn, ban ngày có thể không ăn, ban đêm có thể không ngủ, nhưng không thể không tu tập theo thời khóa, khi tu tập thì phải buông xả vạn duyên, nhất tâm hệ niệm (trong tâm chỉ có câu A Di Đà Phật)."*

Nếu ai đã có lòng tin, đã quyết tâm trì niệm danh hiệu A Di Đà Phật để cầu vãng sanh Cực Lạc, thì hãy tinh tấn kiên trì bám giữ pháp môn nầy cho đến trọn đời. Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Phật nói: *"Chí tâm xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà, mỗi mỗi niệm tiêu trừ được trọng tội trong 80 ức kiếp sanh tử."* Bởi vậy, pháp môn Niệm Phật A Di Đà là pháp tối hậu ở vào thời kỳ mạt pháp, có công năng mầu nhiệm và diệu dụng vô biên bất khả tư nghì. Với sự nghiêm cẩn chí thành của người niệm Phật, cùng với sự chuyên nhất trì giữ tâm ý trên câu Phật hiệu, mỗi một niệm A Di Đà có thể tiêu trừ được trọng tội trong 80 ức kiếp sanh tử. Đây thật sự là pháp cứu độ tất cả mọi chúng sanh nơi cõi thế gian ta bà.

niệm rõ ràng và lắng nghe cho phân minh từng chữ một

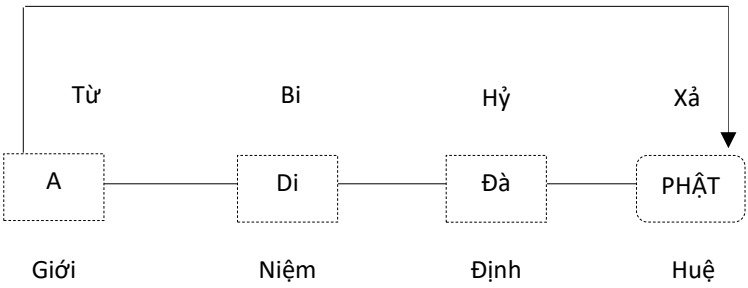

4 mắt xích kim cang của dòng tâm nhất niệm A Di Đà Phật

Từ Bi Hỷ Xả & Giới Niệm Định Huệ

Theo các sách Phật học luận giải, những lợi ích thù thắng của việc trì niệm danh hiệu A Di Đà:

- Được tất cả chư Thiên, chư vị Bồ Tát, chư Phật hộ trì.
- Được Đức Phật A Di Đà phóng quang nhiếp thọ.
- Không thể bị hại bởi ác quỷ, đao binh, ngục tù, hoạnh tử.
- Tiêu trừ các tội chướng, tăng trưởng các phước nghiệp.
- Chiêm bao thấy nhiều điều tốt lành.
- Tâm thường hoan hỷ, an lạc.
- Thường được mọi người kính lễ.
- Khi mạng chung, tâm không sợ hãi, được Tây Phương Tam Thánh tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc.

Trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật, Phật nói: *"Pháp môn Niệm Phật chính là chuyển biến cái tâm thể của chúng sanh, bằng cách không để cho tâm thể ấy duyên với vọng niệm, với lục trần là sắc thanh hương vị xúc pháp, với huyễn cảnh, với trí lực, với kiến chấp, với mong cầu, với thức phân biệt... mà chỉ đem tâm thể ấy duyên mãi với danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật. Không bao lâu, người niệm Phật tự nhiên đi vào chỗ vắng lặng, sáng suốt, an lạc, cảm ứng với nguyện lực của Đức Phật A Di Đà."*

Đừng xen tạp pháp Niệm Phật với các môn tu khác. Hãy chỉ thuần tu một pháp nầy (nhất hạnh), và nghiêm mật chấp trì chỉ một danh hiệu Phật (nhất danh) 24 giờ 7 ngày không chán mỏi, không buông lơi (nhất tâm), ngày đêm hướng về Phật A Di Đà (nhất hướng). Tinh tấn chấp trì như vậy thì mới có thể đạt được cảnh giới Hệ Niệm Bất Loạn ngay trong kiếp nầy (nhất niệm). Hòa thượng Hải Hiền (1900-2013) dạy: *"Trên đời không có việc gì khó, chỉ sợ tâm không chuyên."*

Những khi kinh hành, sẽ là kinh hành niệm Phật. Những khi ngồi thiền, sẽ là tọa thiền niệm Phật. Những khi nằm ngủ, sẽ là ngọa

thiền niệm Phật. Những khi lạy Phật, sẽ là lạy Phật niệm Phật. Những khi sám hối, sẽ là sám hối niệm Phật. Những khi làm việc, sẽ là làm việc niệm Phật. Những khi nghỉ ngơi, sẽ là nghỉ ngơi niệm Phật. Những khi thở vào, sẽ là thở vào danh hiệu Phật. Những khi thở ra, sẽ là thở ra danh hiệu Phật. Nghiêm mật và cẩn thiết trì niệm danh hiệu A Di Đà Phật như thế, gọi là thọ trì danh hiệu Phật, đó chính là Niệm Phật Ba La Mật.

Như thế, người tu theo pháp Niệm Phật phải tránh đừng xen tạp pháp Trì Danh Niệm Phật với các môn tu khác. Cũng đừng xen tạp với các danh hiệu của những vị Phật khác, vì chữ A trong danh hiệu A Di Đà Phật là Tổng Trì Đà Ra Ni, gồm thâu tất cả trăm ngàn ức vô số chư Phật ở khắp mười phương thế giới, qua cả 3 thời quá khứ, hiện tại, vị lai. Ngài đại Bồ Tát Phổ Hiền đã xưng tán danh hiệu Phật trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật: *"Danh hiệu Phật chính là ba đời mười phương chư Phật, vì A Di Đà tức là pháp giới tạng thân, có lực dụng thu nhiếp và hiện pháp thân của ba đời mười phương chư Phật."*

Niệm theo hạn kỳ 7 ngày như Phật Thích Ca đã khuyên dẫn trong Kinh A Di Đà. Khởi tính từ ngày 1 cho đến ngày 7, và 7 ngày được dùng làm một định kỳ để dựa theo đó mà tu trì. Nếu sau 7 ngày vẫn chưa được nhất tâm, thì lại tiếp một hạn kỳ nữa cũng 7 ngày. Sẽ có nhiều lần của 7 ngày, chớ để bị gián đoạn giữa các hạn kỳ. Mỗi hạn kỳ sẽ bắt đầu trở lại từ ngày 1 cho đến ngày 7, rồi lại một hạn kỳ kế tiếp cũng 7 ngày như thế.

Với bậc thượng căn thì chỉ cần 7 ngày hoặc 7 tháng là có thể đạt được cảnh giới Bất Loạn. Hạ căn như chúng ta thì cần rất nhiều hạn kỳ của 7 ngày 7 tháng 7 năm 21 năm hoặc 49 năm. Khi đạt được Nhất Tâm thì tự tánh tự niệm, bất niệm tự niệm, tất cả niệm đều là một niệm, tất cả ngày đều là hạn kỳ 7 ngày, đó là cõi Tịnh Độ an lạc và mầu nhiệm vô biên trong tâm của người niệm Phật.

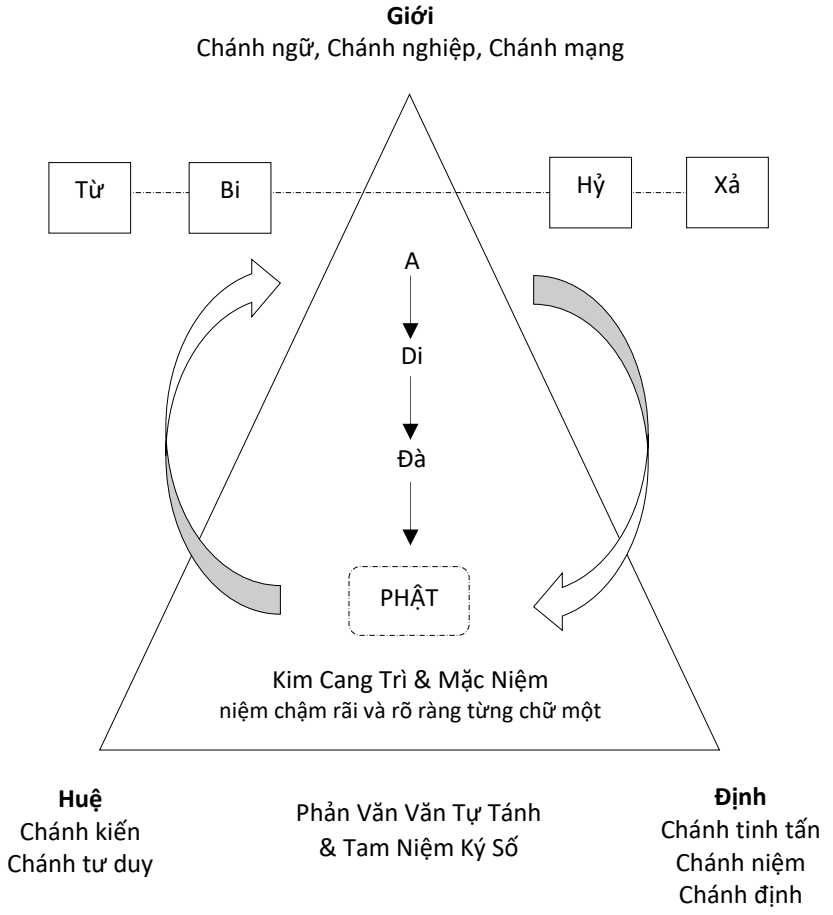

Trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật, Ngài đại Bồ Tát Phổ Hiền ở trước Đức Như Lai đã xưng tán ý nghĩa của danh hiệu A Di Đà Phật: *"Danh hiệu Phật chính là cõi Cực Lạc vì tự thân trang nghiêm và tự tâm trang nghiêm."*

Mỗi một niệm mình niệm, thành kính và nhất tâm, là 84.000 ánh hào quang tỏa ra ở nụ sen hóa sanh nơi ao thất bảo. Mỗi một niệm mình niệm, chí thành và nhất tâm, là cả một tầng trời Tịnh Độ diệu mầu chẳng thể nghĩ bàn trong tâm của người niệm Phật.

Trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật, Phật dạy: *"Muốn niệm Phật đúng pháp và tự biết mình chắc chắn vãng sanh, thì người niệm Phật phải phát khởi 10 thứ tâm thù thắng sau đây:*

1. Tín Tâm: *Người niệm Phật phải tin vào lý nhân quả, tin rằng kiếp sống thế gian là vô thường, 6 nẻo luân hồi là nguy hiểm chướng nạn, tin rằng Phật pháp là đạo giải thoát, Tam Bảo là chỗ nương về, tin rằng các pháp đều do tâm thể của mình tạo ra, cõi Cực Lạc cũng chỉ do tâm thể thanh tịnh của chúng sanh tạo ra cùng tương ứng với bổn nguyện vĩ đại của Phật, Bồ Tát, Thánh chúng, tin rằng bất cứ chúng sanh nào cũng đều có năng lực lãnh thọ giáo pháp Như Lai, tin rằng bản nguyện của Phật A Di Đà là chân thật, rốt ráo, tối thắng, tin rằng pháp Niệm Phật Vãng Sanh là môn tu duy nhất cho hết thảy mọi người vì rời môn tu nầy thì mọi người mọi loài không thể giải thoát.*

2. Thâm Trọng Tâm: *Người niệm Phật phải đem tấm lòng sâu xa và cẩn trọng mà cảm mộ ân đức của Tam Bảo, tưởng nhớ đến công lao của cha mẹ, của thiện tri thức và của hết thảy chúng sanh.*

3. Hồi Hướng Phát Nguyện Tâm: *Người niệm Phật, không riêng gì bản thân mình mà cầu pháp giải thoát. Trái lại, phải vì tất cả chúng sanh mà cầu vãng sanh Cực Lạc, chóng thành Phật quả để cứu độ muôn loài.*

4. Xả Ly Tâm: *Trong khi xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật, người niệm Phật phải phát khởi cái tâm thái lìa bỏ tất cả. Lìa bỏ, nghĩa là không trụ tướng mà niệm Phật, không dính mắc mà*

niệm Phật, không nắm giữ mà niệm Phật, không tương ưng mà niệm Phật, không đối đãi mà niệm Phật, không chống trái mà niệm Phật, không cầu mong mà niệm Phật, không nhiễm duyên mà niệm Phật. Người niệm Phật chỉ buộc tâm và ý vào danh hiệu Phật, chăm chú lắng nghe, mỗi câu rõ ràng, mỗi niệm phân minh. Quên cả thân, quên cả cảnh, quên cả cái ý thức tự biết Ta đang niệm Phật.

5. An Ổn Tâm: *Trong khi xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật, người niệm Phật phải phát khởi cái tâm chí bất động, kiên cố, không thoái chuyển. Luôn tìm cách giúp đỡ người khác tu hành nhẫn nhục, xa rời pháp điên đảo, vượt thoát những dục lạc lầm mê.*

6. Hộ Giới Tâm: *Người niệm Phật phải luôn an trụ nơi giới luật và hằng phát tâm hộ trì giới luật.*

7. Đà Ra Ni Tâm: *Người niệm Phật phải phát khởi tâm chí nắm giữ tất cả các thiện pháp, che lấp tất cả các ác pháp, quán sát khéo léo tất cả các pháp đang diễn biến trong tâm và ngoài thân, hoan hỷ an trụ nơi lực tiếp dẫn của chư Phật và Thánh chúng, tự tại an nhiên giữa cảnh tượng của nhân quả tương tục trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai.*

8. Ba La Mật Tâm: *Người niệm Phật sẵn sàng xả bỏ tất cả sở hữu trong thân cũng như ngoài thân không lẫn tiếc, chẳng thoái chuyển tín tâm vì những chướng duyên, chỉ chuyên nhất nhớ tưởng một danh hiệu Phật.*

9. Bình Đẳng Tâm*: Người niệm Phật phải luôn luôn thực hiện tâm thái bình đẳng, không phân biệt, không ngăn ngại, mở rộng tuệ nhãn để nhận hiểu mình và người đều bình đẳng trước lực nhiếp thọ của chư Phật, chư Bồ Tát.*

10. Phổ Hiền Tâm: *Trong khi xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật, người niệm Phật phải phát khởi cái tâm thái rộng lớn, quảng đại, luôn mong cầu độ thoát hết thảy chúng sanh.*

Niệm Phật với 10 thứ tâm thù thắng như vậy, mới được gọi là chân chánh niệm Phật."

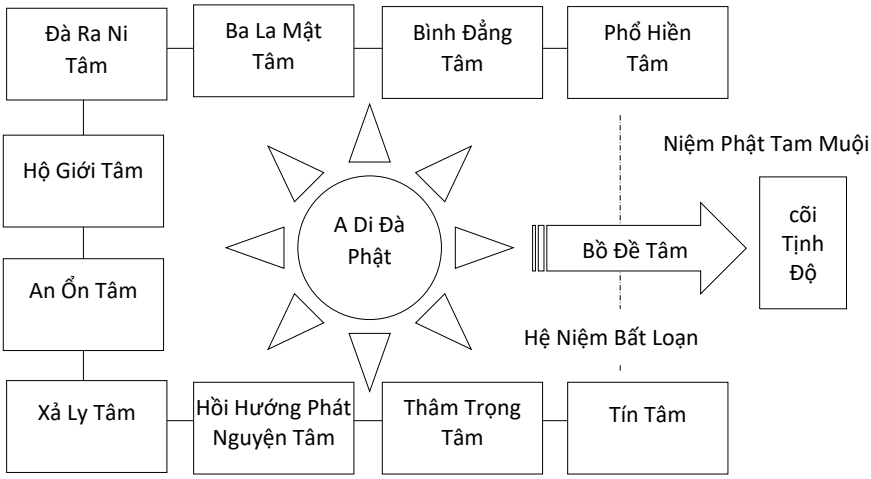

niệm Phật Ba La Mật
người niệm Phật phải phát khởi 10 thứ tâm Bồ Đề Vô Thượng

THẾ NÀO LÀ TỌA THIỀN NIỆM PHẬT?

Tọa thiền niệm Phật (còn gọi là tọa niệm) là ngồi xếp bằng và trì niệm danh hiệu A Di Đà. Ngồi theo tư thế kiết già là tốt nhất (kim cang tọa). Ngồi trên gối dầy, hai chân xếp tréo, bàn chân trái để lên đùi chân phải, bàn chân phải để lên đùi chân trái. Hai bàn tay lật ngửa xếp lên nhau và đặt nhẹ trên hai bàn chân. Bàn tay phải đặt lên bàn tay trái, đầu hai ngón tay cái chạm nhẹ vào nhau (tam muội ấn). Mắt nhắm hờ. Thở vào và thở ra bằng mũi.

Điều quan trọng là giữ lưng, vai, cổ và đầu cho ngay thẳng. Thân tâm buông thả trong tư thế thoải mái và vững chải.

Nếu cách ngồi kiết già quá khó khăn trên bước đầu tu tập, có thể ngồi theo tư thế bán già, một chân nầy xếp tréo lên đùi chân kia:

- Hoặc chân phải để lên đùi chân trái (Hàng ma tọa).
- Hoặc chân trái để lên đùi chân phải (Kiết tường tọa).

Tư thế hàng ma là cách ngồi của Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Tư thế kiết tường là cách ngồi của Ngài Phổ Hiền Bồ Tát.

Nếu không thể ngồi bán già được, có thể ngồi theo kiểu Miến Điện (theo cách ngồi của phái thiền Mahasi). Hai chân xếp lại nhưng không cần phải tréo lên nhau, chân phải để phía trước chân trái. Cũng có thể ngồi trên ghế, theo lối Ai Cập, 2 bàn chân chạm đất, 2 bàn tay úp xuống để nhẹ trên đùi (hoặc 10 ngón tay đan vào nhau, hoặc choàng lên nhau, để phía trước bụng), chủ yếu là giữ lưng vai cổ và đầu cho ngay thẳng, thân tâm buông thả trong tư thế yên bình và vững chải.

Niệm theo cách Mặc Niệm (niệm trong tâm). Niệm chậm rãi và rõ ràng từng chữ một. Mỗi một câu niệm, người niệm Phật phải dồn hết tâm trí để lắng nghe từng mỗi tiếng niệm trong tâm. Người niệm Phật phải dựa vào phương pháp chú tâm như thế để nuôi giữ chánh niệm và chuyên nhất tâm tưởng.

Cứ như vậy mà trì giữ danh hiệu A Di Đà Phật trong tâm trí. Dùng tâm lắng xuống để nghe tiếng niệm cho rõ ràng, nghe cho phân minh từng chữ một, tập trung tất cả tâm trí vào tiếng niệm và thành kính trên câu Phật hiệu. Mỗi niệm, mỗi chữ, người niệm Phật phải trải lòng Từ Bi Hỷ Xả của mình vào đó, chân thật từ ở chính tự tâm, nhẹ nhàng lan tỏa đến tất cả những chúng sanh đang đau khổ trong 6 nẻo luân hồi.

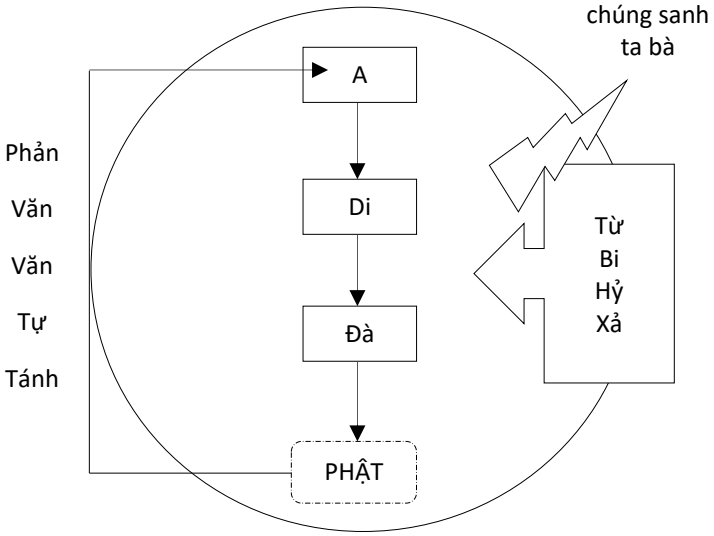

trì niệm danh hiệu A Di Đà
người niệm Phật phải trải lòng Từ Bi Hỷ Xả của mình
vào từng mỗi câu niệm A Di Đà

Để giúp chuyên nhất tâm tưởng trên bước đầu sơ cơ, người niệm Phật có thể trì niệm A Di Đà theo pháp Tam Niệm Ký Số, có nghĩa là buộc 3 niệm trên 3 con số. Niệm câu 1, biết là câu 1. Niệm câu 2, biết là câu 2. Niệm câu 3, biết là câu 3. Và cứ như thế mà trì giữ câu Phật hiệu A Di Đà trên 3 con số. Đấy cũng là tương ứng với lý nghĩa Tam Bảo trong bản Kinh A Di Đà, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Tinh tấn tu trì theo pháp Mặc Niệm Ký Số như thế, lâu dần sẽ có sự định tâm. Khi đã định tâm thì niệm Phật tức là Thiền. Phật dạy: *"Nếu ai chỉ niệm A Di Đà Phật thì gọi là vô thượng thâm diệu thiền."*

Trước khi xả thiền, người niệm Phật hồi hướng công đức về Cực Lạc và Tam Bảo ở các cõi, cho cha mẹ 7 đời của mình và của

người, cho anh em chúng sanh trong 7 kiếp, cho muôn loài vạn thể khắp mười phương các cõi nước, tất cả đều sẽ được vãng sanh về Niết Bàn Tịnh Độ của Phật A Di Đà: *"Nguyện đem công đức nầy, trang nghiêm Phật Tịnh Độ, trên báo bốn trọng ân, dưới cứu ba đường khổ, nếu có kẻ thấy nghe, tất phát Bồ Đề Tâm, đến khi mạng nầy hết, đồng sanh Cực Lạc Quốc".*

THẾ NÀO LÀ KINH HÀNH NIỆM PHẬT?

Kinh hành là đi từng bước thong dong và thư thả trong chánh niệm, vừa đi vừa niệm Phật. Niệm theo lối Kim Cang Trì (niệm thầm, chỉ khẽ động môi, không phát ra tiếng), hoặc Mặc Niệm (niệm trong tâm, không động môi, không phát ra tiếng bên ngoài).

Khi kinh hành niệm Phật, tập trung tất cả tâm trí vào danh hiệu Phật và dùng tâm để lắng nghe tiếng niệm A Di Đà trong tâm. Mắt nhìn xuống phía trước khoảng chừng 2 thước. Niệm chậm rãi và rõ ràng từng chữ một. Khi trì niệm, chú tâm vào từng mỗi tiếng niệm trên câu Phật hiệu, để chuyên nhất tâm tưởng và nuôi giữ chánh niệm. Niệm từng chữ và phải chắc từng chữ. Niệm chữ A, tâm nghe rõ ràng chữ A. Niệm chữ Di, tâm nghe rõ ràng chữ Di. Niệm chữ Đà, tâm nghe rõ ràng chữ Đà. Niệm chữ Phật, tâm nghe rõ ràng chữ Phật. Và cứ như vậy mà nghiêm mật trì giữ 4 chữ A Di Đà Phật trong tâm trí. Đừng nghĩ suy về nơi mình sẽ đến. Thực tập sống trong giờ phút hiện tại. Tâm ý phải luôn đặt trên câu Phật hiệu A Di Đà và lắng nghe từng mỗi tiếng niệm một cách phân minh rõ ràng và sáng biết.

Pháp kinh hành được áp dụng khi đi trên con đường dài, đi dạo chơi trong rừng, trong vườn, trong công viên, đi dạo quanh chùa, đi nhiễu quanh tượng Phật, đi vòng quanh chánh điện, đi lên xuống cầu thang, đi đến sở làm, đi chợ, hoặc tản bộ dọc theo bờ

sông... Trên từng mỗi bước đi, từng mỗi câu niệm, tâm ý thành kính và quy ngưỡng về Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng). Khi đạt được sự an lạc trên từng mỗi bước chân qua lối kinh hành như thế, điều ấy có nghĩa là tương đối đã có sự chuyên nhất trong niệm tưởng A Di Đà. Khi tâm có chánh niệm thì mỗi bước đi thanh thản sẽ là nguồn an lạc mầu nhiệm vô biên.

THẾ NÀO LÀ LẠY PHẬT NIỆM PHẬT?

Lạy Phật niệm Phật là vừa lạy Phật vừa trì niệm danh hiệu Phật, theo cách Kim Cang Trì hoặc Mặc Niệm. Điều quan trọng là phải phối hợp các cử động của thân thể với tiếng niệm Phật, lúc cúi xuống và xá lạy, lúc trỗi dậy và đứng lên, lắng nghe cho phân minh từng mỗi tiếng niệm A Di Đà trong tâm tưởng.

Cúi xuống và xá lạy trong 1 câu niệm A Di Đà Phật. Trỗi dậy và đứng lên trong 1 câu niệm A Di Đà Phật. Như vậy, mỗi một cái lạy đi kèm với 2 câu Phật hiệu. Tinh tế và uyển chuyển tùy theo mỗi cá nhân. Hãy thực tập và tìm lấy danh hiệu Phật dựa trên sự cử động của thân. Điều quan trọng ở đây là mỗi niệm phải rõ ràng, chậm rãi và thành kính. Mỗi cái lạy là chu trình của nhiều cử động thân thể theo liền nhau. Khi tâm có chánh niệm, mỗi một cái lạy là vạn ngàn công đức. Lạy Phật là để quy ngưỡng và sám hối, vì vậy cần phải có chánh niệm và thật thành kính nương về Tam Bảo, Phật Pháp Tăng.

Khi thọ trì danh hiệu theo phương thức lạy Phật niệm Phật, phải luôn ghi nhớ, niệm Phật là chính. Tâm ý phải luôn đặt trên câu Phật hiệu A Di Đà, lắng nghe từng mỗi tiếng niệm trong tâm một cách thật phân minh rõ ràng và sáng biết.

THẾ NÀO LÀ NGỌA THIỀN NIỆM PHẬT?

Ngọa thiền niệm Phật (còn gọi là ngọa niệm) là niệm Phật trong tư thế nằm, niệm theo cách Kim Cang Trì hoặc Mặc Niệm. Điều quan trọng là phải lắng nghe tiếng niệm cho phân minh rõ ràng. Nằm ngửa mình, thẳng lưng, hai chân duỗi thẳng. Hai tay lật úp xuống, xếp lên nhau và để nhẹ trên bụng. Hoặc nằm nghiêng bên phải theo tư thế cát tường, hai chân gác lên nhau, tay trái duỗi dài theo thân, lòng bàn tay phải kê đầu, hoặc để bên gối, nằm như Phật nằm.

Mỗi đêm trước khi ngủ nên ngọa thiền niệm Phật như vậy, niệm cho đến ngủ thiếp đi. Những khi chợt giật mình thức giấc nửa đêm, nhớ đến niệm Phật thì niệm ngay. Cứ nhẹ nhàng trì niệm trong tư thế nằm như thế, cho đến khi cơn ngủ trở lại, và tiếng niệm Phật cùng đi vào trong giấc ngủ. Niệm như vậy, gọi là niệm Phật trong khi ngủ, đưa câu Phật hiệu vào trong giấc ngủ an lành.

THẾ NÀO LÀ HỆ NIỆM BẤT LOẠN?

Hệ Niệm là buộc chặt ý niệm vào danh hiệu Phật, với tất cả sự thuần thành và chân kính, đêm ngày nghiêm cẩn trì giữ câu Phật hiệu A Di Đà trong tâm trí. Bất Loạn là chẳng để cho tâm bị loạn náo, chẳng xen tạp với bất cứ pháp môn tu nào khác, chẳng trì niệm bất cứ danh hiệu Phật nào khác, chẳng chạy đuổi bám chấp theo những tà niệm trong tâm thức, chẳng mong cầu, chẳng lo ngại, chẳng hoài nghi. Lời dạy của Đại sư Thiện Đạo (613-681): *"Nếu bỏ chuyên niệm để tu tạp nghiệp thì trong trăm kẻ hiếm có một hai người được vãng sanh, trong cả ngàn người hiếm được ba bốn người được vãng sanh. Vì sao vậy? Vì tạp duyên loạn động, đánh mất chánh niệm, vì chẳng tương ứng với bổn nguyện của Phật, vì trái nghịch giáo pháp, vì chẳng thuận lời Phật, vì hệ niệm chẳng tương tục."*

Người niệm Phật chỉ một lòng cần thiết bám giữ lấy câu Phật hiệu A Di Đà, trở về với tâm thể Chân Như là bản tánh A Di Đà Vô Lượng Quang Vô Lượng Thọ của chính mình, với niềm tin thiết tha và vững chắc. Tâm của người niệm Phật chỉ bám giữ duy nhất một niệm là niệm tưởng A Di Đà đang luân lưu tuôn chảy bất tận thành một dòng tâm, chẳng để bị loạn náo bên trong, chẳng để bị chi phối bởi vạn duyên bên ngoài. Đấy là lý nghĩa của Hệ Niệm Bất Loạn trong pháp môn tu huệ Nhất Hạnh Tam Muội.

- Nhất Hạnh là chỉ thuần tu duy nhất một hạnh là trì niệm chỉ duy nhất một danh hiệu Phật, đó là danh hiệu Phật A Di Đà, để đạt đến cảnh giới Nhất Niệm.

Khi người niệm Phật đạt được cảnh giới Nhất Niệm, thì tất cả các pháp thế gian nơi cõi ta bà nầy, trong hoàn cảnh động hoặc tĩnh, chẳng thể làm lay chuyển hoặc chi phối tâm tưởng của người niệm Phật. Trong tâm người ấy, toàn thể là sự vắng lặng, thanh tịnh, sáng suốt, nhiệm mầu. Sự an lạc đó được thể hiện qua lời nói, nụ cười, ánh mắt từ bi, nét mặt, cử chỉ, hành động của chính người ấy. Niềm vui của pháp là món ăn hoan hỷ trong tâm của người niệm Phật. Trong tâm người ấy, suốt cả 6 thời đêm ngày, vạn ngàn tiếng niệm A Di Đà là những thanh âm vô cùng mầu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn, đó là cảnh giới Niết Bàn Tịnh Độ của tự tánh tự niệm A Di Đà trong tâm của người niệm Phật.

Cảnh giới huyền nhiệm tối cao nhất của pháp môn Niệm Phật là Niệm Phật Tam Muội, còn gọi là Bảo Vương Tam Muội, tức là vua của tất cả các tam muội, là sự tịch tĩnh vắng lặng, điềm nhiên tự tại, diệt tận mọi phiền não, tự mình làm chủ chính mình, biết rõ về nhiều kiếp quá khứ và có khả năng tự tại vãng sanh.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thuyết giảng về lý nghĩa của Hệ Niệm Bất Loạn trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật: *"Người niệm Phật chỉ buộc tâm và ý vào danh hiệu Phật, chăm chú lắng nghe, mỗi câu rõ ràng, mỗi niệm phân minh. Quên cả thân, quên cả cảnh, quên cả cái ý thức tự biết Ta đang niệm Phật."*

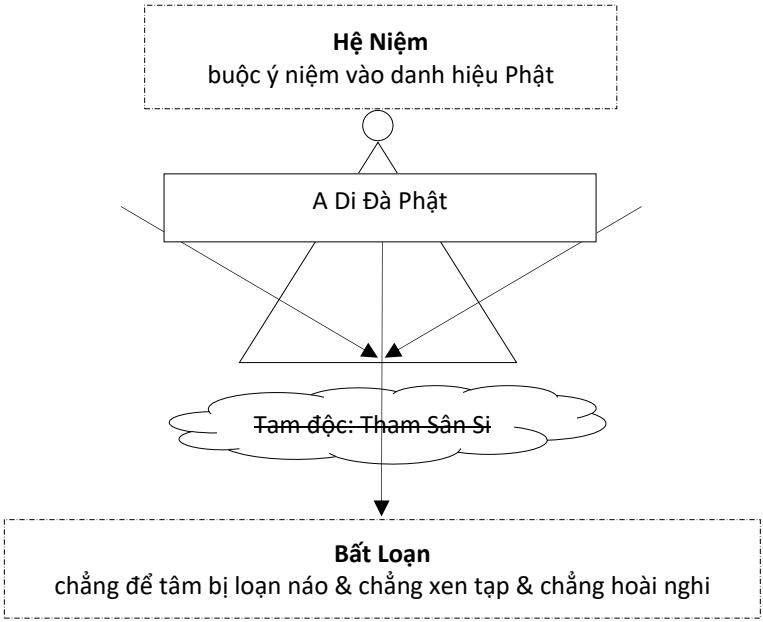

Hệ Niệm Bất Loạn

tiếng niệm A Di Đà có công năng diệt tận những tà niệm tưởng vọng

Trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật, Bồ Tát Quán Thế Âm nói: *"Khi xưng niệm danh hiệu Phật, hành giả không để tâm rong ruổi theo thanh trần mà xoay cái nghe trở vào Chân Tánh. Đó là danh hiệu Phật đang tuôn chảy liên miên bất tận thành một dòng Tâm mà mỗi mỗi sát na đều hiển hiện Chân Như Tánh.*

Chính nó thật là Tánh Nghe của mình, chẳng còn hai tướng động và tịnh, toàn thể là vắng lặng, soi chiếu khắp mười phương. Tiếp tục hành trì niệm mật như thế, chẳng bao lâu thì Tánh Nghe cũng không còn. Khi ấy, Phật Trí tự nhiên tỏa rạng, danh hiệu Phật vẫn tương tục, không gián đoạn. Do đó, phải nói rằng Niệm Phật là pháp môn đệ nhất, dùng để chuyển THỨC thành TRÍ mà chúng sanh thời mạt pháp phải siêng năng thọ trì."

Đại sư Quảng Khâm (1892-1986) dạy: *"Mỗi tâm niệm, mỗi ý nghĩ, bạn chớ xa rời cảnh giới Phật. Đi đứng nằm ngồi, nhất cử nhất động, làm gì bạn cũng cứ niệm Phật. Khóc cũng niệm Phật. Cất chân một bước cũng niệm Phật. Sức mạnh của việc niệm Phật vĩ đại vô song, có thể khiến bạn đắc Niệm Phật Tam Muội, một thứ định không phải tầm thường."*

Người niệm Phật, ngày đêm 6 thời, lấy câu A Di Đà làm lý nghĩa nhân sinh cho kiếp sống ta bà, để nuôi dưỡng chánh niệm, chuyên nhất tâm tưởng, giữ gìn giới thể và chuyển nghiệp đi lên. Người niệm Phật, bước vào đời với tâm nguyện: *"Điềm nhiên giữa đất trời nhiêu nhưỡng. Sống yêu thương, chánh niệm, nhẫn nhục và khoan dung đời."*

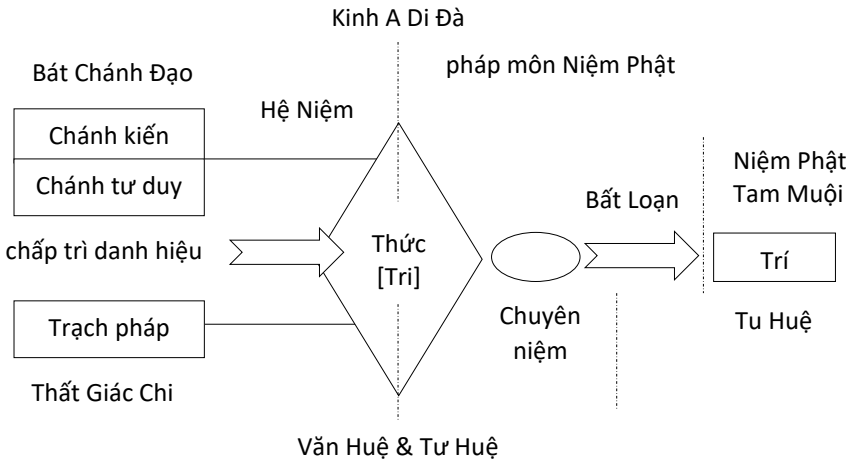

Chân Như Tánh
đêm ngày hệ niệm, chuyển THỨC thành TRÍ

Trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật, Đức Phật Thích Ca nói: *"Chư Phật đã dùng Phật Nhãn quán sát khắp mười phương, thấy rõ nghiệp lực chúng sanh lành dữ không đồng đều, thấy thân tướng và cảnh giới của chúng sanh xấu tốt có sai biệt. Nhưng điểm sanh khởi chẳng rời sát na tâm sanh diệt, chỗ hội quy cũng không rời sát na tâm sanh diệt. Muốn hàng phục và chuyển biến cái sát na tâm sanh diệt ấy, thì không có pháp nào hơn là pháp NIỆM PHẬT."*

Người niệm Phật dùng tiếng niệm A Di Đà để chuyên nhất tâm tưởng và giữ vững định lực trước những được mất, vinh nhục, khen chê, vui khổ trong cuộc đời (đó là 8 ngọn gió trần ai, gọi là bát phong).

Khi người niệm Phật đã kiên quyết, một lòng trì giữ danh hiệu Phật A Di Đà suốt ngày đêm 6 thời không buông lơi, không xen

tạp, không mong cầu, và nếu trì giữ như vậy cho mãi trọn đời. Đến giờ phút lâm chung, sẽ được Phật A Di Đà và các vị Thánh chúng Bồ Tát hiện ra trước mặt, hộ trì người ấy giữ vững chánh niệm, khiến cho tâm thức người ấy không bị loạn náo, điềm nhiên xả bỏ xác thân, tiếp dẫn người ấy về cõi Tây Phương Cực Lạc. Hàng Thánh chúng gồm có Bồ Tát Quán Thế Âm đứng bên trái của Phật A Di Đà, tay cầm bình nước cam lồ và cành dương liễu, Bồ Tát Đại Thế Chí đứng bên phải của Phật A Di Đà, tay cầm cành sen xanh, cùng với rất nhiều những vị Bồ Tát Thanh Văn đệ tử khác của Phật A Di Đà.

Trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật, Đức Phật khuyến tán: *"Pháp môn Niệm Phật là pháp vi diệu thù thắng đệ nhất mà chư Phật dùng để cứu độ khắp hết thảy chúng sanh".*

- *"Đây thật là môn tu thích đáng khế hợp mọi căn cơ mà chư Phật dùng để đưa hết thảy muôn loài xa rời nẻo khổ, chứng đắc Niết Bàn tại thế, thành Phật trong một đời."*
- *"Đây là môn tu đại oai lực, đại phước đức mà chư Phật giúp chúng sanh vượt thắng thân phàm phu mà thâm nhập cảnh giới Chân Thường."*
- *"Đây là môn tu đại Bát Nhã, đại thiền định mà chư Phật dùng làm thuyền bè đưa hết thảy chúng sanh qua đến bờ bên kia, không còn sanh già bệnh chết, hoàn toàn hưởng dụng pháp lạc."*
- *"Đây là môn tu đại trang nghiêm, đại thanh tịnh mà chư Phật dùng để đưa hết thảy chúng sanh vào giới luật, nhiếp chúng sanh vào oai nghi, an ổn, phúc lạc."*
- *"Đây là môn tu đại nhu hòa, đại nhẫn nhục mà chư Phật giúp hết thảy chúng sanh tự tại giữa khổ và vô thường mà thành tựu Tri Kiến Phật."*

- *"Đây là môn tu đại Bồ Đề, đại siêu việt mà chư Phật dùng làm cứu cánh để giúp hết thảy chúng sanh thành Phật, như Phật, ngay trong một kiếp."*
- *"Đây là môn tu đại từ bi, đại dũng mãnh mà chư Phật dùng để giúp chúng sanh có được cái tâm bằng tâm chư Phật, có được cái nguyện bằng nguyện chư Phật, mau chóng vượt qua địa vị phàm phu và tự chứng pháp thân từng phần."*

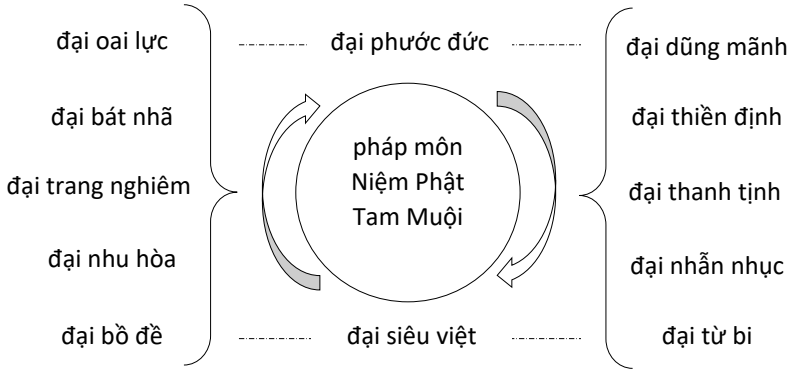

Niệm Phật Tam Muội
pháp môn vi diệu thù thắng đệ nhất,
môn tu khế hợp và nhiếp hóa mọi căn cơ chúng sanh

PHẢI NÊN PHÁT NGUYỆN VÃNG SANH

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, Ta thấy nhân duyên lớn với lợi ích an lạc như vậy, nên nói lời chân thật: "Nếu có người con trai lành, hoặc người con gái lành, với lòng tin thanh tịnh, được nghe danh hiệu công đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật Vô Lượng Thọ và cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc, thì các người ấy phải nên tin nhận, phát nguyện, thọ trì, tu tập đúng như lời dạy, sẽ được sanh về cõi Phật đó."*

Lý Giải:

Đức Phật đã thấy rõ được sự lợi ích của thế giới Tây Phương Cực Lạc và 48 lời nguyện của Phật A Di Đà. Ngài rất hiểu rõ cái tâm thể của chúng sanh trong thời mạt pháp. Cho nên, Ngài đã khuyên dẫn những lời như thế, để chúng sanh theo đó mà phát tâm tu hành, có một nơi chốn an vui làm cứu cánh để phát nguyện sanh về.

Người niệm Phật, một khi đã phát tâm hành trì pháp môn Niệm Phật, thì phải nên phát nguyện sanh về cõi nước Cực Lạc. Nguyện rất là quan trọng để tâm thể nương theo đó mà hướng về. Dù cho kiếp nầy có tu chứng Niệm Phật Tam Muội nhưng nếu không phát nguyện chân thành thì cũng chẳng được sanh về Cực Lạc. Trong bản Kinh A Di Đà, Phật đã rất nhiều lần khuyến tấn người tu theo pháp Niệm Phật là phải chí thành phát nguyện sanh về cõi nước đó. Phật đã nhiều lần ân cần như vậy, thì mình phải khẩn thành sám hối mỗi đêm ngày để tu sửa tâm tánh, sớm tiêu trừ nghiệp chướng, chân thành hồi hướng, phát nguyện sanh về cõi Tây Phương Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà.

THẾ NÀO LÀ SÁM HỐI?

Sám hối là ăn năn và chừa bỏ. Ăn năn về lỗi lầm đã vướng phải, chừa bỏ lỗi nầy trong tương lai, để thân tâm được thanh tịnh trong giờ phút hiện tại. Sám hối là phải quyết tâm tu sửa và phải thành tâm lạy Phật cho nhiều. Lạy Phật là để quy lễ và sám hối, không phải để cầu xin danh lợi, tiền của, yên bình, sức khỏe, thần thông, thọ mạng.

Mỗi một cái lạy đi kèm với một câu niệm Phật, lạy xong và trỗi dậy cũng với một câu niệm Phật kế tiếp. Phải thành tâm mà sám hối, thành tâm mà lễ Phật. Như vậy, gọi là lạy Phật sám hối, niệm Phật sám hối.

Một lỗi đã phạm không được quá 3 lần tái phạm thì việc sám hối mới có ý nghĩa ứng hợp mà thanh tịnh thân tâm. Người niệm Phật, khi đã phát tâm Bồ Đề dũng mãnh, tinh tấn trì niệm danh hiệu A Di Đà Phật không chán mỏi, thì càng phải thành tâm sám hối nhiều hơn nữa, như vậy mới có thể sớm tiêu trừ được nghiệp chướng trong muôn ngàn ức kiếp sanh tử. Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Phật nói: *"Chí tâm xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà, mỗi mỗi niệm tiêu trừ được trọng tội trong 80 ức kiếp sanh tử."* Điểm mật yếu ở đây, theo lời Phật dạy, là sự nghiêm cẩn chí thành của người niệm Phật, cùng với sự chuyên nhất trì giữ tâm ý trên câu Phật hiệu, mỗi một niệm A Di Đà có thể tiêu trừ được trọng tội trong 80 ức kiếp sanh tử.

Người niệm Phật phải nghiêm kính trì giữ câu Phật hiệu A Di Đà, với tâm thái xả ly tất cả pháp thế gian. Niệm Phật cần thiết như vậy mới là chân chánh niệm Phật, xả ly niệm Phật, đó gọi là Niệm Phật Ba La Mật. Nguyện để sanh về Tây Phương thì phải nhận biết sự bám níu vào tham đắm và ưu tư đối với cuộc đời là đau khổ, phải biết buông bỏ muôn duyên bên ngoài để mà thiết tha nguyện về, để mà tịnh tâm niệm Phật, để có chánh niệm mà chấp trì danh hiệu Phật cho được nhất tâm. Trong thời mạt pháp 10.000 năm, pháp môn Chấp Trì Danh Hiệu A Di Đà là pháp cứu độ tất cả mọi chúng sanh, đó là pháp môn vô cùng thù thắng bất khả tư nghì trong 84.000 pháp môn của Đức Thế Tôn.

PHẦN LƯU THÔNG

Chư Phật 10 phương cùng khuyến tín và nhiếp thọ,
tất cả đại chúng hoan hỷ tin nhận lời Phật dạy.

LỜI KHUYẾN TÍN CỦA CHƯ PHẬT 10 PHƯƠNG

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, như Ta hôm nay xưng dương tán thán cõi Phật vô lượng vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật Vô Lượng Thọ, thì như vậy ở phương Đông, hiện cũng có Bất Động Như Lai, Sơn Tràng Như Lai, Đại Sơn Như Lai, Sơn Quang Như Lai, Diệu Tràng Như Lai, hằng hà sa số các Đức Phật như thế, an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Đông, mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài, bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới mà nói lời chân thật: "Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."*

Lý Giải:

Các Đức Phật ở phương Đông nhiều vô số, hằng hà sa số, đã cùng nhau khen ngợi công đức của kinh nầy, của người thọ trì kinh nầy, và nguyện hứa sẽ nhiếp thọ hộ trì cho những ai thành kính thọ trì kinh nầy. Đây là lời chân thật của Phật Thích Ca đã nói, của Ngài A Nan đã thuật lại, của các Đức Phật ở phương Đông đã đồng thanh tán thán. Chúng ta phải nên TIN là đúng đắn.

Năm vị Phật tiêu biểu ở phương Đông và công đức đạo hạnh:

- Bất Động Như Lai (chẳng động, chẳng đến, chẳng đi). Có nghĩa là kiên cố, vững chắc, không có gì có thể chi phối hoặc lay chuyển được.
- Sơn Tràng Như Lai (tướng tốt như núi Tu Di).

- Đại Sơn Như Lai (đức tướng trùm khắp như núi Tu Di).
- Sơn Quang Như Lai (đức tướng chói sáng như núi Tu Di).
- Diệu Tràng Như Lai (đức tướng tốt lành, vi diệu).

Hằng hà sa số là số cát của sông Hằng ở Ấn Độ, ý nói là số lượng rất nhiều, nhiều vô lượng vô biên như số cát của sông Hằng chẳng thể nào đo lường tính đếm được. Sông Hằng, tức là sông Ganges, tên địa phương là Mother Ganges, dài 2.500 cây số, bắt nguồn từ dãy Hymalaya (biên giới Nepal) chảy đến cửa vịnh Bengal (biên giới Bangladesh) và đổ vào biển Ấn Độ Dương.

Tướng lưỡi rộng dài (quảng trường thiệt tướng) là biểu trưng cho sự thành thật, ý nói là biện tài thuyết pháp, nói lời ngợi khen chân thật (tán thán), trải dài pháp âm đến khắp mọi nơi trên thế giới, đến tất cả mọi loài, để cùng nhau biết sự thật là như vậy.

Đức Phật đề cập đến phương Đông đầu tiên vì đây là hướng mặt trời mọc vào mỗi sáng sớm, bắt đầu cho một ngày mới.

THẾ NÀO LÀ BA NGÀN CÕI ĐẠI THIÊN THẾ GIỚI?

Theo các sách Phật học luận giải, ba ngàn cõi đại thiên thế giới (tam thiên đại thiên thế giới) là nhiều vô số thế giới, là một tỷ tiểu thế giới của tất cả chư Phật. Thế giới chúng ta đang sống đây là một thái dương hệ (chỗ có ánh sáng mặt trời). Một thái dương hệ tương đương với một tiểu thế giới. Một ngàn tiểu thế giới là một tiểu thiên thế giới. Một ngàn tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới. Một ngàn trung thiên thế giới là một đại thiên thế giới. Như vậy, ba ngàn cõi đại thiên thế giới là cõi số thế giới 3 lần của số ngàn, tức là lũy thừa bậc 3 của 1000, tức là 1000^3, là một tỷ tiểu thế giới (1.000 x 1.000 x 1.000 = 1.000.000.000), có thể nói là tương đương với một tỷ thái dương hệ của vũ trụ, gọi là tam thiên đại thiên thế giới.

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Nam, hiện cũng có Nhật Nguyệt Quang Như Lai, Danh Xưng Quang Như Lai, Đại Quang Uẩn Như Lai, Mê Lô Quang Như Lai, Vô Biên Tinh Tấn Như Lai, hằng hà sa số các Đức Phật như thế, an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Nam, mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài, bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới mà nói lời chân thật: "Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."*

Lý Giải:

Các Đức Phật ở phương Nam cũng đã đồng thanh khen ngợi về công đức của kinh nầy và nguyện hứa sẽ nhiếp thọ hộ trì cho những ai thành kính thọ trì kinh nầy.

Năm vị Phật tiêu biểu ở phương Nam và công đức đạo hạnh:

- Nhật Nguyệt Quang Như Lai (đức tướng sáng chói như mặt trời mặt trăng).
- Danh Xưng Quang Như Lai (danh tiếng vang dội chói sáng).
- Đại Quang Uẩn Như Lai (đức tướng chói sáng vô cùng).
- Mê Lô Quang Như Lai (ánh sáng như núi Tu Di).
- Vô Biên Tinh Tấn Như Lai (tinh tấn viên mãn).

Nếu nhìn về hướng Đông, nơi mặt trời mọc vào mỗi sáng bình minh, thì phương Nam là hướng ở bên tay phải. Cõi ta bà, còn gọi là cõi Diêm Phù Đề, tức là thế giới Kham Nhẫn mà chúng ta đang sinh sống đây, nằm ở phía Nam của núi Tu Di.

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Tây, hiện cũng có Vô Lượng Thọ Như Lai, Vô Lượng Uẩn Như Lai, Vô Lượng Quang Như Lai, Vô Lượng Tràng Như Lai, Đại Tự Tại Như Lai, Đại Quang Như Lai, Quang Diệm Như Lai, Đại Bảo Tràng Như Lai, Phóng Quang Như Lai, hằng hà sa số các Đức Phật như thế, an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Tây, mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài, bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới mà nói lời chân thật: "Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."*

Lý Giải:

Các Đức Phật ở phương Tây cũng đã đồng thanh khen ngợi về công đức của kinh nầy và nguyện hứa sẽ nhiếp thọ hộ trì cho những ai thành kính thọ trì kinh nầy.

Chín vị Phật tiêu biểu ở phương Tây và công đức đạo hạnh:

- Vô Lượng Thọ Như Lai (sống lâu vô lượng).
- Vô Lượng Uẩn Như Lai (tướng tốt vô lượng).
- Vô Lượng Quang Như Lai (ánh sáng chiếu soi vô lượng).
- Vô Lượng Tràng Như Lai (công đức vô lượng).
- Đại Tự Tại Như Lai (tự tại vô biên bậc nhất).
- Đại Quang Như Lai (hào quang diệu dụng).
- Quang Diệm Như Lai (sáng suốt tột cùng).
- Đại Bảo Tràng Như Lai (tướng tốt như châu báu).
- Phóng Quang Như Lai (hào quang thanh tịnh).

Vô Lượng Thọ Như Lai và Vô Lượng Quang Như Lai là các vị Phật phân thân của Đức Phật A Di Đà.

Phương Tây là hướng mặt trời lặn vào mỗi hoàng hôn, tính từ núi Tu Di trung tâm điểm của vũ trụ. Thế giới Cực Lạc nằm ở hướng Tây, cách xa cõi ta bà trên ngàn ức vô số cõi Phật.

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Bắc, hiện cũng có Vô Lượng Quang Nghiêm Thông Đạt Giác Tuệ Như Lai, Vô Lượng Thiên Cổ Chấn Đại Diệu Âm Như Lai, Đại Uẩn Như Lai, Quang Võng Như Lai, Sa La Đế Vương Như Lai, hằng hà sa số các Đức Phật như thế, an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Bắc, mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài, bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới mà nói lời chân thật: "Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."*

Lý Giải:

Các Đức Phật ở phương Bắc cũng đã đồng thanh khen ngợi về công đức của kinh nầy và nguyện hứa sẽ nhiếp thọ hộ trì cho những ai thành kính thọ trì kinh nầy.

Năm vị Phật tiêu biểu ở phương Bắc và công đức đạo hạnh:

- Vô Lượng Quang Nghiêm Thông Đạt Giác Tuệ Như Lai (ánh sáng trang nghiêm, trí tuệ vô lượng).
- Vô Lượng Thiên Cổ Chấn Đại Diệu Âm Như Lai (âm thanh vi diệu).
- Đại Uẩn Như Lai (phước trí vô lượng).
- Quang Võng Như Lai (trí tuệ sáng ngời như minh châu).
- Sa La Đế Vương Như Lai (đức tướng như vua cây sa la).

Nếu nhìn về hướng Đông, nơi mặt trời mọc vào mỗi sáng bình minh, thì phương Bắc là hướng ở bên tay trái.

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Dưới, hiện cũng có Thị Hiện Nhất Thiết Diệu Pháp Chánh Lý Thường Phóng Hỏa Vương Thắng Đức Quang Minh Như Lai, Sư Tử Như Lai, Danh Xưng Như Lai, Dự Quang Như Lai, Chánh Pháp Như Lai, Diệu Pháp Như Lai, Pháp Tràng Như Lai, Công Đức Hữu Như Lai, Công Đức Hiệu Như Lai, hằng hà sa số các Đức Phật như thế, an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Dưới, mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài, bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới mà nói lời chân thật: "Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."*

Lý Giải:

Các Đức Phật ở phương Dưới cũng đã đồng thanh khen ngợi về công đức của kinh nầy và nguyện hứa sẽ nhiếp thọ hộ trì cho những ai thành kính thọ trì kinh nầy.

Chín vị Phật tiêu biểu ở phương Dưới và công đức đạo hạnh:

- Thị Hiện Nhất Thiết Diệu Pháp Chánh Lý Thường Phóng Hỏa Vương Thắng Đức Quang Minh Như Lai (diệu pháp chánh lý phước đức thù thắng phóng quang chói sáng như vua lửa).
- Sư Tử Như Lai (đức tướng oai nghiêm như sư tử).
- Danh Xưng Như Lai (tên gọi chói sáng).
- Dự Quang Như Lai (danh tiếng vang dội khắp nơi).
- Chánh Pháp Như Lai (pháp khí trùm khắp).
- Diệu Pháp Như Lai (pháp đức vi diệu mầu nhiệm).
- Pháp Tràng Như Lai (pháp đức vượt hơn tất cả).
- Công Đức Hữu Như Lai (người bạn công đức).
- Công Đức Hiệu Như Lai (danh hiệu công đức).

Phương Dưới là hướng về phía bên dưới của núi Tu Di, tính từ nơi trú xứ của vua Đế Thích ở cung Trời Đao Lợi, chứ không phải ở bên dưới lòng đất của cõi ta bà mà chúng ta đang sinh sống. Cõi ta bà nằm ở phía Nam của núi Tu Di.

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Trên, hiện cũng có Phạm Âm Như Lai, Tú Vương Như Lai, Hương Quang Như Lai, Như Hồng Liên Hoa Thắng Đức Như Lai, Thị Hiện Nhất Thiết Nghĩa Lợi Như Lai, hằng hà sa số các Đức Phật như thế, an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Trên, mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài, bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới mà nói lời chân thật: "Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."*

Lý Giải:

Các Đức Phật ở phương Trên cũng đã đồng thanh khen ngợi về công đức của kinh nầy và nguyện hứa sẽ nhiếp thọ hộ trì cho những ai thành kính thọ trì kinh nầy.

Năm vị Phật tiêu biểu ở phương Trên và công đức đạo hạnh:

- Phạm Âm Như Lai (lời nói thanh tịnh).
- Tú Vương Như Lai (chiếu soi như vua tinh tú).
- Hương Quang Như Lai (trí đức ngời sáng).
- Như Hồng Liên Hoa Thắng Đức Như Lai (phước tướng thù thắng như hoa sen báu).
- Thị Hiện Nhất Thiết Nghĩa Lợi Như Lai (thông suốt vạn pháp).

Phương Trên là hướng về phía trên của đỉnh núi Tu Di, tính từ nơi trú xứ của vua Đế Thích ở cung Trời Đao Lợi.

Theo lý nghĩa của bản Kinh A Di Đà, Đức Phật đề cập đến phương Dưới trước, rồi sau đó mới nói đến phương Trên. Vì phương Dưới là biểu trưng cho những gốc rễ, nên Đức Phật đề cập trước, và phương Trên là biểu trưng cho các cành nhánh, nên Đức Phật nói đến sau.

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Đông Nam, hiện cũng có Tối Thượng Quảng Đại Vân Lôi Âm Vương Như Lai, hằng hà sa số các Đức Phật như thế, an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Đông Nam, mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài, bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới mà nói lời chân thật: "Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."*

Lý Giải:

Các Đức Phật ở phương Đông Nam cũng đã đồng thanh khen ngợi về công đức của kinh nầy và nguyện hứa sẽ nhiếp thọ hộ trì cho những ai thành kính thọ trì kinh nầy.

Vị Phật tiêu biểu cho phương Đông Nam và công đức đạo hạnh:

- Tối Thượng Quảng Đại Vân Lôi Âm Vương Như Lai (lớn rộng bao trùm khắp như mây, vang rền như sấm).

Phương Đông Nam nằm ở giữa của phương Đông và phương Nam.

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Tây Nam, hiện cũng có Tối Thượng Nhật Quang Danh Xưng Công Đức Như Lai, hằng hà sa số các Đức Phật như thế, an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Tây Nam, mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài, bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới mà nói lời chân thật: "Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."*

Lý Giải:

Các Đức Phật ở phương Tây Nam cũng đã đồng thanh khen ngợi về công đức của kinh nầy và nguyện hứa sẽ nhiếp thọ hộ trì cho những ai thành kính thọ trì kinh nầy.

Vị Phật tiêu biểu cho phương Tây Nam và công đức đạo hạnh:

- Tối Thượng Nhật Quang Danh Xưng Công Đức Như Lai (danh xưng công đức tối thượng như ánh sáng mặt trời).

Phương Tây Nam nằm ở giữa của phương Tây và phương Nam.

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Tây Bắc, hiện cũng có Vô Lượng Công Đức Hỏa Vương Quang Minh Như Lai, hằng hà sa số các Đức Phật như thế, an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Tây Bắc, mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài, bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới mà nói lời chân thật: "Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."*

Lý Giải:

Các Đức Phật ở phương Tây Bắc cũng đã đồng thanh khen ngợi về công đức của kinh nầy và nguyện hứa sẽ nhiếp thọ hộ trì cho những ai thành kính thọ trì kinh nầy.

Vị Phật tiêu biểu cho phương Tây Bắc và công đức đạo hạnh:

- Vô Lượng Công Đức Hỏa Vương Quang Minh Như Lai (công đức vô lượng sáng chiếu như vua lửa).

Phương Tây Bắc nằm ở giữa của phương Tây và phương Bắc.

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Đông Bắc, hiện cũng có trăm ngàn ức vô số Quảng Tuệ Như Lai, hằng hà sa số các Đức Phật như thế, an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Đông Bắc, mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài, bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới mà nói lời chân thật: "Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."*

Lý Giải:

Các Đức Phật ở phương Đông Bắc cũng đã đồng thanh khen ngợi về công đức của kinh nầy và nguyện hứa sẽ nhiếp thọ hộ trì cho những ai thành kính thọ trì kinh nầy.

Vị Phật tiêu biểu cho phương Đông Bắc và công đức đạo hạnh:

- Quảng Tuệ Như Lai (trí huệ rộng lớn).

Phương Đông Bắc nằm ở giữa của phương Đông và phương Bắc.

Tất cả các Đức Phật ở 10 phương đã đồng thanh khen ngợi về công đức bất khả tư nghì của kinh nầy và nguyện hứa sẽ nhiếp

thọ hộ trì cho những ai thành kính thọ trì kinh nầy, tức là Kinh A Di Đà.

Trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật, mười phương chư Phật đã cùng nhau khuyến tán: *"Ai nhất tâm xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật, sẽ được chư Phật hộ trì và nhiếp thọ, quyết định thành Phật."*

Chư Phật mười phương là tất cả trăm ngàn ức vô số vô lượng vô biên chư Phật ở khắp mười phương thế giới, tính từ núi Tu Di, theo trình tự phương hướng: Đông, Nam, Tây, Bắc, Dưới, Trên, Đông Nam, Tây Nam, Tây Bắc, Đông Bắc.

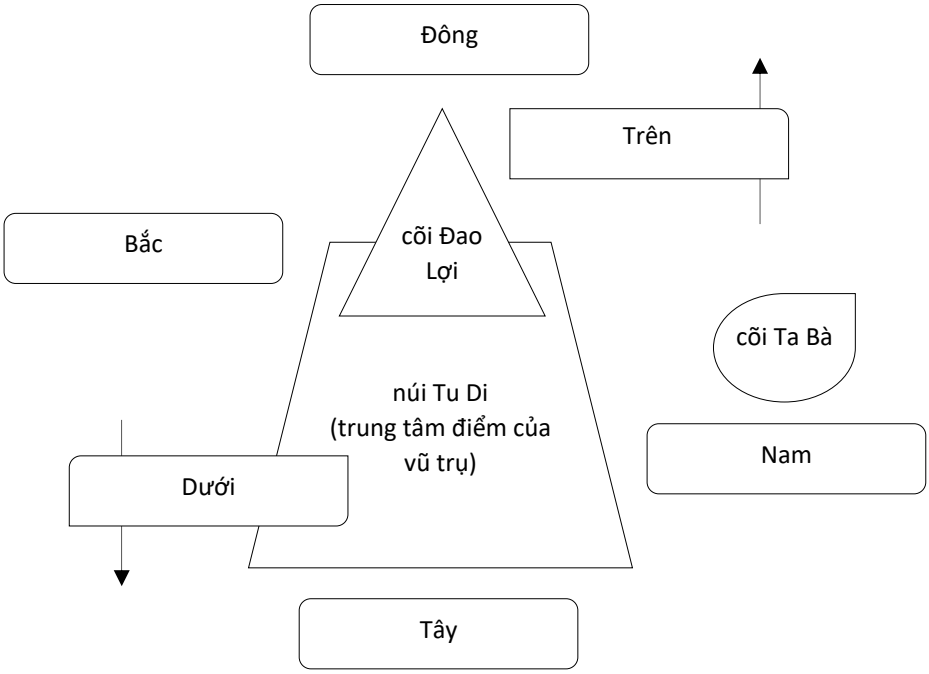

núi Tu Di và cõi Ta Bà
các định vị của mười phương thế giới

Ý NGHĨA NHIẾP THỌ Ở TỰA ĐỀ KINH

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, vì nhân duyên gì mà kinh nầy có tên là "Pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ"? Xá Lợi Tử, vì trong kinh nầy đã xưng dương tán thán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ, cho đến mười phương chư Phật Thế Tôn, vì muốn dùng phương tiện cho các hữu tình được lợi ích an lạc, nên an trú nơi cõi nước của mình, thị hiện đại thần thông biến hóa, nói lời chân thật, khuyến khích các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn nầy. Cho nên kinh nầy có tên là "Pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ".*

Lý Giải:

Đây là một trong những câu hỏi mà Đức Phật đã hỏi Ngài Xá Lợi Tử về thế giới Cực Lạc trong pháp hội giảng nói Kinh A Di Đà. Phật hỏi Ngài Xá Lợi Tử vì Ngài là người có trí tuệ bậc nhất trong hàng Thanh Văn đại đệ tử của Phật, có đầy đủ trí huệ để có thể hiểu và có thể tin về những sự mầu nhiệm ở thế giới Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.

Tên đầy đủ của Kinh A Di Đà là *"Kinh khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả các Đức Phật hộ niệm"*, tức là *"Kinh pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ"*, dịch ngắn gọn là Phật Nói Kinh A Di Đà, Kinh Niệm Phật A Di Đà, Kinh Di Đà, Tiểu Bổn Kinh A Di Đà, Kinh Niệm Phật Vãng Sanh, hoặc là Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ.

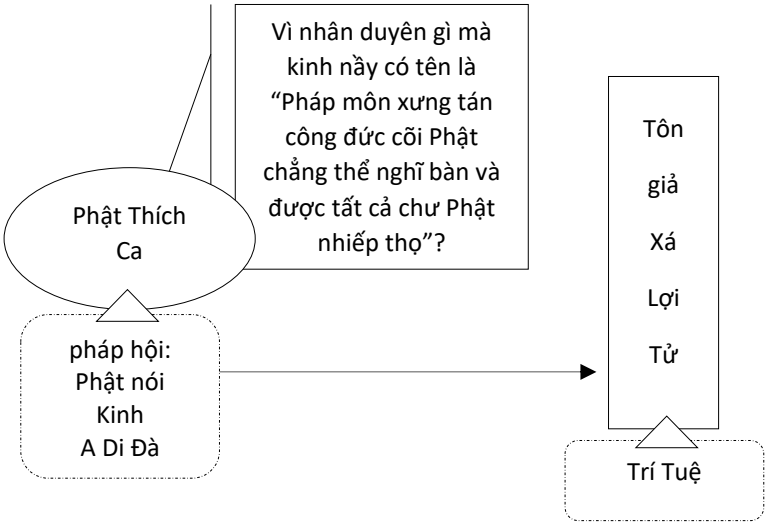

Phật hỏi Ngài Tôn giả Xá Lợi Tử
pháp hội giảng nói Kinh A Di Đà

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, nếu có người con trai lành, hoặc người con gái lành, hoặc đã được nghe, hoặc sẽ được nghe, hoặc đang được nghe. Nghe kinh nầy rồi thì sanh lòng tin hiểu sâu xa. Sanh lòng tin hiểu rồi thì chắc chắn sẽ được hằng hà sa số chư Phật Thế Tôn ở khắp mười phương nhiếp thọ. Các hữu tình hãy tu tập đúng như lời dạy, quyết chắc sẽ đạt được quả vị Bất Thoái Chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, quyết chắc sẽ được sanh về cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ.*

Lý Giải:

Nhiều vô lượng vô số các Đức Phật ở mười phương nguyện hứa sẽ hộ trì và nhiếp thọ những ai đã nghe và thọ trì kinh nầy, cùng

đã nghe và nhớ tưởng đến danh hiệu của các vị Phật ở mười phương. Những người đó đều được Bất Thoái Chuyển, sẽ chẳng bao giờ lùi bước nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bởi vì lý do đó, nên tên của kinh nầy được gọi là *"Pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ"*.

Trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật, Phật Thích Ca nói: *"Tất cả chư Phật phân thân của Ta luôn luôn phóng đại quang minh, nhiếp thọ và thủ hộ những chúng sanh niệm Phật, không rời bỏ."*

Chư Phật hộ trì và nhiếp thọ, có nghĩa là tất cả các Đức Phật ở khắp mười phương luôn nhớ tưởng đến người niệm Phật, tìm mọi cách để giúp đỡ, gia trì và hỗ trợ người ấy.

Thọ trì, tức là năng lực của Tín và Hạnh, đó là sức mạnh tin tưởng vào giáo pháp và tinh chuyên thực hành đúng theo tinh thần lý nghĩa của lời kinh. Thọ là ghi nhận vào lòng. Trì là nhớ mãi không quên. Đó là tin vào 48 lời nguyện của Đức Phật A Di Đà, luôn nắm giữ trong tâm danh hiệu A Di Đà Phật suốt ngày đêm 6 thời không chán mỏi, không buông lơi, không mong cầu, không hoài nghi, không lo ngại. Thọ trì như vậy mới là chân chánh thọ trì danh hiệu Phật.

Tín giải có nghĩa là tin hiểu, có niềm tin vững chắc, biết tư duy lý giải và có sự nhận hiểu sâu xa đúng như thật.

Theo các sách Phật học luận giải, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác còn gọi là Vô Thượng Bồ Đề (tiếng Phạn: A nậu đa la tam miệu tam bồ đề) có nghĩa là chỗ giác ngộ về chánh pháp không còn ai hơn được nữa, trí tuệ hiểu biết bình đẳng không tà vọng hư dối, giác ngộ được chân lý giải thoát rốt ráo toàn diện. Đó là quả vị cứu cánh vô thượng của chư Phật, cảnh giới của sự thanh tịnh giải thoát tối cao, công đức trí huệ bất khả tư nghì.

A nậu đa la tam miệu tam bồ đề còn có nghĩa là Vô Thượng Chánh Biến Tri, tức là trí tuệ rộng lớn cùng khắp, hiểu rõ thật tướng của tất cả vạn pháp thế gian ta bà.

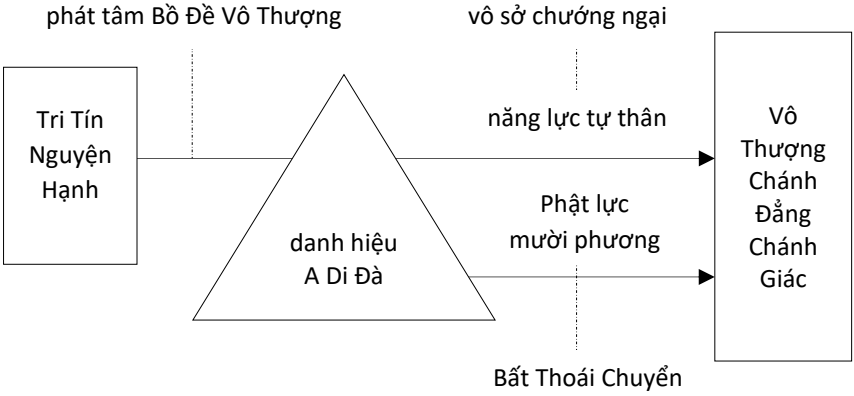

pháp môn Nhị Lực bất khả tư nghì
người niệm Phật phải tin tưởng vào năng lực ở chính mình
và sự hộ trì nhiếp thọ của chư Phật mười phương

PHẢI NÊN TIN LỜI CỦA PHẬT

KINH: *Cho nên, Xá Lợi Tử, tất cả các hữu tình phải nên tin nhận, thọ trì, lý giải lời nói của Như Lai và của các Đức Phật Thế Tôn mười phương, phải nên chuyên cần tinh tấn, tu tập đúng như lời dạy, chớ sanh lòng hoài nghi, lo ngại.*

Lý Giải:

Đức Phật không bao giờ nói dối. Ngài đã vì thương xót chúng sanh mà nói pháp cứu độ nầy. Chúng ta phải nên TIN vào lời dạy của Ngài và lời tán thán xưng tụng của các Đức Phật ở khắp mười phương thế giới. Hãy tin với niềm tin thật vững chắc, khắc giữ vào trong tâm, đó là chân chánh tin nhận vậy (tín thọ).

Người tu theo pháp Niệm Phật phải phát khởi tín tâm thật vững chắc, mở rộng lòng tin để nhận hiểu lời Phật dạy trên cả 2 mặt Lý và Sự, đó gọi là Khải Tín. Tin có cõi Tịnh Độ nhiệm mầu trong tâm của người niệm Phật. Tin có cõi Niết Bàn Cực Lạc của Phật A Di Đà ở phương Tây.

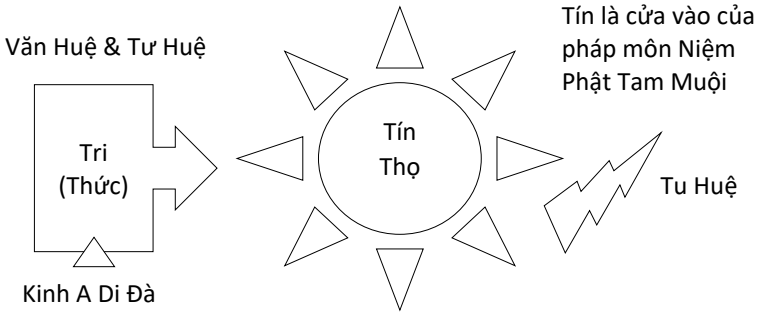

chân thành tin nhận lời Phật dạy
người niệm Phật phải tự tin mình cũng có khả năng thành Phật

PHÁT NGUYỆN SANH VỀ CÕI TỊNH ĐỘ

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, nếu có người con trai lành, hoặc người con gái lành, đối với công đức trang nghiêm nơi cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ, hoặc đã phát nguyện, hoặc sẽ phát nguyện, hoặc đang phát nguyện, chắc chắn sẽ được hằng hà sa số chư Phật Thế Tôn ở khắp mười phương nhiếp thọ. Các hữu tình hãy tu tập đúng như lời dạy, quyết chắc sẽ đạt được quả vị Bất Thoái Chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, quyết chắc sẽ được sanh về cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ.*

Lý Giải:

Người niệm Phật khi đã thành tâm phát nguyện thì sẽ được sanh về. Sẽ phát nguyện thì sẽ được sanh về. Không phát nguyện thì sẽ không được sanh về. Khi đã được sanh về, thì sẽ chẳng bao giờ bị thoái chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề ở cõi nước đó. Hãy tin tưởng vững chắc như vậy mà chấp trì danh hiệu Phật, phát nguyện sanh về cõi Tịnh Độ của Phật A Di Đà.

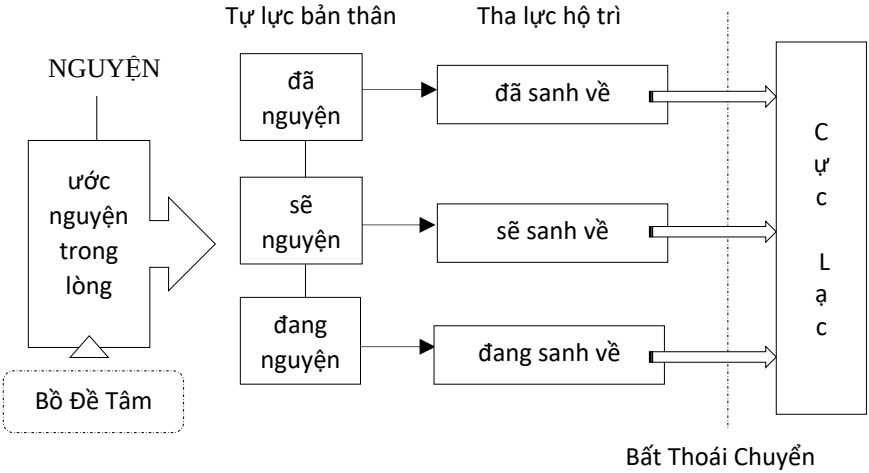

phát nguyện sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc
chẳng bao giờ bị lùi bước nơi đạo Vô Thượng Bồ Đề

KINH: *Cho nên, Xá Lợi Tử, nếu có người con trai lành, hoặc người con gái lành, có lòng tin thanh tịnh, đối với cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ đã có sự tin hiểu sâu xa trong lòng, thì tất cả phải nên phát nguyện sanh về cõi nước đó, chớ nên buông lung.*

Lý Giải:

Trong bản Kinh A Di Đà, Đức Phật Thích Ca đã nhiều lần ân cần khuyến tấn, người tu theo pháp môn Niệm Phật phải nên chí thành phát nguyện sanh về cõi nước Cực Lạc của Phật A Di Đà. Nguyện là những điều ước muốn thiêng liêng và chân thiết, được khắc ghi sâu xa vào trong lòng và trong tâm tưởng của người phát nguyện, ngày đêm thiết tha mong cầu để thực hiện các điều nguyện ước đó.

Nay, đã được nghe những lời Phật nói, đã hiểu rõ những lời Phật dạy, thì hãy tin chắc vào pháp môn nầy, tin thật có thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà ở phương Tây, tin thật có cõi Tịnh Độ ở trong tâm mình, tin vào khả năng chính mình cũng có thể thành Phật nương nhờ sự hộ trì nhiếp thọ của tất cả chư Phật mười phương, tin vào lý nhân quả và luật nghiệp báo, tin vào 48 lời đại nguyện của Phật A Di Đà, tinh tấn trì niệm câu Phật hiệu A Di Đà không buông lơi. Từng mỗi niệm vững chắc, từng mỗi niệm chân thành, trải rộng lòng Từ Bi Hỷ Xả của mình theo với tiếng niệm, hồi hướng công đức về Cực Lạc, thiết tha nguyện sanh về cõi Tây Phương Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà.

Trong thời mạt pháp 10.000 năm, những chướng ngại lớn của người niệm Phật là tín tâm không được vững chắc và sự chấp trì câu Phật hiệu A Di Đà thường bị gián đoạn, vì bởi quá nhiều ngoại duyên chi phối, hoặc vì tâm tưởng tán loạn làm mình quên niệm, hoặc vì quá mong cầu mà sanh tâm tưởng vọng, hoặc buông lung phóng dật vì những sân si mê đắm, hoặc hoài nghi mà bâng khuâng nghĩ tưởng, dể duôi. Người niệm Phật phải nhận biết rõ những điều nầy, hãy cố gắng nỗ lực hơn nữa, hãy khẳng tâm một lòng niệm Phật và chỉ biết niệm Phật.

CHƯ PHẬT MƯỜI PHƯƠNG CÙNG TÁN THÁN

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, như Ta hôm nay xưng dương tán thán công đức chẳng thể nghĩ bàn của cõi Phật ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ, thì chư Phật Thế Tôn ở khắp mười phương cũng xưng tán công đức vô biên chẳng thể nghĩ bàn của Ta mà nói lời như vầy: "Rất lạ kỳ hiếm có, Thích Ca Tịch Tĩnh, Thích Ca Pháp Vương, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, có thể ở trong thế giới Kham Nhẫn nầy, thời ngũ trược ác thế, đó là kiếp trược, chư hữu tình trược, chư phiền não trược, kiến trược, mạng trược, ở trong cõi ấy, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì muốn dùng phương tiện cho các hữu tình được lợi ích an lạc, nên thuyết giảng pháp môn mà thế gian rất khó tin."*

Lý Giải:

Nơi cõi ta bà, Phật đã nói pháp như thế, đã vì chúng sanh mà nói pháp để cứu độ chúng sanh, nhưng hỏi có mấy ai tin những lời nầy, có mấy ai tin có sự mầu nhiệm công đức ở thế giới Cực Lạc cách xa nơi nầy những trăm ngàn ức vô số cõi Phật? Bởi vậy, pháp môn Niệm Phật là pháp môn rất kỳ diệu, thù thắng chẳng thể nghĩ bàn, và cũng bởi vì cảnh giới vô cùng kỳ diệu chẳng thể nghĩ bàn nên pháp môn nầy rất khó tin.

THẾ NÀO LÀ NGŨ TRƯỢC ÁC THẾ?

Ngũ trược ác thế là 5 thứ nhơ đục ở cõi thế gian ta bà khổ lụy và hiểm ác:

- Thời đại biến đổi không ngừng (Kiếp trược).
- Sự luân hồi sanh tử không ngừng dứt (Chư hữu tình trược).

- Những si mê, tham đắm, thù hận (Chư phiền não trược).
- Sự thấy biết sai lầm, tà bậy (Kiến trược).
- Đời thọ mạng ngắn ngủi, vô thường (Mạng trược).

Chư hữu tình trược còn gọi là Chúng sanh trược. Tịch Tĩnh tức là Mâu Ni (Muni). Pháp Vương tức là vua của tất cả các pháp.

Trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật, Phật đã khuyên dẫn, ở vào thời mạt pháp cuối cùng, thời của ngũ trược ác thế, tâm trí con người mỗi ngày càng thêm sa đọa bởi dục vọng, ganh tỵ, ích kỷ, hiểm ác, sân si, chiếm đoạt, thù hận. Từ đó, chiêu cảm đất trời những dịch bệnh, chiến tranh, gió bão, động đất, núi lửa, mất mùa, lũ lụt, hạn hán, thời tiết viêm nhiệt bức não. Chúng sanh nơi cõi ta bà, trong thời đại căn cơ yếu kém, tâm tưởng thô trệ, chỉ có thể tự cứu chính mình bằng pháp Niệm Phật A Di Đà, vì đó là pháp môn Nhị Lực siêu việt đệ nhất trong tất cả 84.000 pháp môn của Đức Thế Tôn.

- Nhị Lực, bao gồm Tự Lực và Tha Lực. Tự Lực là năng lực ở chính tự thân mình, tinh tấn nghiêm mật trì giữ câu Phật hiệu A Di Đà không buông lơi. Tha Lực là sự hộ trì nhiếp thọ của tất cả chư Phật ở khắp mười phương thế giới.

Chúng ta phải nên TIN vào lời của Phật Thích Ca đã nói, TIN vào lời của chư Phật mười phương đã khuyến tán, TIN một cách chân thành và thiết tha (gọi là Tịnh Tín). TIN thật có những sự mầu nhiệm vô biên của thế giới Tịnh Độ ở phương Tây và ở trong tâm của chính người niệm Phật.

Trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật, Bồ Tát Quán Thế Âm đã xác quyết: *"Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn trọn đời giáo hóa điều phục chúng sanh đã ban bố tám vạn bốn ngàn pháp môn tu tập. Nhưng trong đó, Niệm Phật là thù thắng đệ nhất. Hiện tại, nơi*

trăm ngàn muôn ức na do tha quốc độ khắp mười phương, các Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác cũng đang dùng hằng hà sa phương tiện, ngôn thuyết, thí dụ, để diễn bày vô số pháp môn tu tập, đưa hết thảy chúng sanh dung hóa vào Không Tánh, Niết Bàn Diệu Tâm Như Lai Tạng, nhưng duy chỉ có pháp môn NIỆM PHẬT là hữu hiệu siêu việt đệ nhất."

Theo Phật học tự điển, Na do tha, còn gọi là Na dữu đa, tiếng Phạn: Nayuta, là số lượng rất nhiều, thuộc về hàng ngàn ức, có nghĩa là vô lượng vô số không thể nào tính đếm được.

VÌ CHÚNG SANH MÀ NÓI PHÁP RẤT KHÓ TIN

KINH: *Cho nên, Xá Lợi Tử, các vị nên biết Ta hôm nay ở trong thời ngũ trược ác thế của thế giới Kham Nhẫn tạp nhiễm nầy, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì muốn dùng phương tiện cho các hữu tình được lợi ích an lạc, nên thuyết giảng pháp môn mà thế gian rất khó tin. Thì đó là việc hiếm có, chẳng thể nghĩ bàn.*

Lý Giải:

Ở vào thời Đức Thế Tôn lúc còn tại thế, Ngài đã nói với các vị Thánh chúng đệ tử của Ngài, là pháp môn Niệm Phật Vãng Sanh rất khó tin.

Nay, đã 2567 Phật lịch (tức là 2023 dương lịch), đã 567 năm của thời mạt pháp 10.000 năm, thì pháp môn nầy lại càng khó tin hơn nữa. Làm sao có thể tin những cây vàng, lá bạc, lưới ngọc, suối báu, nhạc trời, chim thiêng, lại có thể hòa âm diễn xướng lên những tiếng pháp Ba La Mật nhiệm mầu như thế? Cho nên, Phật nói, ở cõi ta bà ngũ trược ác thế, khuyên dẫn để cho mọi người tin vào pháp môn Niệm Phật là việc rất vô cùng khó khăn.

Phật lịch được khởi tính từ 544 trước Tây Lịch, là năm Đức Phật nhập Niết Bàn (15 tháng 2 âm lịch). Cách tính Phật lịch cho năm 2024 như sau: Lấy 624 trước Tây lịch (năm sinh của Đức Phật), trừ đi 80 năm Phật tại thế, là 544, cộng với 2024 dương lịch, là 2568 Phật lịch. Như vậy, Phật lịch của năm 2025 dương lịch là 2569, Phật lịch của năm 2026 dương lịch là 2570, Phật lịch của năm 2027 dương lịch là 2571. Và cứ như thế mà khởi tính cho những năm kế tiếp.

Sau khi Đức Phật nhập diệt, Phật pháp chia ra làm 3 thời kỳ:

- Chánh pháp: 1.000 năm, thời kỳ Phật pháp thịnh hành.
- Tượng pháp: 1.000 năm, mường tượng như chánh pháp.
- Mạt pháp: 10.000 năm, thời kỳ Phật pháp bị suy đồi.

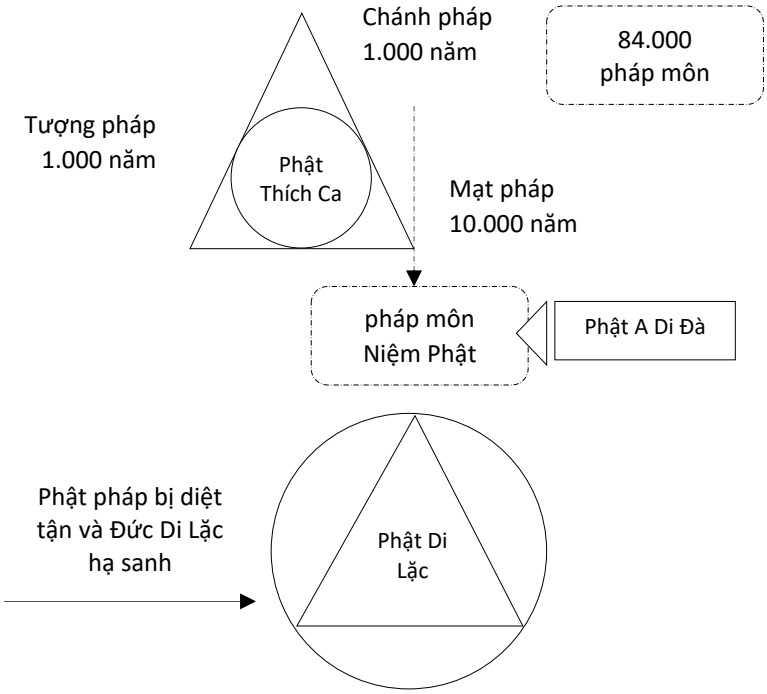

Phật pháp 12.000 năm

1.000 + 1.000 + 10.000 = 12.000

KINH: *Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong thời ngũ trược ác thế của thế giới Kham Nhẫn tạp nhiễm nầy, nếu có người con trai lành, hoặc người con gái lành, có lòng tin thanh tịnh, nghe nói về pháp môn mà tất cả thế gian rất khó tin, rồi sanh lòng tin hiểu, thọ trì, diễn giảng, tu tập đúng như lời dạy, thì phải biết người ấy thật là hiếm có, đã từng gieo trồng căn lành với vô lượng các Đức Phật. Người ấy, lúc lâm chung, nhất định sẽ được sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, thọ dụng đầy đủ công đức trang nghiêm nơi cõi Phật thanh tịnh, vui hưởng pháp đại thừa. Ngày đêm 6 thời, được gần gũi cúng dường Phật Vô Lượng Thọ, đi khắp mười phương để cúng dường các chư Phật, được nghe pháp, được Phật thọ ký. Lấy phước đức trí tuệ làm hành trang, sớm được viên mãn, mau chóng chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề.*

Lý Giải:

Nếu ai đã có lòng tin nơi pháp môn Tịnh Độ và tin vào 48 lời nguyện của Phật A Di Đà, thì đó là cái phước của người ấy từ nhiều kiếp trước, thì ngay bây giờ, hãy chấp trì danh hiệu Phật A Di Đà, hoặc 1 ngày đêm cho đến 7 ngày đêm, hoặc nhiều lần của 7 ngày đêm, trình tự tiến tu theo các pháp Kim Cang Trì và Mặc Niệm. Rồi một ngày mai, sẽ biết được năng lực vô cùng mầu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn của danh hiệu A Di Đà Phật. Lúc ấy, khi đã đạt được cảnh giới Niệm Phật Tam Muội, chúng ta sẽ thấy được bộ mặt thật của chính mình trước khi được cha mẹ sinh ra và biết được sau khi chết chúng ta sẽ về đâu. Sẽ cảm nhận một cách rất sâu xa SỰ BIẾT ƠN vô ngần của chính mình, đối với Đức Thế Tôn đại từ đại bi, Ngài đã vì tất cả chúng sanh mà nói pháp rất khó tin nầy.

Thọ ký (tiếng Phạn là Vykarana) còn gọi là thọ quyết, có nghĩa là được Đức Phật ghi nhận, báo trước cho biết về quả vị thành tựu mà người tu Phật quyết chắc sẽ chứng đắc trong tương lai.

VUI MỪNG TIN NHẬN LỜI PHẬT DẠY

KINH: *Khi Đức Bạc Già Phạm nói kinh nầy xong, Tôn giả Xá Lợi Tử, các vị đại Thanh Văn, cùng chúng đại Bồ Tát, vô lượng chư Thiên, Người, A Tố Lạc, tất cả đại chúng, nghe lời Phật dạy, hết sức vui mừng, tin nhận và phụng hành.*

Lý Giải:

Khi Phật nói kinh nầy xong, Ngài Tôn giả Xá Lợi Tử cùng với các vị đại Bí sô, các vị đại Bồ Tát, các vị Thượng Thủ, chư Thiên, chư Thần, các loài Rồng, các vị A Tố Lạc, các vị Trưởng giả, các vị Cư sĩ cùng gia đình quyến thuộc, và những vị vô hình hữu thể ở các cõi khác. Tất cả đại chúng đã cùng nhau tán thán, hoan hỷ tin nhận lời của Phật dạy, thành tâm đảnh lễ Đức Phật rồi lui ra, phụng hành.

Thượng Thủ là bậc chủ tể lãnh đạo của một cõi, hoặc đại diện đứng đầu cho nhiều cõi. Bậc Thượng Thủ của các vị đại Bí sô là Ngài Xá Lợi Tử. Bậc Thượng Thủ của các vị đại Bồ Tát là Ngài Diệu Cát Tường, tức là Ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử. Bậc Thượng Thủ của 33 cõi Trời ở núi Tu Di là vua Đế Thích. Bậc Thượng Thủ của các vị A Tố Lạc là A Tố Lạc Vương.

A Tố Lạc Vương (còn gọi là vua thần Phi Thiên) là vị thần chiến đấu rất hung dữ bạo tàn trong 8 nhóm Trời, Thần, Quỷ, Rồng (còn gọi là Thiên Long Bát Bộ). Các vị Thiên Long Bát Bộ làm hộ pháp cho người tu, là chư vị Thiên Tướng của 33 cõi Trời ở núi Tu Di, bao gồm các loài Rồng, các loài quỷ Dạ Xoa, thần âm

nhạc Càn Thát Bà, thần chiến đấu A Tố Lạc, chim đại bàng Ca Lâu La, thần múa hát Khẩn Na La, thần mãng xà Ma Hầu La Dà.

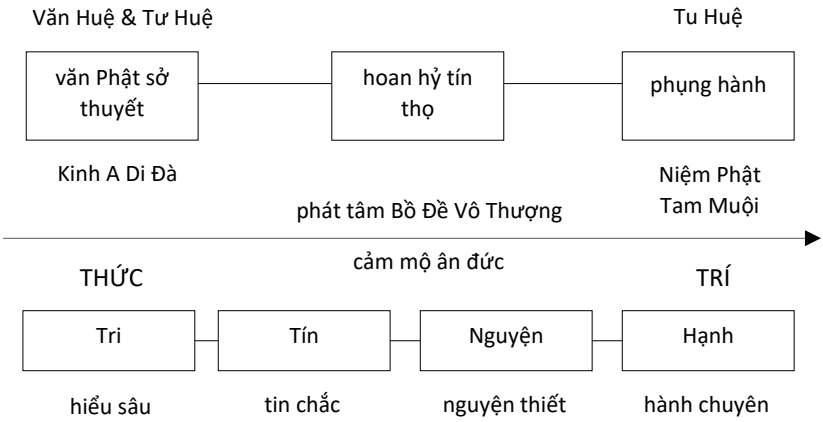

Tứ Tư Lương & Tam Huệ
tất cả đại chúng vui mừng tin nhận lời Phật dạy, đảnh lễ và chấp trì với lòng biết ơn, phát nguyện sanh về cõi Tịnh Độ

Theo tinh thần của bản Kinh A Di Đà, *"văn Phật sở thuyết"* là nghe và hiểu những gì Phật đã nói, *"hoan hỷ tín thọ"* là vui mừng tin nhận những gì Phật đã dạy, *"phụng hành"* là đảnh lễ với lòng biết ơn và tôn kính, nghiêm mật hành trì pháp môn mà Phật đã ân cần khuyên dẫn, phát nguyện sanh về cõi Tây Phương Tịnh Độ. Đấy chính là Tri Tín Nguyện Hạnh.

"Văn Phật sở thuyết" là nhân của TRI. *"Hoan hỷ tín thọ"* là nhân của TÍN. *"Hoan hỷ tín thọ"* và *"Phụng hành"* là nhân của NGUYỆN. *"Phụng hành"* là nhân của HẠNH.

Văn huệ, Tư huệ, Tu huệ là quả của TRI. TRI là nhân của TRÍ. TRÍ là quả của TRI. Tất cả là 4 món tư lương *"hiểu sâu, tin chắc,*

nguyện thiết, hành chuyên" rất cần thiết cho người niệm Phật trong thời mạt pháp 10.000 năm, để dựa theo đó làm phương hướng tu trì, cảm thán ân đức của Phật đã vì chúng sanh mà nói pháp cứu độ nầy.

Phật đã nói pháp như thế, con đường đã được vạch sẵn như vậy, nếu có ai tin nhận thì hãy theo đó mà tu trì. Hãy tin với niềm tin thật vững chắc, khắc giữ vào trong tâm, tin như vậy mới là Chân Chánh Tín Thọ.

Hãy xem việc niệm Phật là vấn đề KHẨN THIẾT NHẤT trong cuộc sống, bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào. Hãy xem việc niệm Phật là NIỀM VUI trên tất cả. Hãy đặt việc niệm Phật lên hàng đầu của tất cả mọi sự việc, trọn kiếp đời nầy và muôn ngàn kiếp về sau. Hãy cố gắng buông xả vạn duyên bên ngoài và chỉ một lòng chuyên nhất trì niệm danh hiệu A Di Đà Phật. Hãy thành tâm niệm Phật và chỉ biết niệm Phật.

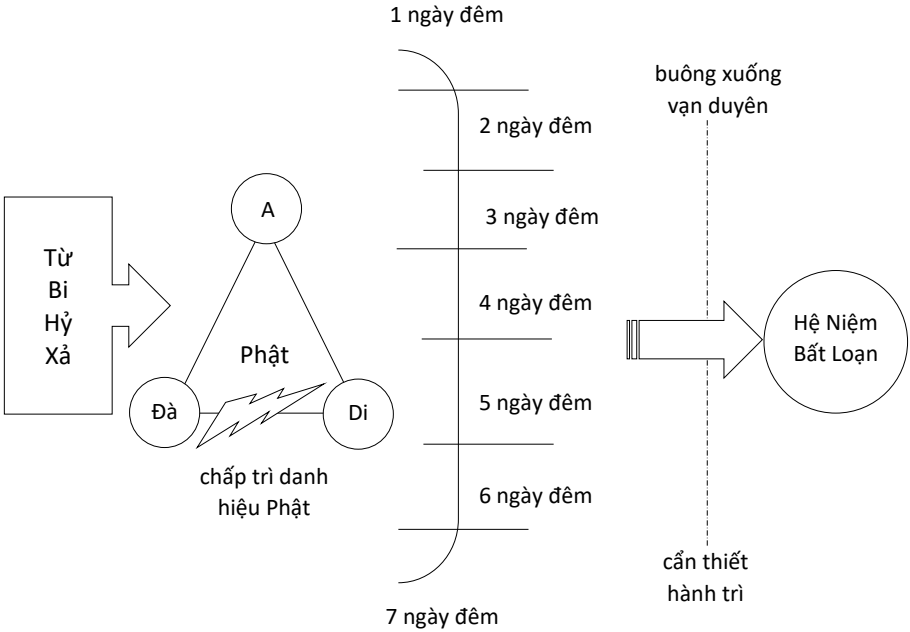

24 giờ 7 ngày trì niệm danh hiệu A Di Đà

hoặc 1 ngày đêm, hoặc 2 ngày đêm, hoặc 3 ngày đêm, hoặc 4 ngày đêm, hoặc 5 ngày đêm, hoặc 6 ngày đêm, hoặc 7 ngày đêm, người niệm Phật chỉ biết thành tâm mà niệm Phật, cẩn thiết mà hành trì, chuyển Thức thành Trí

Niềm tin Cực Lạc, câu Phật hiệu A Di Đà, Tứ Vô Lượng Tâm, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo, Tứ Diệu Đế, Bồ Đề Tâm, Ngũ Giới, Thập Thiện Nghiệp, Tứ Tư Lương (Tri Tín Nguyện Hạnh), Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng): Đấy là những hành trang công đức trí huệ diệu hạnh vô thượng trong thời mạt pháp 10.000 năm mà Đức Thế Tôn đã ân cần trao dạy, người niệm Phật phải nghiêm kính tin giữ và hành trì, để chuyển THỨC thành TRÍ trên con đường giải thoát tâm linh.

Hãy cố gắng tinh tấn tu tập theo hạnh của Phật. Hãy kiên trì dũng mãnh học theo nguyện của Phật. Hãy nỗ lực chuyên cần thêm nữa. Hãy ráng làm cho xong trong một đời nầy, giải thoát và thành Phật, vì mình, vì người, vì tất cả mọi loài mọi thể.

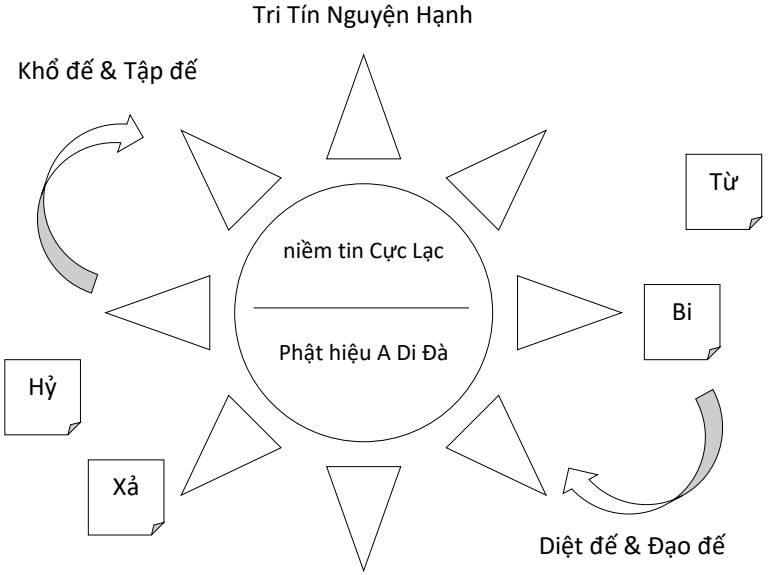

Bát Chánh Đạo & Bồ Đề Tâm & Tam Bảo &
Thất Giác Chi & Ngũ Giới & Thập Thiện Nghiệp

hành trang công đức trí huệ diệu hạnh vô thượng
người niệm Phật nghiêm kính tin nhận và chấp trì danh hiệu Phật
6 thời đêm ngày không buông lơi, không chán mỏi

Với sức mạnh Nhị Lực, đó là sự tinh tấn chấp trì danh hiệu Phật trong niềm tin vững chắc của chính mình, cùng với tha lực hộ trì nhiếp thọ của tất cả chư Phật mười phương, người niệm Phật nhất định sẽ thành Phật.

Trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật, Ngài đại Bồ Tát Phổ Hiền đã khuyên dạy: *"Danh hiệu Phật như hóa thân Phật bất tư nghì, vì luôn hiện thân Phật ngay nơi thân và tâm của người xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật."*

Khi trì niệm danh hiệu A Di Đà Phật, người niệm Phật phải đặc biệt chú tâm vào chữ A ở đầu mỗi câu niệm, vì lý nghĩa của chữ A trong câu Phật hiệu Amita (Amida) là biểu trưng gồm thâu tất cả mười phương tam thế chư Phật trong 3 thời quá khứ, hiện tại, vị lai. Người niệm Phật phải có niềm tin thật vững chắc để luôn hướng về sự hộ trì nhiếp thọ của tất cả các chư Phật ở khắp mười phương thế giới. Niệm Phật là để phát nguyện thành Phật. Vì vậy, người niệm Phật khi trì niệm danh hiệu A Di Đà Phật thì phải có Phật ở trong tâm, đó là ánh sáng Từ Bi Hỷ Xả của Tự Tánh Tự Niệm A Di Đà Vô Lượng Quang Vô Lượng Thọ vẫn hằng luôn chiếu soi trong tâm thức và nhẹ nhàng lan toả đến tất cả thế gian muôn loài.

Người niệm Phật phải luôn ghi nhớ lời cuối cùng của Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni đã nói ở rừng cây đa la, nơi ngôi làng hẻo lánh Kusinara, trước khi Ngài nhập diệt:

"Mọi vật ở đời không có gì quý giá, thân thể rồi sẽ tan rã, chỉ có đạo là quý báu, chỉ có Chân Lý của đạo Ta là bất di bất dịch. Hãy tinh tấn lên để giải thoát."

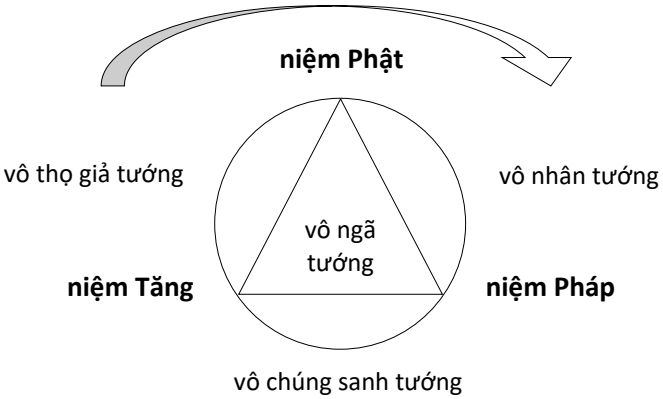

Phật hóa hữu duyên nhân
vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam Mô A Di Đà Phật

o0o

Phần 3

Tóm Lược Yếu Chỉ Hành Trì

- *Danh hiệu Phật chính là cõi Cực Lạc, vì tự thân trang nghiêm và tự tâm trang nghiêm.*

Kinh Niệm Phật Ba La Mật

TÓM LƯỢC YẾU CHỈ HÀNH TRÌ

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam Mô A Di Đà Phật

Người niệm Phật, một khi đã quyết tâm thọ trì Kinh A Di Đà, thì phải phát khởi tín tâm thật vững chắc, mở rộng niềm tin để nhận hiểu lời Phật dạy trên cả 2 mặt Lý và Sự. Có nghĩa là phải tin chắc rằng có cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà ở phương Tây, tin có cõi Tịnh Độ nhiệm mầu ở trong tâm của người niệm Phật. Tin vào lý nhân quả, luật luân hồi và sự chiêu cảm nghiệp báo. Giữ vững niềm tin thiết tha và kiên cố, tinh tấn chấp trì danh hiệu Phật trong tất cả mọi oai nghi, mọi thời lúc và ở bất cứ nơi nào.

Người niệm Phật, một khi đã quyết tâm thọ trì Kinh A Di Đà, thì phải phát khởi 10 thứ tâm thù thắng, đó là Tín Tâm, Thâm Trọng Tâm, Hồi Hướng Phát Nguyện Tâm, Xả Ly Tâm, An Ổn Tâm, Hộ Giới Tâm, Đà Ra Ni Tâm, Ba La Mật Tâm, Bình Đẳng Tâm, Phổ Hiền Tâm. Người niệm Phật phải tu tạo công đức trí huệ và giới thể đạo hạnh trên cả 2 phương diện Tịnh nghiệp và Thiện nghiệp.

- Tịnh nghiệp là chánh hạnh. Giữ tâm ý cho thanh tịnh bằng cách trì niệm câu Phật hiệu A Di Đà suốt ngày đêm 6 thời không xen tạp, không giải đãi, không hoài nghi, không lo ngại, không mong cầu. Tuần tự tiến tu qua các pháp: Kim Cang Trì (niệm thầm, chỉ khẽ động môi, không phát ra tiếng) và Mặc Niệm (niệm trong tâm, không cử động môi, không phát ra tiếng bên ngoài, chỉ có âm thanh tiếng niệm trong tâm). Khi trì niệm, lắng nghe cho phân minh rõ ràng từng

mỗi tiếng niệm trong tâm. Người niệm Phật phải dựa vào phương cách lắng nghe và chú tâm như thế, để chuyên nhất tâm tưởng và nuôi giữ chánh niệm.

- Thiện nghiệp là trợ hạnh, để giúp chuyển nghiệp đi lên dựa trên những pháp duyên lành. Năng làm các điều tốt, ngăn ngừa và trừ diệt những điều ác, luôn nắm giữ và thực hành Thập Thiện (10 điều lành) trên cả 3 bình diện Thân Khẩu Ý. Tu tập hạnh từ bi, bố thí, cúng dường, buông xả, khoan dung, thứ tha, nhẫn nhục, phát khởi tâm Bồ Đề Vô Thượng, giữ gìn Ngũ Giới, tu tập Bát Chánh Đạo, học hiểu Tứ Diệu Đế, nhận hiểu về luật nhân quả, trực nghiệm về lẽ vô thường của cuộc đời, thường xuyên sám hối lạy Phật và tu sửa tâm tánh, dũng mãnh tu tập theo hạnh của Phật, thực hành Tứ Chánh Cần và Lục Độ Ba La Mật của Bồ Tát, tùy duyên đến với người và giúp người tìm về chánh pháp, không ngừng nghỉ tự độ và độ tha, nhận hiểu và tu tập theo 48 lời đại nguyện của Đức Phật A Di Đà.

Người niệm Phật phải thành tâm niệm Phật và chỉ biết niệm Phật. Tín cẩn chấp trì như vậy thì mới có thể chuyên nhất được tâm ý, dứt trừ mọi vọng tưởng điên đảo, cắt đứt vòng dây trói buộc của Vô Minh và Tham Ái. Trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật, Đức Phật đã khuyên dạy: *"Người niệm Phật chỉ buộc tâm và ý vào danh hiệu Phật, chăm chú lắng nghe, mỗi câu rõ ràng, mỗi niệm phân minh. Quên cả thân, quên cả cảnh, quên cả cái ý thức tự biết Ta đang niệm Phật."*

Người niệm Phật, một khi đã quyết tâm thọ trì Kinh A Di Đà, thì phải phát nguyện vãng sanh về cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà, và phải tín cẩn ôm giữ pháp môn nầy cho đến trọn đời. Phát nguyện phải chân thành, nghiêm kính và thiết tha, ghi nhận sâu xa những điều nguyện ước ấy trong lòng, ngày đêm tưởng niệm

đến các cõi lành và các điều lành. Có như vậy thì mới có thể cảm ứng được sự gia trì nhiếp thọ của chư Phật và chư vị Bồ Tát, tương ứng với bản hoài và hạnh nguyện của Đức Phật A Di Đà.

Trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật, Phật nói: *"Pháp môn Niệm Phật chính là chuyển biến cái tâm thể của chúng sanh, bằng cách không để cho tâm thể ấy duyên với vọng niệm, với lục trần là sắc thanh hương vị xúc pháp, với huyễn cảnh, với trí lực, với kiến chấp, với mong cầu, với thức phân biệt... mà chỉ đem tâm thể ấy duyên mãi với danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật. Không bao lâu, người niệm Phật tự nhiên đi vào chỗ vắng lặng, sáng suốt, an lạc, cảm ứng với nguyện lực của Đức Phật A Di Đà."*

Đừng xen tạp pháp Niệm Phật với các môn tu khác. Hãy chỉ thuần tu một pháp nầy (nhất hạnh), và nghiêm mật chấp trì chỉ một danh hiệu Phật (nhất danh) 24 giờ 7 ngày không chán mỏi, không buông lơi (nhất tâm), ngày đêm hướng về Phật A Di Đà (nhất hướng). Tinh tấn chấp trì như vậy thì mới có thể đạt được cảnh giới Hệ Niệm Bất Loạn ngay trong kiếp nầy (nhất niệm).

Hệ Niệm Bất Loạn có nghĩa là buộc tâm và ý vào danh hiệu Phật, nghiêm cẩn trì niệm ngày đêm, giữ tâm ý chuyên nhất trên câu Phật hiệu A Di Đà không để cho loạn náo, chẳng xen tạp với bất cứ pháp môn tu nào khác, chẳng trì niệm bất cứ danh hiệu Phật nào khác, chẳng mong cầu, chẳng lo ngại, chẳng hoài nghi. Người niệm Phật chỉ chuyên nhất tâm tưởng trên câu Phật hiệu, để trở về với bản tánh thanh tịnh A Di Đà của chính mình.

Những khi kinh hành, sẽ là kinh hành niệm Phật. Những khi ngồi thiền, sẽ là tọa thiền niệm Phật. Những khi nằm ngủ, sẽ là ngọa thiền niệm Phật. Những khi lạy Phật, sẽ là lạy Phật niệm Phật. Những khi sám hối, sẽ là sám hối niệm Phật. Những khi làm việc, sẽ là làm việc niệm Phật. Những khi nghỉ ngơi, sẽ là nghỉ

ngơi niệm Phật. Những khi thở vào, sẽ là thở vào danh hiệu Phật. Những khi thở ra, sẽ là thở ra danh hiệu Phật. Nghiêm mật và cẩn thiết trì niệm danh hiệu A Di Đà như thế, gọi là chấp trì danh hiệu Phật, buộc ý niệm vào danh hiệu Phật, đó chính là Niệm Phật Ba La Mật.

Người niệm Phật, một khi đã quyết tâm thọ trì Kinh A Di Đà, thì phải trải rộng 4 thứ tâm vô lượng Từ Bi Hỷ Xả, một cách chân thật, từ ở chính tự tâm, từ cõi lòng lân mẫn của chính mình, vào từng mỗi câu Phật hiệu A Di Đà, trên từng mỗi hành động, mỗi lời nói, cũng như mọi nghĩ suy trong tâm thức, đến tất cả muôn loài hữu hình và vô thể.

Mỗi một tiếng niệm A Di Đà, người niệm Phật phải trải rộng tâm Từ của mình đến tất cả mọi chúng sanh bình đẳng, trải tâm Bi đến những kẻ đang đau khổ, trải tâm Hỷ đến những ai đang vui sướng phúc hạnh, trải tâm Xả đến những người mình yêu thích hoặc ghét bỏ. Đó là thể hiện các đức tánh liên hoa *"vi diệu hương khiết"* trong câu Phật hiệu A Di Đà. Hãy buông xuống vạn duyên, cẩn thiết hành trì, đêm ngày hệ niệm, Phật hiệu A Di Đà. Danh hiệu A Di Đà Phật phải được khởi niệm một cách thiết tha từ trong tâm, chân thật, nghiêm cẩn, vững chắc, và phải lắng nghe tiếng niệm cho thật phân minh rõ ràng. Có như vậy thì mới có thể chuyên nhất được tâm tưởng, làm phương tiện diệu dụng 6 thời để trừ diệt tất cả mọi tà ý u mê, sân hận, tham tưởng sanh khởi trong từng mỗi sát na trong cuộc sống.

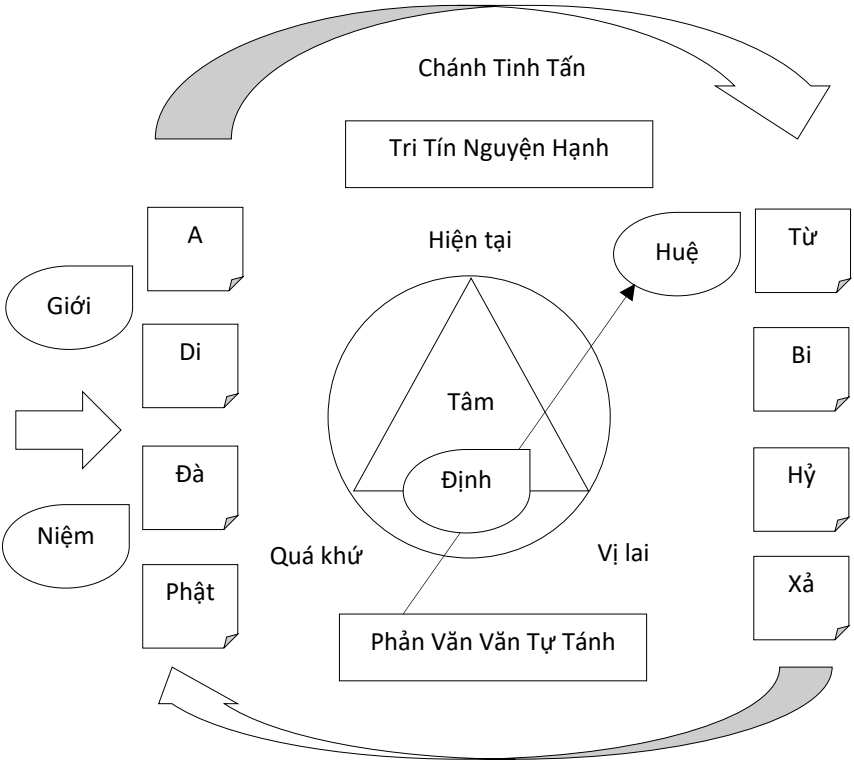

Hệ Niệm Bất Loạn

hãy buông xuống vạn duyên, cẩn thiết hành trì,
đêm ngày hệ niệm, Phật hiệu A Di Đà

Điều quan trọng của pháp Niệm Phật là phải phát khởi tâm chân thành trong khi xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật, với tất cả từ ái và lân mẫn, nhẹ nhàng lan tỏa một cách Ba La Mật đến tất cả những chúng sanh đang đau khổ trong 6 nẻo luân hồi. Người niệm Phật phải nhận hiểu: *"Tất cả chúng sanh trên thế gian nầy đều có tánh Phật và là những vị Phật sẽ thành trong tương lai."*

Người niệm Phật phải chân thành hồi hướng tất cả công đức về Cực Lạc và Tam Bảo ở các cõi, cho cha mẹ 7 đời của mình và của người, cho anh em chúng sanh trong 7 kiếp, cho tất cả muôn loài hữu thể và vô thể trong 6 nẻo luân hồi.

Hãy cố gắng tinh tấn tu tập theo hạnh của Phật A Di Đà. Hãy kiên trì dũng mãnh học theo nguyện của Phật A Di Đà. Hãy nỗ lực chuyên cần thêm nữa. Hãy ráng làm cho xong trong một đời nầy, giải thoát và thành Phật, vì mình, vì người, vì tất cả mọi loại. Với sức mạnh Nhị Lực, đó là sự tinh tấn chấp trì danh hiệu Phật trong niềm tin vững chắc của chính mình, cùng với tha lực hộ trì nhiếp thọ của tất cả chư Phật mười phương, người niệm Phật nhất định sẽ thành Phật.

Trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật, Ngài đại Bồ Tát Phổ Hiền dạy rằng: *"Danh hiệu Phật như hóa thân Phật bất tư nghì, vì luôn hiện thân Phật ngay nơi thân và tâm của người xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật."*

Yếu chỉ của công phu trì niệm danh hiệu A Di Đà là ở mấu chốt *"Phản Văn Văn Tự Tánh"* theo tinh thần lý nghĩa của Kinh Thủ Lăng Nghiêm. Có nghĩa là người niệm Phật phải dùng tâm để lắng nghe tiếng niệm trong tâm, nghe cho phân minh rõ ràng từng chữ một. Người niệm Phật phải thật thành kính và cẩn thiết trên từng mỗi câu niệm. Niệm từng chữ và phải chắc từng chữ. Niệm chữ A, tâm nghe rõ ràng chữ A. Niệm chữ Di, tâm nghe rõ ràng chữ Di. Niệm chữ Đà, tâm nghe rõ ràng chữ Đà. Niệm chữ Phật, tâm nghe rõ ràng chữ Phật. Và cứ như thế mà nghiêm mật trì giữ 4 chữ A Di Đà Phật trong tâm trí, một cách chân kính và thiết tha, trong lúc đang làm việc hoặc ngồi ngơi nghỉ, bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào.

Trên bước đầu sơ cơ, người niệm Phật có thể chấp trì danh hiệu A Di Đà theo phương thức Tam Niệm Ký Số (ghi nhớ 3 câu niệm), có nghĩa là trì giữ 3 câu Phật hiệu dựa trên 3 con số. Niệm câu 1, biết là câu 1. Niệm câu 2, biết là câu 2. Niệm câu 3, biết là câu 3. Và cứ như thế mà cố gắng buộc chặt ý niệm trên 3 câu Phật hiệu A Di Đà không buông lơi. Đấy cũng là tương ưng với tinh thần lý nghĩa Tam Bảo trong bản Kinh A Di Đà, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Niệm theo hạn kỳ 7 ngày như Phật Thích Ca đã khuyên dẫn trong Kinh A Di Đà. Khởi tính từ ngày 1 cho đến ngày 7, và 7 ngày được dùng làm một định kỳ để dựa theo đó mà tu trì cho đạt được nhất tâm. Nếu sau 7 ngày vẫn chưa được nhất tâm thì lại tiếp một hạn kỳ nữa cũng 7 ngày như thế. Sẽ có rất nhiều lần của 7 ngày. Người niệm Phật chớ để bị gián đoạn giữa các hạn kỳ. Mỗi hạn kỳ sẽ bắt đầu trở lại từ ngày 1 cho đến ngày 7, rồi lại một hạn kỳ kế tiếp cũng 7 ngày như vậy.

Người niệm Phật phải hành trì cẩn thiết và nghiêm mật như thế, thì mới có thể điều phục được tâm ý, dứt trừ mọi loạn tưởng, phát triển trí tuệ sáng suốt vô thượng, đưa đến sự thành tựu Nhất Tâm Bất Loạn, cảnh giới của Tự Tánh Tự Niệm A Di Đà Vô Lượng Quang Vô Lượng Thọ.

Trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật, Ngài đại Bồ Tát Phổ Hiền ở trước Đức Như Lai đã xưng tán ý nghĩa của danh hiệu A Di Đà Phật: *"Danh hiệu Phật chính là cõi Cực Lạc vì tự thân trang nghiêm và tự tâm trang nghiêm."* Mỗi một niệm mình niệm, thành kính và nhất tâm, là 84.000 ánh hào quang tỏa ra ở nụ sen hóa sanh nơi ao thất bảo. Mỗi một niệm mình niệm, chí thành và nhất tâm, là cả một tầng trời Tịnh Độ diệu mầu chẳng thể nghĩ bàn trong tâm của người niệm Phật.

Đức Thế Tôn dạy rằng, muốn trừ diệt những chấp tướng, chấp pháp, thì phải an trụ tâm vào chỗ không chỗ trụ mà quán chiếu tất cả mọi vật, mọi việc trên thế gian nầy chỉ là cơn gió huyễn mộng, chớ quá bám níu vào những ảo ảnh đến và đi, khởi sinh và suy tàn giữa những động biến của cuộc đời. Trong Kinh Kim Cang, Phật nói: *"Tất cả những gì có hình tướng, như chiêm bao huyễn ảo, như bọt nước bóng mờ, như sương mù cũng như ánh chớp, phải nên quán sát là như vậy."*

Trong thời mạt pháp 10.000 năm, muốn tu hành để trừ diệt những bám chấp về Ngã tướng, Nhân tướng, Chúng sanh tướng, Thọ giả tướng, thì pháp môn thù thắng nhất là pháp Trì Danh Niệm Phật. Người niệm Phật phải an trụ tâm trên danh hiệu Phật, buộc tâm và ý vào danh hiệu Phật, dùng tiếng niệm Phật để dứt trừ mọi chấp trước về Nhân Ngã tướng, đó cũng chính là lý nghĩa của *"Hệ Niệm Bất Loạn"* trong bản Kinh A Di Đà. Khi trì niệm, người niệm Phật dùng tiếng niệm A Di Đà làm chiếc bè công đức, nhẹ nhàng độ thoát *"tất cả mọi vọng niệm về chúng sanh"* sanh khởi trong từng mỗi sát na tưởng vọng, về miền an dưỡng Niết Bàn của cõi Tịnh Độ A Di Đà. Trong Tuyết Lư Lão Nhân Tịnh Độ Tuyển Tập, Ngài Cư sĩ Lý Bỉnh Nam đã nhiều lần khuyến tấn: *"Hãy buông xuống vạn duyên, đề khởi chánh niệm. Một câu A Di Đà, thẳng thừng mà niệm."*

Niềm tin Cực Lạc, câu Phật hiệu A Di Đà, Tứ Vô Lượng Tâm, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo, Tứ Diệu Đế, Bồ Đề Tâm, Ngũ Giới, Thập Thiện Nghiệp, Tứ Tư Lương (Tri Tín Nguyện Hạnh), Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng): Đấy là những hành trang công đức trí huệ diệu hạnh vô thượng trong thời mạt pháp 10.000 năm mà Đức Thế Tôn đã ân cần trao dạy, người niệm Phật phải nghiêm kính tin giữ và hành trì, để chuyển THỨC thành TRÍ trên con đường giải thoát tâm linh.

TRI TÍN NGUYỆN HẠNH, đó là 4 món tư lương *"hiểu sâu, tin chắc, nguyện thiết, hành chuyên"* rất cần thiết cho người niệm Phật trong thời mạt pháp 10.000 năm, để dựa theo đó làm phương hướng tu trì, cảm thán ân đức của Phật đã vì chúng sanh mà nói pháp cứu độ nầy. Có *"hiểu sâu"* thì mới *"tin chắc"*, có *"tin chắc"* thì mới *"nguyện thiết"*, có *"nguyện thiết"* thì mới *"hành chuyên"*.

Hãy xem việc niệm Phật là vấn đề KHẨN THIẾT NHẤT trong cuộc sống, bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào. Hãy xem việc niệm Phật là NIỀM VUI trên tất cả. Hãy đặt việc niệm Phật lên hàng đầu của tất cả mọi sự việc, trọn kiếp đời nầy và muôn ngàn kiếp về sau. Hãy buông xuống vạn duyên và chỉ một lòng chuyên nhất trì niệm danh hiệu A Di Đà Phật. Hãy thành tâm niệm Phật và chỉ biết niệm Phật.

Trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật, Đức Thế Tôn dạy: *"Chư Phật mười phương đã cùng nhau khuyến tán. Ai nhất tâm xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật, sẽ được chư Phật hộ trì và nhiếp thọ, quyết định thành Phật."*

Phật đã nói pháp như thế, con đường đã được vạch sẵn như vậy, nếu có ai tin nhận thì hãy dựa theo đó mà tu trì. Hãy tin với niềm tin thật vững chắc, nghiêm kính khắc giữ vào trong tâm, hoan hỷ hành trì, tin như vậy mới là Chân Chánh Tín Thọ.

Hãy thành tâm khẩn thiết mà phát nguyện vãng sanh cõi Tây Phương Cực Lạc. Đó là lý nghĩa yếu chỉ của bản Kinh A Di Đà, là chân Trí, chân Tín, chân Nguyện, chân Hạnh.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam Mô A Di Đà Phật

o0o

Phần 4

Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ

- *Danh hiệu Phật chính là ba đời mười phương chư Phật, vì A Di Đà tức là pháp giới tạng thân, có lực dụng thu nhiếp và hiện pháp thân của ba đời mười phương chư Phật.*

Kinh Niệm Phật Ba La Mật

KINH XƯNG TÁN TỊNH ĐỘ PHẬT NHIẾP THỌ

Đường Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang, Hán dịch.

Kinh pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ.

Tôi nghe như vầy. Một thuở nọ, Đức Bạc Già Phạm ở vườn Cấp Cô Độc trong rừng Thệ Đa nơi thành Thất La Phiệt, cùng với chúng đại Bí sô một ngàn hai trăm năm mươi vị tụ hội. Tất cả là bậc Thanh Văn tôn túc, là bậc đại A La Hán mà mọi người đều biết. Tên các vị là Tôn giả Xá Lợi Tử, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, A Nê Luật Đà. Các vị đại Thanh Văn như thế làm Thượng Thủ.

Lại cùng với vô số các vị đại Bồ Tát tụ hội, tất cả đều an trú nơi quả vị Bất Thoái Chuyển, công đức vô lượng trang nghiêm. Tên các vị là Bồ Tát Diệu Cát Tường, Bồ Tát Vô Năng Thắng, Bồ Tát Thường Tinh Tấn, Bồ Tát Bất Hưu Tức. Các vị đại Bồ Tát như thế làm Thượng Thủ.

Lại có Đế Thích, Đại Phạm Thiên Vương chủ tể của thế giới Kham Nhẫn, Tứ Thiên Vương hộ trì thế gian, các vị Thượng Thủ như vậy. Cùng với trăm ngàn ức vô số các Thiên tử và vô lượng chư Thiên, Người, A Tố Lạc ở thế gian, vì muốn nghe pháp nên cùng đến tham dự pháp hội.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Ngài Xá Lợi Tử. Ông có biết không? Ở phương Tây, cách thế giới nầy trên trăm ngàn ức vô số cõi Phật có một thế giới Phật tên là Cực Lạc. Trong thế giới ấy có Đức Thế Tôn hiệu là Vô Lượng Thọ Như Lai, Vô Lượng Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, mười tôn hiệu viên mãn, hiện đang trụ trì yên ổn ở cõi ấy, vì các hữu tình mà thuyết giảng

pháp sâu xa vi diệu, khiến cho mọi người đều được lợi ích an lạc thù thắng.

Lại nữa, Xá Lợi Tử, vì nhân duyên gì mà thế giới Phật ấy có tên là Cực Lạc?

Xá Lợi Tử, vì các hữu tình nơi thế giới ấy thân tâm không có những buồn lo khổ não, mà chỉ có vô lượng hỷ lạc thanh tịnh, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.

Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc khắp nơi đều có bảy lớp lan can báu xếp thành từng hàng, bảy lớp cây đa la báu xếp thành từng hàng, cùng với bảy lớp mành lưới báu bao bọc giáp vòng, trang nghiêm bằng bốn thứ báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chưng bày mỹ diệu xen lẫn với nhau.

Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.

Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc khắp nơi đều có ao bảy thứ báu, có nước tám công đức tràn đầy trong đó. Vì sao gọi là nước tám công đức? Một là trong sạch, hai là mát mẻ, ba là ngon ngọt, bốn là mềm dịu, năm là tươi nhuận, sáu là an hòa, bảy là uống vào giải trừ đói khát cũng như tiêu trừ mọi tội lỗi, tám là uống vào quyết chắc nuôi dưỡng các căn tứ đại và tăng trưởng các thiện căn thù thắng. Các chúng sanh nhiều phước đức thường thích thọ dụng thứ nước nầy.

Dưới đáy ao báu thì trải bằng cát vàng. Bốn phía quanh bờ ao có bốn bậc thềm trang nghiêm bằng bốn thứ báu, rất khả ái ưa thích. Xung quanh ao có các cây báu xếp thành từng hàng, tỏa hương thơm ngào ngạt, trang nghiêm bằng bảy thứ báu, rất khả ái ưa

thích. Thế nào là bảy thứ báu? Một là vàng, hai là bạc, ba là lưu ly, bốn là pha lê, năm là trân châu, sáu là mã não, bảy là xà cừ.

Trong các ao thường có vô số hoa sen đủ mọi sắc màu, lớn như bánh xe. Hoa xanh thì hiển thị sắc xanh, ánh sáng xanh, hình ảnh xanh. Hoa vàng thì hiển thị sắc vàng, ánh sáng vàng, hình ảnh vàng. Hoa đỏ thì hiển thị sắc đỏ, ánh sáng đỏ, hình ảnh đỏ. Hoa trắng thì hiển thị sắc trắng, ánh sáng trắng, hình ảnh trắng. Bốn loại hoa, bốn hiển thị, bốn ánh sáng, bốn hình ảnh.

Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.

Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc thường tự nhiên có vô lượng vô biên các thứ nhạc vi diệu, thanh âm hòa nhã, rất khả ái ưa thích. Các hữu tình nghe những thanh âm vi diệu ấy thì các phiền não xấu ác đều được trừ diệt, vô lượng các thiện pháp lần lượt tăng trưởng, mau chóng chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề.

Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.

Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc khắp cả mặt đất đều bằng vàng ròng hợp thành, chạm vào mềm mại, hương thơm tinh khiết, ánh sáng rực rỡ, vô lượng vô biên các thứ báu mỹ diệu xen lẫn với nhau.

Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.

Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc ngày đêm 6 thời thường có mưa hoa trời vi diệu, tươi sáng, mùi hương thanh khiết, mềm mại, đủ mọi sắc màu. Các hữu tình nhìn thấy thì thân tâm vui thích mà không tham đắm, làm tăng trưởng vô lượng vô biên công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Các hữu tình ở cõi đó ngày đêm 6 thời thường cúng dường Phật Vô Lượng Thọ. Vào mỗi sáng sớm, thường mang hoa trời, khoảng chừng một bữa ăn, bay đến vô lượng thế giới ở các phương khác, cúng dường trăm ngàn ức chư Phật. Nơi chỗ của chư Phật, mỗi người đem trăm ngàn ức hoa trời, tung rải hiến cúng chư Phật, rồi trở về thế giới của mình, dạo chơi các cõi trời.

Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.

Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc thường có các giống chim đủ mọi sắc màu, xinh đẹp khả ái diệu kỳ, như ngỗng, nhạn, cò, hồng hạc, khổng tước, anh vũ, yết la tần ca, mạng mạng. Các loài chim ấy ngày đêm 6 thời thường tụ họp lại, hót ca những thanh âm hòa nhã. Tùy theo thanh âm của mỗi loài chim, nhằm tuyên dương các diệu pháp, là các pháp thâm sâu Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo, vô lượng các pháp vi diệu như thế. Các chúng sanh ở cõi đó nghe những thanh âm ấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tự thân tu tập vô lượng công đức.

Nầy Xá Lợi Tử, ý ông nghĩ sao? Các giống chim ở cõi đó có phải là loài bàng sanh ác thú không? Ông chớ nghĩ như thế. Vì sao vậy? Vì cõi Phật thanh tịnh đó không có ba đường ác, cũng không nghe nói đến tên của ba đường ác, huống gì thật có những nghiệp tội chiêu cảm mà trở thành các loài bàng sanh ấy. Nên

biết, các loài chim ấy là do Phật Vô Lượng Thọ biến hóa ra để cho chúng tuyên xướng vô lượng pháp âm, làm cho các hữu tình được lợi ích an lạc.

Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.

Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc thường có gió dịu mát thổi qua các hàng cây báu và các mành lưới báu, phát ra những thanh âm vi diệu, ví như trăm ngàn ức các loại nhạc trời cùng lúc hòa chung, vang lên những âm thanh tuyệt vời, rất khả ái thưởng ngoạn. Như thế, cõi Phật đó thường có gió dịu mát thổi qua các hàng cây báu và các mành lưới báu, phát ra những thanh âm vi diệu, thuyết giảng các pháp. Các chúng sanh ở cõi đó nghe những thanh âm ấy đều phát tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, là những tác ý vô lượng công đức.

Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.

Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc có vô lượng vô biên những thứ chẳng thể nghĩ bàn như thế, thật là hiếm có. Giả sử, trải qua trăm ngàn ức vô số kiếp, dùng vô lượng trăm ngàn ức cái lưỡi, trên mỗi cái lưỡi phát ra vô lượng thanh âm để tán thán công đức ấy cũng chẳng thể nào tán thán cùng tận được, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.

Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc, vì nhân duyên gì mà Đức Phật ấy có tên là Vô Lượng Thọ?

Xá Lợi Tử, do Đức Như Lai và các hữu tình ở cõi đó có thọ mạng vô lượng vô số đại kiếp. Do bởi nhân duyên ấy, cho nên Đức

Như Lai ở cõi đó được gọi là Vô Lượng Thọ. Xá Lợi Tử, Đức Phật Vô Lượng Thọ chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đến nay đã được mười đại kiếp.

Xá Lợi Tử, vì nhân duyên gì mà Đức Phật ấy có tên là Vô Lượng Quang?

Xá Lợi Tử, do Đức Như Lai ở cõi đó thường phóng ra vô lượng vô biên ánh sáng vi diệu, chiếu soi tất cả các cõi Phật mười phương, thực hiện các Phật sự không bị chướng ngại. Do bởi nhân duyên ấy, cho nên Đức Như Lai ở cõi đó được gọi là Vô Lượng Quang.

Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.

Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ thường có vô lượng Thanh Văn đệ tử, tất cả đều là bậc đại A La Hán, đầy đủ các công đức vi diệu, số lượng vô biên chẳng thể nào tính kể.

Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.

Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ thường có vô lượng Bồ Tát đệ tử, tất cả đều là bậc Nhất Sanh Sở Hệ, đầy đủ các công đức vi diệu, số lượng vô biên chẳng thể nào tính kể. Giả sử, trải qua vô lượng vô số kiếp để tán thán công đức ấy cũng chẳng thể nào tán thán cùng tận được.

Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.

Lại nữa, Xá Lợi Tử, nếu có hữu tình nào sanh về cõi đó, thì đều là bậc Bất Thoái Chuyển, quyết chắc không bị sa đọa vào các nẻo hiểm nguy ác thú, các chốn biên địa man dã hạ tiện, mà thường du hành đến các quốc độ thanh tịnh, hạnh nguyện thù thắng, niệm niệm tăng tiến, nhất định sẽ chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.

Lại nữa, Xá Lợi Tử, nếu có hữu tình nào nghe được Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây và cõi nước thanh tịnh của Ngài với vô lượng công đức trang nghiêm, thì người đó phải nên phát nguyện sanh về cõi Phật ấy. Vì sao vậy? Vì nếu sanh về cõi ấy, sẽ được vô lượng công đức trang nghiêm như vậy, cùng với các bậc Đại sĩ tụ hội một nơi, thọ dụng đầy đủ công đức trang nghiêm nơi cõi Phật thanh tịnh, vui hưởng pháp đại thừa, không còn bị thoái chuyển, vô lượng hạnh nguyện, niệm niệm tăng tiến, mau chóng chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề.

Xá Lợi Tử, các loài hữu tình được sanh về cõi Phật ấy đều đã thành tựu vô lượng vô biên công đức, chứ chẳng phải có chút ít căn lành mà được sanh về cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ.

Lại nữa, Xá Lợi Tử, nếu có người con trai lành, hoặc người con gái lành, với lòng tin thanh tịnh, được nghe danh hiệu vô lượng vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật Vô Lượng Thọ và thế giới Cực Lạc công đức trang nghiêm. Nghe rồi tư duy, hoặc

một ngày đêm, hoặc hai ngày đêm, hoặc ba ngày đêm, hoặc bốn ngày đêm, hoặc năm ngày đêm, hoặc sáu ngày đêm, hoặc bảy ngày đêm, hệ niệm bất loạn. Thì người con trai lành đó, hoặc người con gái lành đó, lúc lâm chung, được Phật Vô Lượng Thọ cùng với vô lượng Thanh Văn Bồ Tát đệ tử vây quanh trước sau, đến trước mặt người đó, từ bi gia hộ, khiến tâm thức người đó không bị tán loạn, xả bỏ xác thân, theo Đức Phật và Thánh chúng, sanh về cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ.

Lại nữa, Xá Lợi Tử, Ta thấy nhân duyên lớn với lợi ích an lạc như vậy, nên nói lời chân thật: "Nếu có người con trai lành, hoặc người con gái lành, với lòng tin thanh tịnh, được nghe danh hiệu công đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật Vô Lượng Thọ và cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc, thì các người ấy phải nên tin nhận, phát nguyện, thọ trì, tu tập đúng như lời dạy, sẽ được sanh về cõi Phật đó."

Lại nữa, Xá Lợi Tử, như Ta hôm nay xưng dương tán thán cõi Phật vô lượng vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật Vô Lượng Thọ, thì như vậy ở phương Đông, hiện cũng có Bất Động Như Lai, Sơn Tràng Như Lai, Đại Sơn Như Lai, Sơn Quang Như Lai, Diệu Tràng Như Lai, hằng hà sa số các Đức Phật như thế, an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Đông, mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài, bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới mà nói lời chân thật: "Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."

Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Nam, hiện cũng có Nhật Nguyệt Quang Như Lai, Danh Xưng Quang Như Lai, Đại Quang Uẩn Như Lai, Mê Lô Quang Như Lai, Vô Biên Tinh Tấn Như Lai, hằng hà sa số các Đức Phật như thế, an trú nơi cõi Phật của

mình ở phương Nam, mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài, bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới mà nói lời chân thật: "Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."

Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Tây, hiện cũng có Vô Lượng Thọ Như Lai, Vô Lượng Uẩn Như Lai, Vô Lượng Quang Như Lai, Vô Lượng Tràng Như Lai, Đại Tự Tại Như Lai, Đại Quang Như Lai, Quang Diệm Như Lai, Đại Bảo Tràng Như Lai, Phóng Quang Như Lai, hằng hà sa số các Đức Phật như thế, an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Tây, mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài, bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới mà nói lời chân thật: "Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."

Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Bắc, hiện cũng có Vô Lượng Quang Nghiêm Thông Đạt Giác Tuệ Như Lai, Vô Lượng Thiên Cổ Chấn Đại Diệu Âm Như Lai, Đại Uẩn Như Lai, Quang Võng Như Lai, Sa La Đế Vương Như Lai, hằng hà sa số các Đức Phật như thế, an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Bắc, mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài, bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới mà nói lời chân thật: "Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."

Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Dưới, hiện cũng có Thị Hiện Nhất Thiết Diệu Pháp Chánh Lý Thường Phóng Hỏa Vương Thắng Đức Quang Minh Như Lai, Sư Tử Như Lai, Danh Xưng Như Lai, Dự Quang Như Lai, Chánh Pháp Như Lai, Diệu Pháp Như Lai, Pháp Tràng Như Lai, Công Đức Hữu Như Lai, Công Đức Hiệu Như Lai, hằng hà sa số các Đức Phật như thế,

an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Dưới, mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài, bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới mà nói lời chân thật: "Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."

Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Trên, hiện cũng có Phạm Âm Như Lai, Tú Vương Như Lai, Hương Quang Như Lai, Như Hồng Liên Hoa Thắng Đức Như Lai, Thị Hiện Nhất Thiết Nghĩa Lợi Như Lai, hằng hà sa số các Đức Phật như thế, an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Trên, mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài, bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới mà nói lời chân thật: "Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."

Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Đông Nam, hiện cũng có Tối Thượng Quảng Đại Vân Lôi Âm Vương Như Lai, hằng hà sa số các Đức Phật như thế, an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Đông Nam, mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài, bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới mà nói lời chân thật: "Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."

Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Tây Nam, hiện cũng có Tối Thượng Nhật Quang Danh Xưng Công Đức Như Lai, hằng hà sa số các Đức Phật như thế, an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Tây Nam, mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài, bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới mà nói lời chân thật: "Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."

Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Tây Bắc, hiện cũng có Vô Lượng Công Đức Hỏa Vương Quang Minh Như Lai, hằng hà sa số các Đức Phật như thế, an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Tây Bắc, mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài, bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới mà nói lời chân thật: "Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."

Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Đông Bắc, hiện cũng có trăm ngàn ức vô số Quảng Tuệ Như Lai, hằng hà sa số các Đức Phật như thế, an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Đông Bắc, mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài, bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới mà nói lời chân thật: "Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."

Lại nữa, Xá Lợi Tử, vì nhân duyên gì mà kinh nầy có tên là "Pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ"?

Xá Lợi Tử, vì trong kinh nầy đã xưng dương tán thán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ, cho đến mười phương chư Phật Thế Tôn, vì muốn dùng phương tiện cho các hữu tình được lợi ích an lạc, nên an trú nơi cõi nước của mình, thị hiện đại thần thông biến hóa, nói lời chân thật, khuyến khích các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn nầy. Cho nên kinh nầy có tên là "Pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ".

Lại nữa, Xá Lợi Tử, nếu có người con trai lành, hoặc người con gái lành, hoặc đã được nghe, hoặc sẽ được nghe, hoặc đang được

nghe. Nghe kinh nầy rồi thì sanh lòng tin hiểu sâu xa. Sanh lòng tin hiểu rồi thì chắc chắn sẽ được hằng hà sa số chư Phật Thế Tôn ở khắp mười phương nhiếp thọ. Các hữu tình hãy tu tập đúng như lời dạy, quyết chắc sẽ đạt được quả vị Bất Thoái Chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, quyết chắc sẽ được sanh về cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ.

Cho nên, Xá Lợi Tử, tất cả các hữu tình phải nên tin nhận, thọ trì, lý giải lời nói của Như Lai và của các Đức Phật Thế Tôn mười phương, phải nên chuyên cần tinh tấn, tu tập đúng như lời dạy, chớ sanh lòng hoài nghi, lo ngại.

Lại nữa, Xá Lợi Tử, nếu có người con trai lành, hoặc người con gái lành, đối với công đức trang nghiêm nơi cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ, hoặc đã phát nguyện, hoặc sẽ phát nguyện, hoặc đang phát nguyện, chắc chắn sẽ được hằng hà sa số chư Phật Thế Tôn ở khắp mười phương nhiếp thọ. Các hữu tình hãy tu tập đúng như lời dạy, quyết chắc sẽ đạt được quả vị Bất Thoái Chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, quyết chắc sẽ được sanh về cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ.

Cho nên, Xá Lợi Tử, nếu có người con trai lành, hoặc người con gái lành, có lòng tin thanh tịnh, đối với cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ đã có sự tin hiểu sâu xa trong lòng, thì tất cả phải nên phát nguyện sanh về cõi nước đó, chớ nên buông lung.

Lại nữa, Xá Lợi Tử, như Ta hôm nay xưng dương tán thán công đức chẳng thể nghĩ bàn của cõi Phật ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ, thì chư Phật Thế Tôn ở khắp mười phương cũng xưng tán công đức vô biên chẳng thể nghĩ bàn của Ta mà nói lời

như vầy: “Rất lạ kỳ hiếm có, Thích Ca Tịch Tĩnh, Thích Ca Pháp Vương, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, có thể ở trong thế giới Kham Nhẫn nầy, thời ngũ trược ác thế, đó là kiếp trược, chư hữu tình trược, chư phiền não trược, kiến trược, mạng trược, ở trong cõi ấy, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì muốn dùng phương tiện cho các hữu tình được lợi ích an lạc, nên thuyết giảng pháp môn mà thế gian rất khó tin.”

Cho nên, Xá Lợi Tử, các vị nên biết Ta hôm nay ở trong thời ngũ trược ác thế của thế giới Kham Nhẫn tạp nhiễm nầy, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì muốn dùng phương tiện cho các hữu tình được lợi ích an lạc, nên thuyết giảng pháp môn mà thế gian rất khó tin. Thì đó là việc hiếm có, chẳng thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong thời ngũ trược ác thế của thế giới Kham Nhẫn tạp nhiễm nầy, nếu có người con trai lành, hoặc người con gái lành, có lòng tin thanh tịnh, nghe nói về pháp môn mà tất cả thế gian rất khó tin, rồi sanh lòng tin hiểu, thọ trì, diễn giảng, tu tập đúng như lời dạy, thì phải biết người ấy thật là hiếm có, đã từng gieo trồng căn lành với vô lượng các Đức Phật. Người ấy, lúc lâm chung, nhất định sẽ được sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, thọ dụng đầy đủ công đức trang nghiêm nơi cõi Phật thanh tịnh, vui hưởng pháp đại thừa. Ngày đêm 6 thời, được gần gũi cúng dường Phật Vô Lượng Thọ, đi khắp mười phương để cúng dường các chư Phật, được nghe pháp, được Phật thọ ký. Lấy phước đức trí tuệ làm hành trang, sớm được viên mãn, mau chóng chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề.

Khi Đức Bạc Già Phạm nói kinh nầy xong, Tôn giả Xá Lợi Tử, các vị đại Thanh Văn, cùng chúng đại Bồ Tát, vô lượng chư Thiên, Người, A Tố Lạc, tất cả đại chúng, nghe lời Phật dạy, hết sức vui mừng, tin nhận và phụng hành.

o0o

Phần 5

48 Lời Nguyện Của Phật A Di Đà

- *Danh hiệu Phật chính là Bồ Đề Tâm, vì là chủ tể các thiện pháp và luôn luôn sanh ra tất cả Phật pháp.*

Kinh Niệm Phật Ba La Mật

48 LỜI NGUYỆN CỦA PHẬT A DI ĐÀ

1. Nếu tôi được thành Phật, trong cõi nước tôi có Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, tôi thề không chứng quả chánh giác.

2. Nếu tôi được thành Phật, Trời và Người trong cõi nước tôi, sau khi mạng chung, còn bị đọa vào ba đường ác (Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh), tôi thề không chứng quả chánh giác.

3. Nếu tôi được thành Phật, Trời và Người trong cõi nước tôi, thân sắc chẳng thuần vàng, tôi thề không chứng quả chánh giác.

4. Nếu tôi được thành Phật, Trời và Người trong cõi nước tôi, thân tướng có tốt xấu chẳng đồng nhau, tôi thề không chứng quả chánh giác.

5. Nếu tôi được thành Phật, Trời và Người trong cõi nước tôi, chẳng có Túc mạng thông, ít nhất là biết được những việc trong trăm ngàn ức vô số kiếp, tôi thề không chứng quả chánh giác.

6. Nếu tôi được thành Phật, Trời và Người trong cõi nước tôi, chẳng được Thiên nhãn thông, ít nhất là thấy được trăm ngàn ức vô số thế giới của chư Phật, tôi thề không chứng quả chánh giác.

7. Nếu tôi được thành Phật, Trời và Người trong cõi nước tôi, chẳng được Thiên nhĩ thông, ít nhất là nghe được tất cả lời thuyết pháp của trăm ngàn ức vô số chư Phật mà thọ trì, tôi thề không chứng quả chánh giác.

8. Nếu tôi được thành Phật, Trời và Người trong cõi nước tôi, chẳng được Tha tâm thông, ít nhất là biết được tâm niệm của tất cả chúng sanh trong trăm ngàn ức vô số thế giới, tôi thề không chứng quả chánh giác.

9. Nếu tôi được thành Phật, Trời và Người trong cõi nước tôi, chẳng được Thần túc thông, trong khoảng một niệm, ít nhất là vượt qua trăm ngàn ức vô số thế giới, tôi thề không chứng quả chánh giác.

10. Nếu tôi được thành Phật, Trời và Người trong cõi nước tôi, còn có quan niệm tham chấp lấy thân, tôi thề không chứng quả chánh giác.

11. Nếu tôi được thành Phật, Trời và Người trong cõi nước tôi, chẳng an trụ trong dòng chánh định, cho mãi đến khi thành Phật, tôi thề không chứng quả chánh giác.

12. Nếu tôi được thành Phật, hào quang của tôi còn có hạn lượng, ít nhất là chiếu thấu trăm ngàn ức vô số thế giới, tôi thề không chứng quả chánh giác.

13. Nếu tôi được thành Phật, thọ mạng của tôi còn có hạn lượng, ít nhất là trăm ngàn ức vô số kiếp, tôi thề không chứng quả chánh giác.

14. Nếu tôi được thành Phật, có người tính đếm mà biết được số lượng Thanh Văn trong cõi nước tôi, hoặc là vô lượng Bích Chi Phật cùng nhau tính đếm trong trăm ngàn ức kiếp mà biết được số lượng Thanh Văn đó, tôi thề không chứng quả chánh giác.

15. Nếu tôi được thành Phật, Trời và Người trong cõi nước tôi, có thọ mạng còn hạn lượng (trừ khi họ có bổn nguyện riêng, tự tại theo ý muốn), tôi thề không chứng quả chánh giác.

16. Nếu tôi được thành Phật, Trời và Người trong cõi nước tôi, nếu có người nghe được danh từ bất thiện, tôi thề không chứng quả chánh giác.

17. Nếu tôi được thành Phật, vô lượng chư Phật trong mười phương thế giới chẳng đều ngợi khen danh hiệu tôi, tôi thề không chứng quả chánh giác.

18. Nếu tôi được thành Phật, mười phương chúng sanh chí tâm tín ngưỡng, muốn sanh về cõi nước tôi, cho đến trong 10 niệm (lúc lâm chung), nếu chẳng được sanh về (trừ khi họ phạm tội ngũ nghịch, hủy báng chánh pháp), tôi thề không chứng quả chánh giác.

19. Nếu tôi được thành Phật, mười phương chúng sanh phát tâm Bồ Đề, tu tạo công đức, nguyện sanh về cõi nước tôi, đến lúc lâm chung, nếu tôi chẳng cùng chư Thánh chúng hiện thân trước người đó, tôi thề không chứng quả chánh giác.

20. Nếu tôi được thành Phật, mười phương chúng sanh nghe danh hiệu tôi, chuyên nhớ cõi nước tôi, tu tạo công đức, chí tâm hồi hướng, muốn sanh về cõi nước tôi. Nếu chẳng được như ý nguyện, tôi thề không chứng quả chánh giác.

21. Nếu tôi được thành Phật, Trời và Người trong cõi nước tôi, chẳng đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại nhân, tôi thề không chứng quả chánh giác.

22. Nếu tôi được thành Phật, chúng Bồ Tát ở cõi khác, sanh về cõi nước tôi, cứu cánh sẽ là bậc Nhất Sanh Bổ Xứ (trừ khi họ có bổn nguyện riêng, tự tại hóa hiện), vì chúng sanh mà phát hoằng thệ nguyện, tu tạo công đức, độ thoát muôn loài, đi khắp thế giới của chư Phật, tu hạnh Bồ Tát, cúng dường mười phương chư Phật, khai hóa vô lượng chúng sanh, làm cho tất cả đều được an trụ nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vượt ngoài hạnh tu của các hạng tầm thường, hiện tiền tu tập Đại Nguyện của Đức Phổ Hiền Bồ Tát. Nếu chẳng được như thế, tôi thề không chứng quả chánh giác.

23. Nếu tôi được thành Phật, chúng Bồ Tát trong cõi nước tôi, nương nơi thần lực của Phật, đi cúng dường mười phương chư Phật, khoảng thời gian một bữa ăn, chẳng đi khắp vô lượng vô số ức thế giới của chư Phật, tôi thề không chứng quả chánh giác.

24. Nếu tôi được thành Phật, chúng Bồ Tát trong cõi nước tôi, khi ở trước mười phương chư Phật, thị hiện công đức của mình, muốn có những đồ vật cúng dường mà chẳng được đúng như ý muốn, tôi thề không chứng quả chánh giác.

25. Nếu tôi được thành Phật, chúng Bồ Tát trong cõi nước tôi, không được Nhất Thiết Trí, tôi thề không chứng quả chánh giác.

26. Nếu tôi được thành Phật, chúng Bồ Tát trong cõi nước tôi, chẳng đều được thân kim cang Na La Diên, tôi thề không chứng quả chánh giác.

27. Nếu tôi được thành Phật, trong cõi nước tôi, tất cả đồ dùng của Trời và Người có hình sắc đẹp đẽ, trong sáng, mầu nhiệm, không thể tính đoán mà biết được, dù là người có Thiên nhãn. Nếu có người biết được danh số rõ ràng các đồ vật ấy, tôi thề không chứng quả chánh giác.

28. Nếu tôi được thành Phật, chúng Bồ Tát trong cõi nước tôi, dù là người ít công đức nhất, chẳng thấy biết cây Đạo Tràng cao bốn trăm vạn do tuần, vô lượng sắc hào quang, tôi thề không chứng quả chánh giác.

29. Nếu tôi được thành Phật, chúng Bồ Tát trong cõi nước tôi, thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết kinh pháp mà chẳng được trí huệ biện tài, tôi thề không chứng quả chánh giác.

30. Nếu tôi được thành Phật, có người hạn lượng được về trí huệ biện tài của Bồ Tát trong cõi nước tôi, tôi thề không chứng quả chánh giác.

31. Nếu tôi được thành Phật, cõi nước tôi thanh tịnh, tất cả nơi đều soi thấy vô lượng vô số bất khả tư nghì mười phương thế giới, như là thấy mặt mình trong gương sáng. Nếu chẳng được như thế, tôi thề không chứng quả chánh giác.

32. Nếu tôi được thành Phật, trong cõi nước tôi, từ mặt đất đến hư không, lầu đài, cung điện, ao nước, hoa cây, tất cả vạn vật đều là vô lượng chất báu và trăm ngàn thứ hương hợp lại mà thành, xinh đẹp kỳ diệu, mùi thơm tỏa khắp mười phương thế giới. Chúng Bồ Tát ngửi được mùi hương ấy thì đều tu hạnh của Phật. Nếu chẳng được như thế, tôi thề không chứng quả chánh giác.

33. Nếu tôi được thành Phật, các chúng sanh trong vô lượng bất khả tư nghì mười phương thế giới, được ánh hào quang của tôi chiếu đến, thì thân tâm họ hòa dịu hơn cả hàng Trời và Người. Nếu chẳng được như thế, tôi thề không chứng quả chánh giác.

34. Nếu tôi được thành Phật, các chúng sanh trong vô lượng bất khả tư nghì mười phương thế giới, nghe danh hiệu tôi mà không được Vô Sanh Pháp Nhẫn, cùng các môn Tổng Trì thâm sâu, tôi thề không chứng quả chánh giác.

35. Nếu tôi được thành Phật, các người nữ trong vô lượng bất khả tư nghì mười phương thế giới, nghe danh hiệu tôi, vui mừng tin mến, phát tâm Bồ Đề, nhàm chán thân gái. Nếu sau khi mạng chung mà còn trở lại làm thân người nữ, tôi thề không chứng quả chánh giác.

36. Nếu tôi được thành Phật, chúng Bồ Tát trong vô lượng bất khả tư nghì mười phương thế giới, nghe danh hiệu tôi, thường tinh tấn tu phạm hạnh, cho mãi đến khi thành Phật. Nếu chẳng được như thế, tôi thề không chứng quả chánh giác.

37. Nếu tôi được thành Phật, Trời và Người trong vô lượng bất khả tư nghì mười phương thế giới, nghe danh hiệu tôi, cúi đầu đảnh lễ, năm vóc gieo xuống đất, vui mừng tin mến, tu hạnh Bồ Tát, thì tất cả Trời và Người đều kính trọng kẻ đó. Nếu chẳng được như thế, tôi thề không chứng quả chánh giác.

38. Nếu tôi được thành Phật, Trời và Người trong cõi nước tôi, muốn có y phục, thì y phục tốt đẹp và đúng pháp liền theo tâm niệm của người đó mà tự nhiên hiện đến trên thân. Nếu còn phải cắt may, nhuộm giặt, tôi thề không chứng quả chánh giác.

39. Nếu tôi được thành Phật, Trời và Người trong cõi nước tôi, thọ hưởng sự an vui không bằng vị Tỳ Kheo có Lậu tận thông, tôi thề không chứng quả chánh giác.

40. Nếu tôi được thành Phật, Trời và Người trong cõi nước tôi, tùy ý muốn thấy vô lượng thế giới nghiêm tịnh của mười phương chư Phật, thì liền soi thấy ở trong cây báu, đúng theo ý muốn, như là thấy mặt mình trong gương sáng. Nếu chẳng được như thế, tôi thề không chứng quả chánh giác.

41. Nếu tôi được thành Phật, chúng Bồ Tát ở cõi khác, nghe danh hiệu tôi, từ đó cho đến khi thành Phật mà các căn còn thiếu xấu, tôi thề không chứng quả chánh giác.

42. Nếu tôi được thành Phật, chúng Bồ Tát ở cõi khác, nghe danh hiệu tôi, tất cả đều được Giải Thoát Tam Muội. An trụ nơi tam muội đó, khoảng một niệm, cúng dường vô lượng bất khả tư nghì chư Phật Thế Tôn mà vẫn không mất chánh niệm. Nếu chẳng được như thế, tôi thề không chứng quả chánh giác.

43. Nếu tôi được thành Phật, chúng Bồ Tát ở cõi khác, nghe danh hiệu tôi, sau khi mạng chung, sanh vào nhà tôn quý. Nếu chẳng được như thế, tôi thề không chứng quả chánh giác.

44. Nếu tôi được thành Phật, chúng Bồ Tát ở cõi khác, nghe danh hiệu tôi, vui mừng hớn hở, tu hạnh Bồ Tát, đầy đủ các công đức. Nếu chẳng được như thế, tôi thề không chứng quả chánh giác.

45. Nếu tôi được thành Phật, chúng Bồ Tát ở cõi khác, nghe danh hiệu tôi, đều được Phổ Đẳng Tam Muội. An trụ nơi tam muội đó, cho mãi đến khi thành Phật, thường được thấy vô lượng bất khả tư nghì chư Phật. Nếu chẳng được như thế, tôi thề không chứng quả chánh giác.

46. Nếu tôi được thành Phật, chúng Bồ Tát trong cõi nước tôi, muốn nghe pháp gì thì liền tự nhiên được nghe pháp ấy. Nếu chẳng được như thế, tôi thề không chứng quả chánh giác.

47. Nếu tôi được thành Phật, chúng Bồ Tát ở cõi khác, nghe danh hiệu tôi, chẳng được đến bậc Bất Thoái Chuyển, tôi thề không chứng quả chánh giác.

48. Nếu tôi được thành Phật, chúng Bồ Tát ở cõi khác, nghe danh hiệu tôi, chẳng liền được Đệ Nhất Âm Hưởng Nhẫn, cùng ở nơi Phật pháp mà chẳng liền được bậc Bất Thoái Chuyển, tôi thề không chứng quả chánh giác.

o0o

Phần 6

Đối Chiếu Bản Dịch Hán Việt

- *Danh hiệu Phật như nước cam lồ quý báu, vì có thể tẩy rửa mọi thứ phiền não dơ bẩn, khiến vọng tâm trở thành đài gương làu làu sáng sạch.*

Kinh Niệm Phật Ba La Mật

XƯNG TÁN TỊNH ĐỘ PHẬT NHIẾP THỌ KINH	KINH XƯNG TÁN TỊNH ĐỘ PHẬT NHIẾP THỌ
Hán âm	Việt ngữ
Đường Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang phụng chiếu dịch	*Đời Đường, Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang phụng chiếu dịch*
Như thị ngã văn.	*Tôi nghe như vầy.*
Nhất thời,	*Một thuở nọ,*
Bạc Già Phạm tại Thất La Phiệt, trụ Thệ Đa lâm Cấp Cô Độc viên,	*Đức Bạc Già Phạm ở vườn Cấp Cô Độc trong rừng Thệ Đa nơi thành Thất La Phiệt,*
dữ đại Bí sô chúng,	*cùng với chúng đại Bí sô*
thiên nhị bách ngũ thập nhân câu.	*một ngàn hai trăm năm mươi vị tụ hội.*
Nhất thiết giai thị tôn túc Thanh Văn,	*Tất cả là bậc Thanh Văn tôn túc,*
chúng vọng sở thức đại A La Hán.	*là bậc đại A La Hán mà mọi người đều biết.*
Kỳ danh viết: Tôn giả Xá Lợi Tử, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, A Nê Luật Đà.	*Tên các vị là Tôn giả Xá Lợi Tử, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, A Nê Luật Đà.*
Như thị đẳng chư đại Thanh Văn nhi vi Thượng Thủ.	*Các vị đại Thanh Văn như thế làm Thượng Thủ.*
Phục dữ vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát câu,	*Lại cùng với vô số các vị đại Bồ Tát tụ hội,*
nhất thiết giai trụ Bất Thoái Chuyển vị, vô lượng công đức chúng sở trang nghiêm,	*tất cả đều an trú nơi quả vị Bất Thoái Chuyển, công đức vô lượng trang nghiêm.*
Kỳ danh viết: Diệu Cát Tường Bồ Tát, Vô Năng Thắng Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, Bất Hưu Tức Bồ Tát.	*Tên các vị là Bồ Tát Diệu Cát Tường, Bồ Tát Vô Năng Thắng, Bồ Tát Thường Tinh Tấn, Bồ Tát Bất Hưu Tức.*
Như thị đẳng chư đại Bồ Tát nhi vi Thượng Thủ.	*Các vị đại Bồ Tát như thế làm Thượng Thủ.*

Phục hữu Đế Thích, Đại Phạm Thiên Vương, Kham Nhẫn giới chủ, Hộ Thế Tứ Vương, như thị Thượng Thủ.	*Lại có Đế Thích, Đại Phạm Thiên Vương chủ tể của thế giới Kham Nhẫn, Tứ Thiên Vương hộ trì thế gian, các vị Thượng Thủ như vậy.*
Bách thiên câu chi na dữu đa số chư Thiên tử chúng,	*Cùng với trăm ngàn ức vô số các Thiên tử*
cập dư thế gian vô lượng Thiên, Nhân, A Tố Lạc đẳng,	*và vô lượng chư Thiên, Người, A Tố Lạc ở thế gian,*
vị văn pháp cố, câu lai hội tọa.	*vì muốn nghe pháp nên cùng đến tham dự pháp hội.*
Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Xá Lợi Tử.	*Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Ngài Xá Lợi Tử.*
Nhữ kim tri bất,	*Ông có biết không?*
ư thị Tây phương, khứ thử thế giới quá bách thiên câu chi na dữu đa Phật độ	*Ở phương Tây, cách thế giới nầy trên trăm ngàn ức vô số cõi Phật*
hữu Phật thế giới danh viết Cực Lạc.	*có một thế giới Phật tên là Cực Lạc.*
Kỳ trung Thế Tôn danh Vô Lượng Thọ cập Vô Lượng Quang Như lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, thập hiệu viên mãn,	*Trong thế giới ấy có Đức Thế Tôn hiệu là Vô Lượng Thọ Như Lai, Vô Lượng Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, mười tôn hiệu viên mãn,*
kim hiện tại bỉ an ổn trú trì,	*hiện đang trụ trì yên ổn ở cõi ấy,*
vị chư hữu tình, tuyên thuyết thậm thâm vi diệu chi pháp, lịnh đắc thù thắng lợi ích an lạc.	*vì các hữu tình mà thuyết giảng pháp sâu xa vi diệu, khiến cho mọi người đều được lợi ích an lạc thù thắng.*
Hựu Xá Lợi Tử, hà nhân hà duyên, bỉ Phật thế giới danh vi Cực Lạc?	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, vì nhân duyên gì mà thế giới Phật ấy có tên là Cực Lạc?*

Xá Lợi Tử, do bỉ giới trung chư hữu tình loại, vô hữu nhất thiết thân tâm ưu khổ, duy hữu vô lượng thanh tịnh thiện lạc,	*Xá Lợi Tử, vì các hữu tình nơi thế giới ấy thân tâm không có những buồn lo khổ não, mà chỉ có vô lượng hỷ lạc thanh tịnh,*
thị cố danh vi Cực Lạc thế giới.	*cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*
Hựu Xá Lợi Tử, Cực Lạc thế giới tịnh Phật độ trung,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc,*
xứ xứ giai hữu thất trùng hàng liệt diệu bảo lan thuẫn,	*khắp nơi đều có bảy lớp lan can báu xếp thành từng hàng,*
thất trùng hàng liệt bảo đa la thọ,	*bảy lớp cây đa la báu xếp thành từng hàng,*
cập hữu thất trùng diệu bảo la võng, châu táp vi nhiễu,	*cùng với bảy lớp mành lưới báu bao bọc giáp vòng,*
tứ bảo trang nghiêm:	*trang nghiêm bằng bốn thứ báu:*
kim bảo, ngân bảo, phệ lưu ly bảo, pha chi ca bảo,	*vàng, bạc, lưu ly, pha lê,*
diệu sức gian khỉ.	*chưng bày mỹ diệu xen lẫn với nhau.*
Xá Lợi Tử, bỉ Phật độ trung, hữu như thị đẳng chúng diệu khỉ sức công đức trang nghiêm, thậm khả ái lạc, thị cố danh vi Cực Lạc thế giới.	*Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*
Hựu Xá Lợi Tử, Cực Lạc thế giới tịnh Phật độ trung,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc,*
xứ xứ giai hữu thất diệu bảo trì,	*khắp nơi đều có ao bảy thứ báu,*
bát công đức thủy, di mãn kỳ trung.	*có nước tám công đức tràn đầy trong đó.*
Hà đẳng danh vi bát công đức thủy?	*Vì sao gọi là nước tám công đức?*
Nhất giả trừng tịnh,	*Một là trong sạch,*

nhị giả thanh lãnh,	*hai là mát mẻ,*
tam giả cam mỹ	*ba là ngon ngọt,*
tứ giả khinh nhuyễn,	*bốn là mềm dịu,*
ngũ giả nhuận trạch,	*năm là tươi nhuận,*
lục giả an hòa,	*sáu là an hòa,*
thất giả ẩm thời trừ cơ khát đẳng vô lượng quá hoạn,	*bảy là uống vào giải trừ đói khát cũng như tiêu trừ mọi tội lỗi,*
bát giả ẩm dĩ định năng trưởng dưỡng chư căn tứ đại, tăng ích chủng chủng thù thắng thiện căn.	*tám là uống vào quyết chắc nuôi dưỡng các căn tứ đại và tăng trưởng các thiện căn thù thắng.*
Đa phước chúng sanh thường lạc thọ dụng.	*Các chúng sanh nhiều phước đức thường thích thọ dụng thứ nước nầy.*
Thị chư bảo trì, để bố kim sa.	*Dưới đáy ao báu thì trải bằng cát vàng.*
Tứ diện châu táp, hữu tứ giai đạo, tứ bảo trang nghiêm, thậm khả ái lạc.	*Bốn phía quanh bờ ao có bốn bậc thềm trang nghiêm bằng bốn thứ báu, rất khả ái ưa thích.*
Chư trì châu táp hữu diệu bảo thọ, gian sức hàng liệt, hương khí phân phức, thất bảo trang nghiêm, thậm khả ái lạc.	*Xung quanh ao có các cây báu xếp thành từng hàng, tỏa hương thơm ngào ngạt, trang nghiêm bằng bảy thứ báu, rất khả ái ưa thích.*
Ngôn thất bảo giả:	*Thế nào là bảy thứ báu?*
nhất kim, nhị ngân, tam phệ lưu ly, tứ pha chi ca, ngũ xích trân châu, lục a thấp ma yết lạp bà bảo, thất mâu sa lạc yết lạp bà bảo.	*Một là vàng, hai là bạc, ba là lưu ly, bốn là pha lê, năm là trân châu, sáu là mã não, bảy là xà cừ.*
Thị chư trì trung, thường hữu chủng chủng tạp sắc liên hoa,	*Trong các ao thường có vô số hoa sen đủ mọi sắc màu,*
lượng như xa luân.	*lớn như bánh xe.*

Thanh hình thanh hiển thanh quang thanh ảnh.	*Hoa xanh thì hiển thị sắc xanh, ánh sáng xanh, hình ảnh xanh.*
Hoàng hình hoàng hiển hoàng quang hoàng ảnh.	*Hoa vàng thì hiển thị sắc vàng, ánh sáng vàng, hình ảnh vàng.*
Xích hình xích hiển xích quang xích ảnh.	*Hoa đỏ thì hiển thị sắc đỏ, ánh sáng đỏ, hình ảnh đỏ.*
Bạch hình bạch hiển bạch quang bạch ảnh.	*Hoa trắng thì hiển thị sắc trắng, ánh sáng trắng, hình ảnh trắng.*
Tứ hình tứ hiển tứ quang tứ ảnh.	*Bốn loại hoa, bốn hiển thị, bốn ánh sáng, bốn hình ảnh.*
Xá Lợi Tử, bỉ Phật độ trung, hữu như thị đẳng chúng diệu khỉ sức, công đức trang nghiêm thậm khả ái lạc, thị cố danh vi Cực Lạc thế giới.	*Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*
Hựu Xá Lợi Tử, Cực Lạc thế giới tịnh Phật độ trung,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc*
tự nhiên thường hữu vô lượng vô biên chúng diệu kỹ nhạc,	*thường tự nhiên có vô lượng vô biên các thứ nhạc vi diệu,*
âm khúc hòa nhã, thậm khả ái lạc.	*thanh âm hòa nhã, rất khả ái ưa thích.*
Chư hữu tình loại văn tư diệu âm,	*Các hữu tình nghe những thanh âm vi diệu ấy*
chư ác phiền não tất giai tiêu diệt, vô lượng thiện pháp tiệm thứ tăng trưởng, tốc chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề.	*thì các phiền não xấu ác đều được trừ diệt, vô lượng các thiện pháp lần lượt tăng trưởng, mau chóng chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề.*
Xá Lợi Tử, bỉ Phật độ trung hữu như thị đẳng chúng diệu khỉ sức, công đức trang nghiêm thậm khả	*Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái*

ái lạc, thị cố danh vi Cực Lạc thế giới.	*ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*
Hựu Xá Lợi Tử, Cực Lạc thế giới tịnh Phật độ trung,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc,*
châu biến đại địa chân kim hợp thành,	*khắp cả mặt đất đều bằng vàng ròng hợp thành,*
kỳ xúc nhu nhuyễn, hương khiết quang minh, vô lượng vô biên diệu bảo gian sức.	*chạm vào mềm mại, hương thơm tinh khiết, ánh sáng rực rỡ, vô lượng vô biên các thứ báu mỹ diệu xen lẫn với nhau.*
Xá Lợi Tử, bỉ Phật độ trung, hữu như thị đẳng chúng diệu khỉ sức, công đức trang nghiêm thậm khả ái lạc, thị cố danh vi Cực Lạc thế giới.	*Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*
Hựu Xá Lợi Tử, Cực Lạc thế giới tịnh Phật độ trung,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc,*
trú dạ lục thời,	*ngày đêm 6 thời,*
thường vũ chủng chủng thượng diệu thiên hoa,	*thường có mưa hoa trời vi diệu,*
quang trạch hương khiết tế nhuyễn tạp sắc,	*tươi sáng, mùi hương thanh khiết, mềm mại, đủ mọi sắc màu.*
tuy lịnh kiến giả thân tâm thích duyệt nhi bất tham trước.	*Các hữu tình nhìn thấy thì thân tâm vui thích mà không tham đắm,*
Tăng trưởng hữu tình vô lượng vô số bất khả tư nghị thù thắng công đức.	*làm tăng trưởng vô lượng vô biên công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn.*
Bỉ hữu tình loại trú dạ lục thời thường trì cúng dường Vô Lượng Thọ Phật.	*Các hữu tình ở cõi đó ngày đêm 6 thời thường cúng dường Phật Vô Lượng Thọ.*

Mỗi thần triêu thời,	*Vào mỗi sáng sớm,*
trì thử thiên hoa,	*thường mang hoa trời,*
ư nhất thực khoảnh,	*khoảng chừng một bữa ăn,*
phi chí tha phương vô lượng thế giới,	*bay đến vô lượng thế giới ở các phương khác,*
cúng dường bách thiên câu chi,	*cúng dường trăm ngàn ức chư Phật.*
ư chư Phật sở, các dĩ bách thiên câu chi thọ hoa, trì tán cúng dường,	*Nơi chỗ của chư Phật, mỗi người đem trăm ngàn ức hoa trời, tung rải hiến cúng chư Phật,*
hoàn chí bổn xứ, du thiên trú đẳng.	*rồi trở về thế giới của mình, dạo chơi các cõi trời.*
Xá Lợi Tử, bỉ Phật độ trung, hữu như thị đẳng chúng diệu khỉ sức, công đức trang nghiêm thậm khả ái lạc, thị cố danh vi Cực Lạc thế giới.	*Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*
Hựu Xá Lợi Tử, Cực Lạc thế giới tịnh Phật độ trung,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc*
thường hữu chủng chủng kỳ diệu khả ái tạp sắc chúng điểu.	*thường có các giống chim đủ mọi sắc màu, xinh đẹp khả ái diệu kỳ,*
Sở vị nga, nhạn, thu lộ, hồng hạc, khổng tước, anh vũ, yết la tần ca, mạng mạng điểu đẳng.	*như ngỗng, nhạn, cò, hồng hạc, khổng tước, anh vũ, yết la tần ca, mạng mạng.*
Như thị chúng điểu,	*Các loài chim ấy*
trú dạ lục thời hằng cộng tập hội,	*ngày đêm 6 thời thường tụ họp lại,*
xuất hòa nhã thanh.	*hót ca những thanh âm hòa nhã.*

Tùy kỳ loại âm, tuyên dương diệu pháp,	*Tùy theo thanh âm của mỗi loài chim, nhằm tuyên dương các diệu pháp,*
sở vị thậm thâm niệm trụ, chánh đoạn,	*là các pháp thâm sâu Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần,*
thần túc căn lực,	*Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực,*
giác đạo chi đẳng,	*Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo,*
vô lượng diệu pháp.	*vô lượng các pháp vi diệu như thế.*
Bỉ độ chúng sanh văn thị thanh dĩ,	*Các chúng sanh ở cõi đó nghe những thanh âm ấy*
các đắc niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng,	*đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng,*
vô lượng công đức, huân tu kỳ thân.	*tự thân tu tập vô lượng công đức.*
Nhữ Xá Lợi Tử, ư ý vân hà,	*Nầy Xá Lợi Tử, ý ông nghĩ sao?*
bỉ độ chúng điểu, khởi thị bàng sanh ác thú nhiếp da?	*Các giống chim ở cõi đó có phải là loài bàng sanh ác thú không?*
Vật tác thị kiến.	*Ông chớ nghĩ như thế.*
Sở dĩ giả hà?	*Vì sao vậy?*
Bỉ Phật tịnh độ vô tam ác đạo,	*Vì cõi Phật thanh tịnh đó không có ba đường ác,*
thượng bất văn hữu tam ác thú danh,	*cũng không nghe nói đến tên của ba đường ác,*
hà huống hữu thật tội nghiệp sở chiêu bàng sanh chúng điểu.	*huống gì thật có những nghiệp tội chiêu cảm mà trở thành các loài bàng sanh ấy.*
Đương tri giai thị Vô Lượng Thọ Phật	*Nên biết, các loài chim ấy là do Phật Vô Lượng Thọ*
biến hoá sở tác, lịnh kỳ tuyên xướng vô lượng pháp âm,	*biến hóa ra để cho chúng tuyên xướng vô lượng pháp âm,*

tác chư hữu tình lợi ích an lạc.	*làm cho các hữu tình được lợi ích an lạc.*
Xá Lợi Tử, bỉ Phật độ trung, hữu như thị đẳng chúng diệu khỉ sức, công đức trang nghiêm thậm khả ái lạc, thị cố danh vi Cực Lạc thế giới.	*Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*
Hựu Xá Lợi Tử, Cực Lạc thế giới tịnh Phật độ trung,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc,*
thường hữu diệu phong,	*thường có gió dịu mát*
xuy chư bảo thọ cập bảo la võng,	*thổi qua các hàng cây báu và các mành lưới báu,*
xuất vi diệu âm,	*phát ra những thanh âm vi diệu,*
thí như bách thiên câu chi thiên nhạc đồng thời câu tác,	*ví như trăm ngàn ức các loại nhạc trời cùng lúc hòa chung,*
xuất vi diệu thanh, thậm khả ái ngoạn.	*vang lên những âm thanh tuyệt vời, rất khả ái thưởng ngoạn.*
Như thị bỉ độ thường hữu diệu phong, xuy chúng bảo thọ cập bảo la võng,	*Như thế, cõi Phật đó thường có gió dịu mát thổi qua các hàng cây báu và các mành lưới báu,*
kích xuất chủng chủng vi diệu âm thanh, thuyết chủng chủng pháp.	*phát ra những thanh âm vi diệu, thuyết giảng các pháp.*
Bỉ độ chúng sanh văn thị thanh dĩ,	*Các chúng sanh ở cõi đó nghe những thanh âm ấy*
khởi Phật Pháp Tăng niệm,	*đều phát tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng,*
tác ý đẳng vô lượng công đức.	*là những tác ý vô lượng công đức.*
Xá Lợi Tử, bỉ Phật độ trung hữu như thị đẳng chúng diệu khỉ sức, công đức trang nghiêm, thậm	*Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái*

khả ái lạc, thị cố danh vi Cực Lạc thế giới.	*ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*
Hựu Xá Lợi Tử, Cực Lạc thế giới tịnh Phật độ trung,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc,*
hữu như thị đẳng vô lượng vô biên bất khả tư nghị thậm hy hữu sự.	*có vô lượng vô biên những thứ chẳng thể nghĩ bàn như thế, thật là hiếm có.*
Giả sử kinh ư bách thiên câu chi na dữu đa kiếp, dĩ kỳ vô lượng bách thiên câu chi na dữu đa thiệt,	*Giả sử, trải qua trăm ngàn ức vô số kiếp, dùng vô lượng trăm ngàn ức cái lưỡi,*
nhất nhất thiệt thượng xuất vô lượng thanh,	*trên mỗi cái lưỡi phát ra vô lượng thanh âm*
tán kỳ công đức diệc bất năng tận,	*để tán thán công đức ấy cũng chẳng thể nào tán thán cùng tận được,*
thị cố danh vi Cực Lạc thế giới.	*cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*
Hựu Xá Lợi Tử, Cực Lạc thế giới tịnh Phật độ trung,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc,*
Phật hữu hà duyên danh Vô Lượng Thọ?	*vì nhân duyên gì mà Đức Phật ấy có tên là Vô Lượng Thọ?*
Xá Lợi Tử, do bỉ Như Lai cập chư hữu tình thọ mạng vô lượng vô số đại kiếp.	*Xá Lợi Tử, do Đức Như Lai và các hữu tình ở cõi đó có thọ mạng vô lượng vô số đại kiếp.*
Do thị duyên cố, bỉ độ Như Lai danh Vô Lượng Thọ.	*Do bởi nhân duyên ấy, cho nên Đức Như Lai ở cõi đó được gọi là Vô Lượng Thọ.*
Xá Lợi Tử, Vô Lượng Thọ Phật chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề dĩ lai, kinh thập đại kiếp.	*Xá Lợi Tử, Đức Phật Vô Lượng Thọ chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đến nay đã được mười đại kiếp.*

Xá Lợi Tử, hà duyên bỉ Phật danh Vô Lượng Quang?	*Xá Lợi Tử, vì nhân duyên gì mà Đức Phật ấy có tên là Vô Lượng Quang?*
Xá Lợi Tử, do bỉ Như Lai hằng phóng vô lượng vô biên diệu quang,	*Xá Lợi Tử, do Đức Như Lai ở cõi đó thường phóng ra vô lượng vô biên ánh sáng vi diệu,*
biến chiếu nhất thiết thập phương Phật độ, thí tác Phật sự vô hữu chướng ngại.	*chiếu soi tất cả các cõi Phật mười phương, thực hiện các Phật sự không bị chướng ngại.*
Do thị duyên cố, bỉ độ Như Lai danh Vô Lượng Quang.	*Do bởi nhân duyên ấy, cho nên Đức Như Lai ở cõi đó được gọi là Vô Lượng Quang.*
Xá Lợi Tử, bỉ Phật tịnh độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm, thậm khả ái lạc, thị cố danh vi Cực Lạc thế giới.	*Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*
Hựu Xá Lợi Tử, Cực Lạc thế giới tịnh Phật độ trung Vô Lượng Thọ Phật	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ*
thường hữu vô lượng Thanh Văn đệ tử,	*thường có vô lượng Thanh Văn đệ tử,*
nhất thiết giai thị đại A La Hán,	*tất cả đều là bậc đại A La Hán,*
cụ túc chủng chủng vi diệu công đức,	*đầy đủ các công đức vi diệu,*
kỳ lượng vô biên bất khả xưng số.	*số lượng vô biên chẳng thể nào tính kể.*
Xá Lợi Tử, bỉ Phật tịnh độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm, thậm khả ái lạc, thị cố danh vi Cực Lạc thế giới.	*Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*

Hựu Xá Lợi Tử, Cực Lạc thế giới tịnh Phật độ trung Vô Lượng Thọ Phật,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ*
thường hữu vô lượng Bồ Tát đệ tử,	*thường có vô lượng Bồ Tát đệ tử,*
nhất thiết giai thị Nhất Sanh Sở Hệ,	*tất cả đều là bậc Nhất Sanh Sở Hệ,*
cụ túc chủng chủng vi diệu công đức,	*đầy đủ các công đức vi diệu,*
kỳ lượng vô biên bất khả xưng sổ.	*số lượng vô biên chẳng thể nào tính kể.*
Giả sử kinh ư vô số lượng kiếp, tán kỳ công đức chung bất năng tận.	*Giả sử, trải qua vô lượng vô số kiếp để tán thán công đức ấy cũng chẳng thể nào tán thán cùng tận được.*
Xá Lợi Tử, bỉ Phật độ trung thành tựu như thị công đức trang nghiêm, thậm khả ái lạc, thị cố danh vi Cực Lạc thế giới.	*Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*
Hựu Xá Lợi Tử, nhược chư hữu tình sanh bỉ độ giả giai Bất Thoái Chuyển,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, nếu có hữu tình nào sanh về cõi đó, thì đều là bậc Bất Thoái Chuyển,*
tất bất phục đọa chư hiểm ác thú, biên địa hạ tiện miệt lệ xa trung,	*quyết chắc không bị sa đọa vào các nẻo hiểm nguy ác thú, các chốn biên địa man dã hạ tiện,*
thường du thanh tịnh quốc thổ,	*mà thường du hành đến các quốc độ thanh tịnh,*
thù thắng hạnh nguyện, niệm niệm tăng tiến,	*hạnh nguyện thù thắng, niệm niệm tăng tiến,*
quyết định đương chứng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.	*nhất định sẽ chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.*

Xá Lợi Tử, bỉ Phật độ trung thành tựu như thị công đức trang nghiêm, thậm khả ái lạc, thị cố danh vi Cực Lạc thế giới.	*Xá Lợi Tử, trong cõi Phật ấy có những thứ vi diệu công đức trang nghiêm như thế, rất khả ái ưa thích, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.*
Hựu Xá Lợi Tử, nhược chư hữu tình văn bỉ Tây phương Vô Lượng Thọ Phật thanh tịnh Phật độ,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, nếu có hữu tình nào nghe được Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây và cõi nước thanh tịnh của Ngài*
vô lượng công đức chúng sở trang nghiêm,	*với vô lượng công đức trang nghiêm,*
giai ưng phát nguyện sanh bỉ Phật độ.	*thì người đó phải nên phát nguyện sanh về cõi Phật ấy.*
Sở dĩ giả hà?	*Vì sao vậy?*
Nhược sanh bỉ độ,	*Vì nếu sanh về cõi ấy,*
đắc dữ như thị vô lượng công đức chúng sở trang nghiêm, chư Đại sĩ đẳng đồng nhất tập hội.	*sẽ được vô lượng công đức trang nghiêm như vậy, cùng với các bậc Đại sĩ tụ hội một nơi,*
thọ dụng như thị vô lượng công đức, chúng sở trang nghiêm thanh tịnh Phật độ, đại thừa pháp lạc,	*thọ dụng đầy đủ công đức trang nghiêm nơi cõi Phật thanh tịnh, vui hưởng pháp đại thừa,*
thường vô thoái chuyển,	*không còn bị thoái chuyển,*
vô lượng hạnh nguyện, niệm niệm tăng tiến,	*vô lượng hạnh nguyện, niệm niệm tăng tiến,*
tốc chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề cố.	*mau chóng chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề.*
Xá Lợi Tử, sanh bỉ Phật độ chư hữu tình loại, thành tựu vô lượng vô biên công đức,	*Xá Lợi Tử, các loài hữu tình được sanh về cõi Phật ấy đều đã thành tựu vô lượng vô biên công đức,*
phi thiểu thiện căn chư hữu tình loại đương đắc vãng sanh Vô	*chứ chẳng phải có chút ít căn lành mà được sanh về cõi Phật*

Lượng Thọ Phật Cực Lạc thế giới thanh tịnh Phật độ.	*thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ.*
Hựu Xá Lợi Tử, nhược hữu tịnh tín chư thiện nam tử, hoặc thiện nữ nhân,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, nếu có người con trai lành, hoặc người con gái lành, với lòng tin thanh tịnh,*
đắc văn như thị Vô Lượng Thọ Phật vô lượng vô biên bất khả tư nghị công đức danh hiệu, Cực Lạc thế giới công đức trang nghiêm.	*được nghe danh hiệu vô lượng vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật Vô Lượng Thọ và thế giới Cực Lạc công đức trang nghiêm.*
Văn dĩ tư duy,	*Nghe rồi tư duy,*
nhược nhất nhật dạ, hoặc nhị, hoặc tam, hoặc tứ, hoặc ngũ, hoặc lục, hoặc thất,	*hoặc một ngày đêm, hoặc hai ngày đêm, hoặc ba ngày đêm, hoặc bốn ngày đêm, hoặc năm ngày đêm, hoặc sáu ngày đêm, hoặc bảy ngày đêm,*
hệ niệm bất loạn,	*hệ niệm bất loạn.*
thị thiện nam tử, hoặc thiện nữ nhân,	*Thì người con trai lành đó, hoặc người con gái lành đó,*
lâm mạng chung thời,	*lúc lâm chung,*
Vô Lượng Thọ Phật dữ kỳ vô lượng Thanh Văn đệ tử, Bồ Tát chúng câu, tiền hậu vi nhiễu,	*được Phật Vô Lượng Thọ cùng với vô lượng Thanh Văn Bồ Tát đệ tử vây quanh trước sau,*
lai trụ kỳ tiền, từ bi gia hộ lệnh tâm bất loạn,	*đến trước mặt người đó, từ bi gia hộ, khiến tâm thức người đó không bị tán loạn,*
ký xả mạng dĩ tùy Phật chúng hội,	*xả bỏ xác thân, theo Đức Phật và Thánh chúng,*
sanh Vô Lượng Thọ Cực Lạc thế giới thanh tịnh Phật độ.	*sanh về cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ.*

Hựu Xá Lợi Tử, ngã quán như thị lợi ích an lạc đại sự nhân duyên,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, Ta thấy nhân duyên lớn với lợi ích an lạc như vậy,*
thuyết thành đế ngữ,	*nên nói lời chân thật:*
nhược hữu tịnh tín chư thiện nam tử, hoặc thiện nữ nhân,	*"Nếu có người con trai lành, hoặc người con gái lành, với lòng tin thanh tịnh,*
đắc văn như thị Vô Lượng Thọ Phật bất khả tư nghị công đức danh hiệu, Cực Lạc thế giới, tịnh Phật độ giả,	*được nghe danh hiệu công đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật Vô Lượng Thọ và cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc,*
nhất thiết giai ưng tín thọ phát nguyện,	*thì các người ấy phải nên tin nhận, phát nguyện, thọ trì,*
như thuyết tu hành,	*tu tập đúng như lời dạy,*
sanh bỉ Phật độ.	*sẽ được sanh về cõi Phật đó."*
Hựu Xá Lợi Tử, như ngã kim giả xưng dương tán thán Vô Lượng Thọ Phật, vô lượng vô biên bất khả tư nghị Phật độ công đức.	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, như Ta hôm nay xưng dương tán thán cõi Phật vô lượng vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật Vô Lượng Thọ,*
Như thị Đông phương,	*thì như vậy ở phương Đông,*
diệc hữu hiện tại Bất Động Như Lai, Sơn Tràng Như Lai, Đại Sơn Như Lai, Sơn Quang Như Lai, Diệu Tràng Như Lai,	*hiện cũng có Bất Động Như Lai, Sơn Tràng Như Lai, Đại Sơn Như Lai, Sơn Quang Như Lai, Diệu Tràng Như Lai,*
như thị đẳng Phật, như căng dà sa,	*hằng hà sa số các Đức Phật như thế,*
trụ tại Đông phương tự Phật tịnh độ,	*an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Đông,*
các các thị hiện quảng trường thiệt tướng,	*mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài,*
biến phú tam thiên đại thiên thế giới, châu táp vi nhiễu,	*bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới*

thuyết thành đế ngôn:	*mà nói lời chân thật:*
Nhữ đẳng hữu tình giai ưng tín thọ như thị xưng tán bất khả tư nghị Phật độ công đức, nhất thiết chư Phật nhiếp thọ pháp môn.	*"Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."*
Hựu Xá Lợi Tử, như thị Nam phương,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Nam,*
diệc hữu hiện tại Nhật Nguyệt Quang Như Lai, Danh Xưng Quang Như Lai, Đại Quang Uẩn Như Lai, Mê Lô Quang Như Lai, Vô Biên Tinh Tiến Như Lai,	*hiện cũng có Nhật Nguyệt Quang Như Lai, Danh Xưng Quang Như Lai, Đại Quang Uẩn Như Lai, Mê Lô Quang Như Lai, Vô Biên Tinh Tiến Như Lai,*
như thị đẳng Phật, như căng dà sa,	*hằng hà sa số các Đức Phật như thế,*
trụ tại Nam phương tự Phật tịnh độ,	*an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Nam,*
các các thị hiện quảng trường thiệt tướng,	*mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài,*
biến phú tam thiên đại thiên thế giới, châu táp vi nhiễu,	*bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới*
thuyết thành đế ngôn:	*mà nói lời chân thật:*
Nhữ đẳng hữu tình giai ưng tín thọ như thị xưng tán bất khả tư nghị Phật độ công đức, nhất thiết chư Phật nhiếp thọ pháp môn.	*"Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."*
Hựu Xá Lợi Tử, như thị Tây phương,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Tây,*
diệc hữu hiện tại Vô Lượng Thọ Như Lai, Vô Lượng Uẩn Như Lai, Vô Lượng Quang Như Lai, Vô Lượng Tràng Như Lai, Đại	*hiện cũng có Vô Lượng Thọ Như Lai, Vô Lượng Uẩn Như Lai, Vô Lượng Quang Như Lai, Vô Lượng Tràng Như Lai, Đại Tự*

Tự Tại Như Lai, Đại Quang Như Lai, Quang Diệm Như Lai, Đại Bảo Tràng Như Lai, Phóng Quang Như Lai,	*Tại Như Lai, Đại Quang Như Lai, Quang Diệm Như Lai, Đại Bảo Tràng Như Lai, Phóng Quang Như Lai,*
như thị đẳng Phật, như căng dà sa,	*hằng hà sa số các Đức Phật như thế,*
trụ tại Tây phương tự Phật tịnh độ,	*an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Tây,*
các các thị hiện quảng trường thiệt tướng,	*mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài,*
biến phú tam thiên đại thiên thế giới, châu táp vi nhiễu,	*bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới*
thuyết thành đế ngôn:	*mà nói lời chân thật:*
Nhữ đẳng hữu tình giai ưng tín thọ như thị xưng tán bất khả tư nghị Phật độ công đức, nhất thiết chư Phật nhiếp thọ pháp môn.	*"Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."*
Hựu Xá Lợi Tử, như thị Bắc phương,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Bắc,*
diệc hữu hiện tại Vô Lượng Quang Nghiêm Thông Đạt Giác Tuệ Như Lai, Vô Lượng Thiên Cổ Chấn Đại Diệu Âm Như Lai, Đại Uẩn Như Lai, Quang Võng Như Lai, Sa La Đế Vương Như Lai,	*hiện cũng có Vô Lượng Quang Nghiêm Thông Đạt Giác Tuệ Như Lai, Vô Lượng Thiên Cổ Chấn Đại Diệu Âm Như Lai, Đại Uẩn Như Lai, Quang Võng Như Lai, Sa La Đế Vương Như Lai,*
như thị đẳng Phật, như căng dà sa,	*hằng hà sa số các Đức Phật như thế,*
trú tại Bắc phương tự Phật tịnh độ,	*an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Bắc,*
các các thị hiện quảng trường thiệt tướng,	*mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài,*

biến phú tam thiên đại thiên thế giới, châu táp vi nhiễu,	*bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới*
thuyết thành đế ngôn:	*mà nói lời chân thật:*
Nhữ đẳng hữu tình giai ưng tín thọ như thị xưng tán bất khả tư nghị Phật độ công đức, nhất thiết chư Phật nhiếp thọ pháp môn.	*"Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."*
Hựu Xá Lợi Tử, như thị Hạ phương,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Dưới,*
diệc hữu hiện tại Thị Hiện Nhất Thiết Diệu Pháp Chánh Lý Thường Phóng Hỏa Vương Thắng Đức Quang Minh Như Lai, Sư Tử Như Lai, Danh Xưng Như Lai, Dự Quang Như Lai, Chánh Pháp Như Lai, Diệu Pháp Như Lai, Pháp Tràng Như Lai, Công Đức Hữu Như Lai, Công Đức Hiệu Như Lai,	*hiện cũng có Thị Hiện Nhất Thiết Diệu Pháp Chánh Lý Thường Phóng Hỏa Vương Thắng Đức Quang Minh Như Lai, Sư Tử Như Lai, Danh Xưng Như Lai, Dự Quang Như Lai, Chánh Pháp Như Lai, Diệu Pháp Như Lai, Pháp Tràng Như Lai, Công Đức Hữu Như Lai, Công Đức Hiệu Như Lai,*
như thị đẳng Phật, như căng dà sa,	*hằng hà sa số các Đức Phật như thế,*
trú tại Hạ phương tự Phật tịnh độ,	*an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Dưới,*
các các thị hiện quảng trường thiệt tướng,	*mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài,*
biến phú tam thiên đại thiên thế giới, châu táp vi nhiễu,	*bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới*
thuyết thành đế ngôn:	*mà nói lời chân thật:*

Nhữ đẳng hữu tình giai ưng tín thọ như thị xưng tán bất khả tư nghị Phật độ công đức, nhất thiết chư Phật nhiếp thọ pháp môn.	*"Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."*
Hựu Xá Lợi Tử, như thị Thượng phương,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Trên,*
diệc hữu hiện tại Phạm Âm Như Lai, Tú Vương Như Lai, Hương Quang Như Lai, Như Hồng Liên Hoa Thắng Đức Như Lai, Thị Hiện Nhất Thiết Nghĩa Lợi Như Lai,	*hiện cũng có Phạm Âm Như Lai, Tú Vương Như Lai, Hương Quang Như Lai, Như Hồng Liên Hoa Thắng Đức Như Lai, Thị Hiện Nhất Thiết Nghĩa Lợi Như Lai,*
như thị đẳng Phật, như căng dà sa,	*hằng hà sa số các Đức Phật như thế,*
trú tại Thượng phương tự Phật tịnh độ,	*an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Trên,*
các các thị hiện quảng trường thiệt tướng,	*mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài,*
biến phú tam thiên đại thiên thế giới, châu táp vi nhiễu,	*bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới*
thuyết thành đế ngôn:	*mà nói lời chân thật:*
Nhữ đẳng hữu tình giai ưng tín thọ như thị xưng tán bất khả tư nghị Phật độ công đức, nhất thiết chư Phật nhiếp thọ pháp môn.	*"Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."*
Hựu Xá Lợi Tử, như thị Đông Nam phương,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Đông Nam,*
diệc hữu hiện tại Tối Thượng Quảng Đại Vân Lôi Âm Vương Như Lai,	*hiện cũng có Tối Thượng Quảng Đại Vân Lôi Âm Vương Như Lai,*

như thị đẳng Phật, như căng dà sa,	*hằng hà sa số các Đức Phật như thế,*
trú Đông Nam phương tự Phật tịnh độ,	*an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Đông Nam,*
các các thị hiện quảng trường thiệt tướng,	*mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài,*
biến phú tam thiên đại thiên thế giới, châu táp vi nhiễu,	*bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới*
thuyết thành đế ngôn:	*mà nói lời chân thật:*
Nhữ đẳng hữu tình giai ưng tín thọ như thị xưng tán bất khả tư nghị Phật độ công đức, nhất thiết chư Phật nhiếp thọ pháp môn.	*"Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."*
Hựu Xá Lợi Tử, như thị Tây Nam phương,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Tây Nam,*
diệc hữu hiện tại Tối Thượng Nhật Quang Danh Xưng Công Đức Như Lai,	*hiện cũng có Tối Thượng Nhật Quang Danh Xưng Công Đức Như Lai,*
như thị đẳng Phật, như căng dà sa,	*hằng hà sa số các Đức Phật như thế,*
trú Tây Nam phương tự Phật tịnh độ,	*an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Tây Nam,*
các các thị hiện quảng trường thiệt tướng,	*mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài,*
biến phú tam thiên đại thiên thế giới, châu táp vi nhiễu,	*bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới*
thuyết thành đế ngôn:	*mà nói lời chân thật:*
Nhữ đẳng hữu tình giai ưng tín thọ như thị xưng tán bất khả tư nghị Phật độ công đức, nhất thiết chư Phật nhiếp thọ pháp môn.	*"Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."*

Hựu Xá Lợi Tử, như thị Tây Bắc phương,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Tây Bắc,*
diệc hữu hiện tại Vô Lượng Công Đức Hỏa Vương Quang Minh Như Lai,	*hiện cũng có Vô Lượng Công Đức Hỏa Vương Quang Minh Như Lai,*
như thị đẳng Phật, như căng dà sa,	*hằng hà sa số các Đức Phật như thế,*
trú Tây Bắc phương tự Phật tịnh độ,	*an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Tây Bắc,*
các các thị hiện quảng trường thiệt tướng,	*mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài,*
biến phú tam thiên đại thiên thế giới, châu táp vi nhiễu,	*bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới*
thuyết thành đế ngôn:	*mà nói lời chân thật:*
Nhữ đẳng hữu tình giai ưng tín thọ như thị xưng tán bất khả tư nghị Phật độ công đức, nhất thiết chư Phật nhiếp thọ pháp môn.	*"Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."*
Hựu Xá Lợi Tử, như thị Đông Bắc phương,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, như vậy ở phương Đông Bắc,*
diệc hữu hiện tại vô số bách thiên câu chi Quảng Tuệ Như Lai,	*hiện cũng có trăm ngàn ức vô số Quảng Tuệ Như Lai,*
như thị đẳng Phật, như căng dà sa,	*hằng hà sa số các Đức Phật như thế,*
trú Đông Bắc phương tự Phật tịnh độ,	*an trú nơi cõi Phật của mình ở phương Đông Bắc,*
các các thị hiện quảng trường thiệt tướng,	*mỗi Đức Phật ấy thị hiện tướng lưỡi rộng dài,*
biến phú tam thiên đại thiên thế giới, châu táp vi nhiễu,	*bao trùm khắp cả ba ngàn cõi đại thiên thế giới*
thuyết thành đế ngôn:	*mà nói lời chân thật:*

Nhữ đẳng hữu tình giai ưng tín thọ như thị xưng tán bất khả tư nghị Phật độ công đức, nhất thiết chư Phật nhiếp thọ pháp môn.	*"Các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ."*
Hựu Xá Lợi Tử, hà duyên thử kinh danh vi: Xưng tán bất khả tư nghị Phật độ công đức nhất thiết chư Phật nhiếp thọ pháp môn.	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, vì nhân duyên gì mà kinh nầy có tên là "Pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ"?*
Xá Lợi Tử, do thử kinh trung, xưng dương tán thán Vô Lượng Thọ Phật Cực Lạc thế giới bất khả tư nghị Phật độ công đức,	*Xá Lợi Tử, vì trong kinh nầy đã xưng dương tán thán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ,*
cập thập phương diện chư Phật Thế Tôn, vị dục phương tiện lợi ích an lạc chư hữu tình cố,	*cho đến mười phương chư Phật Thế Tôn, vì muốn dùng phương tiện cho các hữu tình được lợi ích an lạc,*
các trụ bổn độ, hiện đại thần biến, thuyết thành đế ngôn,	*nên an trú nơi cõi nước của mình, thị hiện đại thần thông biến hóa, nói lời chân thật,*
khuyến chư hữu tình tín thọ thử pháp,	*khuyến khích các hữu tình phải nên tin nhận thọ trì pháp môn nầy.*
thị cố thử kinh danh vi: Xưng tán bất khả tư nghị Phật độ công đức nhất thiết nhiếp thọ pháp môn.	*Cho nên kinh nầy có tên là "Pháp môn xưng tán công đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật nhiếp thọ".*
Hựu Xá Lợi Tử, nhược thiện nam tử, hoặc thiện nữ nhân,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, nếu có người con trai lành, hoặc người con gái lành,*

hoặc dĩ đắc văn, hoặc đương đắc văn, hoặc kim đắc văn.	*hoặc đã được nghe, hoặc sẽ được nghe, hoặc đang được nghe.*
Văn thị kinh dĩ thâm sanh tín giải,	*Nghe kinh nầy rồi thì sanh lòng tin hiểu sâu xa.*
Sanh tín giải dĩ tất vi như thị trú thập phương diện thập căng dà sa Thế Tôn chi sở nhiếp thọ,	*Sanh lòng tin hiểu rồi thì chắc chắn sẽ được hằng hà sa số chư Phật Thế Tôn ở khắp mười phương nhiếp thọ.*
như thuyết hành giả,	*Các hữu tình hãy tu tập đúng như lời dạy,*
nhất thiết định ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đắc Bất Thoái Chuyển,	*quyết chắc sẽ đạt được quả vị Bất Thoái Chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,*
nhất thiết định sanh Vô Lượng Thọ Phật Cực Lạc thế giới thanh tịnh Phật độ.	*quyết chắc sẽ được sanh về cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ.*
Thị cố Xá Lợi Tử, nhữ đẳng hữu tình, nhất thiết giai ưng tín thọ lĩnh giải ngã cập thập phương Phật Thế Tôn ngữ,	*Cho nên, Xá Lợi Tử, tất cả các hữu tình phải nên tin nhận, thọ trì, lý giải lời nói của Như Lai và của các Đức Phật Thế Tôn mười phương,*
đương cần tinh tiến như thuyết tu hành, vật sanh nghi lự.	*phải nên chuyên cần tinh tấn, tu tập đúng như lời dạy, chớ sanh lòng hoài nghi, lo ngại.*
Hựu Xá Lợi Tử, nhược thiện nam tử, hoặc thiện nữ nhân,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, nếu có người con trai lành, hoặc người con gái lành,*
ư Vô Lượng Thọ Cực Lạc thế giới thanh tịnh Phật độ, công đức trang nghiêm,	*đối với công đức trang nghiêm nơi cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ,*

nhược dĩ phát nguyện, nhược đương phát nguyện, nhược kim phát nguyện,	*hoặc đã phát nguyện, hoặc sẽ phát nguyện, hoặc đang phát nguyện,*
tất vi như thị trú thập phương diện thập căng dà sa Thế Tôn chi sở nhiếp thọ,	*chắc chắn sẽ được hằng hà sa số chư Phật Thế Tôn ở khắp mười phương nhiếp thọ,*
như thuyết hành giả,	*Các hữu tình hãy tu tập đúng như lời dạy,*
nhất thiết định ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đắc Bất Thoái Chuyển,	*quyết chắc sẽ đạt được quả vị Bất Thoái Chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,*
nhất thiết định sanh Vô Lượng Thọ Phật Cực Lạc thế giới thanh tịnh Phật độ.	*quyết chắc sẽ được sanh về cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ.*
Thị cố Xá Lợi Tử, nhược hữu tịnh tín chư thiện nam tử, hoặc thiện nữ nhân,	*Cho nên, Xá Lợi Tử, nếu có người con trai lành, hoặc người con gái lành, có lòng tin thanh tịnh,*
nhất thiết giai ưng ư Vô Lượng Thọ Cực Lạc thế giới thanh tịnh Phật độ, thâm tâm tín giải,	*đối với cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ đã có sự tin hiểu sâu xa trong lòng,*
phát nguyện vãng sanh, vật hành phóng dật.	*thì tất cả phải nên phát nguyện sanh về cõi nước đó, chớ nên buông lung.*
Hựu Xá Lợi Tử, như ngã kim giả	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, như Ta hôm nay*
xưng dương tán thán Vô Lượng Thọ Phật Cực Lạc thế giới bất khả tư nghị Phật độ công đức,	*xưng dương tán thán công đức chẳng thể nghĩ bàn của cõi Phật ở thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ,*

bỉ thập phương diện Thế Tôn,	*thì chư Phật Thế Tôn ở khắp mười phương*
diệc xưng tán ngã bất khả tư nghị vô biên công đức,	*cũng xưng tán công đức vô biên chẳng thể nghĩ bàn của Ta*
giai tác thị ngôn, thậm kỳ hy hữu,	*mà nói lời như vầy: "Rất lạ kỳ hiếm có,*
Thích Ca Tịch Tĩnh, Thích Ca Pháp Vương, Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn,	*Thích Ca Tịch Tĩnh, Thích Ca Pháp Vương, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn,*
nãi năng ư thị Kham Nhẫn thế giới,	*có thể ở trong thế giới Kham Nhẫn nầy,*
ngũ trược ác thời, sở vị kiếp trược, chư hữu tình trược, chư phiền não trược, kiến trược, mạng trược,	*thời ngũ trược ác thế, đó là kiếp trược, chư hữu tình trược, chư phiền não trược, kiến trược, mạng trược,*
ư trung chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề,	*ở trong cõi ấy, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,*
vị dục phương tiện lợi ích an lạc chư hữu tình cố,	*vì muốn dùng phương tiện cho các hữu tình được lợi ích an lạc,*
thuyết thị thế gian cực nan tín pháp.	*nên thuyết giảng pháp môn mà thế gian rất khó tin."*
Thị cố Xá Lợi Tử, đương tri ngã kim ư thử tạp nhiễm Kham Nhẫn thế giới ngũ trược ác thời,	*Cho nên, Xá Lợi Tử, các vị nên biết Ta hôm nay ở trong thời ngũ trược ác thế của thế giới Kham Nhẫn tạp nhiễm nầy,*
chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề,	*chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,*

vị dục phương tiện lợi ích an lạc chư hữu tình cố,	*vì muốn dùng phương tiện cho các hữu tình được lợi ích an lạc,*
thuyết thị thế gian cực nan tín pháp,	*nên thuyết giảng pháp môn mà thế gian rất khó tin.*
thậm vi hy hữu bất khả tư nghị.	*Thì đó là việc hiếm có, chẳng thể nghĩ bàn.*
Hựu Xá Lợi Tử, ư thử tạp nhiễm Kham Nhẫn thế giới ngũ trược ác thời,	*Lại nữa, Xá Lợi Tử, trong thời ngũ trược ác thế của thế giới Kham Nhẫn tạp nhiễm nầy,*
nhược hữu tịnh tín chư thiện nam tử, hoặc thiện nữ nhân,	*nếu có người con trai lành, hoặc người con gái lành, có lòng tin thanh tịnh,*
văn thuyết như thị, nhất thiết thế gian cực nan tín pháp,	*nghe nói về pháp môn mà tất cả thế gian rất khó tin,*
năng sanh tín giải, thọ trì diễn thuyết,	*rồi sanh lòng tin hiểu, thọ trì, diễn giảng,*
như giáo tu hành.	*tu tập đúng như lời dạy,*
đương tri thị nhân, thậm vi hy hữu,	*thì phải biết người ấy thật là hiếm có,*
vô lượng Phật sở tằng chủng thiện căn.	*đã từng gieo trồng căn lành với vô lượng các Đức Phật.*
Thị nhân mạng chung, định sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới,	*Người ấy, lúc lâm chung, nhất định sẽ được sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc,*
thọ dụng chủng chủng công đức trang nghiêm thanh tịnh Phật độ, đại thừa pháp lạc.	*thọ dụng đầy đủ công đức trang nghiêm nơi cõi Phật thanh tịnh, vui hưởng pháp đại thừa.*
Nhật dạ lục thời,	*Ngày đêm 6 thời,*
thân cận cúng dường Vô Lượng Thọ Phật,	*được gần gũi cúng dường Phật Vô Lượng Thọ,*
du lịch thập phương cúng dường chư Phật,	*đi khắp mười phương để cúng dường các chư Phật,*

ư sở văn pháp thọ ký,	*được nghe pháp, được Phật thọ ký.*
phước tuệ tư lương tất đắc viên mãn,	*Lấy phước đức trí tuệ làm hành trang, sớm được viên mãn,*
tốc chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề.	*mau chóng chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề.*
Thời Bạc Già Phạm thuyết thị kinh dĩ,	*Khi Đức Bạc Già Phạm nói kinh nầy xong,*
Tôn giả Xá Lợi Tử đẳng chư đại Thanh Văn cập chư Bồ Tát Ma Ha Tát chúng,	*Tôn giả Xá Lợi Tử, các vị đại Thanh Văn, cùng chúng đại Bồ Tát,*
vô lượng Thiên, Nhân, A Tố Lạc đẳng, nhất thiết đại chúng,	*vô lượng chư Thiên, Người, A Tố Lạc, tất cả đại chúng,*
văn Phật sở thuyết,	*nghe lời Phật dạy,*
giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành.	*hết sức vui mừng, tin nhận và phụng hành.*

Phần 7

Phát Nguyện Hồi Hướng

Hồi Hướng Tam Bảo

Nguyện đem công đức nầy
Trang nghiêm Phật Tịnh Độ
Trên báo bốn trọng ân
Dưới cứu ba đường khổ
Nếu có kẻ thấy nghe
Tất phát Bồ Đề Tâm
Đến khi mạng nầy hết
Đồng sanh Cực Lạc Quốc

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam Mô A Di Đà Phật

Quy Mạng Lễ

Con xin quy ngưỡng, hướng về Tam Bảo:
Niệm Phật
Niệm Pháp
Niệm Tăng

Trên từng bước ta bà
Lấy câu A Di Đà làm lý nghĩa sống
Học hiểu Tứ Diệu Đế
Tu tập Bát Chánh Đạo
Niềm tin Cực Lạc, hành trang con đem vào đời

Con xin sám hối, cúi lạy giữa đất trời
Nguyện sống yêu thương
Bố thí, Trì giới, Thứ tha, Khiêm cung, Nhẫn nhục

Con xin chắp tay quy mạng
Buông xuống vạn duyên
Cẩn thiết hành trì
Đêm ngày hệ niệm
Phật hiệu A Di Đà

Con xin chí tâm quy lễ

Phát nguyện sanh về

Cõi sáng liên hoa

Tây Phương Tịnh Độ

Cực Lạc quê nhà

Nam Mô Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật

Nam Mô Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật

Nam Mô Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật

□□□□

TỊNH TÍN

Một số tài liệu cần nghiên cứu thêm để giúp tăng trưởng tín tâm và duy trì hệ niệm vững chắc cho người Cư sĩ.

- Bước Đầu Học Phật (HT Thanh Từ)
- Cẩm Nang Tu Đạo (HT Quảng Khâm)
- Niệm Phật Chỉ Nam (CS Mao Dịch Viên)
- Tuyết Lư Lão Nhân Tịnh Độ Tuyển Tập (CS Lý Bỉnh Nam)
- Lá Thư Tịnh Độ (HT Thiền Tâm)
- Kinh A Di Đà Yếu Giải (ĐS Ngẫu Ích)
- Kinh Niệm Phật Ba La Mật (HT Thiền Tâm)
- Kinh Niệm Phật Ba La Mật Giảng Giải (TT Phước Thái)
- Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục (ĐS Ấn Quang)
- Hòa Thượng Hải Hiền (CS Diệu Âm)
- Phật Học Vấn Đáp (CS Lý Bỉnh Nam)
- Liên Trì Cảnh Sách (ĐS Liên Trì)
- Tịnh Độ Vựng Ngữ (ĐS Châu Hoằng)
- Tịnh Độ Cảnh Ngữ (ĐS Hành Sách)
- Mộng Du Tập (ĐS Hám Sơn)
- Niệm Phật Kính (ĐS Thiện Đạo)
- Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao (ĐS Ấn Quang)

- A Di Đà Kinh Sớ Sao (ĐS Liên Trì)
- A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa (PS Tịnh Không)
- Kinh Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác (CS Hạ Liên Cư)
- Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh Giảng Giải (PS Tịnh Không)
- Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ (CS Hoàng Niệm Tổ)
- Huyền Trang Đại Đường Tây Vực Ký (HT Như Điển)
- Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Kinh A Di Đà (HT Trí Tịnh)

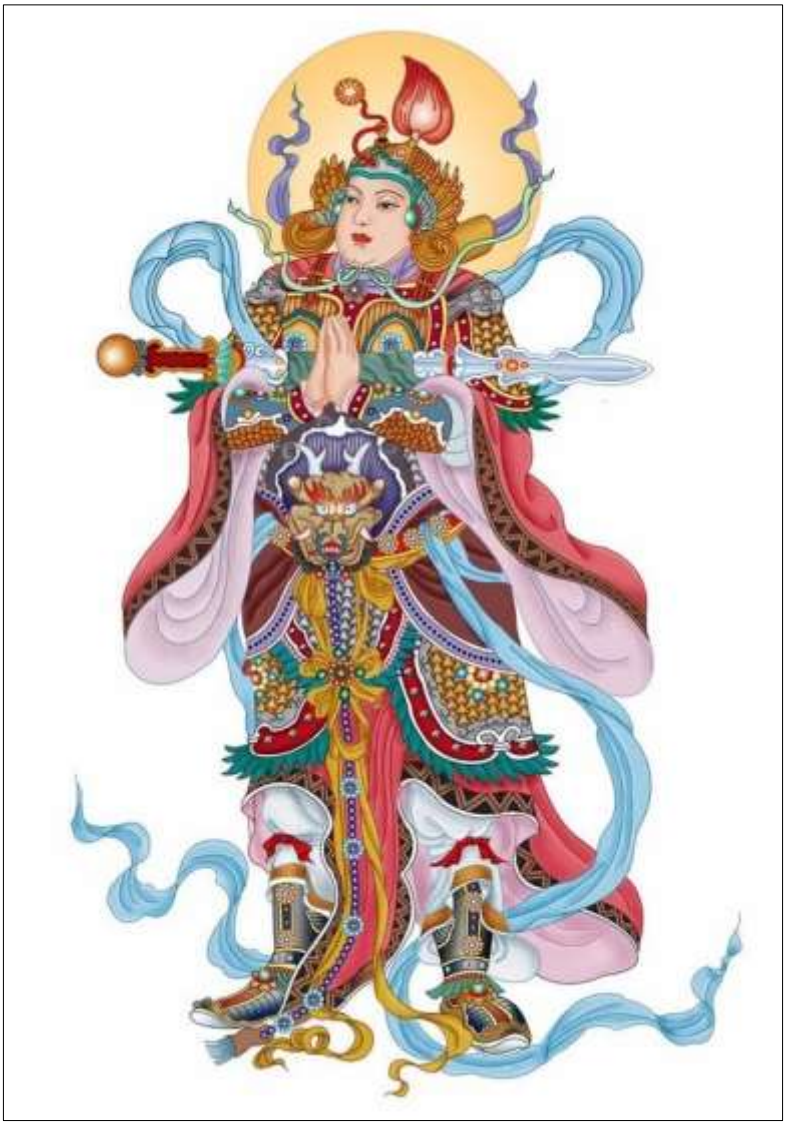

Đức Hộ Pháp Vi Đà Bồ Tát

Ngài Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang

(tháp Đại Nhạn, thành phố Tây An, Thiểm Tây)